

THƯ QUÁN BẢN THẢO

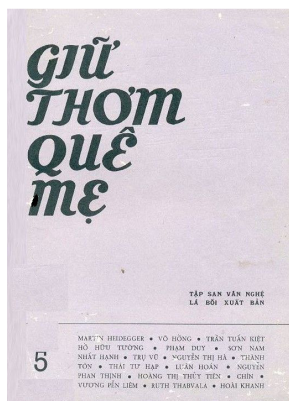
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

SỐ 78 THÁNG 2-2018

Chủ đề Tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ
(1965-1966)

NGUYỄN VY KHANH VIÊN LINH
TRẦN HOÀI THU' HUỲNH NHƯ' PHƯƠNG

NHẤT HẠNH HỒ HỮU TƯỜNG SƠN NAM TAM ÍCH
BÙI GIẢNG VŨ DÌNH LƯU DƯƠNG NGHIỆM MẬU
NGUYỄN ĐỨC SƠN VĂN LỆ THIÊN VÕ HỒNG
ALEXANDER SOLZHENITSYN NGUYỄN HIẾN LÊ
VƯƠNG HỒNG SẼN...



PHẦN SÁNG TÁC VÀ CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN:

TRẦN HOÀI THU' CAM LI NGUYỄN THỊ MỸ THANH
LÊ VĂN TRUNG PHẠM VĂN NHÂN NGUYỄN ÂU HỒNG
NGUYỄN LƯƠNG NGỌC BÚT THẾ VŨ LÊ VĂN THIỆN

SÁCH MỚI DO THƯ AN QUÁN XUẤT BẢN
Tháng 1-2018

Đầu năm hùng dũng ra quân
Với hai tác phẩm văn chương trình làng
Xin gửi bằng hữu xa gần
Quà đầu xuân với tấm lòng ngộ tri



(Sách chỉ được tặng theo yêu cầu . Không bán)

Địa chỉ :

tranhoaithu16@gmail.com

Trần hoài Thu
719 Coolidge street
Plainfield, NJ 07062
(908)9308743 (CELL)

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 78 THÁNG 2 NĂM 2018
Chủ đề: Tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và viết

Thế Vũ (4), Trần Hoài Thư (6, 9), Lê văn Thiện (7),
Phạm văn Nhân (22) Nguyễn Âu Hồng (29), Nguyễn
Lương (31), Trần thị Nguyệt Mai (38)

Phản chủ đề :

- Trần Hoài Thư : Giới thiệu tạp chí GTQM / 39
- Viên Linh : GTQM của Nhất Hạnh /52
- Nguyễn Vy Khanh : GTQM và văn học Phật giáo / 57
- Huỳnh Như Phương : Đọc lại GTQM / 70

Văn thơ GTQM :

- Nhất Hạnh : Bến Tre (ký sự) /77
- Võ Hồng : Khoảng mát (truyện) / 87
- Bùi Giáng : Rừng từ ngẫu nhĩ (nhận định) /96
- Hồ Hữu Tường : Tứ Quảng Ninh, ngang Tagore, đến... / 106
- Tam Ích : Trong văn nghệ có vấn đề « giải quyết ».../114
- Vũ Đình Lưu : Con người và thiên nhiên /125
- Dương Nghiễm Mậu : Mỗi người (truyện) / 134
- Nguyễn Đức Sơn : Xin dừng lại nơi đây (truyện) / 144
- Văn Lệ Thiên : Lý do (truyện) / 153
- Alexander Solzhenitsyn (Bình Thuận dịch): Đoàn văn /170
- Nguyễn Hiến Lê : Bút pháp và cá tính nhà văn / 171
- Vương Hồng Sển : Con ngựa già của thầy Tam Tạng / 177

- Sơn Nam : Ngày hội tháng giêng ở Saigon / 186
- Thơ : Thi Vũ / 193, Kim Tuấn / 194 / Thùy Dương Tử / 196, Trần Tuấn Kiệt / 196, Hà Nguyên Thạch / 197, Nhất Hạnh /198, Hoài Khanh / 199, Nguyễn Phan Thịnh /200, Thành Tôn /200, Đinh Cường / 201, Thái Tú Hạp / 201, Viên Linh / 203, Trữ Vũ / 204, Đynh Trâm Ca /207

Phần thường xuyên :

- Phạm văn Nhân : Hoài niệm (truyện) / 209
- Nguyễn Âu Hồng : Ngát khúc gần cuối (truyện cực ngắn) / 214
- Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh : Tri ân (truyện) / 225
- Thơ : Ngọc Bút / 232. Nguyễn văn Ngọc / 233
- Nguyễn Khắc Ngũ : Tiếng ca miền biển (suu tầm) / 235
- Giới thiệu sách : /256
- Lê văn Trung (thơ trích) / 259
- Giữa tòa soạn và thân hữu:/ 262

Trình bày bìa: THT

In tại cơ sở Thư Án Quán

Liên lạc

Trần Hoài Thư

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: tranhoaithu16@gmail.com

Cell: (908)930-8743

THƯ TÒA SOẠN

Chủ đề của số này là giới thiệu tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ. Dù tạp chí chỉ phát hành 12 số, nhưng tiếng vang của nó không phải là không nhỏ. Khác với các tạp chí văn học nghệ thuật khác, nó là tạp chí phát huy văn chương Phật Giáo, cổ xúy tư tưởng Phật giáo trong cách hóa giải văn nạn của cuộc chiến tương tàn nổi da xáo thịt, và hô hào một sự trở lại cội nguồn của dân tộc.

Mục đích của chúng tôi khi thực hiện số chủ đề này không ngoài mục đích là muốn chứng tỏ nền văn học miền Nam là tự do, phong phú và đa dạng. Mặt khác có một số bài vở giá trị nếu không vức dậy, và in trên trang sách, thì quá uổng. Điều này được thể hiện qua một số bài chúng tôi tuyên chọn qua 12 số và đánh máy lại, để góp mặt trong số này.

Thư Quán Bản Thảo số 78 này mang theo lời chúc Tết của anh em chúng tôi. Kính chúc quý bạn thân hữu, quý bạn đọc và gia đình một năm Mậu Tuất mọi điều như ý, sức khỏe dồi dào.

Trân trọng

Tạp chí TQBT

SÔNG VÀ VIẾT

GIAO THỪA

LTS: Một người con gái Saigon ra thăm anh ở tiền đồn. Một trung đội nằm ngoài vòng đai thị trấn để bảo vệ an ninh cho người dân vui Tết. Một tiểu đoàn hành quân cứu một đơn vị Mỹ, bị kẹt trên núi cả tuần, thiếu hụt lương thực, không được bốc về hậu cứ để hưởng Tết như dự định vì lý do thời tiết đến nỗi một người lính phải đổi cái bi đồng chiến lợi phẩm với lính Mỹ để lấy lương khô chận đói nhưng lại bị lừa, rồi lại bị vu khống...

Ba đoạn văn này được trích từ 3 truyện thời chiến của Thế Vũ, Trần Hoài Thư và Lê văn Thiện.

Chúng tôi đang ở những trang đầu tiên của tạp chí này như nói lên tâm lòng của chúng tôi về những người “sống hăm hiu mà chết cũng âm thầm”. Họ sống và hy sinh như thế. Bóng họ có phai hay không, chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi biết rằng nó không phai trên những trang giấy này(TQBT)

Trong lúc chờ đợi, tôi nói với Nhã sắp đến giao thừa rồi đó, Nhã hỏi tôi các anh sẽ làm gì. Tôi cười, nói sẽ không làm gì lúc đó hết. Tôi hỏi thế Nhã nghĩ chúng tôi sẽ có một buổi tối nhộn nhịp và hạnh phúc lắm sao. Im lặng một lúc, tôi cho Nhã biết thêm rằng ngoài xóm làng không ai có quyền đốt pháo, họ đã đi ngủ đầu từ hồi tám giờ tối. Sự im lặng ở ngoài đó thật dễ sợ đối với nàng, tôi nghĩ như thế. Nhã có vẻ ngạc nhiên, nàng đã ngạc nhiên không biết bao nhiêu lần từ buổi chiều mới đến đây và tôi biết nàng còn ngạc nhiên nhiều nữa. Đồng không trở lại như tôi mong đợi,

Nhã ngồi thờ dài, có vẻ mệt nhọc. Tôi tiếp tục nói chuyện



tranh Đinh Trường Chinh

và lơ đãng chờ đợi. Lâu sau, tôi nghe tiếng súng cối bắn đi, tôi rủ Nhã ra cửa hầm đứng nhìn ra ngoài trời tối. Những quả đạn được bắn đi liên tiếp, tôi nói với Nhã cho nàng yên lòng là họ bắn hỏa châu. Đồn quân được soi sáng rực, những trái sáng trôi chênh vênh trên cao. Nhã đứng gần bên tôi, những sợi tóc bay trong gió lộng quất khẽ vào mặt tôi, mùi hương tóc chọt làm tôi ngáy ngất. Dáng Đồng đứng ở xa, bên cạnh những người khác. Những trái sáng tắt dần, đồn quân nhập nhà dưới một thứ ánh sáng vàng bệch, bấp bênh, rồi tắt ngấm. Rải rác trong sân đồn có những ánh đèn yếu ớt, một vài người di chuyển qua những giao thông hào. Một trái sáng được đốt bùng lên trên mặt đất. Bọn lính tụ lại đó đông hơn, những trái sáng được đốt liên tiếp nhau, và cả bọn do Đồng dẫn đầu, bắt đầu nhẩy múa, vỗ tay ca hát. Ở một góc trời xa, tôi còn nhìn thấy những trái sáng treo trên cao trong trời đen thẫm, và ở nhiều phía khác, hỏa châu cũng được thả lên trên

vòm trời các đờn quân bạn. Cuộc vui của bọn Đờn ở đây và cuộc vui của họ ở những nơi đó, tôi nói với Nhã, là giao thừa của chúng tôi đó, chỉ có thế, lúc nào những trái sáng kia tắt đi, niềm vui cũng chấm dứt. Nhã tiếp tục đứng nhìn, không nói gì nữa.

(Trích từ *Người bạn truyện* của Thế Vũ. Trình Bày số 17 năm 1970)

T.... iếng máy truyền tin kêu lên một âm điệu bất tận. Ông trung đội phó vẫn ngồi yên đốt thuốc. Bỗng nhiên chàng ước kêu cả trung đội về ngồi trên sân gạch này, để cùng chuyện nhau cốc rượu. Để nói với nhau những lời chúc tụng. Để nhắc lại nhau những người ở lại và những kẻ đã ra đi. Đêm hưu chiến mà. Đêm giao thừa mà. Đêm linh thiêng mà. Phải siết chặt tay từng thẳng, mừng thêm một năm thoát chết, thoát đập mìn, thoát bị bắn tĩa, thoát bị phục kích, thoát bị pháo kích, thoát biển người, thoát chốt, thoát xe... Nhưng chàng không dám. Làm sao chàng có thể biết được trong bóng tối này, đàn chuột đang làm gì?

Tiếng của người lính mang gạo nói thầm bên tai Hạo: “Giao thừa rồi, Thiếu úy!”. Chàng ngồi bật dậy hỏi lại: “Giao thừa rồi sao?” Tròn đáp khế: “Dạ.” Chàng bỗng dưng xúc động quá chừng. Thời gian như ngừng lại. Trong cõi đêm, tứ phía đạn bắn lên, trái sáng cũng được thụt lên. Rõ ràng, niềm vui mừng đã lấn áp cả lệnh lạc. Rõ ràng, hạnh phúc quá đỗi, chỉ có một đêm, chẳng cần biết đêm ở địa ngục hay trên thiên đàng. Tự nhiên chàng chụp lấy trái sáng xanh và thụt lên trời đêm. Ánh sáng xanh lóe lên, sáng lóa cả một vùng. Sau đó, chàng thụt trái sáng tím. Và vàng. Chàng la lên cuồng nhiệt:

- Anh em ơi, giao thừa rồi! Ngồi dậy chúc mừng nhau đi, anh em ơi!

Chàng lại ngửa mặt để hứng cả màu ánh sáng tím đang

chối lòa cả vùng:

Tường Vi ơi, màu áo của em, anh đang hứng cả màu áo của em đây.

Đám lính từ bốn phía tóa ra, nhảy nhót tung bùng.

(trích từ truyện *Đỉnh Xuân Buồn* của Trần Hoài Thu, tạp chí Bách Khoa – không rõ số phát hành)

Dù mệt, buồn, và lo lắng, Giám vẫn nghe sự sung sướng len nhẹ trong da, chạy tỏa đi khắp người. Giám nghĩ đến những ngày vui sắp đến, đường phố rục rờ, người chen bước ngược xuôi, ngựa xe. Những khối tiếng động ấy như lên, vang vang đầu đây, lẫn trong tiếng gió qua rừng cây. Những hình ảnh đẹp trên như lớn vờn muốn hiện ra trước mắt. Những chợ hoa, một bầu trời trong sáng, những bóng hồng lướt qua nhẹ thênh... Hãy tin rồi thế nào mình cũng được hưởng các giây phút đó. Nếu không may mắn thì ta đã bị đẩy vào nằm chung danh sách với đám bạn ngã ngựa hôm trước rồi. Lẽ nào nay còn vướng phải rủi ro. Cứ tin chẳng còn điểm đen xấu nào quanh đây cả. Chốc lát nữa, hay trưa, hay chiều, trực thăng đến là xong, tất cả đều tốt đẹp.

Hộ nói :

- Tôi đang thấy một mâm hiện ra, đây này : nhiều đĩa thịt cá, bánh mứt, đầy ngộn, ngon lành, đây này... nhắm mắt là thấy ngay, có cả khói bốc lên từ các miếng thịt nữa, rõ quá... nhà nào cũng có ít ra là một mâm như thế . Tưởng xa thêm chút nữa sẽ thấy...

- Thôi đi, đừng làm tôi nổi điên.

Cận từ hướng bộ chỉ huy chạy về, đến ngòi phịch xuống nắp hầm, thờ dốc :

- Mệt muốn chết.

- Sao vậy ?

Anh mang máy và Hộ hỏi. Cận nhắm mắt, ngược mặt lên

trời thở một hồi lâu.,

- Chạm chân chút xíu là tao bị tóm rồi. Tao đánh liều sang bọn Mỹ kiểm, không ngờ gặp thứ chó lát... Cha bọn mọi đồ đều cằng ...

- Sao chửi mạnh vậy ?

- Chúng nó chịu đổi hai hộp thịt và hai gói cơm lấy cái biđông Việt cộng của tao. Nhưng khi lấy cái bi đông rồi nó chỉ đưa tao một gói cơm. Tao vừa đứng nói mấy tiếng, nói nhỏ, phân trần, chúng nó đã la ó lên, trở mặt, định vu tao ăn cắp... khiến tao chạy muốn sút quần bà nó... Cũng còn may, đại úy ông thấy được thì bỏ cha rồi.

- Gói cơm đâu ?

- Va vào gai, rách bao đồ tùm lum, quảng mẹ luôn rồi. .

- Phí công.

- Phí công thật

Cận ngồi thẳng dậy, lấy khăn chấm máu nơi mấy đường xước trên má, gai.Mặt hấn hĩa còn tái:

- Té một cái tửởng queo xương lưng... Vậy mà , bọn chúng ở sau còn chõ theo cười.

Giám nằm co lại, cho hai bàn tay kẹp vào giữa hai đùi. Anh truyền tin và Hộ cười khúc khích. Giám không cười nổi. Bỗng dưng Giám nghe trong người rã rời, tay chân mỏi, và có cái gì nghèn nghẹn ở cổ.

(Lê văn Thiện – Nước mắt ghen ở cổ. Trình Bày số 16 năm 1970)

Trần Hoài Thư

I. Đường nào tới Charlotte ?

I

Bà lão Mỹ đen ngồi trên xe lăn, đón tôi giữa hành lang rồi hỏi: Ông làm ơn chỉ dùm đường nào đến Charlotte N. Carolina ?

Tôi túm ngay anh chàng Mỹ - công nhân bảo trì - rồi bán cái. Anh ta chỉ về phía cuối hành lang rồi nói: Bà đi lối này, rồi rẽ phải rồi gặp xa lộ 95...

Bà lão nói cảm ơn rồi rít rồi quay bánh xe lăn trên hành lang.

Đó là một trong những chuyện xa xót mà tôi đã gặp trong viện dưỡng lão này. Từ những người mà tâm trí, hay trí thức không còn hiện hữu với họ nữa. Con người thật của họ đã chết. Và họ chỉ còn là thể xác không hơn không kém.

Đó là những người mang chứng hay có dấu hiệu của triệu chứng Alzheimer's.

Đa số người bị bệnh này một số ngồi xe lăn vì già cả, hay một số vẫn còn đi đứng được. Ngày ngày họ thu rúc ở một xó xinh nào đó, có thể là hành lang, hay phòng khách, hay đi lang thang. Có người cúi đầu lầm lũi đi. Có người vừa đi vừa múa may chửi rủa. Không bao giờ thấy họ nở nụ cười. Họ thường vào phòng tắm. Người ta để phòng họ đến gần cửa lớn sợ họ ra ngoài viện. Cổ chân họ đeo vòng điện tử để khi họ có vấn đề thì báo động cho nhân viên biết.

Thường thường đến giờ ăn mới thấy họ đầy đủ. Họ được những người phụ trợ tá (aid nurse) kê dặt vào nhà ăn, xếp ghế cho họ ngồi rồi đút thức ăn cho họ.

Xin đừng cười họ khi họ ngồi trên xe lăn ở New Jersey

mà hỏi đường đến Charlotte ở mãi tận N. Carolina. Hãy xót thương họ. Hãy trái lòng từ bi xuống họ. Và hãy cất lên lời ngợi ca vì Định mệnh đã cho người này được may mắn, kẻ kia không may mắn. Hãy tung hô trí tuệ. Hãy chấp tay mà vái tạ vì ta đang có trí khôn...

2.

Hầu như những người bị bệnh hỗn loạn thần kinh hay Alzheimer's rất hiếm thấy thân nhân đến thăm nuôi. Đến để làm gì, khi mình bất lực không làm được gì cho người bệnh. Khi cái muỗng thức ăn không thể đút vào cửa miệng vì người bệnh không chịu mở miệng ra. Khi những thương yêu dành cho người bệnh càng làm thân nhân rơi nước mắt vì phải nghe phải thấy mà không thể giúp người bệnh. Người bệnh đã bị tước đoạt cái ân huệ của con người mà Thượng Đế đã dành riêng cho hắn, và thay vào đó là màn vô minh, thấp thoáng cái bóng dáng của một con quái vật vô hình đang nhe nanh nhe vuốt ...Nó làm ánh sáng trở thành bóng tối. Người chết trở thành kẻ sống. Nó cướp đi trí não, khống chế sự vận hành của hệ thống thần kinh. Nó hành hình nạn nhân một cách rất dịu dàng nhưng thảm thiết. Bằng đôi mắt không còn sinh động, lơ lảo, hay có khi long lên ngây dại. Nó chính là quỷ ám. Người đời không nhìn ra nó mà nhìn người bệnh, gọi là kẻ điên loạn, mất trí.

3

Chiều nay, ông mang bị thăm nuôi vào thăm người bệnh.
Bánh mì nướng trong oven 10 phút 350 độ F, dòn lấm
Ông trét thêm paté gan, thịt nguội, cộng đu đủ, cả bơ....
Ông biết người bệnh sẽ ăn ngon
Và sẽ ăn hết
Ông đi giữa hai dãy phòng nursing home
Ông quá quen với từng phòng, từng người ở trong ấy
Quá quen với tiếng la tiếng hét tiếng kêu help help

Quá quen với những ông bà cụ ngồi ngủ xe lăn bên hành lang
Hay trao đôi mắt lạc hồn nhìn ông
Dù ông *hi họ*

Chiều nay ông mang cho người bệnh thức ăn
Hai năm nuôi đủ cho ông có quá nhiều kinh nghiệm
Mỗi ngày ông nghĩ ra một cách
Ví dụ cơm phải vắt
Để những ngón tay run rẩy của người bệnh có thể gấp dễ dàng
Ví dụ ổ bánh mì nướng với thịt nguội này
Phải nướng làm sao để bánh mì dòn cho người bệnh dễ nhai, dễ cắn

Chiều nay ông mang thức ăn đến cho người bệnh
Mới ló mặt vào phòng thì bà nhìn ông hét lớn: Đồ khốn nạn !
Bà chụp cốc nước ném vào người ông, tiếp tục hét: Đồ khốn nạn !
Anh em bạn bè chồng con cha mẹ đồ khốn nạn...
Khốn nạn, bắt con quí nó vào đây cho tao !

4.

“Con quí đây nè. Bà hãy đánh chết nó đi”
Ông kê cái mặt mình sát vào mặt người bệnh và nói lớn.
Ông trợn mắt, thè lưỡi hung hăng, lấy bàn tay người bệnh để trên mặt mình: “Đánh chết nó đi....Đánh đi. Tôi bắt nó cho bà nè” .
Phải, ông lại thêm một lần đóng vai con quí. Như thời nhiều nhưng loạn lạc, ông cũng đã từng đóng nó. Ông mặc đồ đen, lấy đêm làm ngày, lấy má mờ nghĩa địa làm nhà, lấy những đêm trời mưa như thác làm những chuyện làm ăn, lấy bờ mương bờ rạch làm chỗ che dấu tàng hình, ngoi ngóp giữa đồng nước lụt ngập đơi đến mờ sáng tinh sương mới cùng một đám âm binh bùn sinh dính đầy áo

quần đen hiện hình vừa gào vừa hét vừa bắn loạn xạ...
“Con quỉ tôi bắt cho bà đây nè. Đánh đi”. Ông tiếp tục kê mặt ông vào sát mặt bà.
Người bệnh nhìn trân trân vào mặt ông một lúc, rồi nói:
“Râu gì thấy mà ghê !”

Nghe bà nói, ông xiết đôi vui mừng. Ít ra bà vẫn còn nhận biết ông.

Con người thật của bà vẫn chưa chết hẳn.

5.

Hãy ví ký ức là những đám mây bồng bồng trong bầu trời nào đó. Có đám xanh đám hồng, đám đen đám xám. Người bệnh nằm miệt mài trên giường, còn gì nữa đâu, trừ những đám mây. Có khi thật buồn thảm, có khi cũng thật cười ra nước mắt. Mấy hôm nay bà cứ nhắc hoài đến ông viện trưởng viện đại học. Rằng ông mới ghé, ông khen tui thảo công văn giỏi. Ngày ông có giấy không, đưa tui một tờ để tui thảo công văn... Ngày, ông có ghé nhà mình không. Nhớ dọn dẹp sạch sẽ. Nhớ mời ông ra nhà hàng. Ông nghe bà nói, lòng đau, nhưng cũng phải nói là tôi nhớ, tôi nhớ lắm, tôi có mời ông ra nhà hàng, tôi trả tiền. Ông nói với tôi vào nhắn với bà là bà phải ăn, để ông viện trưởng vui. Ông không thể thuyết phục rằng ông viện trưởng đã chết trong trại cải tạo từ lâu...

Đó là những đám mây buồn bã. Thật buồn bã. Nhưng rồi cũng qua. Ông phải đứng chực với chiếc kéo hờm sẵn trên tay. Cắt những cọng bún cọng mì quá dài, hay miếng thịt lớn để cho bà dễ gấp mà bỏ vào miệng. Bàn tay phải của bà xem như hồi phục vì cha con ông buộc bà phải cầm đôi đũa để gấp thức ăn. Trước đó, mỗi lần gấp là mỗi lần khó khăn, bây giờ thì dễ dàng. Trước kia bà gấp từng hạt cơm, nay bà có thể gấp cả một bùm. Trước kia những ngón tay phải khó co dãn lại thì bây giờ dễ dàng làm sao.

Ông rất vui khi thấy bà ăn được. Có nghĩa là ông đã trở

thành một tay chuyên nghiệp nấu ăn cho người bị bệnh trầm kha. Từ món mì xào dòn, đến món cháo gà. Từ thịt kho tàu, đến phở, bún bò, bánh xèo, bánh giò. Không phải tất cả đều thành công, cũng có khi bà không chịu ăn, chê: mặn quá, dở quá. Đôi khi bà dùng cái cách nói láo thật khôn ngoan: “Tôi muốn ới” để ông thôi ép.

Sau khi giúp người bệnh ăn uống xong, ông rửa chén bát, lau khay lau bàn, và lấy iphone mở lại bản nhạc mà bà hằng ưa thích trước kia. Chẳng hạn bản trường ca Mẹ Việt Nam của Phạm Duy. Ông điều chỉnh âm thanh để khỏi làm phiền “hàng xóm”. Con mê cuồng của bà từ từ dịu lại qua sự im lặng. Ông thấy bà chăm chú nhìn vào màn ảnh iphone. Căn phòng nhỏ giờ chỉ còn nghe tiếng hát, khi thì hợp xướng, khi thì đơn ca. Những lọ chai thuốc hay cái TV treo trên tường dường như cũng đang nghe với bà. Mây bắt đầu xanh lại rồi. Rồi mất bà bắt đầu lim dim. Không biết bà đang say mê cùng bài ca hay bà buồn ngủ. Còn ông thì hồn như lâng lâng một niềm hạnh phúc khó tả. Rõ ràng ông và bà cùng có chung một đám mây để mà nương nhờ bay bổng. Một đám mây huyền nhiệm. Một giao cảm chung. Nó vượt lên cao, như lời hợp xướng bay cao, và đậu lại trong tâm trí ông bà. Nó thật sạch thật trong không hề vương bản như những đám mây khác. Ông nghĩ vậy.

II. Bốn người viết CS gốc lính VNCH

Lê văn Ngăn

Lê văn Ngăn xem Qui Nhơn là nơi ẩn thân để chờ đợi hòa bình. Nơi anh ở là căn phòng ở tầng thấp nhất của một khách sạn gần bến xe thành phố. Anh làm gia sư cho con gái của một gia đình chủ tiệm chuyên sản xuất nem chả. Sau này họ trở thành vợ chồng. Thỉnh thoảng tôi và anh Phạm văn Nhân đến thăm, mang ít đồ ăn thức uống cho

anh.

Tôi biết anh từ năm 1967 đến năm 1970 khi tôi phục vụ tại đơn vị đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 BB tại Bà Gi cách Qui Nhơn độ chừng 15 cây số theo đường chim bay. Đây là thời gian mà nhà thơ Lê văn Ngân có những bài thơ tình tuyệt vời viết cho Hạnh Phước. Dù anh có cuộc sống rất khó khăn, đêm ngày trốn tránh, nhưng anh là một người rất may mắn trong tình yêu. Người yêu ấy là cô học trò đã từng làm chúng tôi muốn chết đứng, để khi nào rảnh, là tìm đến cái quán cà phê ở bến xe, mà ngắm cái bóng với chiếc áo len đỏ dưới nắng ban mai hay lúc tan trường về. Vậy mà chỉ có LVN là chiêm được trái tim của nàng. Nghĩ mà tủi thân. Khi mình thì đánh giấc đêm ngày, chết sống cận kề mà thấp đước chỉ toàn là em nuôi, chị nuôi ở động giang hồ ! Nhưng mà nghĩ lại, cũng nhờ có Xuyên, có Hạnh Phước, LVN mới làm được những bài thơ tình như thế này:

*phải bắt đầu từ quãng đường nào
để gặp đôi mắt Xuyên
đôi mắt mở to
đôi mắt lay động
đôi mắt những vì sao trời lạnh sớm
hồn áo rét mùa xuân đông*

*phải bắt đầu lại từ quãng đường nào
để gặp chiếc khăn quàng của Xuyên
chiếc khăn quàng tóc hương thời thiếu nữ
chiếc khăn quàng lướt qua đời ban mai như giải đèn đêm
quét ngang lòng tôi bờ lưu vực*

.....

(trong Xuyên và vĩnh biệt)

oOo

Tháng năm 1970, tôi rời Qui Nhơn để đến một đơn vị

khác. Bạn bè sau đó tứ tán. Rồi tôi nghe LVN không còn mang áo dân sự nữa mà mang bộ đồng phục lính VNCH và được phục vụ ở ngành quân tiếp vụ ở Đà Lạt. Đó là “job” quá thơm, ai cũng mơ ước. Lại ở Đà Lạt nữa. Là nhất rồi.

Sau năm 1975, tôi giật mình khi nghe LVN nắm chức Phó chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh Bình Định, Phó Tổng biên tập tờ tạp chí Phương Nam của Hội VHNT / BĐ. Có nghĩa là anh ta phải có thành tích. Không phải là nhờ những bài thơ tình tuyệt đẹp ngày trước cho Xuyên, cho Hạnh Phước, mà nhờ ở thành tích có công với cách mạng, với đảng, dĩ nhiên.

Cách đây vài năm một người con của nhà thơ Lê văn Ngăn tìm đâu ra địa chỉ điện thư tôi, kể là cậu muốn in một tập thơ cho bố, mong được tôi giúp gởi những bài thơ cũ của LVN mà tôi sưu tầm. Tôi đã gởi. Những bài mà tôi đã chụp từ thư viện Cornell, rồi ra công đánh máy, và giữ gìn chúng như những di sản văn chương miền Nam. Tôi đã gởi với niềm ao ước tận đáy lòng những trang thơ tình cho Xuyên, Hạnh Phước mãi mãi và mãi mãi ở bên anh...

Thái Ngọc San

Thái Ngọc San và Lê văn Ngăn cùng chọn Qui Nhơn làm nơi trú ẩn chờ đợi hòa bình. Cả hai đều đến từ Huế, nhưng ở Lê văn Ngăn, thi ca thường dành nhiều cho những bóng hình nữ, mang người nữ ra đề mà hàn huyên tâm sự hay nói lên nỗi lòng của mình ít khi có những danh từ nào đao to búa lớn.

Nhưng với Thái Ngọc San thì khác. Thơ TNS là loại thơ xách động:

*“ Máu của tôi sẽ đắp mộ bạo tàn
Máu các anh dựng cờ khởi nghĩa
Ta đứng lên cùng với muôn người
Hôm nay ngày điếu tàn quyền thế
Tôi mở cửa ngục tù các anh phá rào nô lệ
(Trình bày số 2)*

Có một lần, nhân dịp anh Huy Hoàng chủ tiệm sách Huy Hoàng từ Nha Trang ra Qui Nhơn, chúng tôi mở một bữa tiệc nhỏ mừng anh tại một căn nhà ở Khu sáu. Anh Huy Hoàng cũng là một huynh trưởng của Gia đình Phật Tử. Đối với chúng tôi, anh là một vị mệnh thường quân. Cứ mỗi lần về Nhatrang chúng tôi hay ghé tiệm sách Huy Hoàng là tìm anh, và thế nào anh cũng dành cho một sự tiếp đón rất ân cần. Đói thì có cơm. Không có chỗ ngủ thì có căn gác trống trên tiệm sách.

Bữa tiệc gồm 6 người tham dự. Tôi, Phạm văn Nhân, Lê văn Trung, Phạm Cao Hoàng, anh Huy Hoàng, và Thái Ngọc San. Chúng tôi vừa lai rai, vừa đốt thuốc, vừa uống bia, và đọc thơ. Lâu quá tôi không thể nhớ nổi ai đã đóng góp lời ca tiếng hát hay ngâm bài thơ. Nhưng tôi thì tôi nhớ đến bài thơ tôi đọc.

*Cô hàng cho xin ly cà phê nhỏ
Tôi uống cho đầy đôi mắt trong
Một mai tôi chết bên trời Bắc
Em làm sao được khóc bên song*

*Tôi mang gió núi miền Trung lại
Em sưởi cho tôi một mảnh tình
Đôi khi thấy áo bay đầy phố
Ngỡ lòng mình hiu hắt mùa thu*

.....

Bỗng Thái Ngọc San đứng dậy chỉ vào mặt tôi rồi nói:

“Mày chỉ là lính đánh thuê”. Tôi sững sờ. Con giận làm mất tôi lóa, tôi lấy nguyên cả chai bia đập mạnh xuống bàn. Mảnh chai vỡ văng tung tóe. Nước bia cũng lai láng trên bàn. Tay tôi cầm cái chai bể. Vừa chồm tới thì bên cạnh anh Huy Hoàng đã ôm chặt tôi, kéo đẩy tôi ra ngoài sân. Anh nói, không, anh can tôi. Tôi không thể nhớ những gì anh nói với tôi lúc đó, vì thời gian quá lâu. Nếu viết e có người bảo tôi đặt điều. Tôi chỉ biết là sau đó, tôi trở lại bàn, tiếp tục nhậu với bạn bè.

Nếu không có anh Huy Hoàng ôm tôi can thì tôi không biết sự việc sẽ xảy ra như thế nào.

Từ đó tôi và TNS trở nên hai kẻ lạ. Sau đó, Phạm Văn Nhàn (PVN) báo cho tôi hay là TNS đã bị cảnh sát tuần tra bắt và giải về trại binh chờ ngày vào quân trường. Tin này do từ một người đệ tử của PVN. Tôi và PVN liền vào thăm. Thấy chiếc áo lót của TNS rách bần, tôi động lòng quên hẳn chuyện cũ, cởi ngay chiếc áo lót của mình và trao cho anh ta. Ngoài ra còn tặng anh ta một số tiền cùng mấy bao thuốc lá. Nhìn anh, thấy anh ta quá tội. Phải, mỗi người đều có một hoàn cảnh khác nhau. Nhưng có một cái chung là cặp còng số 8 của định nghiệt ngã mà tuổi trẻ chúng tôi phải mang vào đôi chân. Có phải vậy không ?

Ngụy Ngữ và Thế Vũ

Các truyện ngắn của Ngụy Ngữ ta thường thấy cuối bài đề là Blao. Blao là nơi đa số nhà văn nhà thơ trốn lính ẩn dật thường tìm đến để chờ ngày hòa bình. Còn Thế Vũ thì hầu hết các truyện mà tôi được đọc, được viết tại các mặt trận Cheo Reo, Dakto, Tân Cảnh.

Mặc dù, hai người đều mang áo lính miền Nam, tuy nhiên, dưới con mắt của Ngụy Ngữ là cái nhìn hằn học, khinh miệt, hầu như muốn trút tất cả những phần nộ vào cái màu áo mà ông đang mang. Ông gọi thương phé binh VNCH là “bọn què quặt hết thời”, phết sơn đen lên một tập thể lính

miền Nam như là “những con thú tật nguyền” một bọn “bệnh họa”, “say sưa”, “phá phách”, “không lý tưởng”.... Ngay cả người sĩ quan Dù miền Nam mở chốt lựu đạn tự sát trên đồi máu sau khi đồi bị tràn ngập thì cũng bị NN đem ra mai mĩa bôn cợt “anh chưa chết đâu anh”:

...Không. Vâng, không phải người ta quay lại cảnh khốn nạn đó để đả thanh niên Nam Việt sợ không dám đầu quân đi lính để chết mất xác bên Miền bên Lào hoặc để lên án cuộc chiến tranh phi nhân đang thiêu sống cả một thế hệ thanh niên trên khắp bán đảo Đông Dương này, mà trái lại, là đang hỗ trợ thêm cho chiến tranh, đang vẽ thêm một lớp sơn bóng ngời trên cái vóc dáng biệt kích của bọn lính Nam Việt, ve vuốt vào cái kiêu hãnh bệnh họa của chúng, kéo chúng ở lại trong hàng ngũ để bảo vệ cái giải đất tẩm tối hời mỹ này khỏi rơi vào "vòng nô lệ của Cộng Sản"

...Chuyện kể lại cái chết của một tên sĩ quan dù tại mặt trận Hạ Lào, nhắc lại thuở y còn là một thiếu úy, thiếu úy dù đi xe gắn máy chông ba bốn mạng một xe chạy giữa phố Sài Gòn, tông nhầm một cô gái, cô gái nhận làm em gái hậu phương đi ca hát gì đó cho lính nghe rồi nhận làm vợ tên thiếu úy luôn, tên thiếu úy lên đại úy, tên đại úy đi trận sang Lào và mở lựu đạn chết khi căn cứ bị tràn ngập, chết xong chưa yên chuyện lại còn hiện hồn mang mặt máu về đứng hát anh chưa chết đâu em.

(Vấn Đề số 52 tháng 11-71)

Ngược lại, Thế Vũ đã dành những câu văn tha thiết ngậm ngùi nhất nhân bản nhất để nói nỗi lòng của mình về một người bạn. Đọc truyện này tôi muốn rung nước mắt, vì người bạn của Thế Vũ cũng là bạn của tôi. Tên thật của người bạn là Trịnh Kim Đồng. Chúng tôi cùng khóa 24 Thủ Đức, cùng về trình diện Sư đoàn 22 BB ở Bình Định. Và sau đó anh chết ở đồi Mười Phù Mỹ Bình Định:

... Đồng chết đi vào một đêm tối tằm trong thung lũng nhỏ ở miền Trung, Những cánh điều tuổi thơ đã chết từ lâu ở

ngoài kia bỗng dựng bay lên rợp trời rồi mất hút. Chiếc xe đạp phé thái, sách vở mọt căn trên sàn gác tôi, những mơ ước chưa nên hình dáng thực, và những phấn đấu say sưa kia đã kết bè theo những đám lục bình trôi ra biển, duy chỉ còn lại một nụ cười, nụ cười im lặng hết còn mang một ý nghĩa nào trên vách, sau râm vải điều phủ xuống, sau khói hương nghi ngút...

(Thế Vũ – Người bạn Trình Bày số 17)

Cần ghi nhận sau năm 1975, cả hai được kết nạp vào đảng. Ngụy Ngữ trở thành nhà biên kịch điện ảnh. Truyện “Những Con Thú Tật Nguyên” của Ngụy Ngữ đăng trên Vấn Đề được chính tác giả viết thành phim bản và được trình chiếu. Còn Thế Vũ giữ chức Phó Tổng thư ký tạp chí Thanh Niên thành phố HCM trước khi qua đời.

III. NGƯỜI LÍNH MIỀN NAM VIẾT VĂN tặng PVN

Người lính miền Nam viết văn. Chẳng ai bắt hẳn phải vừa cầm súng vừa cầm viết. Hẳn làm một cách tự nguyện. Không ai có thể đụng hẳn. Không ai có quyền bắt hẳn phải nạp bản để đọc tư tưởng của hẳn.

Hẳn được tự do.

Tự do hoàn toàn.

Ngay cả tự do chết.

Trên thi thể của hẳn không có gì cả, trừ bản thảo, xấp giấy trong túi áo trận.

Có thể là bài thơ tình.

Hay cũng có thể là bài thơ về một nỗi ước mơ, mùa chiêm vàng bát ngát...

Người lính miền Nam viết văn. Mấy tháng đỏ mồ hôi trên

thao trường, hấn được thả ra mặt trận. Quân đội cấp hấn khẩu súng, lựu đạn, dao găm, địa bàn, bản đồ, giao hấn mười mấy người lính để hấn chỉ huy. Nhưng hấn tự giao cho hấn cây viết và xấp giấy.

Hấn tiếp tục viết.

Hấn viết bằng chất liệu từ cuộc đời của hấn. Hấn sống và viết.

Nhiệm vụ của hấn là mỗi hai đêm dẫn con cái đi nằm ở ngoài vòng đai căn cứ hay được lệnh thực hiện một cuộc làm ăn đêm. Hấn phải lựa chọn địa điểm kích, địa điểm đóng quân cho thích hợp. Ví dụ một nghĩa địa làng, hay một mô đất mả mòi nổi lên giữa đồng trống. Những bia mộ là những tấm khiên che chở rất hữu hiệu khi đơn vị bị tấn công. Nhưng để đổi lại là cảm giác sợ hãi lo âu vì âm khí từ mả mòi bốc lên. Hấn từng nghe những bệnh nan y như phong cùi là hậu quả của âm khí độc địa này. Tuy nhiên, giữa hai chọn lựa, hấn chọn sự an toàn. Có nghĩa là gò huyết, gò mả....

Hấn đã chịu đựng suốt đêm. Phần lo lính canh ngủ gục, phần lo địch về đặt pháo, phần sợ chiếc máy bay C123 rà rà trên bầu trời, bắn lằm. Có khi trời mưa như thác. Có đêm trời rất trong, sao đầy ngập trên bầu trời. Có khi hấn nghe tiếng nhạc nhảy đầm *Lính mà em* vọng về từ Bộ Tư Lệnh. Hấn chửi thề. Hấn lắng nghe những mẫu âm thoại từ máy PRC 25, mà người lính truyền tin điều chỉnh rất nhỏ. Hấn muốn ngủ. Hấn thêm sự vô lo của những người lính thuộc quyền. Máu thi văn của hấn lại chảy trong người. Hấn ngồi đây, trùm hai ba lớp mền, poncho, và bật đèn pin quân đội.

Người lính miền Nam viết văn. Hấn có hai con người. Một là một kẻ phải “thi hành trước khiếu nại sau”, có nghĩa là phải chấp hành tuyệt đối kỷ luật, bởi vì kỷ luật là sức mạnh quân đội. Phải thi hành đi đầu dù trung đội không phải trực hôm đó, để lính của hấn phải bất mãn. Phải tiến lên đồi, chiếm mục tiêu, dù hấn biết cái chết là 100% khi mục tiêu chất chông hang đá, làm sao mà biết địch ẩn núp ở hang

nào?

Làm sao mà không đau lòng trước những đau đớn của vợ con thân nhân của những người tử trận vì cái lệnh thí quân tàn bạo ? Hấn bất mãn. Hấn chỉ biết viết. Hấn viết lên sự thật. Tại sao lại cấm hấn viết ?

Người lính miền Nam viết văn. Hấn viết, khi mặt đất rung chuyển bởi những trận bom rải thảm từ xa. Hấn viết, chữ nguệch ngoạc vì một ngón tay của hấn bị đứt gân do miếng lựu đạn cắt. Hấn viết, cuống cuồng, hồi hải, viết bằng hơi thở chứ không bằng lý trí. Hấn viết khi thấy những đứa con gái làm đĩ Mỹ, căng những lều tạm bên đường quốc lộ, hay cái tháp chàm trên đồi tháp Bánh Ích được làm nơi đặt đài ra đa của quân đội đồng minh, thỉnh thoảng hấn thấy lính Mỹ mang gái lên đồi.

Người lính miền Nam viết văn. Ở trong quân đội hấn là một người lính thấp hèn nhưng ở văn chương hấn là ông vua. Hấn gian khổ quá rồi, thì hãy cho hấn được lên ngôi hoàng đế chứ.



Phạm Văn Nhân

Nhân đọc *Vịnh Vào Lục Bát* Của Trần Hoài Thư Nhớ Về Những Người Bạn:

1/ Lê Văn Trung

2/ Thế Vũ

1/ Về Lê văn Trung:

Vào trung tuần tháng 7 năm 2017. Anh bạn Trần Hoài Thư có ra một thi tập: **Vịnh vào Lục Bát**. Trong thi tập này, phần sau anh Trần Hoài Thư dành riêng viết về những người bạn trong căn nhà ở Khu Sáu Qui Nhơn với những dòng lục bát, cùng với những người bạn văn nghệ của anh một thời khôn khó. Trong những bài lục bát ấy, có Lê Văn Trung...với những câu thơ lục bát rất chân tình. Dù đã trải qua gần 50 năm như một kỷ niệm khó quên mỗi lần nhắc đến. Căn nhà thuê, chật chội, bẩn thỉu, không ngăn nắp. Nhưng đây ấp tình bạn. Đoạn lục bát trong thi tập mà Trần Hoài Thư viết về Lê Văn Trung như sau: *Em nào hiểu giữa cơn say/ Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa/ Khỏi cần khắc đá lời thơ/ câu thơ Khu Sáu cũng là thiên thu.* Hai câu đầu trong bài lục bát này Lê văn Trung viết trên vách tường trong căn nhà tôi thuê bằng những cục than hầm từ ngôi quán của ông Ba chủ nhà.

Nói đến Qui Nhơn trong thời chiến (khoảng năm 1968). Tôi với Trần Hoài Thư là hai người lính. Anh em cầm bút đôi về Qui Nhơn nhiều cho nên bạn bè cũng khá đông. Không phải những người lính chúng tôi quen nhau (hầu hết cầm

bút) mà, còn có những người không phải là lính. Như Hoàng Ngọc Châu. Lê Văn Ngăn. Nguyễn Thị Thùy My (Đặng Hòa)...Nhưng không hiểu tại sao giữa tôi với Trần Hoài Thư là hai người lính bụi lại quen và thân với hai anh chàng văn nghệ: Phạm Cao Hoàng và Lê Văn Trung. Khi đó Hoàng và Trung là hai sinh viên của trường Sư Phạm Quy Nhơn đạo mạo, nghiêm chỉnh, vóc dáng của một người thầy trong tương lai. Không phải chỉ quen qua loa, mà quen thật tình như anh em trong một nhà. Cái tình thân ấy ngày càng gắn bó, cho dù hôm nay, đã trải qua gần 50 năm. Tuổi đời chông chất. Tóc trên đầu đã bạc. Mà, mỗi lần nhắc đến căn nhà trong Khu Sáu ở Quy Nhơn là phải nói đến những người bạn một thời khôn khó. Ngay cả hôm nay. Thi tập "Vịn Vào Lục Bát" của Trần Hoài Thư đã phát hành, anh cũng không thể nào quên 4 anh em trong căn nhà thuê ấy. Cùng với những người bạn văn nghệ ghé đến rồi đi.

Nói đến nhà thơ Lê Văn Trung, theo tôi thì phải nói đến nhà thơ Phạm Cao Hoàng; Vì Trung và Hoàng là hai người đồng môn. Học một khóa Sư Phạm. Khi nói đến Hoàng và Trung không thể nào không nói đến Trần Hoài Thư. Tôi đã bụi mà Trần Hoài Thư còn bụi hơn tôi. Hai người lính bụi gặp hai anh chàng sinh viên Sư Phạm này có lẽ hạp nhãn hay sao mà gắn bó như keo cho đến hôm nay. Dù người ở bờ Đông. Kẻ ở bờ Tây. Sau năm 1969, tôi xa ba người bạn của tôi. Phạm Cao Hoàng tôi còn gặp ở Phan Thiết, mỗi lần về phép. Lê Văn Trung đổi ra Quảng Ngãi. Trần Hoài Thư đổi vô Miền Tây Nam Bộ. Dù xa nhau. Nhưng mỗi khi gặp nhau là nói đến nhau. Nói đến căn nhà trong Khu Sáu Quy Nhơn năm nào.

Năm 1971 Lê Văn Trung đổi về Huế. Khi đó Trung đã lập gia đình. Chị Hiệp. Hai người đã có một cháu gái còn nằm nôi, trên dãy lầu thuê ở Phú Cam. Tôi đến thăm. Và Trung là người tham dự ngày vui của tôi ở Huế.

Sau này đã trải qua 47 năm (1970-2017) Trần Hoài Thư tìm thấy bài thơ: *Lời cám ơn Bạn Bè* của Lê Văn Trung **đi trên Bách Khoa năm 1970** thay mặt tôi để viết nên bài thơ khi Trung đến dự ngày vui của tôi. Xin trích hai đoạn: *Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới. Uống chút rượu mừng trong ngày cưới ta. Dù lũ mây về từ rừng cao núi thẳm. Dù đũa què chân, dù đũa mù lòe...Xin cảm ơn bạn bè ta lần nữa. Đũa trên đời cao, đũa dưới chân đèo. Có đũa nào ngày mai làm đám cưới. Không biết bạn bè còn được bao nhiêu.*

Tôi chưa bao giờ đọc bài thơ này của Trung trong thời gian còn trong quân ngũ. Những người lính như tôi không có nhiều thời giờ thả rong ở phố thị. Nhận được bài thơ từ anh Trần Hoài Thư tìm kiếm trên tạp chí Bách Khoa cũ, lòng tôi rất cảm động một tình bạn trong căn nhà Khu Sáu Qui Nhơn năm nào. Cùng với bài thơ của Trung, anh Trần Hoài Thư còn gửi cho tôi một tin vui của bạn bè chúc mừng tôi trên một tạp chí phát hành ở Sài Gòn: kể từ hôm nay, tôi (PVN) không còn phải ngủ bụi. Tôi vui biết mấy khi có những người bạn văn nghệ hiểu tôi.

Tháng 9 năm 2001 Thư Quán Bản Thảo phát hành. Ba số sau, chúng tôi liên lạc lại được với các bạn bè cầm bút trong nước viết bài gửi ra cho TQBT. Trong đó có anh Từ Thế Mộng. Bạn bè ai cũng có máy vi tính riêng anh TTM thì không. Anh viết thư tay và gửi bài qua cho tôi (gửi qua đường bưu điện). Nhiều khi cả tháng tôi mới nhận được thư của anh. Trong những lá thư anh gửi qua, có nói đến Lê Văn Trung đi làm phụ hồ cho một công ty xây dựng đang công tác tại Phan thiết. Trung có đến nhà tôi, hỏi thăm tôi. Năm ấy là năm 2004. Anh Từ Thế Mộng cho Trung biết gia đình tôi đã đến Mỹ năm 1991.

Thế rồi, vào năm 2010, lần thứ hai tôi về VN sau đó một năm. Tại nhà Nguyễn Minh được tổ chức ra mắt sách cho ba người: Nguyễn Minh, Lê Văn Trung và tôi (PVN). Hai

tập truyện và một tập thơ được Nguyên Minh trình bày trang trọng. Và cũng chính Nguyên Minh là người thuyết minh trong buổi ra mắt sách hôm đó. Buổi ra mắt sách gồm khoảng 20 người bạn cầm bút là bạn bè trước 1975.

Lần đầu tiên, sau năm 1971, tôi gặp Lê Văn Trung cùng với những anh em khác trong đó có Lê Ký Thương. Chúng tôi ôm nhau từng người. Úa nước mắt trong ngày gặp lại.

Vào năm 2014. Tháng 5. Tôi về thăm nhà và cũng để tham dự ngày giỗ của anh Từ Thế Mộng. Một niềm vui khó tả là ngày đó Thư Ân Quán in lại tập thơ: *Tiếng Thơ Miền Trung* phát hành vào năm 1959, gồm 5 nhà thơ trẻ: Cao Hoàng Nhân. Thanh Nhung. Thương Nguyệt. Từ Thế Mộng. Võ Thùy Lam. Tập thơ này tìm được từ một nơi bán giấy vụn mà nhà thơ Lê Ký Thương tìm và mua lại, gửi qua cho Thư Ân Quán để tái bản. Ngày giỗ anh Từ Thế Mộng tôi mang về gồm bản gốc và gần 20 tập mới in lại để trên bàn thờ của anh.

Riêng tôi rất vui; vì trong ngày giỗ anh Từ Thế Mộng, bạn bè của tôi nghe tôi về, dù ở xa cũng đến. Như vợ chồng nhà thơ Nguyễn Dương Quang từ Đà Lạt lái xe xuống. Nhà thơ Tô Duy Thạch đón xe đò từ Phan Rí vào trước một ngày. Vợ chồng nhà thơ Lê Văn Trung đi xe gắn máy từ Đồng Nai ra. Ngoài ra còn có bạn bè tại thành phố biển Phan Thiết: như nhà thơ Nguyễn Như Mây, vợ chồng nhà thơ Nguyễn Thị Liên Tâm....

Buổi sáng, anh chị em ngồi chờ Lê Văn Trung tại ngôi quán cà phê rất nên thơ. Tôi dám nói ở thành phố tôi ở Houston chẳng hạn, chưa có quán cà phê nào đẹp và nên thơ như những quán cà phê ở quê nhà. Trên đường đi, Trung báo cho tôi hằng phút, hằng giây. Đi tới đâu. Cây số mấy. Đoạn đường từ Đồng Nai ra Phan Thiết chắc cũng gần 200 cây số. Anh em ngồi chờ. Riêng tôi thì rất háo hức chờ người bạn lâu năm. Hôm nay phải nói chuyện nhiều với Trung.

Chuyện nói thì nhiều lắm. Ngôi trước mái hiên nhà xưa cũ, nơi tôi đã lớn lên. Chuyện xưa nói làm sao cho hết. Nhìn Trung, tôi thấy có một cái gì đó buồn buồn trên gương mặt khắc khổ của anh. Nỗi buồn đó như thời gian làm xối mòn trên từng viên gạch trong ngôi nhà cổ của tôi. Mỗi lần tôi nhìn lên những vách tường loang lổ. Trung ơi! Sao hôm đó chỉ có tôi với Trung. Sao hôm đó không có đủ bốn người, như dạo nào ở trong căn nhà thuê Khu Sáu Qui Nhơn. Trung nhắc lại tên từng người, từng người. Trí nhớ bỗng trở về trên từng gương mặt. Trần Hoài Thu ơi! Phạm Cao Hoàng ơi!

Tháng 10 năm 2017. Tôi nhận tập thơ *Thu Hoang Đường* gồm 92 bài của Lê Văn Trung. 92 bài thơ Trung viết xuyên suốt về mùa Thu. Mỗi bài mỗi vẻ. Buồn man mác. Nỗi buồn ấy như còn vấn vương trên gương mặt của Trung mà năm 2014 tôi nhìn thấy. Tập thơ của Lê Văn Trung phải hình thành nói như lời nói của hai người bạn của tôi: anh Trần Hoài Thu và anh Tô Thắm Huy. Cảm ơn. Cảm ơn Đất Trời Vô Lượng đã cho tôi có những người bạn tốt hôm nay.

Houston. Ngày 3 tháng 12 năm 2017

2/ Về Thế Vũ.

Nhân đọc bài viết: tản mạn của anh Trần Hoài Thu viết về “Người lính miền nam dưới cái nhìn của hai nhà văn đảng viên CS gốc lính VNCH” anh gửi đến bạn bè và nhất là tôi để nhớ về một Thế Vũ.

Vâng! đọc qua bài viết của anh với hai nhà văn mà anh đã đề cập. Trong hai nhà văn này, ít nhiều tôi đã biết. Với nhà văn Nguyễn Ngữ tôi chỉ gặp một lần khi tôi chuyển về công tác tại Tháp Chàm, Ninh Thuận. Tôi nhớ vào năm 1969 thì

phải. Nhà văn Nguyên Minh - người chủ trương tạp chí Ý Thức khi tạp chí còn ở Phan Rang - gọi tôi tới chơi vì có nhà văn Ngụy Ngữ từ Bảo Lộc xuống. Lúc đó có mấy anh em gặp nhau ngồi uống cà phê ở quán Diễm của Vô Thường - Người nghệ sĩ chơi đàn guitar bằng tay trái rất tuyệt vời: Lê Ký Thương, Nguyên Minh, Võ Tấn Khanh, Ngự Hữu, Ngụy Ngữ và tôi. Trong những anh em lúc đó chỉ có tôi, LKT, Ngụy Ngữ là lính. Còn ba người bạn khác là thầy giáo. Nguyên Minh bỏ nghề thầy chuyển qua làm báo văn học. Tôi nhớ NN nói với tôi đơn vị đóng ở Bảo Lộc. Nghe là nghe vậy trong buổi gặp nhau. Với tôi không mặn lắm về anh chàng nhà văn này.

Nhưng với Thế Vũ lại khác. Tôi xem Thế Vũ như người em. Tuổi tác ngoài đời và trong quân ngũ. Vũ ăn nói nhỏ nhẹ. Biết trên biết dưới. Lúc nào cũng xưng em với tôi. Thế Vũ người Ninh Hòa. Một thị trấn nổi tiếng về nem chua. Cách Dục Mỹ nơi tôi đóng quân khoảng 16 hay 17 cây số. Tôi biết Thế Vũ qua nhà báo Lê Minh và Huy Hoàng khi tôi với Trần Hoài Thư còn đóng quân ở Bình Định. Khi đó Lê Minh mới bắt đầu "thai nghén" tạp chí Đứng Đất ở Nha Trang tại căn nhà thuê trên đường Phan Đình Phùng (quên mất số nhà). Nói đến căn nhà này tôi lại nhớ đến ông bạn của tôi. Nhà văn Trần Hoài Thư. Nhà có hai phòng. Phòng trong là của vợ chồng Lê Minh. Phòng ngoài là phòng khách vừa là chỗ nghỉ của những bạn bè tứ xứ từ xa đến. Trong căn phòng này Lê Minh để nhiều sách trên hai cái kệ sách được đóng rất đẹp. Nhưng có điều với những cuốn sách trên kệ như là để trang trí hơn là đọc. Do đó, mà có lần Trần Hoài Thư với tôi đi về thấy những cuốn sách chưa rọc lè, chứng tỏ không bao giờ đọc. Anh chàng lính bụi này giả vờ say lấy xô nước tạt vào kệ sách làm ướt hết những cuốn sách trên kệ. Thế mà Lê Minh không nói gì. Hai vợ chồng vẫn vui vẻ đem những cuốn sách ra phơi trên nền xi măng trước hiên nhà.

Nói đến những người bạn một thời ở Nha Trang năm nào. Tôi thấy buồn chi lạ. Hôm nay chẳng còn ai. Từ vợ chồng Lê Minh, Anh Huy Hoàng, rồi đến Tô Đình Sự, Chu Trâm Nguyên Minh, Thế Vũ, rồi đến họa sĩ Thanh Hồ đều lần lượt đi vào cõi vĩnh hằng. Chỉ còn tôi với Trần Hoài Thu. 76 năm vẫn còn tỵ tại thế. Sống lâu để mà nhớ mỗi lần nhắc đến anh em.

Khi tôi về Dục Mỹ, cuối tuần hay về Nha Trang chơi với anh em bạn bè. Có lần ngồi uống cà phê Thế Vũ tâm sự muốn bỏ ngũ vô bung; vì chán cuộc chiến tranh này. Tôi phân tích cho Thế Vũ nghe phải trái. Nhưng về sau Thế Vũ không vô bung mà quyết định bỏ ngũ. Sau này tôi nghe nhà văn Nguyễn Âu Hồng nói là Thế Vũ bị bắt đưa đi "lao công đào binh" cho những đơn vị tham chiến trên cao nguyên.

Sau 1975, tôi nghe Thế Vũ làm báo Thanh Niên, ở Sài Gòn. Biết như vậy. Nhưng không bao giờ gặp cho đến khi hay tin Vũ mất. THT gọi cho tôi, muốn chia buồn trên Thư Quán Bản Thảo, khi đó tôi còn ở Amarillo, TX. Tôi nói thôi giữ im lặng hay hơn, vì Thế Vũ ngày hôm nay đã ...khác ngày hôm qua.

Houston, ngày 9 tháng 1 năm 1018



Nguyễn Âu Hồng

Viết truyện ký như Triều Sơn



Triều Sơn viết truyện ký “Hai người đàn bà Việt Nam ở giữa châu Phi” vào năm 1950 (1951?) và đăng trên tuần báo Mới năm 1952, nghĩa là đã được viết và phổ biến cách đây gần $\frac{3}{4}$ thế kỷ. Trong suốt quãng thời gian dài ấy, có bao nhiêu người cầm bút viết văn bằng tiếng Việt đọc truyện ký này để thưởng thức những dòng chữ chi li kỳ diệu, tinh tế tuyệt vời, và cũng để thấy, một khi chữ “tâm” đi đôi với chữ “tài” thì hiệu ứng của văn xuôi thật khó lường!

Nói chi đâu xa, lấy bản thân mình, khi đọc hết dòng chữ *“cái mùi thơm thơm khen khét bây giờ tưởng chừng là mùi ngậy ngát của nhíp điệu”*, tôi đã muốn gấp sách lại và viết ngay một bài “cảm nhận”. Ở đây, *mùi ngậy ngát của nhíp điệu*, không chỉ là điệu nhảy của tập thể người Sê-nê-gan hòa quyện với nhíp trống, mà còn như thể là nhíp điệu của văn xuôi truyện ký Triều Sơn.

Ông khởi đầu “du ký” bằng “Mùi Châu Phi”: *“Trên con đường phiêu lưu, chiều hôm đó tôi dừng chân ở Kao-lắc,*

một thị trấn thuộc xứ Sê-nê-gan, giữa đất liền trong lòng châu Phi mênh mông bí mật./ Chiều châu Phi vẫn còn vương nắng, một buổi chiều uể oải, hư không mà nặng và đầm như một giấc ngủ trưa hè. Vẫn mùi thơm thơm khen khét: từ khi mới đặt chân lên đất châu Phi, tôi đã nghĩ thấy cái mùi này mà tôi không nhận rõ là mùi của trái cây, của đàn bà, của đất, của rừng sâu.” Ông “bắt mùi” trước rồi sau mới tả người, tả cảnh: “Tôi trông thấy nước da đen cháy, những thân hình đàn ông, đàn bà cao lớn vạm vỡ đã quen mắt... Những mái nhà lá lợp xụp hai bên những ngõ tối tăm, khúc khuỷu; những nhà gạch nhỏ dài, thấp le tè; mấy cửa hàng tạp hóa, cửa hàng rượu giải khát, người đi lại tấp nập. Những đường, ngõ tro bụi không bóng cây, lấm cát bụi và nắng chiều.”

Trước khi gói phân đoạn “du ký” này bằng câu “cái mùi thơm thơm khen khét bây giờ tưởng chừng là mùi ngậy ngát của nhịp điệu”, ông dùng hai câu chuyện nhịp “đăng vôn” cách thần sầu để chuyển “du ký” thành “truyện ký”, nghĩa là có câu chuyện, có nhân vật chứ không chỉ thuần ghi chép. “Tôi lững thững bước đi vào những phố vắng, mơ màng tưởng chừng như đang thơ thẩn buổi chiều ở một phố huyện nhà quê ta vậy./ Trên bước đường lữ thứ, tôi đã mang theo quê hương trong lòng hay tôi đã nhập tịch vào quê hương của người của một cảnh vật xa xôi?”

Hai câu vừa trích, ngoài tác dụng chuyển nhịp, chuyển thể loại, biết đâu chính cái sự “mơ màng, mang theo quê hương trong lòng hay nhập tịch vào quê hương của người” là cơ duyên để ông gặp được hai người đàn bà Việt Nam ở giữa châu Phi? Đề rồi, nhờ tình quê hương mai mối, một trong hai người đàn bà Việt Nam ấy đã có mối quan hệ duyên ái kết chặt với tác giả.

Quay lui để nghĩ lại Mùi Châu Phi: “Vẫn mùi thơm thơm khen khét: từ khi mới đặt chân lên đất châu Phi, tôi đã nghĩ thấy cái mùi này mà tôi không nhận rõ là mùi của trái cây, của đàn bà, của đất, của rừng sâu”, rồi mới ‘lững thững’ bước theo tác giả đến quán rượu của người đàn bà Việt

Nam, mới thấy thấm thía câu chuyện của hai người Việt lưu lạc, từ đó sẽ có cảm ứng với ‘mùi ngậy ngát của nhịp điệu’ trong văn xuôi truyện ký Triều Sơn. Thật vô cùng cảm động khi nghe hai tiếng VIỆT NAM nơi chân trời viễn xứ: *”Mỗi người Việt-nam đi đến đâu xa lạ cũng mang một mảnh quê hương đến đó. Câu nói tiếng Việt còn vang đâu đây, cái áo lam tha thiết, một bản lịch có ngày ta, mùi nhang thơm tự Hà-nội gửi sang, nỗi lòng thiết tha cảm thông trong câu chuyện, nét mặt, miệng cười hồn nhiên mà hàm súc: đó phải chăng là cái ta thường gọi bằng hai tiếng “VIỆT NAM”.* Viết truyện ký như Triều Sơn, được mấy tay?

Dec 2017

N.Â.H



Nguyễn Lương

Câu chuyện của tôi và một người Hàn họ Lý

LTS: Trên tạp chí Vấn Đề số 46 tháng 5-1971 do Vũ Khắc Khoan và Mai Thảo chủ trương, dưới tựa đề Theo những đường bay đi xa, Ngụy Ngữ viết về tội ác của lính Đại hàn trong thời chiến tranh VN như sau:

“...những thằng Đại Hàn man rợ cắm cái đầu người trước xe jeep, những xâu chuỗi kết bằng tai người khô queo, những họng súng bắn vào dân tị nạn...(- Vấn Đề 46 tháng 5-1971).

Chúng tôi đã từng có mặt và đã từng chiến đấu sát

cánh với quân đội Đại Hàn trong một thời gian khá dài tại Bình Định, nhưng chưa bao giờ nghe hoặc thấy những tội ác man rợ mà nhà văn Nguyễn Ngữ kể trong truyện ngắn của ông. Với quân đội miền Nam ông còn bồi nhọ thậm tệ (mời đọc bài tản mạn: “Người lính miền nam dưới cái nhìn của hai nhà văn đảng viên CS gốc lính VNCH” đăng trong số này) thì còn nói gì đến người lính Đồng Minh!

*Sau đây chúng tôi xin đăng “**Câu chuyện của tôi và một người Hàn họ Lý**” của nhà văn Nguyễn Lương. Phần này mang ý nghĩ liên quan đến Sóng và Việt, được trích từ bài **Những Người Hàn, Họ Lý, Gốc Việt** để quý độc giả có cái nhìn rõ hơn về sự có mặt của quân đội Đại Hàn tại Bình Định trong thời chiến tranh.(THT)*

Khi nghe ông Lý Xương Căn nhắc đến câu "...một số người Nam Hàn bị cuốn vào cuộc chiến đó..." là tôi biết ông muốn nói về điều gì. Không phải chỉ là một số người như ông nói mà có đến 50 ngàn thanh niên tuổi còn rất trẻ đã được đưa đến nơi này. Mới đây, ngày 6 tháng 6 năm 2017, đương kim TT Nam Hàn, ông Văn Tại Dân (Moon Jae-in) có bài phát biểu vinh danh những người lính Hàn Quốc đã tham gia chiến tranh Việt Nam bên cạnh lực lượng Mỹ và lính Việt Nam Cộng Hòa, đã làm cho Hà Nội tức giận. Cũng như Tổng Thống Obama trong bài diễn văn nhậm chức năm 2008 có nhắc đến những người lính Mỹ đã hy sinh tại Khe Sanh, miền Trung Việt Nam. Trong số những người lính Nam Hàn được vinh danh này có người bạn của tôi tên Teak Young Lee (Lý Hoàng Tất) mà tôi hay gọi thân mật là T Y Lee. T Y được đưa đến Nam Việt Nam tham chiến từ những năm 1968-1972. T Y làm lính tình báo trong sư đoàn lục quân Mãnh Hồ đóng quân tại vùng núi Vân Sơn, xã Phước Thành, quận Tuy Phước, tỉnh Bình

Định quê tôi. Ngoài sư đoàn Mãnh Hồ, Nam Hàn còn gọi sang Miền Nam một sư đoàn bộ binh Bạch Mã (White Horse, lấy tên vị tướng Lý Bạch Mã), và một lữ đoàn thủy quân lục chiến Thanh Long (Rồng Xanh-Blue Dragon). Các lực lượng này đóng quân dọc duyên hải miền Trung từ Quảng Nam đến Nha Trang.

Năm 1992, ông Lý Nguyên Căn đưa gia đình về Bắc Ninh nhận tổ tiên họ hàng thì tại Hán Thành tôi gặp lại T Y. Nói là gặp lại cũng không đúng vì thời T Y đến VN tôi còn quá nhỏ, mới 15 tuổi, chỉ biết T Y và một số bạn lính của anh thường hay đến nhà tôi thăm Bố và họ bút đàm với nhau hàng giờ. Sau đêm định mệnh 1/11/63, TT Diệm bị lật đổ và sát hại, quê tôi bị quân đội Cộng Sản chiếm đóng trong mấy năm liền. Cả nhà tôi bị kẹt trong vùng tạm chiếm, sống dưới quyền kiểm soát của Việt Cộng sau một thời gian dài rồi chúng tôi cũng thoát ra được đến vùng quốc gia, nhờ có quân đội đồng minh phản công chiếm lại. Tôi về sống vùng tự do và được tiếp tục đi học lại Tiểu Học tại Diêu Trì. Trong một bài thơ viết về tuổi thơ giai đoạn này, tôi tâm sự:

*Con lớn lên giữa phố đông người thiếu bạn
Sống trong hẻm nghèo thương nhớ xóm làng xưa
Đồng lúa xanh, giếng nước ngọt, cau, dừa
Nhớ chiều trời mưa bong bóng nổ đầy sân nhỏ*

Khi tôi thi đậu và theo học trường Trung Học Cường Để Qui Nhơn thì T Y là những người lính đầu tiên có mặt trong sư đoàn Mãnh Hồ, được đưa đến quê tôi, chiếm lại vùng quê nghèo khổ, sát chân núi, từ tay quân đội Cộng Sản và họ đã lập ở đó một hậu cứ to lớn cho sư đoàn gần 20 ngàn lính viễn chinh đóng quân. Từ nhà tôi đến hàng rào kẽm gai quân đội không dài hơn 1 cây số. Những người lính Hàn thường ra khỏi trại, đến nhà dân thăm hỏi, cho quà, làm quen và tìm hiểu dân tình. Họ không biết ngôn ngữ của nhau nên T Y thường trò chuyện với bố tôi qua cách viết

chữ Hán qua lại. Vô tình, Bố tôi nhờ biết chữ Hán mà trở thành một thông dịch viên bất đắc dĩ, và tôi cũng học được dăm ba câu chào hỏi tiếng Hàn, học cách đếm số, học hát bài ca Arirang và học võ Thái Cực Đạo. Vị Thiếu Tướng chỉ huy quân đội Đại Hàn tại Việt Nam tên Trần Đồng Hoán (Chun Doo-hwan) sau khi về nước liền tham gia chính trị. Năm 1980 ông được đưa lên làm Tổng Thống Nam Hàn trong hai nhiệm kỳ. Thời ở Việt Nam ông cũng thường ghé Qui Nhơn thăm trường nơi tôi học và giúp đỡ trường xây một hội trường lớn theo lối kiến trúc cổ rất đẹp.

Năm 90 công ty đề cử tôi về Á Châu làm việc, lãnh đạo các dịch vụ thương mại trong vùng. Văn phòng chính tại Singapore và mỗi quốc gia trong số 14 nước tôi chịu trách nhiệm đều có một người địa phương cầm đầu (country manager) và một nhóm nhân viên lo công việc nhập khẩu các loại hóa chất của công ty tôi sản xuất, dùng trong lĩnh vực kỹ nghệ và nông nghiệp. Lần đầu tôi đến thăm văn phòng đại diện thương mại ở Nam Hàn, tại Hán Thành, T Y đã là xếp lớn ở đây hơn 10 năm. Sau khi nghe tôi tự giới thiệu tên, biết là người Việt nên T Y hỏi thăm quê quán ở đâu. Khi biết tôi người gốc Bình Định, nhà ở gần nơi hậu cứ sư đoàn Mãnh Hồ, anh ta liền lấy trong ví ra một tấm hình trắng đen đã mờ qua năm tháng và hỏi tôi có biết người đàn ông chụp chung với anh trong tấm hình này là ai không? Tôi sững sờ, nước mắt rơi nhanh và tay run, ôm chầm lấy T Y, nói người đó đúng là Cha tôi và chúng tôi cùng khóc vui mừng sau hơn 20 năm gặp lại. T Y chỉ vào tôi và nói lớn trong nước mắt ràn rụa vì cảm động với những đồng nghiệp: "đây là người con trai của ông cụ mà tôi thường nói với các bạn tôi đã quen từ 20 năm trước ở Việt Nam, và chàng bé học trò ngày xưa này bây giờ là xếp của tất cả chúng ta đây". Tôi nhìn kỹ người đang đứng trước mặt, sau 20 năm, bây giờ là một trung niên chững chạc, tóc điểm bạc, dáng bệ vệ hơn, khác rất nhiều so với người trong hình thời tuổi còn thanh niên 20 thanh mảnh. Còn tôi không khỏi xúc động được nhìn thấy hình người Cha đã quá cố năm 87,

lúc không về được để chịu tang. Gần 20 năm trước T Y đã thường đến nhà tôi bút đàm với Bố, chắc một phần là để điều tra tìm hiểu về dân tình. Tôi trọ học ở xa, mỗi tuần đạp xe hơn 20 km về thăm nhà một lần rồi vội vã trở lại thành phố. Từ năm 65 trở đi, quê nhà tôi bình yên, người dân tản cư đi xa đã quay trở lại. Ruộng lúa, ruộng mía lại đơm bông trong cảnh làng xóm vui sống thanh bình như những 10 năm đầu đời (1953-1963) tuổi thơ tôi đã sống qua. Nhờ có quân đội Nam Hàn giữ an ninh, người dân làng không còn sợ bất an, tôi viết:

*Quê nhà bình yên mẹ con trở về nơi vài năm trước
Vài năm sau còn lại đám rừng hoang
Con dựng nhà, mẹ gầy lại mảnh vườn
Mùa Tết quê hương vàng hàng hoa điệp nở*

Sau năm 72, sau trận chiến khốc liệt mùa hè đỏ lửa, chính sách Việt Nam Hóa chiến tranh bắt đầu áp dụng và từ từ quân đội đồng minh như Nam Hàn, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Luật Tân... theo chân quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam, bỏ lại một miền Trung đã tan hoang vì bom đạn, và để lại trách nhiệm giữ đất, chống giặc cho những người lính Cộng Hòa. Năm 72, tôi rời Qui Nhơn lên Dalat theo học Đại Học. Năm 75 theo tàu hải quân ra khỏi nước, đến Mỹ. Tôi không ngờ có một ngày được đưa về lại Á Châu làm việc và gặp lại một người quen của gia đình trên quê hương anh.

Nhờ có kinh nghiệm sống và làm việc ở Việt Nam trong thời chiến, trước khi về hưu năm 2010, T Y được công ty Samsung mướn về Bắc Ninh làm giám đốc địa phương một thời gian. Từ thời Việt Nam có chính sách đổi mới, mở cửa kêu gọi đầu tư nước ngoài năm 1986, Hàn Quốc là nước đầu tư nhiều nhất vào một đất nước với hơn 94 triệu dân, một lực lượng nhân công đông, trẻ và rẻ. Riêng công ty Samsung, với 3 nơi sản xuất điện thoại di động tại Bắc Ninh, Tuyên Quang và Saigon, đã đóng góp 36 tỉ đô la,

bằng 22.7% trong tổng số hàng xuất khẩu của Việt Nam năm 2016. Có ai ngờ hai nước đã từng là thù địch trong thời chiến lại có ngày sát cánh bên nhau trong lãnh vực kinh tế thời bình. Trong thời gian làm việc tại Bắc Ninh, qua tìm hiểu kỹ về gia phả, T Y cũng biết ông tổ của mình đến từ vùng đất này. Anh vui mừng gọi điện thăm tôi năm 2013, kể cho tôi biết tin này. Anh nói trong xúc động: "Thảo nào mình rất mến người Việt, vì trong máu của mình cũng có giòng máu của Việt Tộc". Tôi cười nói đùa với anh ta: "Biết đâu hai ta chẳng là người từ một giòng họ. Họ Lý qua được Hàn quốc vẫn giữ gốc họ Lý, còn tổ tiên tôi không thoát được phải đổi thành họ Nguyễn..."

Năm 1975 Miền Bắc xua quân xâm chiếm Miền Nam, hàng trăm ngàn người Việt lại liêu chết bỏ nước ra đi vì sợ bị tẩm máu, tù tội. Danh từ Thuyền Nhân Việt Nam được thế giới nhắc đến nhiều. Họ đâu biết trước đó 750 năm cũng đã có những thuyền nhân ra đi tị nạn vì thù oán chính trị sau khi triều đình đổi ngôi. 765 năm sau, con cháu những thuyền nhân người Việt đầu tiên đó đã quay về đất tổ. Kẻ thù ra tay giết hại giòng họ Lý năm xưa giờ cũng chỉ còn tên trên những bia danh và cổ sử. Nhưng nay, 43 năm sau, những người của chế độ mới ra tay đàn áp, tù đày, cướp bóc và bạc đãi người miền Nam năm 1975 thì vẫn còn ngồi đó nắm quyền sanh sát. Chẳng lẽ phải chờ hàng trăm năm sau, con cháu chúng ta, những thuyền nhân ra đi tị nạn, mới thấy yên tâm trở về quê nhà?

Nhớ lại năm 1963, năm quê nhà tôi bị Việt Cộng chiếm đóng, nhà thơ đất Quảng Nam mệnh yêu Nguyễn Nho Sa Mạc, mất năm 20 tuổi, đã viết những lời thơ như tiên tri:

*Tôi khôn lớn nhìn nỗi buồn đất nước
Một giòng sông biên giới hai loài người
Nỗi đau đớn chất chông cao bằng núi
Ôi Sài Gòn, ôi Hà Nội cháy trong tôi*

Đó là thời chiến tranh đất nước còn chia đôi, Hà Nội còn quá xa lạ với Sai Gòn. Nay hòa bình đã qua gần 43 năm mà sao những câu thơ trên nghe như thi sĩ mới viết hôm qua. Tôi đã nhiều lần về thăm nhà, dạo phố Sài Gòn, du lịch Hà Nội, nhưng trong tôi hình như giòng sông biên giới của nhà thơ NNSM vẫn còn chảy mãi. Nhớ lại một ngày đầu tháng 3 năm 75, chào từ già gia đình đi vào Nam lánh nạn, Bố tôi ôm tôi vào lòng dặn dò con trai dù đi xa, sống xa nhà tôi phải ráng sống làm người lương thiện. Hôm nay, viết bài này, tôi chợt nhớ những câu thơ cũ, cũng của nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc, anh viết như lời dặn của Cha tôi lúc chia ly:

*Xã hội vẫn chông cao từng đống rác
Đất nước mình khói lửa ngót nhiều năm
Cần những bàn tay giữ giống da vàng
Cần những tâm hồn biết thương và biết khóc
Nụ hôn nào ngày xưa vừa chớm mọc
Lần đầu tiên Ba đã hôn tôi
Đất nước tôi đang thiếu những con người
Con phải sống nhưng không vì cơm áo*

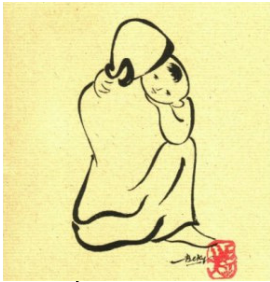
Vâng thưa Cha, cho dù sống ở nơi nào, dù không là quê cha đất tổ, con cũng ráng sống như lời Cha dặn. Và những thế hệ con cháu của những người tị nạn về sau, trên xứ người sẽ đạt được những thành công lớn và làm rạng danh dân tộc Việt. Nhưng điểm chính là phải sống làm người lương thiện, sống không vì cơm áo, sống để giữ giống da vàng, sống biết thương biết khóc để chờ một ngày thuận lợi quay về, như Lý Xương Căn, Lý Tùng Tuấn và bạn tôi Lý Hoàng Tất đã quay về với quê Cha đất Tổ. Ngày đó sao thấy còn xa quá!

Nguyễn Lương

Horsham, Pa tháng 01, 2018

Trần Thị Nguyệt Mai

Mẹ



MẸ BÉ CON
tranh Bé Ký

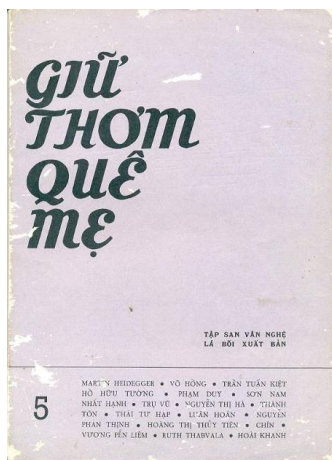
Mẹ già tóc vờng tuyết bay
Lưng còng mỗi gánh nặng ngày thanh xuân
Hom hem má hóp da nhăn
Liều xiêu gậy chống bước chân rã rời
Cuộc đời chẳng có gì vui
Mẹ thân cò vạc hứng đời bể dâu

Những ngày xưa quá khổ đau
Mẹ, con thuyền nhỏ chống chèo sóng to
Trước sau sau trước mẹ lo
Cho chồng con đến bến bờ bình yên

Mẹ, là một bà tiên
Là quà tặng Thượng Đế ban cho người
Suốt đời lo lắng mẹ ơi
Tình yêu thương chẳng nghỉ ngơi bao giờ
Mẹ, như một bài thơ
Đẹp hoài từ thuở đại khờ tim non...
18-01-2018

PHẦN CHỦ ĐỀ

GIỚI THIỆU
NGUYỆT SAN GIỮ THƠM QUÊ MẸ



TRẦN HOÀI THU

GIỮ THƠM QUÊ MẸ (1965 – 1966)

Giữ Thơm Quê Mẹ (GTQM) là một tập san văn nghệ ra hàng tháng do Lá Bối xuất bản. Số 1 phát hành tháng 7 năm 1965. Số cuối cùng tháng 12 phát hành tháng 6 năm 1966. Từ số 1 đến số 8 nhà thơ Hoài Khanh coi sóc. Từ số 9 đến số cuối cùng (số 12), nhà thơ Trữ Vũ thay thế nhà thơ Hoài

Khanh.

Ra đời vào lúc cuộc chiến leo thang, với những trận đánh quy mô diện địa, lúc mà nổi bất an ve vuốt mọi người mọi lứa tuổi, lúc mà xã hội bị rung bật gốc vì sự có mặt của quân đội đồng minh, GTQM đã được đón nhận với tất cả thiện cảm của một số người, độc giả lẫn văn hữu. Bởi nó đã ít ra cũng đáp ứng phần nào niềm khao khát và ước mơ của người dân là mong chiến tranh được sớm chấm dứt.

Khác với các tạp chí khác, ở số đầu thường có Thư Tòa soạn viết về chủ trương, đường hướng của tạp chí, nhưng ở đây, GTQM thì không có thông lệ này. Tuy vậy, người đọc cũng biết ngay nó là một tạp chí văn chương nghệ thuật có đường hướng dựa vào tư tưởng Phật giáo, chống chiến tranh một cách tích cực, mà linh hồn tờ báo là Nhất Hạnh.

Bút danh Nhất Hạnh có mặt thường xuyên trên hầu hết các số báo. Từ thơ đến văn. Từ tâm bút đến luận thuyết hay tiểu luận. Hai tiểu luận dài là *Nẻo về của Ý* và *Nói với tuổi hai mươi* được đăng nhiều kỳ.

Số Xuân Bính Ngọ (7-9) là số báo hùng hậu nhất với sự góp mặt của Nguyễn Hiến Lê, Nhất Hạnh, Võ Hồng, Kim Tuấn, Vũ Đình Lưu, An Châu Lan, Ruth Jhabvala, Tuấn Huy, Vương Hồng Sển, Quế Thanh, Chín, Hằng Hà Sa, Thành Tôn, Đinh Cường, Sơn Nam, Viên Linh, Cao Trúc Vũ, Hải Triều, Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Phạm Duy, Uyên Hà, Lưu Nghi, Thái Tú Hạp, Lạc Hà, Vương Pên Liêm, Phạm Công Thiện, Chinh Văn, Nguyễn Phan Thịnh, Nguyễn Kim Phụng, Định Giang, Hà Nguyên Thạch, Hoài Khanh...

Những tác giả có bài thường xuyên nhất là Nhất Hạnh rồi đến Chín (truyện ngắn), Thành Tôn (thơ), Hoài Khanh (thơ), Trụ Vũ (thơ), Tam Ích (thời sự văn học), Hồ Hữu Tường (Tạp văn), Võ Hồng (truyện), Chinh Ba (truyện),

Dương Nghiễm Mậu (truyện)...

Riêng về nhạc, có tất cả 7 bài Tâm ca của Phạm Duy được đăng trên GTQM.

KHUYNH HUỞNG VĂN CHƯƠNG TRONG GTQM

Chống chiến tranh, đề cao tư tưởng Phật giáo

Khác với tạp chí Văn Nghệ có mặt trước đó hai năm với chủ trương văn chương phải đấu tranh, phải gia nhập, luôn luôn cảnh báo về cái hiểm họa Cộng Sản thì ngược lại GTQM đã quay 180 độ cái nhìn về cuộc chiến. Trên GTQM số 12, dưới tiêu đề “Tất cả trái tim chúng tôi đều hướng về họ”, - một bài viết về chính trị duy nhất trên GTQM - tác giả Phi Chiến nói rõ hơn về lập trường của GTQM:

“... không phải chúng tôi sẵn sàng mở cửa vào miền Nam Việt Nam này, không phải là chúng tôi bỏ cuộc tranh đấu chống lại sự xâm nhập của Cộng Sản. Nhưng chúng tôi có đường lối chống Cộng của chúng tôi, khác hẳn với đường lối của người Mỹ.

“Đạo Phật đại từ đại bi vẫn có đại hùng đại lực để ngăn chặn tất cả những chủ nghĩa ngoại lai không có gốc rễ trong dân tộc. Và đạo Phật sẽ có đủ đức độ đem tình thương phủ lên sắt thép.”

Quan niệm “đem tình thương phủ lên sắt thép” được tìm thấy trên một số thơ văn đăng trên GTQM. Khi thì bàng bạc, khi thì đậm nét. Không còn “tội Cộng Sản đang đe dọa chúng ta. Chúng muốn gì đây?” như nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã cảnh báo trên Văn Nghệ, mà là con quái vật không hình không dạng là “chiến tranh”. Chưa bao giờ chiến tranh bị kết án, nguyên rủa, oán trách thậm tệ như thế.

Làm như chiến tranh là một bạo chúa có thật, không hơn không kém.

Đợi cho đến khi có bài Tâm ca số 7 của Phạm Duy ra đời, thấy ghi trên mục lục của GTQM số 7 nhưng trang ruột thì không, thì con quái vật kia mới được mô tả cặn kẽ:

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai?
Kẻ thù ta tên nó là gian ác
Kẻ thù ta tên nó là vô lương
Tên nó là hận thù
Tên nó là một lũ ma (thế thì)*

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai?
Kẻ thù ta mang áo màu chủ nghĩa
Kẻ thù ta mang lá bài tự do
Mang cái võ thật to
Mang cái rổ danh từ
Mang cái mầm chia rẽ chúng ta (thế thì)*

.....

Bài hát như một kinh nhật tụng của một số người trẻ trí thức hay học sinh sinh viên bấy giờ. Mỗi lần hội thảo, biểu tình, hay họp hành, thì các tham dự viên cùng vỗ tay cùng đồng ca: *Kẻ thù ta đâu có phải là người/ Giết người đi thì ta ở với ai...* Những bài tâm ca ấy cộng vào nhạc Trịnh Công Sơn, đã ít nhiều gây những hoang mang ngò vức, chán chường chiến tranh không ít thì nhiều. Vâng, kẻ thù ta đâu có phải là người... Giết người đi thì ta ở với ai? Việt Cộng cũng là người, vậy giết Việt Cộng thì ở với ai?

Nhiều người kết tội Nhất Hạnh đã tiếp tay với kẻ thù khi ông làm tờ GTQM. Thật sự ông không có một bài văn bài thơ nào hô hào cổ xúy cho việc bùng súng hay xé hay đốt

lệnh gọi động viên như ở Mỹ. Lúc ông làm tờ GTQM cũng là lúc Đoàn Thanh niên Phụng sự Xã hội ra đời. Ông muốn tuổi trẻ thay vì “đốt tuổi” nên làm những công việc hữu ích cho tha nhân. *Nói với tuổi hai mươi* đã chứng minh được điều đó. Chỉ có Phạm Duy với Mười bài tâm ca do Lá Bối xuất bản vào tháng 10-1965, mới là “giết người đi thì ta ở với ai”. Và chỉ có những số sau đó, thơ văn phản chiến mới thật sự ló mặt trên GTQM.

GTQM VÀ THƠ VĂN PHẢN CHIẾN

THƠ

GTQM số đầu không thấy một bài văn hay bài thơ nào có tính cách chống chiến tranh. Nó không có tuyên ngôn, quan điểm, lập trường đanh thép. Nếu có chẳng, chỉ có bài thơ *Chỗ đứng* của Nhất Hạnh ở trang đầu tiên như xác định chỗ đứng của tạp chí:

*quê hương tôi là đây
chỉ có dòng sông, hàng cau, vườn chuối;
mặt đất dù mang đầy cát bụi
nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm.*

Đây, đâu có gì đụng chạm đến phản chiến hay chống chiến tranh hay chống Mỹ cứu nước đâu. Nó chỉ là tập hợp bài viết của những tác giả quen thuộc bấy giờ như Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện, Thành Tôn, Bùi Giáng, Hoài Khanh, Võ Hồng, Sơn Nam, Phạm Duy, An Di, Kim Tuấn, Chín, Tam Ích, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn, Bình Nguyên Lộc...

Mãi đến sau khi Mười bài tâm ca của Phạm Duy được Lá Bối phát hành vào tháng 10-65, thì thơ văn chống chiến tranh kêu gọi xóa bỏ hận thù bắt đầu bùng nổ *trên những*

trang giấy:

*Thôi xin ngừng tiếng hận thù
cho con tôi được tiếng ru đưa đường
chỉ cần những tiếng ru thương
“công cha như núi Thái Sơn”... ngọt ngào
là con thấy được trời cao
là con thấy được đường nào con đi
(Trụ Vũ. Tiếng Mẹ. GTQM số 9)*

Hay:

*cho đêm bình đóa mặt trời
cho thân thể mẹ qua rồi đón đau
cho em tiếng hát ngọt ngào
cho vầng suy tưởng chở vào giấc thương
cho chim hoa bướm mùa xuân
cho lời kinh kệ tan cơn oán thù
cho tàn binh lửa đôi bờ
cho cành dương nước cam lồ vô biên
(Thái Tú Hạp – Lời buồn treo cao. GTQM số 7)*

hay

*Trong bóng đêm
Địa cầu quê hương tôi đã mòn mỏi trông chờ
Giờ màu nhiệm để Vô Biên hé mở
Cho bóng tối tan đi với niềm lo sợ
Cho hội Long Hoa về
Để pháp âm tiếp nối bằng lời ca tiếng hát em thơ
Đêm nay xin mời phương trăng sao chứng minh
Cho địa cầu quê hương dâng lời cầu nguyện
Cho Việt Nam khỏi lửa*

*Cho Việt Nam điêu linh
Cho Việt Nam quần quai đắm chìm trong máu lệ
Sớm vừng dấy trong đau thương thế kỷ
(Nhật Hạnh, Đêm cầu nguyện. GTQM số 7)*

Hay :

*Tiếng khóc mẹ bay lên làm nổi nhớ
theo khối hương rộp nắm cỏ thanh xuân
cha nằm xuống tan thành cơn sóng nổ
trên quê hương cuộc chiến thảm loang dần...
(Thành Tôn, Mùa xuân nói xuống. GTQM số 7)*

Có tác giả biểu lộ thái độ phản chiến một cách nhẹ nhàng,
có người thì hẳn học, chua chát, khi thì phẫn nộ:

- *Thưa anh Việt Cộng là gì ?
- Mà còn nhỏ không cần biết. Hãy lo học đi.
- Anh đã giết bao nhiêu VC thưa anh?
- Làm sao tao biết. Biết gì chuyện giết người.
- VC có dữ lắm không?
VC có giống người Việt Nam không?*

- *Thằng nhỏ hãy câm mồm.
Tắt đèn đi ngủ.
Để tao nghĩ sáng mai lên đường.*

- *VC óm lám phải không anh?
Tại sao lại có VC?
Tại sao lại đánh nhau hả anh?*

- *Thằng nhỏ, hãy im nghe không
Đừng hỏi mà tao khóc
Đừng nhắc mà tao điên
Sáng mai tao còn lên đường...*

(Thái Luân: *Đổi thoại đêm 1953*, GTQM số 12)

Cả bài thơ trên là một tiếng kêu thống thiết của một nhà thơ trẻ quân nhân về một cuộc chiến nổi da xáo thịt mà chàng không chấp nhận, nhưng chàng không còn cách gì khác là phải tham dự. Phản chiến ở đây là do Chúa do Phật do “nhân chi sơ tính bản thiện” chứ không phải do chàng đâu. Chàng vẫn lên đường ra mặt trận mà. Chàng vẫn cầm súng gác lúc 3 giờ sáng mà:

*Bây giờ ba giờ sáng
sương xuống đầy trên vai
anh đứng ghìm tay súng
nghĩ nhiều về tương lai
về cuộc chiến tranh này
còn lâu lắm em ơi!*

.....

*bây giờ 3 giờ sáng
đêm đen, vô cùng đen...*

(Đỳnh Trầm Ca, *Phiên gác*, GTQM số 11)

VĂN:

Về lãnh vực Văn tạp chí GTQM là nơi mà các tác giả như: Nhất Hạnh, Chín, Chinh Ba có đất tốt để gieo trồng những mầm hạt văn chương của mình.

Một Yên Chi (bút hiệu cũ của Nhất Hạnh) tác giả truyện ngắn *Áo Tượng* từng đăng trên tạp chí Văn Nghệ vào năm 1962 nhưng phải đợi đến lúc nó được thay thế bởi bút danh

là Nhất Hạnh, người đọc mới nhắc nhở nhiều đến Áo Tượng.

Ai cũng biết Nhất Hạnh là người xuất gia mang áo nâu/xám sòng, đầu cạo tóc. Nhưng ở GTQM, ông là mẫu người khủng khiếp lắm. Ông lặn xả vào con đường hành động. Ông viết *Nói với tuổi hai mươi* để cổ xúy cho đường lối tu hành mới của ông. Đó là thái độ dấn thân tích cực:

“ Hình ảnh của con sông Cửu Long cuộn cuộn chảy là hình ảnh của những cuộc đời sẵn sàng lặn xả vào hành động. Hành động, phải hành động dũng cảm. Phải sẵn sàng đối phó. Phải trào lên, phải dâng cao. Phải xả cao hai tay áo, đi vào cuộc sống một cách tích cực”

(trích từ bút ký *Bến Tre*, GTQM số 2, trang 21)

Và ông đã xả hai tay áo thật. Dư luận có người khen, kẻ chê, người tung hô, kẻ chửi rủa. Đó là chuyện khác, ngoài lãnh vực văn chương. Chúng tôi xin được miễn bàn.

Tác giả Chín tức Cao Ngọc Phụng là người có bài thường xuyên đều đặn. Chúng là những ghi nhận dưới con mắt của một người du học có bằng cấp cao về nước để tham gia vào những công tác thiện nguyện. Cái nhìn ấy là nỗi đau xót của tác giả trước những người dân quê mộc mạc, nghèo khó, ít học, nhiều mê tín. “Làm sao niềm tin vừa chớm nở trong anh đủ sức khiến anh bớt khổ đau và tuyệt vọng đây?” (*Anh Tư Lo. Số 2*)

Nhà văn tôi nghĩ nổi bật nhất trên GTQM là Chinh Ba mà truyện ngắn *Bài Thơ Trên Xương Cột* là một trong số những truyện hay nhất tôi được đọc.

Tôi nhớ trước khi thực hiện Bộ Văn Miền Nam trong thời chiến, tôi gửi điện thư đến một số thân hữu với câu hỏi:

“Bạn còn nhớ bài văn nào vẫn còn mang dấu ấn đến bây giờ?” Nhà văn Nguyễn Lê Uyên thì cho biết: “Thư từ Tuy Hòa của Cảnh Cửu”. Còn nhà văn Nguyễn Minh trả lời là truyện: “Bài Thơ Trên Xương Cụt của Chinh Ba (1)” được đăng trên Giữ Thơm Quê Mẹ.

Một bài văn mà bạn tôi vẫn còn giữ khắc trong tâm trí suốt gần nửa thế kỷ, thì không thể là bài văn đọc-xong-rồi-bỏ-được.

Xin được trích ra đây một đoạn hơi dài để giải thích tại sao lại có “bài thơ trên xương cụt”:

“Lão năm, ngắm nghĩ, cười sảng sặc một mình rồi trở miếng đòn bí hiểm đó ra:

“Em Út nè! Đâu, em trích cái quần anh xuống một chút thử coi có cái gì, hà hà hà...”

Thật là một câu lỗ mãng và tục tũ mà chỉ có Ba Lò Heo mới thốt lên được một cách tự nhiên như vậy! Út Lê im lặng, sự im lặng có nghĩa như một tiếng khóc nức.

Lão Ba nói:

“Em thấy chưa? Ở trên chỗ xương cụt đó, thằng Bảy Kèn làm riêng bài thơ tặng anh. Học thuộc đi rồi hát cho anh nghe. Đừng có lòi thòi gì nữa hết.”

Út Lê vẫn im lặng. Bây giờ sự im lặng đọng lại thành một giọt nước trong khoé mắt tôi.

Bên kia vách, hình như men rượu đã ngấm đều vào máu Ba Lò Heo, lão rút con dao phay liếc rỗng rảng trên vành lu.

“Đọc, tao biểu mày đọc, không đọc thì bay đầu!”

Út Lê ghen ngào, đọc đi đọc lại bài thơ nằm ở chỗ kếm sạch sẽ đó.

Trong đời tôi, tôi đọc thơ cũng khá nhiều, tôi nghe người ta ngâm thơ cũng bộn, nhưng tôi chỉ biết có một bài thơ làm cho người đọc phải vừa đọc vừa khóc vì tủi nhục, ấy là bài thơ trên xương cụt của Ba Lò Heo.

Hắn có vị tò mò muốn biết bài thơ ấy hay ho như thế nào! Lúc đầu tôi đã toan ghi nó ra đây, nhưng e làm thế thì vô lễ với độc giả quá, nên lại thôi. Tuy vậy, nếu giấu đi cái phần độc đáo của bài thơ thì cũng tủi cho tác giả đã dùng một thứ kỹ thuật tân kỳ để làm cho những dục vọng của Ba Lò Heo được tâm quát đều đều qua từng câu từng chữ. Những dục vọng ấy chỉ súc tích trong những hạng người thường ngửa ngáy chỗ xương cụt, mà không muốn tự mình gãi cho mình.

Nếu nói một cách khôi hài thì Ba Lò Heo đã định nghĩa văn nghệ là sự tâm quát dục vọng hoặc là sự làm-đã-ngửa chỗ xương cụt; nên lão đã đặt cơ sở nền văn nghệ trên chiếc xương cụt của lão.

Nghệ sĩ Út Lê không đồng ý như vậy, nên qua ngày hôm sau, thừa lúc lão Ba đi vắng, chị bồng đứa con riêng, bỏ nhà ra đi.”

Đó là một truyện ngắn duy nhất trên GTQM viết về sự hà khắc, ngu dốt của những kẻ lãnh đạo văn hóa bấy giờ. Nhưng nó vượt thời gian và không gian. Nó đúng cho hôm qua và bây giờ.

Một nhà văn có bài đăng nhiều trên GTQM là nhà văn Dương Nghiễm Mậu với những truyện: Khí hậu pháo xiết (số 1), Mỗi người (số 4), Kẻ nuôi máu (số 6), Thư viết từ một xóm quê (số 7 & 8). Các truyện này không hề đá động gì đến cuộc chiến hay suy nghĩ về cuộc chiến – đề tài sở trường và quen thuộc của ông.

Tôi không hiểu tại sao ông lại chọn GTQM để mà gởi trao những đứa con tinh thần của ông, trong khi ông đã từng cảnh báo về hiểm họa Cộng Sản trên tạp chí Văn Nghệ trước đó 3 năm. Hay là ông đã mất niềm tin?

KẾT LUẬN

Mặc dù chỉ 12 số ngắn ngủi nhưng GTQM đã tạo nên một hiện tượng trong nền văn học miền Nam bấy giờ. Đó là việc lấy tư tưởng Phật giáo để giải quyết chiến tranh, cổ xúy cho một cuộc đấu tranh “mang tình thương để dẹp sát thép”. Người ta có thể trách cứ GTQM tiếp tay vào sự làm sụp đổ miền Nam, nhưng xét cho cùng, chính quyền miền Nam vẫn xem chủ trương “lấy tình thương để xóa bỏ hận thù” làm quốc sách mà. GTQM chỉ là những tuyển tập văn chương không hơn không kém. Đọc xong có thể bỏ vào tủ sách gia đình hay vất vào sọt rác. Nhưng có một thứ không thể vất được. Đó là những bài Tâm ca của Phạm Duy. Tôi tự hỏi tại sao chính quyền thời ấy kiểm duyệt bôi đen chữ bom trong hai chữ bom lửa (truyện Đóa sen vàng của Chinh Ba), nhưng tại sao vẫn cho phép Mười bài tâm ca được xuất bản, được hát khắp nơi, được thay vào những bài hát chào cờ hay mặc niệm...: *Kẻ thù ta đâu có phải là người. Giết người đi thì ta ở với ai ...*

Để bây giờ phải trả bằng một giá quá đắt.

Vậy thì nếu trách thì trách ai đây? GTQM hay là nhạc sĩ

Phạm Duy hay là vì sự lơ là của đám kiểm duyệt bấy giờ?

(1) Chinh Ba tên thật Phan Tấn Nhựt, nguyên quán Bảo An, Điện Bàn Quảng Nam, sinh năm 1934.

Các bút danh khác: Phan Phong Chinh, Trọng Cửu, Thông Mai, Thảo Nguyên, Cước Nguyên, Kiều Mỹ Vân, Hà Thời Đán. Từng cộng tác với các báo: Nhân Loại, Ngày Mới, Bông Lúa, Mã Thượng (chủ biên), Giữ Thơm Quê Mẹ, ...

Riêng truyện “Bài Thơ Trên Xương Cốt” được nhà thơ Hoài Khanh chọn đăng trên tập san Giữ Thơm Quê Mẹ số 4, tháng 10-1965, sau đó nhà xuất bản Lá Bối in chung với nhiều tác giả trong tuyển tập “Áo Tượng”.

Đã học:

Tiểu học: Trường Bảo An

Trung học: Tam Kỳ, Quảng Ngãi

Đại học: Sorbone, Pháp

VIÊN LINH

Báo chí miền Nam trước 1975: Giữ Thơm Quê Mẹ của nhất hạnh

Trong các tạp chí văn học tại miền Nam, Giữ Thơm Quê Mẹ xuất hiện trên các sạp báo và các tiệm sách vào tháng 7, 1965 với một khuôn khổ lớn, 18x25cm, khuôn khổ tương tự tờ Thế Kỷ Hai Mươi năm 1960, cùng với sự tập hợp những cây bút tên tuổi, hay có một quá khứ vào tù ra khám vì hoạt động chính trị: Hồ Hữu Tường, chủ trương Trung lập chế, và Tam Ích, trong nhóm Chân Trời Mới, thường được coi là nhóm “Đệ tứ,” một nhóm khuynh Tả, tiếng đương thời là “chủ nghĩa xã hội có khuynh hướng quốc gia,” để phân biệt với những người cộng sản theo Liên Xô.

Giữ Thơm Quê Mẹ vừa ra mắt đã gây được sự chú ý của người đọc, với bài thơ mở đầu tờ báo chỉ có 4 câu, và đăng nguyên trang 2 của số ra mắt:

*quê hương tôi là đây
chỉ có dòng sông, hàng cau, vườn chuối;
mặt trái đất dù mang đầy cát bụi
nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm*
(Nhất Hạnh, Chỗ Đứng, GTQM 1)

Trong cả bài thơ chỉ có chữ Rằm viết hoa ở chữ R, còn tất cả viết thường, kể cả bốn chữ đầu dòng. Bài thơ trên của Su Ông Nhất Hạnh có thể hiểu như một tuyên ngôn, hay một Lời Phi Lộ, cho tờ báo. Tờ báo về quê hương đất nước, tờ báo đề cao truyền thống dân tộc (giữ thơm quê mẹ), “những đêm Rằm.” Lúc ấy Thượng Tọa Nhất Hạnh đã rất nổi tiếng với Bông Hồng Cài Áo (in lần thứ 2, năm 1965), Đạo Phật

Đi Vào Cuộc Đời và tập thơ Chắp Tay Nguyễn Cầu Cho Bò Câu Trắng Hiện. Ông ở ngoại quốc, song hiện diện trong sinh hoạt văn chương miền Nam qua nhà xuất bản Lá Bối, mà người điều hành (in trên giấy tờ) là Trương Phú. Trương Phú cũng là người quản trị tờ Giữ Thơm Quê Mẹ trong khi người phụ trách tòa soạn là nhà thơ Hoài Khanh. Trương Phú chính là Thanh Tuệ sau này.

Ngay trong Giữ Thơm Quê Mẹ số 1, Hồ Hữu Tường viết “Ngày trở về của đứa con hoang” và Tam Ích viết mục sở trường của ông: Ngày Lại Ngày, ghi nhận sinh hoạt văn nghệ trong và ngoài nước với những chú giải ngay trong bài. Và đặc biệt đây là tờ tạp chí văn nghệ đã mỗi kỳ đăng một sáng tác mới của nhạc sĩ Phạm Duy, kỳ đầu dành tới 4 trang đăng bài “Tiếng Hát Thật To!” nhạc và lời của ông:

*Tôi sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ ruộng già
Lời tôi ca lời tôi ca xin lúa đừng lo
Lời tôi thay cho tiếng đạn bay
Lời tôi xây cho vững tay cây
(Phạm Duy, GTQM 1, tr.54)*

Trong những số thiếp theo, Phạm Duy phổ thơ Nhất Hạnh, đưa ra những bài Tâm Ca 1: “Sáng nay vừa thức dậy, nghe tin em gục ngã nơi chiến trường.” Hay Tâm Ca 3: “Ngồi gần ngồi gần nhau...” Riêng Tâm Ca 4 rất được ham mộ: “Giọt mưa trên lá, tiếng nói thầm thì, bóng dáng Phật về, xoa vết thương trần thế...” Bản nhạc này góp phần dương danh cho tờ tạp san văn nghệ do một nhà sư chủ xướng, và cho ảnh hưởng Phật Giáo của thời đại đương thời.

Nhà văn Hồ Hữu Tường đã viết rất ngụ ý trong bài “Ngày trở về của đứa con hoang,” về tình cảnh của ông (và có thể là cho những người cùng hoàn cảnh): theo cộng sản chỉ ăn “vỏ đậu heo ăn,” nhưng trở về với quốc gia thì bị ném đá. Tác giả “Thằng Thuộc con nhà nông” vốn có lối viết hấp

dẫn, thường lấy một chuyện cổ tích hay một huyền thoại để vào đề, rồi mới bắt vào ý chính, nên rất hấp dẫn.

Tên tuổi Tam Ích thường đi chung với Thiên Giang, Thê Húc, ba cây bút trong Nhóm Chân Trời Mới ở Sài Gòn từ trước 1954. Mục Ngày Lại Ngày chiếm tới 5 trang của số 1 GTQM, trong đó ông viết từ Đông sang Tây, từ Pháp về Sài Gòn. Sinh hoạt văn nghệ giữa thập niên '60, và sau khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ tháng 11, 1963, có thể được phản ánh trong những dòng viết sau: “Cái giới văn nghệ vốn là một giới phi công thức. Họ không sống theo công thức có sẵn... Đối với họ, vệ sinh về tâm hồn quan trọng hơn là thứ vệ sinh về tất cả những gì làm ra cái bề ngoài của con người cần trang trí những trường hợp vật chất hơn là trang trí bên trong... Bản chất họ vốn là một bản chất dễ cảm xúc cho nên họ phản ứng ngay trước những chuyện bất công nhóp nhúa... Thái độ sống của họ vốn là thái độ đối lập với trật tự có sẵn, cho nên họ không theo công thức.” Cổ kim như vậy. Kể cả Hàn Dũ đời nhà Đường chẳng hạn: “Đại phạm vật bất đắc kỳ bình, tắc minh.” Nghĩa là vật không thỏa mãn thì kêu lên. Chính vì “bất mãn” nên “tắc minh” và ở vào thế đối lập. Và chính là nghệ phẩm phát sinh từ tình trạng tâm lý ấy. Ở đời chẳng có cái văn thơ thù tạc và mãn nguyện nào mà lại thành... danh văn bao giờ! Văn nghệ theo nghĩa “chính,” văn nghệ sĩ theo nghĩa chính là như vậy đó.” (Tam Ích, Ngày Lại Ngày, GTQM 1, trang 68). Ông có ý cho in chữ nghĩa và chữ “chính” bằng 2 dạng chữ khác nhau, độc giả có thể hiểu ngầm chữ đó là chính nghĩa.

Riêng Hoài Khanh, người phụ trách bài vở Giữ Thơm Quê Mẹ, là một nhà thơ, thi phẩm đầu tay nhan đề Dâng Rừng, xuất bản tại Sài Gòn năm 1957, quanh đó chúng tôi gặp nhau hàng ngày. Anh nổi tiếng với thi phẩm Thân Phận in năm 1962. Trong Giữ Thơm Quê Mẹ số ra mắt, anh góp

mặt với bài thơ trong đó hoán vị hoàn cảnh, như cách thận trọng hằng có:

*Nếu em đã cùng tôi trưa hôm đó
Chuyến xe Sài Gòn-Phú Nhuận ra đi
Tôi sẽ đưa em về miền cát bỏng
Cười lạc đà đi suốt cõi châu Phi...
Hắn đã về giữa dòng sông nước chảy
Của Á châu nhược tiểu khổ đau này
Hắn đã về giữa cát bưng sa mạc
Của Phi châu quần quại suốt trời mây*
(Hoài Khanh, Về Nguồn, GTQM 1, tr.8)

Trong số ra mắt còn những tên tuổi nổi tiếng khác: Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Bùi Giáng, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn, Kim Tuấn. Bài “Ngồi đợi ngoài hành lang” của Nguyễn Đức Sơn bị “đọc bỏ” lỗi chỗ. Đó là những chỗ tác giả nhắc đến vụ Tòa Đại sứ Mỹ bị đặt chất nổ, (trang 94) hay chỗ dùng mấy chữ “những tên lính lê dương chết đói đã và sẽ đến đây.” (trang 95).^[1]

Giữ Thơm Quê Mẹ không sống lâu, chúng tôi cũng chỉ có 6 số của năm 1965. Tờ báo chết không phải vì thiếu độc giả, trái lại. Dàn biên tập qui tụ những người nổi tiếng^[2], bài vở dăm viết, cho nên sự yếu mệnh của nó là do những nguyên do khác. Nó cũng không chết vì bị kiểm duyệt, vì báo bị kiểm duyệt là chuyện phải có tại một đất nước trong chiến tranh – lại là chiến tranh tương tàn. Nó chết vì những nguyên do nào đó. Sau này cô Cao Ngọc Thanh, em ruột bà Chân Không Cao Ngọc Phượng, thay thế ông Trương Phú về mặt trị sự, và Đại Đức Từ Mẫn thay thế Đại Đức Thanh Tuệ trông coi nhà xuất bản Lá Bối và việc xuất bản các tác phẩm của Sư Ông Nhất Hạnh. Hiện diện không lâu song “tập san văn nghệ” Giữ Thơm Quê Mẹ đã có đóng góp rất đáng kể trong sinh hoạt văn hóa báo chí miền Nam trong giai đoạn 54-75.

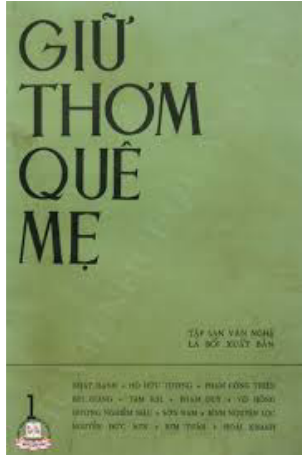
Viên Linh

[1] *Đục bỏ: Hồi đó nghề ấn loát ở Sài Gòn còn dùng loại chữ đúc trên những thỏi chì-thiếc, thỏi vuông vắn nhỏ xíu, dài cỡ 2cm, ví dụ hai chữ “con voi” là do ba thỏi chì có 3 chữ c, o, n và ba thỏi chì có ba chữ v, o, i ghép lại với nhau mà thành. Khi bài bị kiểm duyệt, nếu nhà in dùng 6 con chữ chính, thì người ta lộn ngược các con chữ lại, khi in ra chỉ thấy mấy ô vuông mực đen. Nhưng nhà báo không có tiền đâu mà in chữ nguyên thủy, dễ mòn, dễ hư phải bỏ đi, nên sau khi sắp chữ, dùng chì nấu lỏng, đổ lên các “khuôn chữ” của trang báo, thành ra một trang báo bằng chì. thợ in gắn các trang báo bằng chì để in báo, in xong lại gỡ xuống, nấu lỏng ra, lấy chì đúc chữ cho báo ngày hôm sau. Như thế các con chữ nguyên thủy vẫn còn nguyên, vẫn sắc nét như mới (vì nó có bị chạy qua máy in đâu; và như thế báo Việt Nam mới không sắc nét, mà lỗ chỗ, mực không đều, vì nét chữ là nét chì đúc lại.) [Khi báo bị kiểm duyệt, người thợ in lấy đục, búa, đục mảng chì có những câu bị kiểm duyệt đi, thành ra việc đó có tên là “đục bỏ.”]*

[2] *Một số tác giả khác có bài vở trong GTQM: Trần Tuấn Kiệt, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thụy Long, Viên Linh, Trụ Vũ, Võ Hồng, Thành Tôn, Vương Pên Liêm, Kim Tuấn, Định Giang, Hà Nguyên Thạch, Hữu Phương.*

(Nguồn: Internet)

**Giữ Thơm Quê Mẹ
và văn-học Phật-giáo
Nguyễn Vy Khanh**



Giữ Thơm Quê Mẹ, “nguyệt san văn-nghệ do Lá Bối xuất-bản”, do Nhật Hạnh chủ trương, Trương Phú (tức Thầy Thanh Tuệ) trị sự (GTQM và NXB Lá Bối) và Hoài Khanh 'coi sóc'; từ số 9, Trụ Vũ thay Hoài Khanh và cô Cao Ngọc Thanh thay Trương Phú (và Thầy Từ Mẫn phụ trách NXB Lá Bối). Nguyệt san có mục-đích phổ-dương văn-hóa dân-tộc và Phật giáo. Số ra mắt vào đầu tháng 7-1965, ra được 12 số (số cuối, tháng 6-1966, tị đình bản), với sự cộng tác của những nhà văn thơ đã nổi tiếng, quen tên và một số tên tuổi mới: Tâm Ích, Phạm Công Thiện, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hiến Lê, Vương Hồng Sển, Vương Pển Liêm, Đông Tùng, Thiều Sơn, Vũ Đình Lưu, Bùi Giáng, Võ Hồng, Thành Tôn, Dương Nghiễm Mậu, Sơn Nam, Nguyễn Đức Sơn, Kim Tuấn, Trần Tuấn Kiệt, Phạm Công Thiện, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Phan Thịnh, Đinh Cường, Hải

Triều, Nguyễn Kim Phụng, Viên Linh, Chinh Văn, Thành Tôn, Thi Vũ, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Thái Luân, Nguyễn Nho Nhượng, Trần Dạ Lê, Đĩnh Trâm Ca, Bình-Nguyên Lộc, Nguyễn Thụy Long, Kiên Minh, Lưu Nghi, Tuấn Huy, Định Giang, Văn Lệ Thiên (Lê Văn Thiện), Phạm Duy,...

Ngoài các sáng-tác và tiểu luận của các cây bút chủ trì Nhất Hạnh (đăng nhiều kỳ 2 tác phẩm Nẻo Về Cửa Ý và Nói Với Tuổi 20), Hoài Khanh, Trụ Vũ, Tam Ích, Hồ Hữu Tường, tạp-chí đã có công giới thiệu cây viết mới Chinh Ba (các truyện Đóa Sen Vàng, Bài Thơ Trên Xương Cụt, Bí, ... kịch Pho Tượng Linh Mai, v.v.), Chính (truyện ngắn), Vương Pển Liêm (giáo dục),... cũng như đã đưa tác phẩm triết học và văn học quốc tế đến với người đọc, những M. Heidegger, R. Barthes, ... bên triết học, luận thuyết; W. Faulkner, H. Hesse (bản dịch Hoài Khanh), A. Solzhenitsyn, E. Caldwell, A. Moravia, Lâm Trâm Khách (Đài Loan), Ruth Jhabvala,... bên văn-học, nhờ vậy đã được giới thiệu khá sớm ở Việt Nam.

Giữ Thơm Quê Mẹ chỉ với 12 số đã là một xuất phát ân sủng cho văn-nghệ ảnh-hưởng Phật giáo và luồng văn-nghệ, tư tưởng thoát ra ngoài khuôn khổ khoa bảng, nhà trường (và dư luận) cho đến lúc đó. Nghị luận và sáng-tác văn-nghệ hiện thực và muốn đáp ứng tâm thức con người thời đại, và đã được độc giả đón nhận như một món quà văn-nghệ bất ngờ.

Số ra mắt, tháng 7-1965, mở đầu với bài thơ Chỗ Đứng của Nhất Hạnh:

“quê hương tôi là đây
chỉ có dòng sông, hàng cau, vườn chuối;
mặt trái đất dù mang đầy cát bụi
nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm” (tr. 2).

Kể là những bài thơ của Bùi Giáng (Ruộng Đồng Mọc Cỏ, Dưới Trời), Hoài Khanh (Về Nguồn), Phạm Công Thiện (Bất Nhị), ... và lời trần tình của Hồ Hữu Tường về quá-khứ Mác-xít và dân-tộc của mình: “Muốn “Giữ Thơm

Quê Mẹ” thì khắp đâu đâu, tín đồ của đạo thờ tổ quốc đốt xông lên trầm hương của khoan dung và tình thương. Bởi vì, chỉ có khoan dung và tình thương mới có mùi thơm. Còn căm hờn và hận thù bao giờ cũng tanh mùi máu” (“Ngày trở về của đứa con hoang.”, tr. 22) - đã như vạch những tiêu-lộ cho tạp-chí.

Đến số 10 (4-1966), nhà văn lão thành Thiều Sơn tiếp tục nêu vấn-đề “Nhà văn phải làm gì để giữ thơm quê mẹ?”, đã tự hứa (và chắc là nhân nhủ giới trẻ luôn) “*sẽ phải viết những gì khác hơn những cái tôi đã viết trước kia. Tôi phải nói lên đức hy sinh, lòng ái quốc, tinh thần bất khuất của dân-tộc để phản ảnh một phần nào giai đoạn lịch-sử mà tôi chứng kiến*” (tr. 20).

Bài vở đa dạng, với nhiều cây bút thơ văn, nghị luận. Nhất Hạnh ngoài thơ còn có truyện dài đăng-tùng-kỳ Nẻo Về Cửa Ý và những bài viết như “Bến Tre: ghi nhận địa lý văn-hóa” (số 2, 8-1965) nhân một chuyến công tác với sinh viên Phật tử, nhìn sông nước, cảnh vật đặc thù địa phương và dễ dòng suy tưởng giáo lý, văn-hóa, xã-hội và tâm thức trở về, cập nhật... dân thân: “... *án tượng con sông đỏ chảy cuộn cuộn trong mùa nước lên vẫn còn sâu đậm trên tâm hồn tôi, khiến tôi không thể ngồi đấy mà nghĩ mãi đến tre và dừa (...)* Hình ảnh của con sông Cửu Long cuộn cuộn chảy là hình ảnh của những cuộc đời sẵn sàng lặn xả vào hành động. Hành động, phải hành động dũng cảm. Phải sẵn sàng đối phó. Phải trào lên, phải dâng cao. Phải xấn cao hai tay áo, đi vào cuộc sống một cách tích cực” (tr. 21-22)

Văn thơ tỏ ra những nét rất riêng, một số đại diện cho những tiếng nói “thiếu số” “ngoài lề” về văn-hóa và chính-trị. Riêng thơ, về sau được tập trung trong Tuyển Tập Thơ Giữ Thơm Quê Mẹ, như “*một vườn hoa thơ bị vùi dập vì giông bão chiến họa trên lòng đất mẹ Việt Nam nhưng vẫn vươn lên khoe sắc*”, “*một tổng hợp tiếng nói về quyền sống, về tình yêu thương*”.

*

Trong chuyên-khảo về Văn-Học Miền Nam (2016), để dễ phân biệt, chúng tôi đã xếp một Nhóm Giữ Thơm Quê Mẹ chuyên về văn hóa dân tộc và Phật giáo. Thật vậy, chỉ sau ngày đảo chánh 1-11-1963, các sinh hoạt về báo-chí với những tạp chí Tư Tưởng, Vạn Hạnh, Giữ Thơm Quê Mẹ,... và về xuất bản với các nhà Lá Bối, An Tiêm, Ca Dao... đã lớn dậy, nhất là với sự xuất hiện của các tổ chức, cơ sở Phật giáo, nhất là với sự thành lập đại học Vạn Hạnh. Các tác giả Phạm Công Thiện, Nhất Hạnh, Trụ Vũ, Phổ Đức, Võ Hồng, Hoài Khanh,... đã cho ra đời nhiều tác-phẩm qua các thể-loại khác nhau, nhưng nói chung, liên quan hoặc ảnh-hưởng xa gần với triết lý và văn-hóa Phật giáo hoặc những luồng tư tưởng mới hay ngoài luồng kinh điển, giáo khoa thịnh hành. Nhưng các sinh hoạt văn-hóa theo tình thế chính-trị đã nghiêng về tranh đấu. Nếu một số giáo-sư, trí thức, văn-nghệ sĩ phía Công-giáo từ bảo thủ dần dà nghiêng hẳn về phản chiến, thì bên Phật giáo, một trong những nhóm chủ trương hòa-bình kiểu khác và đang tìm cách tuyên truyền thuyết phản chiến và nguy hòa trên một số các quốc gia tự do, trong đó có cả Hoa Kỳ, và liên hệ đến giáo hội Việt Nam thống nhất, là nhóm Thích Nhất Hạnh chủ trương và lãnh đạo, song hành với một nhóm có tính “chính khách” hơn chung quanh nhân-vật Thích Trí Quang.

Triết lý, tín ngưỡng Phật giáo (chủ hòa, không sát sinh,...) phần nào đó cũng đã thật sự ảnh-hưởng đến phong trào phản chiến – hoặc con người sử-dụng để “tranh đấu” và làm chính-trị. Giữ Thơm Quê Mẹ muốn làm tiếng nói của lương tri Phật giáo và dân tộc, vào thời chiến tranh leo thang với việc Hoa-Kỳ đổ quân trực tiếp tham gia chiến-tranh. Cùng với các vị trí thức Công-giáo thiên tả Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Chân Tín, Trương Bá Cần, Nguyễn Ngọc Lan, v.v. qua các báo Hành Trình, Đất Nước, Đồi Diện, Nhất Hạnh với nhà xuất bản Lá Bối, báo Giữ Thơm Quê Mẹ: đã lên tiếng phản chiến mà họ xem như là

*một lối giải quyết cuộc chiến tranh huynh đệ nhưng chủ động bởi các thế lực ngoại lai – nhưng lại theo phong trào phản chiến ở Mỹ và một số nước Âu Mỹ! Nhiều số Giữ Thom Quê Mẹ - cũng như với các báo khác, bị kiểm duyệt phải bôi đen nhiều câu, nhiều đoạn, điển hình trong các truyện ngắn *Thư Viết Từ Một Xóm Quê* của Dương Nghiễm Mậu, *Ngồi Đợi Ngoài Hành Lang* của Nguyễn Đức Sơn, *Lý Do của Văn Lê Thiên*, *Giao Thừa Bệnh Viện* của Hằng Hà Sa, *Hoa Vòng Đỏ* của Nguyễn Phước, kịch *Pho Tượng Linh Mai* của Chinh Ba,... ; đặc-biệt truyện ngắn *Hoa Vòng Đỏ* (số 3, 9-1965), kiểm duyệt đã cắt hết những ý mà nhân-vật vừa tìm ra để viết nên tác-phẩm “*Hoa Vòng Đỏ*” làm như muốn bắt người đọc phải tự nghĩ ra!*

Các tạp-chí khác ở miền Nam thời bấy giờ như rõ rệt theo một đường lối, nhóm... Cho nên GTQM ra đời còn được hiểu như để làm nơi thử nghiệm triết lý Hiện sinh, Hiện-tượng luận,... cũng đến với giới trí thức và giới trẻ qua con đường Phật giáo, nhất là từ những năm 1965 với đại học Vạn Hạnh, các tạp-chí và giáo-sư thuộc Phật học như Tư Tưởng,, ... các giáo-sư, tác-giả như Phạm Công Thiện, Nhất Hạnh, Ngô Trọng Anh, Lê Tôn Nghiêm, Tam Ích, v.v.

*Cho nên, Giữ Thom Quê Mẹ không khỏi không tham gia đấu tranh và cổ võ hòa bình. Phi Chiến (không rõ tên thật, tiểu sử!) xuất hiện trên số 11 (5-1966) với bài “*Lương tâm của nhân loại và lương tâm của con người*” dùng thư từ của sinh viên nêu vấn-đề với các giáo-sư, trí thức mà mọi người xem như là “*lương tâm của nhân loại*” đã “*đồng lõa với kẻ xâm lăng*”, với guồng máy chiến-tranh. Theo ông, tầng lớp sinh viên, học sinh còn nặng tinh thần dân-tộc nên mới thật sự “*đại diện cho lương tâm của nhân loại*”, và cuộc “*cách mạng*” mới này phải đi lại từ dưới đi lên “*theo đường lối dân-tộc với khả năng và xương máu của dân-tộc để cải tạo cái xã-hội sa đọa này*” – bài của Giữ Thom Quê Mẹ mà cứ như của báo đấu tranh in ronéo của sinh viên*

xuống đường!

Đến số cuối 12 (6-1966), *Phi Chiến* lại xuất hiện với bài “*Tất cả trái tim chúng tôi đều hướng về họ*” – “*họ*” ở đây là một “*Liên Minh Hòa Bình*” có khả năng của đạo Phật. Nhân vụ binh lính Hoa-Kỳ nổ súng sau nhà Quốc-hội, ông (hay bà) này đòi Mỹ rút quân về nước và “*chấm dứt chiến-tranh để nối lại tình giao hảo giữa hai dân-tộc*” Việt và Mỹ: “*không phải chúng tôi sẵn sàng mở cửa cho Việt cộng vào Miền Nam Việt Nam này, không phải là chúng tôi bỏ cuộc tranh đấu chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa Cộng Sản. Nhưng chúng tôi có đường lối chống Cộng của chúng tôi, khác hẳn với đường lối của người Mỹ*”. *Phi Chiến* dẫn lời Th. T. Thích Trí Quang: “*đạo Phật đại từ đại bi vẫn có đại hùng đại lực để ngăn chặn tất cả những chủ nghĩa ngoại lai không có gốc rễ trong dân tộc. Và đạo Phật sẽ có đủ đức độ đem tình thương phủ lên sắt thép*” (tr. 16)

Dĩ nhiên, còn có những bài viết khác, như *Thiên Ân* trong số 3 (9-1965) có bài “*Asoka một chính-trị gia vĩ đại hay là nền hòa bình đích thực cho con người*” nhằm người tu sĩ nhưng có thể hiểu là mọi người, đã bàn đến chiến-tranh và chính-trị Chánh pháp cùng “*tinh thần khoan đại, tự do và khai phóng của Asoka*” trong việc thu phục lòng dân.

Vài tác-giả

Nhất Hạnh tên thật Nguyễn Xuân Bảo, sinh 1926 Thừa Thiên, còn ký Hoàng Hoa và Nguyễn Lang, năng động sau khi du học Hoa-Kỳ (Princeton University đầu thập niên 1960) về, hiện diện trong sinh hoạt văn-học miền Nam từ thơ văn đến biên-khảo tôn giáo, lịch-sử cùng hoạt động xã-hội, chính-trị. Trước 1975, tác-phẩm đều do nhà Lá Bối của ông xuất-bản, về thơ văn có *Chấp Tay Nguyễn Cầu cho Bò Câu Trắng Hiện* (1965), *Tình Người* (1964), *Bông Hồng Cài Áo* (1965), *Tiếng Đập Cánh Loài Chim Lớn* (1967), *Nẻo Về Cửa Ý* (1967), *Nói Với Tuổi Hai Mươi* (1966) – cả 2

đã (bắt đầu) đăng trên *Giữ Thơm Quê Mẹ*. Về các tác-phẩm thể-loại khác có *Vấn đề Nhận thức trong Duy Thức Học* (1969), *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* (ký Nguyễn Lang, gồm 3 tập, tập 1 xuất-bản trước 1975: Lá Bối 1974), *Nẻo vào Thiên học* (1971), *Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời và những tiểu luận khác* (1964), v.v. Nhất Hạnh đã có ảnh-hưởng đối với giới trẻ qua một số tác-phẩm văn-chương. Trích đoạn kết *Nẻo Về Cửa Ý*:

“Dưới con mắt của đại bi, không có tả không có hữu, không có thù không có bạn, không có thân không có sơ. Mà đại bi không phải là vật vô tri. Đại bi là tinh lực màu nhiệm của sáng chói. Vì dưới con mắt của đại bi, không có cá thể riêng biệt của nhân ngã nên không có một hiện tượng nhân ngã nào động tới được đại bi.

Em ơi, nếu con người có độc ác đến nước móc mắt em hay mổ ruột em và em cũng nên mỉm cười và nhìn con người bằng cặp mắt xót thương; hoàn cảnh tập quán và sự vô minh đã khiến con người hành động như thế.

Hãy nhìn con người đã đành tâm tiêu diệt em và đang tạo nên cho em những oan ức khổ nhục lớn lao như trăm ngàn quả núi, hãy nhìn con người ấy với niềm xót thương. Hãy rót tất cả niềm xót thương từ suối mắt em vào người đó mà đừng để một gợn oán trách giận hờn xuất hiện trong tâm hồn. Vì không thấy đường đi nước bước cho nên cái người làm khổ em mới vụng dại lỗi lầm như vậy.

Giả sử một buổi sáng nào đó em nghe rằng tôi đã chết tằm tối và tàn bạo vì sự độc ác của con người, em cũng nên nghĩ rằng tôi đã nhắm mắt với một tâm niệm an lành không oán hận, không tủi nhục. Em nên nghĩ rằng giờ phút cuối tôi cũng không quay lại kẻ thù ghét con người. Không, con người chẳng bao giờ đáng cho ta thù ghét. Nghĩ như thế chắc chắn em sẽ mỉm cười được, rồi nhớ tôi, đừng em, em cứ đi. Em có một nơi nương tựa mà không ai có thể phá đổ và cướp giật đi được. Và không ai có thể làm lay chuyển niềm tin của em, bởi vì niềm tin ấy không nương tựa nơi bất cứ một giả lập nào của thế giới hiện tượng. Niềm tin ấy và

tình yêu là một, thứ tình yêu chỉ có thể phát hiện khi em bắt đầu nhìn thấu qua thế giới hiện tượng giả lập để có thể thấy được em trong tất cả và tất cả trong em.

Ngày xưa, đọc những câu chuyện như câu chuyện đạo sĩ nhẫn nhục để tên vua cường bạo xéo tai cắt thịt mà không sinh lòng oán giận, tôi nghĩ đạo sĩ không phải con người. Chỉ có thánh mới làm được như vậy. Nhưng Nguyên Hưng ơi tại lúc đó tôi chưa biết đại bi là gì. Đại bi là sự mở mắt trông thấy. Và chỉ có sự mở mắt trông thấy tận cùng mới khiến cho tình thương trở thành vô điều kiện, nghĩa là biến thành bản chất đại bi. Đạo sĩ nhẫn nhục kia đâu có sự giận hờn nào mà cần nén xuống? Không, chỉ có lòng thương xót. Giữa chúng ta và vị đạo sĩ kia, và vị Bồ-tát kia, không có gì ngăn cách đâu, Nguyên Hưng. Có thể tình yêu đã dạy cho em rằng em có thể làm được như Người. Thời em đã lớn rồi tự lo liệu lấy.

Chiều mai tôi phải đi rồi. Những giòng chữ viết đêm nay, tôi sẽ không có thì giờ đọc lại. Nguyên Hưng, cho tôi dừng ngang đây. Ngày mai tôi sẽ còn gặp em trước khi lên đường. - Saigon 11-5-1966”

Tam Ích phụ trách mục “Ngày lại ngày” “sổ tay” tạp biên văn-nghệ trên Giũ Thơm Quê Mẹ. Ông vận động cho một nền văn chương dân tộc sống động, là ‘văn chương miền Nam vạm vỡ,’ như ông viết trong bài “Văn chương Tân Duy Nhiên ở Việt Nam” đã đăng trên Khởi Hành, và trên Giũ Thơm Quê Mẹ ông cho rằng “Trong văn-nghệ có vấn-đề “Giải quyết” và có vấn-đề “Hướng lên”” (số 2, 8-1965, tr. 27-34): hãy bỏ chuyện hô hào làm văn-nghệ “hướng lên” mà không rơi vào bệnh “ấu trĩ”, để nhắm làm sao “cho hay” trước rồi mới bàn đến “tinh thần” và “ý hướng” sau ... Các tác-phẩm Kêu Thương (chứng ngôn, dịch-thuật, An Tiêm, 1967), Trẻ Guernica (dịch-thuật, Lá Bối, 1968, nguyên tác của Hermann Kesten, Tam Ích “diễn” ra Việt ngữ theo bản tiếng Pháp của Blanche Gidon, Tam Ích giải thích tại sao ông không hẳn là dịch mà

“ráng và thử” diễn: “Diễn là hiểu cho đến cực tế cực vi ý của tác-giả, rồi đem ý ấy diễn ra việt ngữ – và nếu – có chữ nếu - diễn được cái hay thì cái hay đó nằm luôn ngay trong việt ngữ chẳng hạn làm cho độc giả có ấn tượng là đang đọc tiểu-thuyết việt ngữ chứ không phải đọc tiểu-thuyết ngoại ngữ” (“Ngày lại ngày – Sổ tay văn-ngệ”. Giữ Thơm Quê Mẹ, số 4, 10-1965, tr. 30). Ông còn cổ động kịch tiên phong: “Văn-chương Kịch tiên phong và ... chúng ta” (đã đăng Giữ Thơm Quê Mẹ, số 3, 9-1965, tr. 44-50)

Phạm Công Thiện đăng một số bài viết về triết lý, như “Vài suy tưởng triết học – rút từ tập Nhật ký” (số 1), về siêu hình học,... nhưng trên GTQM, ông không đi xa trên con đường thử nghiệm triết lý khởi từ thân phận Việt-Nam. Hồ Hữu Tường cũng chỉ hồi tưởng và muốn truyền lại một số kinh-nghiệm làm văn-hóa và làm báo, viết văn.

Chinh Ba (tên thật Phan Tấn Nhật, sinh năm 1934, nguyên quán Điện Bàn, Quảng Nam) nổi với truyện ngắn Bài Thơ Trên Xương Cụt đăng Giữ Thơm Quê Mẹ (số 4, 10-1965) vẫn được xem là có ý phê bình chế độ kiểm duyệt, cuộc chiến giữa nàng Út Lệ và Ba Lò Heo là cuộc đấu tranh không thể tránh dù không muốn, giữa nghệ thuật và dao phay, giữa người “nghệ sĩ” và những áp đặt có hệ thống với mục đích cuối cùng phá đổ Tự Do và những đam mê nghệ-thuật – đó là nhận xét của độc giả, nhưng được yêu thích và xuất hiện trong tuyển tập Áo Tượng (1966) cũng như Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta (Sóng, 1974). Ngoài ra, Chinh Ba có truyện ảnh-hưởng Phật giáo như truyện ngắn “Đóa sen vàng” trong số 12 và ông còn là tác-giả vở kịch “Pho tượng Linh Mai” (số Xuân 7&8, 1&2-1966).

Dương Nghiễm Mậu có một số truyện ngắn nhưng không khác những truyện người đọc đã quen. Nguyễn Đức Sơn có một số truyện ngắn khai thác những góc cạnh tâm lý, tâm thần của con người sống ngọt ngọt, khó khăn trong

cuộc chiến.

*

Về thơ, một số tác-giả đã quen cùng với sự xuất hiện của một số tên tuổi và bút danh mới. Thi-ca ở đây cũng ca tụng tình-yêu, tình người và nói lên cả những ước nguyện hòa bình và chống chiến-tranh.

Luân Hoán tài tình gọn đưa tình-yêu vào một bài Ca Dao Tình-Yêu:

"Tóc em nổi sợi chưa vừa
cột chân tôi động theo mùa nước sông
đêm kẻ hôn bển hư không
mái tranh sương giọt đầy lòng chiêm bao
sẩy tay em rót sầu vào
chết thân tôi hiện ca dao tạ đời
mai người buồn miệng ngâm chơi
may ra tôi được lên trời đầu thai" (số 5, 11-1965, tr.

4).

Kim Tuấn vẫn những nụ Xuân, hoa đào, luôn sẵn sàng "anh cho em mùa xuân", nhưng ở "Nhìn lại mùa xuân" đã nhuộm màu buồn của cách biệt, chia xa,... - những gì đang xảy ra trên quê-hương:

"Đường đi dài bóng đổ / Mùa xuân xa chưa về
Chim trời bay mỏi cánh / Mây lưng chiều lê thê
Mắt em buồn vương vấn / Trăng xưa còn quên thê
Lúc nhớ nhà khói xám / Lạnh lòng in trời quê
Mùa xuân hoa đào nở / Xa em sao không về
Núi rừng thôi thương nhớ / Nước mắt nhòa bóng đêm

(...)

Xuân hồng đôi má thắm / Khóc thương ai mong chờ
Khóc thương người xa vắng / Giấc ngủ đầy mộng mơ
Mùa xuân không trở lại / Còn nhớ ai mong chờ
Tóc xanh màu tuổi trẻ / Em còn nhiều mộng mơ
Anh còn như mây trắng / Lang thang khắp phương

trời

Gió sương phai màu áo / Chiều nhớ nhà chơi voi
Lúc dừng chân xứ lạ / Chợt thăm yêu cuộc-đời
Bước mòn năm tháng cũ / Có gì đâu em ơi
Mùa xuân hoa đào nở / Anh thăm yêu cuộc-đời” (số
7&8, tr. 4)

Đình Cường : *Bài Ghi Từ Pleiku “tặng Kim Tuấn”*
khi đăng trên *Giữ Thơm Quê Mẹ* đã bị kiểm duyệt cắt 2
câu:

“Tôi năm trong phố chiến-tranh
Xe nhà binh chạy, dẫy thành đạn reo
Bụi tung mù mây đoạn đèo
Rừng âm u có người theo bước người
2. Sớm mai trở dậy qua đèo
Mù sương giăng búa hùi hùi đất trời
[kiểm duyệt 2 câu, vốn là:
xác người còn thắm máu tươi
xác ai, ai nhận khi ra trận tiền]
3. Em về thành nội ngủ yên
Bước chân lau sậy trắng miền mộng du
Chiều qua ra đứng Biển Hồ
Nhìn đôi xa thấy xa mờ dáng em” (số 7&8, tr. 5)

Anh Hoa: Nơi không gian núi rừng cao-nguyên, thi
nhân một mình đối mặt với quá khứ, bạn bè và vui buồn cõi
nhân sinh:

“Chùng như mưa đã vào mùa
Đường khuya im vắng rừng mờ hương đêm
Buồn nghe mưa lại buồn thêm
Xe tương lai chở lãng quên vào đời
Nhớ nhau tròn một câu cười
Mùa thu xưa vẫn nặng thời cổ sơ
Em về chết nửa giấc mơ
Một trang tâm sự bài thơ ân tình
Trăm sau ngàn trước mong manh
Lời ru thảo mộc túi hành trang theo

*Đời như chiếc lá rụng vèo
Trót đã mang phải ít nhiều thương đau
Luyến lưu tự phút giây đầu
Chiều qua phố vắng nổi sầu lên khuôn
Thương lên thác nhớ xuôi nguồn
Một vùng đêm lạnh nổi buồn cố nhân”* Pleiku 1957
(Mưa Cao Nguyên, số 2, 8-1965, tr. 71)

Đề tài chiến-tranh và hòa bình, phản chiến đã bắt đầu ngay từ những số báo đầu nhưng về cuối mới rõ nét với những nghị luận, truyện ngắn khác. Trước hết, qua nhiều số báo nổi rõ những ước mơ hòa-bình: chiến-tranh hãy ngừng tay hiểm độc chỉ đưa đến những hận thù, chia rẽ. Trạ Vũ nhận ra những tình cảm khó khăn trong chiến-tranh , trong “Còn gì để lại cho em”:

*“... bây giờ còn có chi không
cho em lệ mặn máu hồng quanh nôi
cho em bom đạn tuyết vời
dậm thêm nốt nhạc điệu hời mẹ ru
khung trời tiên của trẻ thơ
cho em trái sáng đèn bù trắng sao
(...) cho em non nước đôi miền
con dao xẻ nửa con tim mẹ nghèo
cho em ghềnh đá cheo leo
đường qua xứ nội những đèo cùng sông
cho em xác mẹ ngoài đồng
xác cha ngoài nội, xác ông sau nhà
cho em mười bãi tha ma
bất buông cỏ lạnh tỳ bà gió lay...”* (số 11, tr. 8-9)

Ước vọng cho người thân, từng người, và đất nước thân yêu, như Thái Tú Hạp với “Lời buồn treo cao”:

*“cho đêm bùng đóa mặt trời
cho thân thể mẹ qua rồi đón đau
cho em tiếng hát ngọt ngào
cho vùng suy tưởng chở vào giấc thương*

cho chim hoa bướm mùa xuân
cho lời kinh kệ tan cơn oán thù
cho tàn binh lửa đôi bờ
cho cành dương nước cam lồ vô biên
cho tiêu tan chuyện ư phiền
cho quê-hương đẹp trăm miền tình khôì...” (số 7&8,

tr. 14)

Định Giang viết cho người tình, cùng với nàng có thể ngụp lặn trong chốn yêu đương, nhưng hình như cũng vẫn chỉ là ước mơ, một mai kia ... :

“1- bây giờ giặc giã chưa qua
em ngồi gục mặt rất là ăn năn
xác thân rã mục điêu tàn
quê-hương lửa đạn vô vàn đẫm chiêu
môi hôn nước mắt tình-yêu
thân xe vết đạn nghe nhiều đắng cay
2- đêm đi giọng hát quê ngèo
tiếng ru bom đạn đặng đeo quanh mình
em từ tiếng nấc hồi sinh
niềm đau hằn vết trên mình trẻ thơ
20 năm mãi đến giờ
quê-hương bạc mệnh vẫn ngờ chiêm bao
3- khi nhìn xuống vũng trần gian
thì cây cỏ đã cao ngang mái đầu
từ chinh chiến mất về đâu
bạn bè, bom đạn cày sâu quê ngèo
mẹ già nước mắt trông theo
vết thương tưởng niệm còn đeo đặng hoài
4- bây giờ giặc giã đã qua
người cùng ngựa nghĩ giáo và gươm quăng
gối tay mệt mỏi đáng nằm
khỏa thân em dựng căn phần nhân gian
lũng sâu và đó địa đàng

ngựa người gục mặt nghe tàn chiến chinh” (“Chiến-tranh, nỗi bi thảm của quê-hương”, số 2, tr. 6).

Vì thực tế đây đó vẫn còn là những tiếng khóc, những tang tóc, chia lìa...

Cuối cùng là thái độ *phản chiến*, vì văn-nghệ sĩ có người không chấp nhận ngừng lại những mong ước thụ động, cho nên phải nhập cuộc- một cuộc đấu tranh mới, như Thái Luân phản kháng, phần nộ vì cuộc chiến nòi da xáo thịt qua bài “Đối thoại đêm 1953” (số 12) như một tuyên ngôn sau bài “Hội nghị về Việt-Nam” - thơ bây giờ nhập sâu vào cuộc chiến! *GTQM* cũng là nơi *Phạm Duy* khởi động những bài *Tâm Ca* trong số có bài phổ thơ *Nhất Hạnh*, ...

Giữ Thơm Quê Mẹ đã là tiếng nói văn-nghệ không truyền thống, chỉ tiếc đã ngắn hơi sau khi công khai thái độ chính-trị trước tình thế đất nước và cuộc chiến huynh đệ tương tàn!

1-2018

Đọc lại *Giữ thơm quê mẹ* HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

LTS: Bài này đăng lần đầu trên Nguyệt san Giác Ngộ Xuân Quý Tỵ, 2013, được tác giả nhuận sắc lại để đăng trên tạp chí TQBT.

N

ghiên cứu văn học Việt Nam một cách toàn diện không thể không tìm hiểu văn học Phật giáo. Và nghiên cứu văn học Phật giáo thế kỷ 20 một cách sâu sắc không thể không khảo sát báo chí chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật học.

Kế thừa truyền thống văn hóa của dân tộc, những tờ báo *Chánh đạo, Đất tổ, Hải triều âm, Đức tuệ, Thiện Mỹ, Vạn Hạnh, Từ Quang, Tư tưởng, Liên hoa, Giữ thơm quê mẹ...* vừa đóng góp vào sự nghiệp truyền thông của xã hội, vừa phổ biến tư tưởng Phật học và văn hóa Phật giáo.

Như tiêu đề ghi rõ, *Giữ thơm quê mẹ* là “tập san văn nghệ” ra hàng tháng do Lá Bối xuất bản. Khổ 18x25, *Giữ thơm quê mẹ* số đầu ra mắt tháng 7 năm 1965 có hình thức như một tuyển tập thơ văn. Trên tờ báo không ghi tên chủ nhiệm và chủ bút, thay vào đó là người “coi sóc”: Hoài Khanh, được hiểu như Thư ký tòa soạn. Sau tám số, từ số 9 đến số 12 (tháng 6 năm 1966) là số cuối cùng, Trụ Vũ thay Hoài Khanh “coi sóc” *Giữ thơm quê mẹ*.

Nhan đề tờ báo lấy cảm hứng từ trường ca *Mẹ Việt Nam* của Phạm Duy vừa sáng tác xong một năm trước đó:

*Chúng con đã về khát khao hơi Mẹ
Chúng con xin thể giữ thơm quê Mẹ
Cuộc đời rồi phai tàn sau thế giới*

Chỉ còn tình yêu của Mẹ mà thôi...

Dân tộc và Phật giáo là hai chủ đề hòa quyện trong nội dung các trang báo *Giữ thơm quê mẹ*, từ văn thơ đến tiểu luận. Dù không đứng tên chủ biên, có thể nói Nhất Hạnh là linh hồn của tờ báo, tác phẩm của ông thể hiện “chỗ đứng” của tạp chí, như nhan đề bài thơ in trên trang đầu số ra mắt:

*quê hương tôi là đây
chỉ có dòng sông, hàng cau, vườn chuối;
mặt đất dù mang đầy cát bụi
nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm.*

Các thể loại cấu trúc nên tờ tạp chí gồm: Thơ, Truyện ngắn, Nhạc, Tạp bút, Tiểu luận, Truyện dài.

Giữ thơm quê mẹ đã đăng thơ của những thi sĩ miền Nam thời ấy: Nhất Hạnh, Bùi Giáng, Hoài Khanh, Trụ Vũ, Nguyễn Đức Sơn, Kim Tuấn, Trần Tuấn Kiệt, Phạm Công Thiện, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Phan Thịnh, Viên Linh, Chinh Văn, Thành Tôn, Thi Vũ, Kim Tuấn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Thái Luân, Nguyễn Nho Nhượng, Trần Dạ Lữ, Đĩnh Trầm Ca ... Nhiều bài thơ trong số đó về sau được chọn và tập hợp trong *Tuyển tập thơ Giữ thơm quê mẹ*, được xem như “một vườn hoa thơ bị vùi dập vì giông bão chiến họa trên lòng đất mẹ Việt Nam nhưng vẫn vươn lên khoe sắc”, “một tổng hợp tiếng nói về quyền sống, về tình yêu thương”.

Một điều thú vị là, không biết từ nguồn nào, *Giữ thơm quê mẹ* số 11, tháng 5-1966, đã đăng bài thơ *Ngắm non Hồng* của Chí sĩ Võ Liêm Sơn, với những câu thơ đầy tráng khí ngày ra đi kết nối những câu thơ u uẩn lúc trở về:

*đầu non mây bạc bóng tờ mờ
đầu tôi tóc bạc dáng bơ phờ
ngọn gì cao nhất trên non đó
có phải mờ tôi đang đợi chờ?*

Ngoài những thể thơ truyền thống, *Giữ thơm quê mẹ* còn đăng những bài thơ tự do và thơ văn xuôi là hai thể thơ bắt đầu thịnh hành thời đó, chẳng hạn một bài thơ văn xuôi

có nhan đề *Những điều ghi được trong giấc ngủ* của Kim Tuấn, về sau được Phạm Duy phổ nhạc thành ca khúc *Khi tôi về*:

Khi tôi về con diều bay đùa trong gió. Ở quê nhà, trên thảm cỏ xanh, có đũa trẻ để bụng lòi chাম rón đen cười nụ thanh bình. Buổi chiều có con trâu rung mõ vu vơ như trong giấc mộng. Khi tôi trở về hai tay níu tim lồng ngực. Giọng hát ru kéo lại dĩ vãng trầm trầm như chưa tắt thở. Có người rủ nhân loại đi xem địa ngục mà không ai trả lời...

Giữ thơm quê mẹ dành phần lớn số trang để công bố truyện ngắn và tạp bút của các nhà văn Võ Hồng, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Thụy Long, Kiên Minh, Lưu Nghi, Nguyễn Đức Sơn, Trụ Vũ, Hoài Khanh, Chinh Ba, Tuệ Uyên, Phong Sơn, Tuấn Huy, Định Giang, Văn Lê Thiên (Lê Văn Thiện), Chín (Cao Ngọc Phượng)... Một số tác phẩm văn xuôi mang đậm khí hậu tinh thần và hơi thở cuộc sống miền Nam như *Kinh Tà Bang* của Bình Nguyên Lộc, *Trạm Hành* (trích tiểu thuyết *Hoa bướm bướm*) của Võ Hồng, *Cắm bắt mùa, Sắc màu Hậu Giang* của Sơn Nam...

Giữ thơm quê mẹ cũng là nơi công bố lần đầu tiên hai tác phẩm đăng nhiều kỳ của Nhất Hạnh: *Nẻo về của Ý* và *Nói với tuổi hai mươi*. Hai tác phẩm này về sau có ảnh hưởng sâu rộng trong công chúng, cho đến tận bây giờ.

Bên cạnh những tác phẩm của các nhà văn Việt Nam, *Giữ thơm quê mẹ* đã dịch và công bố một số tác phẩm văn học nước ngoài đặc sắc, hầu hết là của các nhà văn lớn và có bút pháp hiện đại. Qua *Giữ thơm quê mẹ*, W. Faulkner, R. Barthes, H. Hesse, A. Solzhenitsyn, E. Caldwell, A. Moravia... đã được giới thiệu khá sớm ở Việt Nam.

Cộng tác với *Giữ thơm quê mẹ* ngay từ số đầu tiên, nhạc sĩ Phạm Duy đã chếp tay để cho in liên tục trên tạp chí những ca khúc phản chiến, kêu gọi hòa bình, hòa giải và hoà hợp dân tộc: *Tiếng hát thật to, Hòa bình* (Tâm ca số 1),

Ngồi gần bên nhau (Tâm ca số 3), *Giọt mưa trên lá* (Tâm ca số 4), *Để lại cho em* (Tâm ca số 5), *Một cành củi khô* (Tâm ca số 6). *Đường chiều lá rụng*.

Tâm vóc và quan niệm của *Giữ thơm quê mẹ* bộc lộ rõ hơn qua những tiểu luận triết học (Martin Heidegger, Phạm Công Thiện), tiểu luận văn hóa (Vương Hồng Sơn, Hồ Hữu Tường, Sơn Nam, Đông Tùng), tiểu luận giáo dục (Nhật Hạnh, Vương Pên Liêm), tiểu luận văn học (Nguyễn Hiến Lê, Tam Ích, Thiệu Sơn, Hoài Khanh, Bùi Giáng, Vũ Đình Lưu). Có thể nói hầu hết đó là những trí thức có uy tín ở miền Nam lúc ấy.

Hoạt động chỉ vừa một năm với 12 số báo – trong đó có một số kép 7&8 Xuân Bích Ngộ - *Giữ thơm quê mẹ* để lại một hình ảnh đẹp trong làng báo nước ta. Hai năm 1965 - 1966 là thời gian chiến tranh leo thang, Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam. Là tiếng nói khẳng khái của lương tri dân tộc và lương tâm Phật giáo, *Giữ thơm quê mẹ* trở thành cái gai trước mắt nhà cầm quyền lúc đó. Nhiều trang báo đã bị cơ quan kiểm duyệt của Bộ Thông tin Tâm lý chiến buộc phải xóa bỏ nhiều câu liền, có khi cả những đoạn dài, như trong các truyện ngắn *Thư viết từ một xóm quê* của Dương Nghiễm Mậu, *Ngôi đời ngoài hành lang* của Nguyễn Đức Sơn, *Biển kẻ chấp* của Chín, *Giao thừa bệnh viện* của Hằng Hà Sa, *Lý do* của Văn Lệ Thiên, *Hoa vòng đỏ* của Nguyễn Phước, kịch bản *Pho tượng Linh Mai* của Chinh Ba...

Những người nghiên cứu lịch sử văn học và lịch sử báo chí giai đoạn này, nếu tìm cách phục hồi được những chỗ bôi đen như vậy, sẽ có được những cứ liệu thú vị để suy nghĩ, nhận định. Chẳng hạn, trong bài thơ *Ghi từ Pleiku* sau đây của Đinh Cường trên số 7&8 Xuân Bích Ngộ, hai câu 7 và 8 viết rất nhẹ nhàng cũng bị kiểm duyệt:

Tôi nằm trong phố chiến tranh
Xe nhà binh chạy, dẫy thành đạn reo
Bụi tung mù mây đoạn đèo
Rừng âm u có người theo bước người.

*Sớm mai trở dậy qua đèo
Mù sương giăng bủa hiu hiu đất trời
Xác người còn thắm máu tươi
Xác ai, ai nhận khi ra trận tiền...*

*Em về thành nội ngủ yên
Bước chân lau sậy trắng miền mộng du
Chiều qua ra đứng Biển Hồ
Nhìn đôi xa thấy xa mờ dáng em.*

Thậm chí có một câu văn rất trung tính mở đầu truyện *Đóa sen vàng* của Chinh Ba cũng bị kiểm duyệt yêu cầu bỏ bớt một chữ: “Vào một ngày nào đó, ở một xứ sở nào đó – xứ sở của mấy nghìn năm nghèo đói và chiến tranh, có một người đàn bà bị bom lửa phủ lên người”. Chữ bị kiểm duyệt ở đây là chữ “bom”! Truyện *Ngồi đợi ngoài hành lang* của Nguyễn Đức Sơn cũng bị xóa bỏ những đoạn tả tiếng bom kinh hoàng dội về thành phố từ những trận oanh kích ở ngoại ô.

Có những truyện ngắn đã lên khuôn, đưa vào mục lục nhưng vào giờ chót bị kiểm duyệt bỏ, phải thay bằng bài khác, như *Cuối đường* của Võ Hồng, *Những hình ảnh để lại của người chết* của Chinh Ba.

Qua đó, đủ biết chính quyền lúc đó e ngại văn nghệ phản chiến như thế nào.

Nhưng *Giữ thơm quê mẹ* không phải là tờ báo phản kháng một chiều. Tạp chí đã sớm thông tin về vụ chính quyền Liên Xô xử án nhà văn Nga tài năng J. Brodsky (Tam Ích, “Ngày lại ngày – số tay văn nghệ”, *Giữ thơm quê mẹ*, số 3, tháng 9-1965). Cũng trên báo này, nhà phê bình Thiều Sơn vừa tự kiểm thảo những hạn chế của ngòi bút mình về ý thức dân tộc (“Nhà văn phải làm gì để giữ thơm quê mẹ?”, *Giữ thơm quê mẹ* số 10, tháng 4-1966); vừa bày tỏ sự bất bình trước việc chính quyền xô-viết kết án nặng nề hai nhà văn trẻ A. Sinyavski và Yu. Daniel. Ông viết: “Càng sống trong một xã hội mà tư tưởng con người bị kiểm soát và bị hướng dẫn một cách khắt khe độc đoán thì

con nhà cầm bút lại càng cần phải giữ vững sự độc lập tinh thần, mặc dầu thái độ của mình có thể đem đến cho mình những khó khăn nguy hiểm. [...] Một chánh quyền nào muốn nô lệ hóa những người cầm bút là một chánh quyền độc đoán và thiển cận”. (“Giá trị và uy quyền của những người cầm bút”, *Giữ thơm quê mẹ*, số 12, tháng 6-1966, t. 29, 31).

Tuy vậy số, *Giữ thơm quê mẹ* xứng đáng là đề tài nghiên cứu cho một tiểu luận của sinh viên ngành báo chí, văn học hay Phật học. Điều này càng cấp thiết khi những tác giả cộng tác với tờ báo và cả những độc giả của báo thời đó còn lại đây ngày càng thưa dần. Đặc biệt, hai người chủ chốt tổ chức bài vở là nhà thơ Hoài Khanh, ở Biên Hòa, đã từ trần, và nhà thơ Trụ Vũ, ở Sài Gòn, nay tuổi cao sức yếu.

Chúng tôi viết bài này như một gợi ý với những người quan tâm, chứ thật sự chưa đủ điều kiện để khảo sát và đánh giá đúng mức những đóng góp của *Giữ thơm quê mẹ*.

(Đăng lần đầu trên Nguyệt san *Giác Ngộ Xuân Quý Ty*, 2013)

VĂN THƠ GIỮ THƠM QUÊ MẸ

VĂN THƠ GIỮ THƠM QUÊ MẸ

(trích)

NHẤT HẠNH

BẾN TRE

(Ghi nhận địa lý văn hoá)



Bến Tre – nguồn Internet

Qua Bắc Mỹ Tho, tôi không thể ngồi yên trong xe hơi, dù trời đang nắng chang-chang. Nước sông Cửu-Long chảy cuộn-cuộn như thế kia, tiếng sóng đập vào mạn thuyền dạt dào như thế kia, làm sao ngồi yên trên nệm xe cho được? Tôi ra trước mũi thuyền, nhìn con thuyền rẽ sóng tiến tới và mê say ngắm dòng sông đang cuộn-cuộn chảy một cách oai

hùng. Sông cũng oai-hùng như núi, mà lại hiền động hơn núi, hăng hái nồng nhiệt hơn núi. Nước sông đỏ quá, phù sa nhiều quá. Chẳng thế mà ngoài một phần lắng xuống các ruộng hai bên bờ sông, phù sa Cửu –Long mỗi năm chảy ra biển và bồi cho mồm Cà-Mau từ 60 đến 80 thước !

Bén-Tre! Bén-Tre! Tôi chẳng thấy *tre* đâu cả. Chỉ thấy toàn *dừa*. Hoặc giả tôi chỉ mới đi đến trung-tâm của tỉnh Kiến–Hoà mà chưa được nhìn tận những miền quê xanh xanh của xứ Trúc-Giang nên không thấy kia chẳng ? Cô bé Diệu Hỷ khoe rằng chính cô ta đã chặt hết *tre* ở trong tỉnh và đặt cho Bén–Tre một cái tên khác, Bén *dừa*. Mà thật, cái món quà đầu tiên tôi nhận được của Trúc Giang là một ly nước *dừa* – nước *dừa* chứ không phải nước *tre*. Hay chính Diệu Hỷ nói đúng ?

Nhưng ấn tượng con sông đã chảy cuộn cuộn trong mùa nước lớn lên sẵn còn sâu đậm trên tâm hồn tôi, khiến tôi không thể ngồi đây mà nghĩ mãi đến *tre* và *dừa* ! Tôi chưa đến Bén-Tre lần nào nên những tiếng Bén-Tre, Kiến Hoà, Trúc Giang chẳng cho tôi được một khái niệm rõ-ràng nào về cái xứ mà các Thầy Huyền Vi và Thanh Từ đã tỏ ra có nhiều thiện cảm. Dòng sông cuộn cuộn kia đã nói rất nhiều với tôi về khu-vực Bén-Tre. Tôi nghĩ đến cuộc đời trên sông của dân chài bốn mặt sông và một mặt biển. Hình ảnh của con sông Cửu-Long cuộn-cuộn chảy là hình ảnh của những cuộc đời sẵn sàng lăn xả vào hành động. Hành động, phải hành động dũng cảm. Phải sẵn sàng đối phó. Phải trào lên, phải dâng cao. Phải xắn cao hai tay áo, đi vào cuộc sống một cách tích cực. Từ những cánh đồng nước mặn, từ những khu-vực sống bằng ngư nghiệp, từ những quận-ly Bình-Đại, Giồng Trôm, Ba-Tri, Thạch Phú, chợ Cái Quao, Mỏ Cày, sức sống trào lên theo những con đường xuôi về tỉnh lỵ như những gân máu chạy về trái tim. Sức sống của những bàn tay nông dân thực thà, hăng hái, gan dạ, quả cảm đã biểu lộ rõ ràng trong dòng sinh hoạt lịch sử Bén-Tre. Trước kia có vài lần tôi đã nghe nói thoáng về Bén-Tre. Một anh sinh viên nói: dân Bén-Tre gan dạ và liêu

lĩnh lẩm. Thỉnh thoảng gặp những người Bến-Tre tôi để ý nhìn vào mắt họ xem có gì gan dạ và liều lĩnh như lời anh sinh viên kia nói không. Nhưng khó quá, điều đó quả thực khó quá. Tôi không thấy gì được bộc lộ rõ ràng. Hay những người tôi đã gặp toàn là Phật tử. Tuy thế điều chắc chắn nhất mà tôi đã nhận xét được là những người Bến-Tre tôi gặp gỡ và quen biết đều thuộc về hạng những con người hành động, thực tế nữa. Bến-Tre nằm trong lòng những con sông chảy xiết, cuồn-cuộn, hùng vĩ. Một buổi sáng tinh sương, chúng tôi đứng trên bến đò Hàm lương. Sông rộng và chảy mạnh quá, nước vẫn cuồn-cuộn, đỏ ngầu. Gió lộng. Mọi người sang sông đều có dáng điệu vội vã lạnh lẽ, giản dị, dáng điệu ít thấy ở cầu Trường Tiền, hồ Trúc Bạch. Sống bên những dòng sông như thế và qua lại trên những dòng sông trùng trùng gợn sóng như thế, làm sao có thể trở thành uỷ mị và xa thực tế cho được ? Cho nên người Bến-Tre, nếu quả đã là những con người hoạt động thì tôi cũng tin như anh sinh viên kia rằng họ có thể gan dạ và liều lĩnh lắm. Mà hình như truyền thống anh dũng của người dân quê Bến-Tre cũng chứng minh điều đó. Phan Thanh Giản có phải là người Bến-Tre hay không, tôi quên mất. Mà những ông già Ba-tri khắp xứ thường hay nói đến có phải là những ông già tuổi tác nhưng quắc thước gan dạ, uy vũ bất khuất như nhà chí sĩ họ Phan ?

Thế giới chia lớn hai khu vực văn minh : văn minh lục địa và văn minh hải đảo. Ở những khu vực văn minh lục địa - nhất là ở các miền núi non, con người ưa tĩnh, sống nhiều với suy tư nội hướng hơn là ào ạt hành động. Đó là nền văn minh đạo-học. Còn ở những khu- vực văn-minh hải-đảo, con người mê sinh hoạt ngoại hướng hơn, thích hoạt động hơn trầm mặc suy tư. Đó là nền văn minh khoa học kỹ thuật. Điều ấy là một sự thực địa-lý văn-hoá. Đức Khổng-Tử ngày xưa đã nói thật đúng : con người ưa đạo đức nội hướng thì ưa sống ở núi, con người ưa hành động trí-lược thì ưa sống ở sông biển (nhân giả nhạo sông, trí giả nhạo thủy). Những nước kỹ nghệ phát triển sớm nhất là

những nước thuộc khu vực văn-hoá hải-đảo, xung quanh là nước và nước : Anh quốc, Nhật bản chẳng hạn. Những xứ đi sâu vào đạo đức nội hướng nhất là các nước thuộc khu vực văn-hoá lục-địa, nhất là sơn cước : Miến điện, Tây Tạng chẳng hạn. Thảo nào Thầy Thanh Từ đã chạy thẳng lên núi để gia nhập khu vực văn-hoá tâm linh nội hướng.

Còn Bến-Tre ? Lục địa hay hải đảo ? chắc chắn là hải đảo rồi, vì xung quanh chỉ là nước và nước. Đại Dương hùng vĩ và những dòng sông cuộn cuộn trôi mau.

Tôi nghĩ đến những câu thơ Hoàng Cầm ca ngợi sức sống khi nhìn qua sông đuống:

*Vì ánh sáng lên rồi
Chân trời đã tỏ
Sông Đuống cuộn cuộn trôi
Để nó cuốn phăng ra biển
Bao nhiêu xương thịt tơi bời
Bao nhiêu nước mắt
Bao nhiêu mồ hôi
Bao nhiêu bóng tối
Bao nhiêu cuộc đời*

Lời thơ cũng cuộn cuộn như dòng sông đỏ chạch. Buổi sáng đi thăm bến Hàm lương về, tôi nói “ nước sông đỏ quá”. Diệu Chương nghĩ rằng tôi chê con sông không đẹp. Đâu có phải chỉ có những con sông trong nhìn suốt tận đáy, chảy mơ màng như con sông Hương mới đẹp ? Cái đẹp của dòng Cửu Long là cái đẹp của người dũng sĩ hùng mạnh, bắt khuất hăm hở tiến đến lấp bằng mọi trở lực dằn trải trước mặt mình. Con sông Hồng Hà cũng đỏ chạch, cũng cuộn cuộn chảy nhưng về đến Yên Bái thì đã đục dần, cho đến khi tới Việt Trì thì đã trở nên hiền lành trên dòng bằng phẳng phì nhiêu Bắc Việt. Đến Hà nội con sông chảy chậm hẳn lại vì chỉ còn cao hơn mặt biển vào khoảng mười thước và uốn quanh Hà nội trước khi trôi ra biển cả. Khúc sông Nhị Hà ấy, cũng như con sông Hương, đã hiền lành quá, và thoa dịu lòng người. Điều đó cắt nghĩa tại sao mảnh đất Huế nghèo nàn cần cỗi, mảnh đất đòi hỏi người dân phải làm

lụng toát mồ hôi trán, phấn đấu mãnh liệt với cái nghèo, mà còn có thể tạo nên được những nếp sống tình cảm êm đềm thấm nhuần nội hướng, và có khi lãng mạn nữa.

Dòng Cửu long ngàn năm vẫn oai hùng, vẫn hiếu động không ngừng. Con sông Tô lịch, con sông nổi tiếng trong lịch sử bây giờ chỉ còn là một dòng nước đen ngòm nhận nước cống hôi hám của thành phố Hà nội chảy ra để đặc-chế thành các thứ muỗi bay ào ạt vào những miệt ngoại-ô của xứ ngàn năm văn vật. Nhưng Cửu long giang vạn đời sẽ không mất vẻ oai hùng của nó, sẽ không bao giờ trở thành một dòng sông tầm thường và “thoái hoá” như vậy. Người dân sợ hãi trước lụt sông Hồng như sợ hãi một vị hung thần: dòng sông Đồng Nai miền nam cũng đã nhiều phen gây ngập lụt nặng nề. Nhưng sông Cửu long mãi mãi vẫn là phúc thân của dân chúng bởi vì Biển Hồ Cao Mên đã đón nhận nước nguồn tràn về khiến cho miền Nam không bao giờ phải nhìn con sông oai hùng kia với một niềm sợ hãi oán thù.

Trở về với Bến tre ta thấy Bến tre thuộc “khu-vực văn minh hải-đảo, mấy mặt sông và một mặt biển bao quanh. Người Bến tre là người hoạt động, liêu lĩnh, gan dạ. Nhưng có điều là sức-mạnh hoạt động ô-ạt đã không tràn-lấn và cuốn phăng được nếp sống nội hướng thẳng trâm của truyền thống dân tộc Việt Nam. Trên cành lá Bình Đại, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú, Mỏ Cày...đóa hoa tinh lý đã nở ra một cách hơi khác thường.

Như đã nói, tôi từng gặp một số người ở tỉnh lý Bến tre. Người nào cũng hoạt động, thực tế, lanh lẹ, giản dị. Nhưng có những người đồng thời chúng tỏ có khả năng suy tư nội hướng, và có những sinh hoạt tình cảm khá sâu đậm, dồi dào. Tôi đã nói chuyện với Minh Hạnh, con người thông minh hiền hậu, rất giàu hiểu biết và tình thương, biết lo lắng cho người xung quanh đau khổ. Tôi đã đọc những đoạn văn của Diệu Chương, người Phật tử chủ trương tình

thương là động lực cho mọi hành động, và đã cố gắng thực hiện điếm đó. Vài người sinh viên trong những bài văn gửi cho tôi sau khoá giáo lý, đã chứng minh khả năng suy tư sâu sắc của mình. Và còn bao nhiêu người khác nữa... Cho nên tôi không ngạc nhiên mấy khi trông thấy chiếc hồ xinh xắn nằm gọn trong lòng tĩnh lý. Nước sông ngoài kia đỏ đục bao nhiêu thì nước hồ ở đây trong xanh bấy nhiêu. Nước sông ngoài kia cuộn cuộn nổi sóng bao nhiêu thì nước hồ ở đây im lặng hiền lành bấy nhiêu. Ở đây ta tìm thấy được lòng mình, ta không bị cuốn phăng theo dòng hành động thiếu suy tư. Đứng nhìn mặt hồ yên tĩnh, tôi nghe gì? Tiếng chuông khoan thai diu diu thấm vào lòng người. Tôi trở về với tâm hồn tôi, hướng về nội-giới. Tôi thấy tâm hồn tôi an-tĩnh, trong lặng, sáng tỏ, chan chứa tình thương. Ấn tượng về dòng sông cuộn chảy ở bên đò Cửu long đã trở nên mờ nhạt, êm dịu. Và tôi thấy tôi thiết-lập được sự thăng bằng trong tôi, ***không hoàn toàn mê man trong hành động, cũng không lảng chìm tiêu cực trong suy tư nội hướng.***

Y báo của Bến tre đã giúp cho Bến tre không hoàn toàn say mê buông theo hành động. Mặt hồ trong lặng kia, tiếng chuông chùa hiền dịu kia, và đây nữa, những thân cau cứng cáp vươn mình thẳng lên không gian nắng chói kia đã là những nhân-tố thiết yếu giúp cho con người thị xã lập lại được thăng bằng giữa nội hướng và ngoại hướng, giữa suy tư và hành động. Nếu ta chìm đắm trong nội hướng và tình cảm, ta sẽ dễ dàng bỏ xa thực-tế, xa cuộc sống đấu tranh hôm nay. Nhưng nếu ta say mê buông theo hành động mà không có được một nội dung lý trí tình cảm chân thực sáng tỏ dẫn dắt, ta sẽ dễ dàng đi lạc hướng, bị lợi dụng, nghe theo lời thúc giục đường mật của những kẻ muốn lợi dụng ta để mưu đồ những gì trái với ước nguyện ta, ước nguyện của những con người muốn sống đầy đủ cuộc đời của chính mình. Cho nên ta phải ngàn muôn năm yêu quý mặt hồ thanh tịnh, yêu quý tiếng chuông nội hướng hiền dịu, yêu quý những thân cau vươn mình thẳng tắp tới ánh sáng mặt trời.

Nhưng hãy khoan tự hào, hỡi mặt hồ, tiếng chuông và những thân cau kia ! Ta sẽ nói những khuyết điểm của các người. Nay nhé: hồ tuy xinh nhưng bờ hồ không đẹp. Ta không đồng ý voi người khi thấy người bằng lòng nhận lãnh chiếc cầu sơn đỏ và mái thủy-đình bát giác ló lảng kia. Không ! Người không biết gì cả về chiếc cầu Thê Húc và đèn Ngọc sơn. Những bóng hình ấy của cố đô đã làm ta cảm động không cùng khi trông thấy chúng. Đó là những bóng hình cổ-kính, nghiêm-trang, nổi lên được truyền thống văn-hoá sâu-sắc và tốt-đẹp của dân tộc qua bốn nghìn năm lịch sử. Mái thủy-đình và chiếc cầu đỏ của người phản chiếu một niềm tin mong manh ở cuộc sống hiện tại, những ý-tưởng phù-hoa, mất gốc - đã không gọi được trong ta niềm kính yêu hoài vọng, một niềm tin tưởng ở trí-năng và cảm-năng của dân tộc. Nếu ta mà có phép thần ta nhất quyết sẽ dựng nên giữa lòng người một ngôi cổ tháp hoặc một văn miếu, một đền thờ Hùng Vương hay một ngôi đền chùa Diên Hựu (một cột) ; chiếc cầu cong sẽ mang màu sắc dịu hiền cổ xưa của kiến trúc truyền thống :

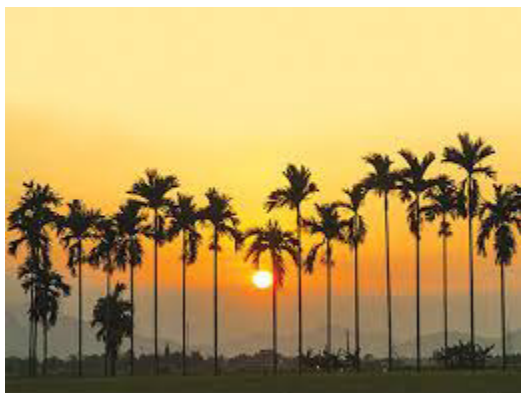
*Ta giật mình nghe muôn điệp khúc
Trong lòng đô thị đứng nghiêm trang
Cầu Long biên với cầu Thê Húc
Bền sắt tươi sơn hện đá vàng.*

(Vũ Hoàng Chương)

Nhìn thấy bóng hình đó, ta sẽ thấy hồn ta dịu lại, lắng xuống và một niềm tin sẽ được đúc-kết trong lòng ta. Có như thế, sứ mạng của người mới được hoàn thành, bởi vì ta muốn mặt nước của người sẽ khỏi phản chiếu những bóng hình nhất thời và lạc lõng.

Và tiếng chuông dịu hiền kia ơi, khi tìm tới người, ta đã không trông thấy những gì như ý ta mong ước. Chùa ở đây được kiến tạo do công phu của những con người Phật tử thuần kính và giàu tâm đạo nhưng đã không nói lên được nhiều những dòng sinh hoạt văn hoá phong phú của truyền thống tâm linh. Cho nên nhìn màu sắc, cách trang trí, kiến trúc, ta còn cảm thấy hồn ta lạc-lõng. Mỗi đường nét , màu

sắc, hình thái kiến trúc cần diễn tả được ít nhiều đặc tính trầm lặng đại hùng của đạo Phật, và mái chùa sẽ là nơi un-đức sức sống tâm linh, nội quán. Hình thức ngôi chùa cần gây cho ta một ấn tượng dịu hiền, sáng đẹp, an lành. Khung cảnh thanh tịnh trang nghiêm quả là cần thiết, để nuôi-dưỡng nội-quán tâm linh, để ta nắm được chính lòng ta, ta hiểu được chính hồn ta, để ta khỏi ngập tràn trong ngọn triều ngoại giới. Kiến trúc, màu sắc, trang trí cần phải được chọn lọc và hoà hợp hơn nữa.



nguồn: Internet

Và cuối hết là những thân cau cao vút kia. Ta rất có cảm-tình với những hàng dừa nghiêng mình soi bóng duyên dáng tên nước sông, nhưng riêng đối với các người những cây cau cao vút đang vươn mình thật thẳng trong nắng mai, ta thật có tiền duyên. Không riêng ta mà tất cả những ai yêu mến đạo Phật đều thích ngắm nhìn hình bóng của những thân cây thẳng thắn và cao vút. Những thân cau đã tạo nên cho thị xã Bến tre một vẻ đẹp nghiêm trang. Ở các chùa miền Bắc, chùa nào cũng thích trồng cau; và cau được trồng thành hàng rất đúng chỗ, rất có nghệ thuật. Ở miền Trung và miền Nam, các chùa cũng có cau. Riêng ở miền Trung các vị Tăng trưởng vị nào cũng thích trồng trong sân chùa những cây sến cao chót vót. “Sến” là một thứ cây gỗ chắc

như sao, nhưng vươn lên thẳng tắp và rất cao. Chùa nào cũng thích trồng sến, Thầy nào cũng yêu cây sến. Phải chăng hình bóng cau và sến đã iễn tả được ý-hướng muốn vượt lên cao-cả của những tâm hồn mến đạo? Nhưng cau ở Bến tre còn ít và chưa được trồng đều đặn và đúng chỗ. Quanh hồ nếu có cau chắc hồ đẹp lắm.

Tôi đã nói chuyện say mê với mặt hồ, với tiếng chuông và với những cây cau. Sao mà hôm nay tôi đòi hỏi nhiều quá. Nhưng hãy để cho tôi đòi hỏi như vậy, dù sự đòi hỏi đó có vượt quá sức cố gắng của mọi người. Nếp sống đạo Phật cần phải được vun bồi hợp-lý, hình thái sinh hoạt Phật giáo phải được tổ chức hợp lý để đạo Phật có thể kiến tạo cho Bến tre một sức-sống tâm linh đầy đủ để hướng dẫn khả năng nhập thế hành động ào ạt của những con người ham thích sống gió đại Dương, của những dòng sông cuộn cuộn chảy.

Con người là kết-quả của nghiệp nhân minh, cả chính báo, y báo, cả tâm lý, vậy lý xã hội, hoàn cảnh, khí hậu... Khí thiêng liêng của đất nước góp một phần lớn trong sự hình thành con người Việt Nam. Nếu nghiệp báo gồm chính báo và y báo, thì ngoài phận sự thay đổi chính báo ta cũng nên nghĩ đến sự thay đổi y báo. Bởi vì chính báo quy định một phần y-báo và y báo cũng quy định một phần chính-báo. Con người được un đúc do nội tâm, do đạo đức, do trí tuệ, tình cảm, nhưng con người cũng được quy định phần nào bởi kinh tế, chính trị, phong tục, sông núi. Sửa sang bồi đắp những hình thái y-báo, tạo dựng những ngôi chùa có không khí thanh tịnh, trầm hùng, trồng những cây cau đứng hàng đứng lối, sửa sang một mặt hồ...những điều hình như nhỏ bé không đáng kể ấy lại có thể có những giá-trị quyết-định đáng kể. Có nhiên địa linh sẽ có nhân kiệt mà vì nhân kiệt nên địa cũng sẽ linh.

Mặt hồ trong lặng : hình bóng của thanh tịnh, của tâm hồn không xao-động. Tiếng chuông : tiếng gọi của lòng từ bi hiền dịu, nội hướng thẳng trầm. Những thân cau : ý-hướng thẳng hoá cuộc đời, vượt khỏi những dục-vọng đen

tôi. Bồi đắp những thứ ấy cũng là bồi đắp cho tâm hồn mình. Hãy trở về nội quan, đắm mình trong suy tư, tìm thấy bản thân mình. Rồi hãy đi về vạn nẻo trong lòng quê Bến tre, theo những đường gân chạy về các quận-ly, sâu vào miền đồng chua nước mặn, sâu vào sức sống dân quê. Những Phật tử nào có duyên được thấm nhuần ý hướng lợi tha, được dẫn dắt bởi một tâm hồn biết thương yêu, bình thản, biết nhận định hướng đời, sẽ phải mang sứ mạng đi sâu vào lòng dân chúng, thương yêu, hướng dẫn họ : sức mạnh của người dân nếu được lý trí phật giáo soi sáng, sẽ kiến tạo được một nếp sống an lành, xa lìa mọi ý niệm lợi dụng căm thù. Có hai thái độ cần phải đánh đố: một là cản ngăn sức sống rào rạt của triều hoạt động luôn luôn dâng trào, hai là lợi dụng sức sống buông thả say mê trong hành động ấy để mưu đồ cho tư kiến và tư lợi. Phải trao chuyển cho họ sự bình tĩnh của lý trí nội-hướng để họ sáng suốt hành động xây dựng cho cuộc đời, cho hạnh-phúc an lành và chân thực của họ.

Những giờ thăm viếng Bến tre đã trôi qua. Trên bắc sông Cửu long, tôi mở cửa xe, đứng say mê nhìn dòng nước sông cuộn cuộn chảy. Gió lộng. Nắng gay gắt. Diệu Tín và Diệu Hương lấy làm lạ lắm, có lẽ đang tự hỏi không biết sao tôi lại không ngồi trên xe cho khỏi nắng mà lại ra đứng ở đầu mũi thuyền. Ngồi trên xe sao được, khi dưới chân mình nước sông đang cuộn cuộn hùng vĩ chảy thế kia ?

Gò vấp, mồng ba tháng bảy Tân Sửu

(GTQM số 2)

KHOẢNG
MẮT
VÕ HỒNG

Trưa hôm nay, đưa con gái lớn của tôi đi học về mang theo một tờ giấy in roneo. Nó thập thò đợi tôi ở cửa ngõ. Tôi vừa đặt mũ xuống bàn, chưa kịp lau mồ hôi trán thì nó đã lạnh lạnh có tiếng hỏi:

- Ba ơi, Ba làm nghề gì hở Ba? Uờ! Sao mặt Ba đỏ vậy? Ba uống rượu hả?

Tôi quay lại, bất ngờ vì câu hỏi. Lại có chuyện gì mới xảy ra! Tôi hồi hộp lo lắng. Sự bất ngờ, tôi không thích vì hầu như chúng đều bất lợi cho tôi. Nhà tôi hiện đang nghèo và trong họ hàng không hề có một ông cậu một bà cô nào vừa triệu phú vừa không con. Ở Âu Mỹ, thần tài hay gõ cửa một cách đột ngột quá sức tưởng tượng. Không phải chỉ có trúng số độc đắc. Người mua vé số đầu sao cũng còn có hy vọng, cho dù rằng hy vọng chỉ bằng đóm lửa đỏ ở đầu que diêm. Đàng này có người nằm chờ chết, - chết đói, - và bỗng nhiên người chường khế gõ cửa báo tin: có một bà cô “gái già” của anh vừa tạ thế để lại một cái gia tài, có chúc thư cho anh thụ hưởng. Tên của bà cô, anh lẫn lộn với tên của một hiệu may y phục phụ nữ. Địa điểm nơi bà cô ở, phải lật tự điển ra tra. Tôi cũng có một bà cô trước đây bỏ nhà ra đi hoang vì mê một ông cai Lục bộ. Cả nhà ai cũng ghét bỏ thù hằn người đàn bà làm điểm nhục gia phong như thế. Chừng bảy, tám năm gì sau đó, có tin bà chết vì bệnh sốt xuất huyết khi theo ông Cai đi phóng đường ở Lộc Ninh. Không ai nói một lời thương xót. Lâu lâu có lần bà nội tôi vô tình nhắc đến, chẳng hạn: “Hồi xưa con Tám nó hay... (cô tôi thứ Tám)... Ngày trước, hồi con Tám nó còn...”

nhưng chợt nhìn về mặt lạnh lùng kín mít của những người có mặt, bà nội tôi vội im, bỏ lửng câu nói dở dang.

Vậy thì chắc chắn như hai lần năm là mười rằng tôi không thể mong có một bất ngờ nào mang lại hoạnh tài cho tôi. Ngược lại, mọi cái bất ngờ đều tốn kém cho tôi hết. Chẳng hạn thằng con leo lên ghé kéo ngã bể cái bình trà. Chẳng hạn vợ tôi làm bết chặt nhăm ngón tay. Chẳng hạn có thông cáo của Xã mời đồng bào hôm sau tập trung tại sân vận động để dự biểu tình. Tôi nghi kỵ Dịp May và Thần Tài. Trung thành với tôi là những giọt mồ hôi, những suối mồ hôi đổ cay con mắt, đổ ướt vạt áo sơ mi. Là sự mỗi nơi bấp thịch đùi, nơi thất lung sau một ngày cong người ngồi trên cái yên xe và hai chân kịu nặng nhọc đạp. Là những suy nghĩ âu lo cuộn khúc, quẩn quại trong khối óc tôi. Tôi không tin ở Dịp May.

Nhìn con tôi ghéech mặt đợi chờ, tôi nói:

- Con hỏi làm chi?

- Cô giáo bắt học trò kê khai tên tuổi... tên cha mẹ...

Nó ngắt câu nói đến đó vừa trao tờ giấy in roneo cho tôi. Đó là tờ “Phiếu lý lịch của học sinh”. Mọi khoảng trống đều đã được ngòi bút của nó lấp kín: tên họ học sinh, ngày sinh, nơi sinh, tên cha mẹ... Chỉ khoảng nghề nghiệp của cha là con để nguyên.

Một cảm giác khó chịu ùn ùn dâng lên, hình như từ chặng ngực đổ lên đầu rồi tràn ra bao trùm lấy mặt. Nghề nghiệp của cha. Nghề nghiệp của tôi. Tôi có nghề nghiệp gì đâu? Thu tiền rác không phải là một nghề. Tôi nói, giọng ngập ngừng:

- Con cứ ghi là... thư ký.

Thư ký! Tôi tự ngượng với mình khi, lật qua lật lại chữ “thư ký” trong óc, tôi thấy nó vương vịu như thân phận tôi không dung nổi kích thích của nó. “Thư ký” là để dành cho những người đi giày da đen, áo nyl-france và cưỡi Vespa vùn vụt. Người thư ký cạo râu có bôi bột xà phòng và đổ eau de Cologne xoa giữa hai bàn tay trước khi đi làm. Người thư ký mời nhau hút lá Ruby, - ít nhất là thuốc là Ruby và ngậm

kẹo chewing-gum khi nói chuyện với nữ đồng nghiệp. Tôi cách xa người thư ký bằng rất nhiều nghìn bạc. Quần kaki, áo sơ mi popeline nội hóa. Xăng đan cao su trắng. Xe đạp cũ... Tôi...

-Sao con còn đứng đó?

- Con biên là thư ký hờ Ba?

- Ừ. Hay là... Con cứ biên là “tư chức”.

Tôi lẩm nhẩm: “Tư chức”. Thôi việc gì mà thắc mắc. Cô giáo đâu có biết tôi là ai để mà cân nhắc xem danh từ nào mới xứng hợp cho tôi.

Có tiếng vợ tôi quát to ở sau bếp:

- Để dành phần cho ba mày. Có miếng nào ngon ngon mày ăn hết.

Tiếng thằng Đức, thằng con nhỏ của tôi:

- Con chỉ ăn cái củi. Có cái củi thơm mà má cũng không cho.

- Củi thơm để băm trộn với mắm.

Quả là giọng nói của vợ tôi đã chất đi, đã chua đi như rượu ngon đã biến thành giấm. Hồi mới lấy nhau, giọng ấy ngọt, rót vào tai như tiếng con chim tình tự. Sự túng bần vô tình đã là thứ vi khuẩn Myco-derma aceti.

Tôi bước trở vào nhà sau. Thằng Đức, con Thúy Bình chạy ùa ra mừng. Tôi chọn những chữ thật đẹp để đặt tên cho con. Đó là món hàng xa xỉ độc nhất mà tôi có thể sắm cho chúng. Đặt tên đẹp không phải tốn tiền. Chỉ cần tra tự điển. Ít nhất chúng cũng được an ủi khi mang theo người món hàng trang sức đó. Ào quần, giày dép, bút máy, đồng hồ, thì có thể sắm sau, khi nào có tiền. Tôi nghĩ: công tác làm cha mẹ, mình phải chia ra từng đợt để thực hiện, y như xây cất nhà mà chưa có đủ tiền để làm một lúc. Có người làm nhà ngang trước, còn nhà lớn đợi làm sau. Có người làm nhà bếp nhà tiêu nhà tắm trước. Có người chỉ lo đồ được cái nền. Lựa chọn cái tên cho con, trước tiên, cũng quan trọng như

khi xây móng. Lắm người đổ đạt cao, làm chức vụ lớn mà trót mang một cái tên xấu xí không còn sửa chữa được nữa

khiến họ phải ân hận.

Thằng Đức khoe:

- Con đã làm được hai bài tính rồi, Ba ơi.

- Ủ.

Con Thúy Bình giật giật tay nói:

- Con đã viết tập đủ một trang. Ba lên xem.

- Ủ. Ủ. Để tí nữa ba xem.

Đi thu tiền rác quả thật không phải là một nghề. Ai cũng có thể thay tôi được, vào bất cứ lúc nào. Tranh sống với tôi là mọi người đàn ông đủ sức đạp nổi chiếc xe đạp và viết gầy gọn một bức thư tình. Nhưng tôi có quyền đòi hỏi chi hơn?

Chiến tranh âm ỉ vụt nổi vụt

tắt trong suốt ba năm ở quê tôi, nay ào ạt bùng bùng như những ngọn lửa gặp gió. Mọi người chạy tản lạc bỏ cả nhà cửa, ruộng nương. Ông Nhân, thư ký Hội đồng Xã chạy ra Đà Nẵng làm phu khuân vác cho Hãng hàng không Việt Nam. Anh Bá hương sư ăn lương ngân sách Xã thì chạy vào La Gi tá túc nơi họ hàng bên vợ đồ bánh bèo, bánh căng độ nhật. Gia đình rất đông con của ông Phó tổng Vịnh tìm nơi trú ngụ không có, phải liều dựng nhà bên bờ đường với một số đồng những gia đình khác đồng cảnh ngộ. Ty Cảnh sát lập biên bản phạt đủ tội: xây cất không có giấy phép, phạm lộ giới, chiếm đất bất hợp pháp... Nhưng những lỗ tai quen với tiếng nổ long trời của bích kích pháo và đạn ca nông 105 ly đâm ra lờn với tiếng nói mực thước của Luật pháp. Phạt tiền không có hiệu quả, phải dùng đến phạt giam. Đàn ông khôn khéo lánh mặt hết để cho đàn bà bé con nít léchthếch theo Cảnh sát vào trại giam. Đêm đến, đàn ông xuất hiện, dựng cột, dựng vách, lợp mái tôn. Tiếng búa đóng đinh chan chất.

Như ở trong chuyện cổ tích, cái khu phố bí mật này dựng ra toàn trong đêm đen. Cuối cùng nó cũng thành lập Liên gia đại biểu như ở những khu phố hợp pháp khác và lũ trẻ con đã chạy chơi không chút e sợ trước sân, các bà mẹ đã vạch vú cho trẻ bú trước hiên. Thế là ông Phó tổng Vịnh yên tâm để chuyển sang nghề làm thợ mộc.

Biết bao nhiêu bà con khác ở quê tôi phân tán đi đến những miền nào tôi chưa biết hết. Giống như những mảnh giấy vụn bị gió lốc cuốn đi, có mảnh bay xa có mảnh tấp gần, trên các chặng đường ra vô lên xuống, họ đều hiện diện. Và xơ xác như những mảnh giấy.

Vậy đích thực là tôi không có quyền lựa chọn. Tôi bằng lòng với thân phận mình lọc cọc trên một chiếc xe đạp lở lói. Khu hoạt động của tôi là một khu tân lập trước đây là bãi cát

hoang và nghĩa địa. Từ ngày có phong trào di cư, người đến đông ở chật thành phố nên chính quyền phân lô cấp những khoảnh đất cát đầy mả và gai ma vương mọc ó này cho những tân nghiệp chủ. Nhà mọc lên thay thế những ngôi mộ. Người sống giành chỗ của người chết. Đường cái chỗ lồi chỗ lõm, xe tôi phải nghiêng răng ken kết để leo lên những cái dốc liên tiếp. Nhiều lần đang xô dốc ngon trớn bỗng chạm vào một mô đất cao, cả xe và người tôi đánh bật thối lui tưởng như giàn xe và xương sống tôi có thể gãy đi được. Nắng đổ xuống mặt đường hoa cả mắt. Tôi phải nhắm mắt từng chập để tưởng tượng mình đang đi dưới những hàng cây xanh thả bóng mát yên tĩnh xuống lưng người bộ hành. Nắng. Nắng. Nắng quanh năm.

Thân chủ của tôi không mấy người hòa nhã. Một bà di cư to béo phịch phịch tru tréo lên khi nghe tôi tự giới thiệu:

-Giời thân ơi! Nhà cháu có bỏ rác ra đường đâu mà ông bắt giả tiền rác. Vườn nhà cháu đất trũng thành ao thành hồ, nhà cháu phải đi xin rác của hàng xóm đổ vào cho đầy.

- Nhưng mà thành phố đã đặt ra lệ thu tiền rác, - tôi ôn tồn ngắt lời.

- Nhà cháu nghèo ăn uống rau dưa chả có tí đầu tôm xương cá nào vất bỏ cho xe rác cả. Gốc rau, rễ rau nhà cháu để dành băm cho lợn cho vịt ăn. Đây, ông không tin thì xin mời ông bước ra sau...

Bà kéo tôi đi ngay ra nhà sau, không cần biết tôi có ưng thuận hay không. Tôi phải khó nhọc lắm mới gỡ được bàn tay sức lực và cả quyết đó.

Một ông công chức thịnh nộ bảo tôi:

- Đường chưa rải đá thì luật lệ đâu lại bắt trả tiền rác.

- Dạ, đây là tòa Tỉnh thể theo lời yêu cầu của các Liên gia đại biểu xin phải xe rác đến để dọn rác cho đồng bào.

- Cả Liên gia tôi chẳng có đại biểu nào yêu cầu hết.

Ông nhìn thẳng ra sân mà nói, không thèm ngó đến tôi nữa.

- Dạ, chúng tôi đi thu tiền rác ở xóm này đã được nửa năm nay rồi ạ. Trước đây thì tôi đi thu ở khu Sân Bay còn khu này có người khác đi. Dạ, thế ra từ trước đến giờ ông chưa trả tiền rác tháng nào hết?

Ông công chức im lặng, đôi lông mày vẫn còn nhíu. Nhưng không còn vẻ giận dữ nữa mà thay vào đó là một sự bối rối, một sự lúng túng. Ông đặng hắng thật to vừa gọi con như quát:

- Lũ nhỏ đâu. Vào lấy cái ví ra đây cho tao.

Không có ai từ tề đón tiếp tôi. Ít ai mời ngồi. Lắm khi phải đứng ở hiên kê bút lên chiếc cặp da để viết biên lai. Nhiều nhà hèn:

- Mời ông hôm sau đến. Hôm nay vợ cháu đi vắng.

Hoặc :

- Ông chủ đi làm không có ở nhà. Mời ông bữa khác tới.

Tôi thoáng thấy bóng của “người đi vắng” đang lục đục ở trong bếp hoặc nói chuyện ồn ào ở nhà ngang. Nhiều nhà cửa cổng khóa kỹ gọi khan cả tiếng mà không ai mở. Ở xóm Mới nhà nào cũng nuôi chó, nhà ba con, nhà đôi con. Lúc nhỏ đi học tôi trốn học thuộc bài Bệnh dại nên cứ thấy chó là sợ. Nhưng biết làm sao? Chỉ còn trông nhờ nơi Số mạng.

Sau bữa cơm trưa nuốt vội vàng, tôi nằm trên chiếc đi-văng gỗ lơ mơ nghĩ đến Huệ. Sáng nay khi gõ cửa một căn phố ở cuối đường Lê Đại Hành, tôi giật mình khi cửa mở tôi thấy có hai người đang ôm nhau hôn. Người đàn ông là một quân nhân Huệ kỳ da mặt đỏ và tóc màu hung như râu bắp. Người đàn bà mặc pyjama đứng cao mới đến ngực người đàn ông. Họ hôn nhau rõ lâu bất chấp có tôi đứng đó. Khi họ rời nhau ra, người quân nhân bước vội ra sân và người

đàn bà lạnh lạnh nói:

- Tu nai, né Johnny? Ai quây pho iu né? Bai bai...(1)
Tôi giả như đang mải nhìn một khoảng khung trời xa. Khi chiếc xe rồ máy lao vút đi tôi quay lại. Người đàn bà trên trần nhìn tôi:

- Ông... Uở, anh Bân.

Tôi ngạc nhiên:

- Dạ...

- Anh không nhìn ra em sao? Em là Huệ đây mà.

- A! Huệ - tôi reo lên.

- Có lẽ đến bảy, tám năm rồi em mới gặp lại anh.

Huệ mời tôi vào nhà. Căn nhà treo quá nhiều rèm, màn thêu hoa vẽ hoa sặc sỡ, kín đáo như một cái hang. Mùi nước hoa thơm ngát. Mặt Huệ bôi nhiều phấn và mi mắt có nét bút chì vẽ xéch lên khiến tôi nghĩ đến đôi mắt của chim bạc má... Huệ đưa thuốc lá mời tôi hút rồi nâng đi vào phòng sau. Tiếng nâng hỏi vọng ra:

- Anh uống gì để em đem ra? Gin nhé? Hay Whisky?

Tôi nói:

- Cám ơn em. Anh không uống được rượu mạnh.

- Thế thì uống Coca.

Huệ đẹp và thơm ngòì cạnh tôi.

Cốc Coca đặt trước mặt.

- Anh đi đâu vào giờ này mà ngẫu nhiên em lại được gặp?

- O... Anh đi tìm nhà người quen.

- Ở địa chỉ này phải không? Chắc hẳn ở đây trước em. Em mới dọn về mười ngày.

- Người Mỹ lúc này là...

- Thăng chồng em đó. Nó làm ở lực lượng đặc biệt. Từ tế lăm. Nó hẹn khi nào về Huệ kỳ nó sẽ đem em theo.

Huệ lấy chồng Huệ kỳ! Thật khó ai ngờ được cũng như khó ai ngờ rằng hôm nay tôi là nhân viên đi thu tiền rác. Con của một ông Thông phán, cháu nội của một ông Lãnh binh.

- Thịnh thoảng em có về quê không?

- Biệt! Vả lại, về để làm gì? Quê hương hẹp hòi như cái đáy lờ, như cái vũng nước, con cá quay qua trở lại không có chỗ

vấy vùng.

- Em cần cả một đại dương?

- Vâng. Em sẽ vượt Thái bình dương. Với Johnny. Mời anh uống. Em lấy thêm hai chai nữa cho anh.

Tôi giờ một bàn tay ra ngăn:

- Thôi, bấy nhiêu đây đủ rồi.

- Bây giờ anh làm gì?

Huệ chổng một tay lên cầm chìa khóa sắt lại gần tôi. Đôi môi đỏ hé như một vết thương.

- Anh làm... lảng nhãng. Chẳng ra chi. Mình chạy tản cư đến chỗ lạ, may có việc làm ăn là đủ quý rồi.

- Không ngờ anh mà cũng phong trần. Nhưng anh có chữ nghĩa nhiều nên tìm việc không đến nỗi khó.

Tôi nuốt vào một nỗi thẹn thùng, một niềm tủi nhục xót xa. Không có nước bọt chạy kèm theo vào thực quản. Huệ tưởng đâu tôi vẫn giữ được phong độ như ngày trước.

Thấy tôi đưa mắt nhìn những lớp màn, những lớp rèm vây quanh chi chít, nàng nói:

- Căn nhà hẹp quá phải không anh? Ở không đủ. Thuê mỗi tháng năm ngàn đồng. (Chết! Gấp đôi số lương của mình, tôi nghĩ). Em nhờ người đưa mỗi tìm thuê một ngôi nhà có vườn chừng mười ngàn mỗi tháng.

Những con số ngàn như có chiều cao trong trí tưởng tượng của tôi. Những chồng giấy bạc. Những cột giấy bạc. Phần lương tháng của tôi mỏng như một chiếc dép cao su trẻ con vất bỏ nơi những đồng rác ở các góc phố. Chưa đếm đã vội hết. Cứ độ hăm lăm mỗi tháng

vợ tôi thường lục tung nhà cửa vừa hò hét trẻ con, tưởng chừng có lỗ thủng ở ngăn kéo cất tiền.

Ngày còn đi học, Huệ yêu tôi. Chúng tôi hôn nhau hai lần và tôi giữ chiếc khăn mùi xoa của nàng. Thầy tôi không muốn tôi cưới Huệ vì mẹ Huệ mê cờ bạc và đồng bóng. Chúng tôi xa cách nhau. Huệ lấy chồng.

- À, anh ăn cái gì với em nhé? Em chưa kịp ăn sáng. Đêm qua đi nhảy về khuya ngủ mê mệt.

Huệ đi lại mở tủ buffet đem bày ra bàn đủ thứ lon, đủ thứ

lọ. Nàng bắt tôi ăn săng-uých, phó-mát, uống bia đóng hộp, nước nho đóng hộp. Tôi nhìn xuống cánh tay béo lẳn trắng mịn của Huệ. Cái cổ no tròn như nặn bằng mỡ đặc. Viên hồng ngọc ở mặt nhẫn lóe lên làm tôi lưu ý đến những ngón tay béo trắng thon thon.

Huệ ngừng ăn, trầm ngâm một giây rồi chậm rãi nói:

- Em nhớ ngày chúng mình lén gặp nhau ở sau rộc rau muống. Từ ngày đó đến nay, em chưa bao giờ thấy có làn trời xanh trong và lá xanh mát như buổi chiều hôm ấy. Anh hôn em...

Nàng im lặng. Khi tôi ngừng nhìn nàng thì thấy mắt nàng lã chã nước mắt. Nàng nhếch một nụ cười:

- Em bây giờ ăn nói lì lợm, anh đừng cười nhé! Xã hội không coi em ra gì thì em còn ăn nói văn hoa nghiêm chỉnh với ai? Phải văng tục. Phải ẩu tả. Phải hello okay. Phải tiên sư mày phải xung tao. Phải hôn chùn chụt phải cười để thỏa. Em đâu có thích? Em muốn mơ mộng lãng mạn như hồi xưa, hồi chúng mình yêu nhau lần đầu, hồi anh hôn em rụt rè với đôi bàn tay ngượng nghịu.

Nàng bỗng bật cười:

- Anh nhớ lúc bấy giờ anh hôn em như thế nào không?

Tôi lắc đầu.

- Anh để mũi vào má em rồi hít dài như người ta hôn trẻ con.

Tôi cũng bật cười và thấy xôn xang ở nơi mắt của mình. Tôi nhớ lại mùi thơm của cái hôn đầu tiên đó. Lúc bấy giờ chỗ chúng tôi ngồi có mấy bụi é rừng, chúng tôi đưa nào cũng bứt từng nắm lá é vò giữa những ngón tay rồi để lên mũi ngửi. Khi tôi kính cẩn hôn lên má Huệ, tôi nghe mùi thơm cay của é rừng lẫn với mùi da thịt ấm áp nồng nồng.

Huệ nói:

- Đòi em hồng rồi. Lấy thằng Huệ kỳ hay Huệ kiều hay Việt Nam gì rồi cũng lê lét thân tàn cho đến ngày xuống lỗ.

Nàng hít dài một hơi thuốc lá:

- Anh với em thì cách biệt nhau quá xa rồi, mỗi người ở mỗi điểm trên một đường thẳng. Khi không được lấy nhau thì

chúng mình như hai động tử nghịch chiều cứ mỗi ngày mỗi xa cách thêm. Thật là họa hoằn lắm mới gặp nhau được như hôm nay. Aø, lúc này anh bảo anh hiện làm gì?

Có nên thú thật với Huệ không? Trả lời rằng: Anh đi thu tiền rác? Không được. Huệ vẫn còn giữ tình yêu với tôi, vẫn còn nhìn về khung trời màu xanh với rộc rau muống và cái hôn đượm mùi é rừng. Không. Tôi lắc đầu. Thà tôi thất nghiệp.

- Sao anh lắc đầu?

- Ồ! Anh làm việc nhì nhảnh. Cũng có thể coi như đang thất nghiệp. Cuộc sống khó khăn, chiến tranh đầy quá nhiều người về đô thị...

Tôi nói lảm nhảm rất nhiều để tránh phải nói đúng điều tôi muốn nói.

Huệ nắm lấy tay tôi :

- Được rồi. Để em liệu tìm việc cho anh. Sở của Johnny tuyển người luôn luôn, nhưng để em vận động cho anh vào làm ở cơ quan dân sự cho nhàn hơn.

Cho đến lúc chia tay, Huệ không hỏi một lời nào về gia đình tôi hết. Có phải vì thì giờ eo hẹp, vì có nhiều kỷ niệm ngày xưa cần gọi lại hay vì những lý do tâm lý nào khác? Huệ không muốn có ai xen vào giữa chúng tôi? Có lúc nàng cầm hai tay tôi rõ chặt, rõ lâu rồi nói:

- Phải chi em có thể nắm chắc hai tay của anh mãi mãi như thế này, khỏi phải bỏ ra. Em không cần ăn. Không cần sung sướng. Không cần sống.

Tôi đưa mắt tìm một tấm gương soi lớn để ngó xem tôi có xứng đáng không với tấm lòng thiết tha của Huệ. Nhưng đồng thời tôi lại sợ: nếu nhìn vào tấm gương, e tôi phải vội vàng kéo lui đôi tay của mình.

Tiến tôi ra đến cổng, Huệ dặn:

- Hôm nào anh đưa em về nhà quê chơi một ngày. Suốt một ngày. Nhà quê nơi nào cũng được, của ai cũng được.

Huệ trao tay cho tôi bắt.

Khi ngồi lên xe đạp, tôi cảm thấy không còn đủ sức để đạp nữa trên những con đường lồi lõm chang chang ánh nắng.

Tôi không còn đủ can đảm để tiếp tục đi gõ cửa những nhà còn lại, chìa tập biên lai và đọc câu phù chú: “Xin bà cho tiền rác tháng này”. Tôi chán nản hết: công việc, trách nhiệm, âu lo. Nhưng đồng thời sao lại có một niềm hy vọng mới,

một sức mạnh mới len lỏi trong tôi như một giầy leo luôn tránh bao nhiêu thân cây rậm rạp để ngoi lên ánh sáng.

Tôi ghé lại một quán nước, gọi một chai 33 và ngồi suy nghĩ mông lung. Ốc tôi thoáng dày đặc, thoáng trống rỗng. Tôi quần quai trong một hiện tại nhiều biến cố, thông thả trong một quá khứ có những khoảng mát. Tôi nghe phảng phất mùi thơm cay của lá é rừng vò nát trong ngón tay. Và câu nói của Huệ. Tôi lẩm bẩm nói lại với nàng:

- Huệ ơi! Chúng ta hôm nay không còn ngây thơ nữa. Thân em giang hồ và thân anh đọa đày. Nên anh tin chắc chắn là lần sau anh sẽ hôn em đàng hoàng hơn. Không còn để mũi vào má em rồi hít như người ta hôn trẻ con nữa đâu.

(GTQM số 1 tháng 7-65)

BÙI GIÁNG

RẰNG TỪ NGẪU NHĨ

CHUYỆN NGẪU NHĨ là chuyện gì không rõ. Hỏi chàng Kim Trọng ắt rõ hơn. Hỏi nàng Thúy Kiều, e nàng không chịu nói, dù trong bụng nàng có lẽ nàng rõ hơn chúng ta tất cả chúng ta.

Chúng ta là ai? Là mọi người hôm nay sẵn sàng quên mọi sự hôm qua, mọi sự hôm nay mọi sự về sau. Vì sao thế? Tạm nói là: vì bận rộn sưu tầm cái nghĩa của ngẫu nhĩ đó thôi.

Nói bận rộn sưu tầm cho vui vậy thôi. Thật ra không bận rộn. Không sưu tầm. Mà nếu thật có bận rộn sưu tầm, lại càng bết thêm lắm vậy.

Ấy bởi rằng: nếu bận rộn sưu tầm cái gì, khác thì không sao. Nhưng đã gọi là nên câu “ngẫu nhĩ”, mà còn nằng nặc đòi sưu tầm nghĩa của nó, e rằng càng làm lạc thêm ra. Thế còn gọi là ngẫu nhĩ, nhĩ ngẫu gì được nữa.

SỐ LÀ: vốn tự xưa kia, cái ngẫu nhĩ là cái không ngờ trước: Bỗng dung mà đến cho vui cười, bỗng dung mà đi cho thiên hạ khóc, bỗng dung mà cảm động quay đầu cho kẻ đối diện không biết nghĩa sao, bỗng dung mà tâng lờ như không nhận thấy, làm cho người ta không biết phải biện bạch thế nào...

Đó là tinh thể của cái ngẫu nhĩ vốn tự xưa kia.

Vốn tự xưa kia “là”, tới ngày nay vẫn chưa ngừng “là”, đó là nghĩa của cái “là” trong ngẫu nhĩ.

Sao gọi là “là”? Có kẻ bảo: “Là” là “là” vậy. Và thêm rằng: Nếu không có tiếng “là”, thì trong nhân gian không còn ngôn ngữ. Mà nếu mất ngôn ngữ thì nhân gian

mắt nghĩa nhân gian. Bởi đâu? Rằng sở dĩ nhân gian là nhân gian, ấy bởi nhân gian là “cõi”. “Trăm năm trong cõi người ta”. Nếu người ta không có cõi, thì người ta không phải là người ta. (Vì không ta, không người.) Nếu không người không ta, thì làm sao có được cái người ta để làm nên nhân gian một cuộc giữa biển dâu phơi mở trong ánh mờ tồn lưu.

Nhân gian có người ta, nhân gian có cõi. Nhưng bởi đâu mà có người ta làm nên có cõi? Cái gì là căn cơ sơ thủy của người ta trong cõi có trăm năm?

ÁY LÀ cái lời trong cổ lục vậy. Lời là thiết lập. Lời là căn cơ. Lời là nhiếp dẫn.

Từ đó về sau trăm năm bước vào sử lịch dựng mộng sử xanh cho phong tình phiêu dật rất mơ màng.

Bất cứ lúc nào, dù trước giờ giác ngộ, dù sau phút đam mê, bao giờ con người ta cũng có thể xô phong tình vào chiêm bao được cả, kể từ ngôn ngữ là lời đã bước vào cổ lục mà truyền với sử xanh, để cho con người mỗi lúc mỗi có thể lại bên mép bàn ngời ở bên đèn mà lần giở với hai tay:

*Cảo thom lần giở trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.*

Cổ lục đã truyền vào sử xanh cho phong tình trường tại thì mọi vật, mọi đồ trong nhân gian đều kể từ đó mà được kết hợp chót vót nguy nga dẫu rằng muôn năm vẫn nằm lì ngang mặt đất. Chim chóc ăn trái cây, trâu bò nằm bờ ruộng, bốn lá cồn kết lại làm một chùm hoa cỏ, bên phiêu diêu là có sóng phiêu bông.

*Hỡi ôi! ngôn ngữ là lời
Áy trong tiết điệu ấy ngoài âm thanh
Dư vang cuối lá đầu cành
Niềm riêng suy trọng sao đành từ nan
Rừng phong thu giữ hội đàn*

*Rượu thơm từ đáy chén vàng nguyệt khuy
Rừng phong thu đã nhuộm kỳ
Chiêm bao bờ cỏ gái Tỳ Hải gieo.*

CÁI CHỖ ngẫu nhĩ lạ lùng trong buổi mới một lần bòn chôn cái dạ con người ta và kéo dài thao thức tân thanh cho mai sau chừ lão chung tình về tư lự – đầu đuôi ngành ngọn đều khởi từ cái cơn đầu ngôn ngữ ra hoa.

Cõi trăm năm thoát biến thành thiên-thu-con-mộng-cõi. Tha hồ thiên hạ đi về tiếp tục mà kết lá vào cho trái cây. Trái lựu trái đào, em cho ăn trái lê vậy. Huống nữa là...

“Hạ huống thập thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập; từ huyền cung oán phổ thành bạc mệnh chi âm; giác thê lương kỳ não nhân, phục sinh đình nhi cố ảnh. Hoa ung thân diễm, liễu dục tăng kiêu. Tham Bắc Bộ chi phong tao, tiểu đề diệc vận. Thiện Nam Triều chi phần đại, nùng đạm tương nghi... Cố nghi chừ lão chung tình, biến danh tính ư quần biên tụ giác; toại sử thiên thu ký sự, thái phong lưu ư thặng phần tàn chi...”

Từ đó về sau... Nhân gian có bờ lau bên lá để đi về ẩm cúng mà thút thít bên nhau.

CHỢT NHÌN em đốt than đen đũi, chọt ngó ra màu hồng lệ thiên hương. Chọt tao ngộ đầu non Duồng Mô Din tư lự, chọt muôn đời vào vận đại là hơi thở riêng Hoàng Hậu mai sau. Chọt chiêm bao liễu yêu bài động, chọt phong tình vận chùng lồng lộng phơi hoa.

*Thanh Minh trong tiết tháng ba
Lễ là Tảo Mộ hội là Đạp Thanh.*

Cái nghĩa u huyền của tháng ba là chi thế? Nào hội, nào lễ, nào Tảo Mộ, Đạp Thanh, cùng xúm xít dàn bày song

song như hai hàng chân ngọc duỗi ấy cũng chỉ vì cái “là, là” nó liễu là lộn lại rất lần khôn phở hội do ra,

*Thanh Minh trong tiết tháng ba
Lễ là Tảo Mộ hội là Đạp Thanh
Một giờ ngẫu nhĩ ngày xanh
Ngửa ngang là mộng nên đành là thừa
Cung đàn lựa những ngày xưa
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây
Lòng thí chủ vốn hẹp hòi
Cúi xin phương trượng trong ngoài mở ra.*

SUY TƯ sâu thẳm về chỗ đó cái chỗ của “là, là” từ trong tinh thể phơi ra, đó là điều kiện thiết yếu của tái lập tồn lưu do ra vạn đại. Con mắt sẽ nhìn thấy Thúy Kiều...

Con mắt sẽ nhìn thấy Thúy Kiều về chủ tọa buổi hội thoại giữa các thiên tài cổ kim trong một vòm ánh sáng khác.

*Trông đầu đá vọng thiên di
Mắt gì cô quả mắt gì bá vương
Đầu phơi cung bậc lên cồn
Quần tiên giữ áo trút nguồn cho ma?
Thơ sàu rượu kéch đưa ra
Ních tì ti sáng sáng là cuồng ngâm?
Càn khôn gió đổ chất chồng
Về trong thiên hạ đêm mông một giêng
Hồng nhan em trú ngụ miền
Mép nào xa đội phi tuyến về mây?*

Mép miền nào em trú ngụ? lần cuối cùng xin hỏi lại
Sử Xanh.

Những từ sen ngó đào tơ...

Sen ngó đào tơ là cái chi lạ rứa? Mà cứ lạ rứa đi về

ám ảnh mọi cái Tại Thế. Bây giờ là sự tĩnh Thiên Thu? Mà thiên thu là thu thiên còn lá Tồn Lưu Vĩnh Thế nhớ Trường Sinh di biệt khúc Lâm Đồn? *Những từ sen ngó đào tơ?* Đi về kêu gọi bây giờ ra sao? Những từ bờ cỏ chiêm bao? *Mười lăm năm mới Bây Giờ Là Đây.* Cái Bây Giờ Là Đây hiển hiện tròn đầy tươi tốt hơn mười rằm xưa. Trọn lành lành lên thôn lá còn lên cỏ. Quá khứ không còn. Tương lai không cần nữa. Sau trước dồn về bây giờ tại đó là bất tuyệt luân lưu ngàn thu kia là phút nọ. *Ni il n'a jamais été, ni il ne sera, parce qu'il est maintenant, tout à la fois, sans discontinuité.* **Có điều chi nữa mà ngờ.** Cô đừng dẫu tôi nữa nhé. Hai đũa vén tấm màn phủ trên dâu biển, nghe linh hồn lất lay thần thánh, ngự trị lên sáu cõi luân hồi di chuyển chu lưu. *Au milieu de ces cercles, est la divinité qui dirige le cours de toutes choses; car elle est le principe de toute naissance douloureuse et de toute génération, poussant la femelle dans les embrassements du mâle et le mâle dans ceux de la femelle* – Parménide.

CON CÁI nằm vào trong vòng tay con đực, con trống chui vào hang con mái, phơi dựng âm dương theo thiên lý lưu hành, quyết định mọi sinh nở đoạn trường, đề đầu bưng reo thát thanh hồn thể hệ. – *Et tu apprendras également les oeuvres vaga bondes de la lune... Tu connaitras aussi les cieux qui nous entourent...* Và sao mọc lên trời, và trăng tròn di động vàng vạc mộng lang thang và những quỹ đạo tuyệt sương khắp ba nghìn thế giới cùng rủ nhau giải rõ cái nghĩa thần thánh đùn đẩy âm dương giao hội quân bình.

Tư tưởng nguyên sơ này giở huyền hoặc. Người đời nay không còn Ký ức. Kỷ niệm mất dư vang. Mãi mê biện chứng duy lý duy vật, quên hết mọi sương bóng siêu nhiên mơ màng bình minh trên cổ độ. Đầu ngõ nào mây đội? Còn lá nào – là Thâm Xứ tuyết băng? Con người chết ngọt. Weil, Hemingway đã bỏ đi. Ta xin gọi – oi em Thúy Kiều về nhanh với chứ!

*Cảo thom làn giở trước đèn
Phong tình cỏ lục còn truyền sử xanh.*

Trước ánh đèn (**Lửa Phôi Dựng**) chuyện Phong Tình biến làm Ân Ngữ: *Nó nằm trong Cỏ Lục để truyền vào sử xanh*; Nghĩa là: buộc người nghe phải nghe trong Tiếng Gọi của Cái Vậy – là Cái Vậy – là Cái-Vậy-Phong-Tình không phải cái Phong-Tình-Chỉ-Duy-Có-Vậy. Theo Heidegger, đó là chỗ khác nhau giữa cái *le Même* và cái *l'Identique*. **Tiếng Gọi** đã truyền vào **Sử xanh** làm cho trang Cỏ Lục tê tái tím ngắt – nghĩa là: bất thình lình **động mình tuyết bạch** là: *trắng muốt vô vàng*. Cảo thom trước ánh đèn đúng là: hương lửa ba sinh cỏ mọc ba miền phong tình xanh lục lãng đãng ba chân trời trăm năm về kêu trong Thời Gian Tố Chất: ba sinh biến làm ba góc biển của triều năm tháng rộng – kết Chùm Vĩnh Viễn trong Trường Sinh Bất Tuyệt Đố Đôi Vành Nương Tử đón Chân Trời về mộng giữa Phù Du.

Độc Nguyễn Du là: nghe cái lời vô ngôn trong ân ngữ, đừng bỏ lạc ý ân ngữ – là mất khả năng nghe. **Anh đã về? – Em nghe dưới chân vang:** hoa lá nở với chuông rền giọng thắm. *Ainsi demeurons-nous de ceux qui entendent et prêts à faïsser le mot reposer en fui même comme mot-énigme, afin que tout d'abord nous aider à considérer la pleine mesure d'enigme contenue dans le mot.*

THẾ LÀ chúng ta chịu làm những con gái biết nghe, và sẵn sàng chịu để cho cái lời nằm trong miền cõi nó là: mếp còn ân ngữ vô ngôn – là cốt đề: trước tiên ta được lắng tai ngóng về mười hướng, mở linh hồn đón một cái nói dị thường trong cỏ lục khả dĩ giúp ta cân nhắc đầy đủ cái nghĩa trọng nghìn non của u uyên nằm trong ân ngữ, là: tụ hội tuyết sơ khai triều gọi sóng phiêu bồng.

“*Sao gọi là nghe?*” – từ đó mang nghĩa: nghe là ngóng đợi triều sử xanh cỏ lục giẫy trào – còn lưu tồn là *truyền trong tiếng gọi*. Truyện Thúy Kiều mở ra ở trước

đền theo điệu nọ, thì *Essai et Conférences* khép lại với những tiếng kia:

Logos, Moira, Aléthéia.

Những tiếng *Chữ Tài Chữ Mệnh, Cổ Lục, Sử Xanh, Anh Hoa Phát Tiết, Những Điều Trông Thấy, Cảo Thơm Làn Giở* – cùng muốn **nói cái gì ở phía bên kia âm thanh lay lắt?**

Il est vrai que pour saisir au-de là des mots ce que ces mots veulent dire, une interprétation **doit fatalement user de violence...**

Muốn “**nắm**” cái ở bên kia lời, sự luận giải thích tất nhiên buộc phải sử dụng điệu quá khích cưỡng chế. Nhưng đó không phải là võ đoán bướng bỉnh làm bừa. Đó được thúc đẩy và hướng dẫn bởi sức mạnh của một ý tưởng chủ yếu khơi dẫn linh cảm vũ bão – thuận theo ý hướng thăm thẳm, tin tưởng nơi cái đà suy tư tha thiết trong tác phẩm tài hoa. Người luận giải chỉ được phép liều mạo hiểm gần mình trong cuộc – là riêng bởi cái niềm tin, cái ý tưởng mãnh liệt nọ.

Il est vrai que pour saisir au de là des mots ce que ces mots veulent dire, une interpretation doit fatalement user de violence. Mais cette violence ne peut se confondre avec un arbitraire fantaisiste. L’interprétation doit être animée et conduite par la force d’une idée inspiratrice. La puissance de cette idée permet senie à l’interprète le risque, toujours présomptueux, de se confier à l’éln secret d’une oeuvre, pour s’attacher à ce qu’ elle n’exprime pas et tenler d’en trouver l’expression. L’idée directrice elle même se confirme alors par sa puissance d’éclaircissement.

TRANG 256 cuốn *Kant et le problème de la métaphytique* quả đặt đầy đủ cơ sở cho suy tư. Kể từ đó...? – Cái-liều-nhắm-mắt-đưa-chân của Thúy tài hoa, từ đó đã mở những phương trời. Cái Bước Nhảy của Thúy Kiều đã đốt sáng ngọn lửa âm thanh trên cái Đà Dự Liệu đoạn trường phóng hoạt. Ý tưởng chủ yếu của suy tư hoàng viễn

được minh chứng vững vàng bởi cái sức soi sáng dị thường phát từ lời phong nhã.

Nguyễn Du đã “**diễn giải**” câu chuyện Nàng Kiều theo điệu riêng – lệch nghĩa ký sự sử ký, nhưng thuận theo ý chiêm niệm sử xanh. Ta sẽ vô tình tàn phá tiếng nói của Thúy Kiều, nếu cứ bo bo nghĩ rằng: phải khách quan vô tư bước vào cuộc phân tích cái mảnh tâm hồng nhan hoen ố triều Minh.

(Xem lại: Câu hỏi của Thúy Kiều mở ra với Tây phương.)

BÙI GIÁNG
(GTQM số 1)

HỒ HỮU TƯỜNG

TỪ QUẢNG NINH, NGANG TAGORE, ĐẾN...

LÚC vừa biết đọc, tôi chẳng có cái điểm phúc mà có những loại sách “trẻ em” để mà đọc. Tôi chỉ vớ được sách của “người lớn” nào là đọc cuốn nấy. Có một mẩu chuyện làm cho tôi để ý lắm. Ấy là chuyện Quảng Ninh và Hoa Hàm. Các cụ có học Nho, thấy đều biết chuyện ấy. Vào thế hệ của tôi, nhiều người cũng có nghe qua, nhưng hình như bây giờ không ai nhắc đến. Tôi có chịu khó tra *Từ nguyên* và *Từ hải* là hai bộ tự điển khá đầy đủ của người Tàu. Hoa Hàm thì được nhắc trong cả hai bộ này. Nhưng Quảng Ninh lại bị bỏ rơi. Một người như Quảng Ninh, thế mà dân tộc tàu bỏ rơi đi! Thật lấy làm hổ thẹn. Thật quá bất công. Ấu là, ăn cơm nhà mà lo chuyện người, cầm viết mà thảo mấy trang sau đây, gọi là trả món nợ tinh thần của kẻ ước mơ văn hóa.

Lúc thiếu thời, Quảng Ninh và Hoa Hàm cùng là nghèo, cùng ham học. Hai bạn chỉ có một chiếc chiếu, cùng ngồi mà đọc sách. Một hôm, khi hai bạn đang lo đọc sách, thì có tiếng xe ngựa, tiếng lính nạt đường, cho một người quyền thế nào đó đi qua. Nghe vậy, Hoa Hàm lật đật buông sách, chạy ra xem việc tiền hô hậu ủng ấy. Còn Quảng Ninh nghĩ rằng học có mục đích là cầu đạo, mình chăm lo học tập là cốt để tìm chân lý, tìm đường dắt loài người đến chân, thiện, mỹ. Còn Hoa Hàm, tuy cũng chăm học, nhưng học chỉ cầu công danh. Vậy không phải là bạn đồng chí của mình, không thể cùng ngồi một chiếu mà học không thể chia gian khổ với mình. Hoa Hàm khi xem người ngựa qua rồi, trở vào, thì chiếc chiếu bị Quảng Ninh lấy dao mà rọc hai, và Quảng Ninh xách mảnh chiếu phần mình, đem trải chỗ khác, ngồi riêng mà đọc sách...

Mẩu chuyện mà tôi đã đọc chỉ có chừng ấy, rồi

chấm dứt.

Nhưng cũng đủ làm cho trí non nớt của tôi để ý mà phân biệt hai ý nghĩa của sự sống, hai nhân sinh quan. Một kẻ cầu danh lợi, một kẻ cầu đạo. Hai hạng người này khó sống chung với nhau. Thảo nào, Quảng Ninh sớm biết mà rọc hai chiếc chiếu của chung của hai gã. Về sau, đọc truyện *Tam Quốc*, tôi có gặp lại Hoa Hàm. Lớn lên, Hoa Hàm học giỏi, ban đầu, phụng sự cho họ Tôn ở Giang Đông. Nhưng có tài mà thiếu đức, Hoa Hàm không được ưa ở đây, nên khi có dịp cắt người đi sứ bên Tào Tháo, Hoa Hàm được “bị tông ôn”. Sang ở với Tào, Hoa Hàm tìm đủ cơ hội, đủ thủ đoạn, để đoạt công danh... Chính Hoa Hàm lãnh lĩnh của Tào Tháo mà làm một việc tàn nhẫn là thuốc chết Phục hoàng hậu. Rồi lần lần Hoa Hàm leo những nấc thang của công danh, thực hiện được cái ước mơ của thời niên thiếu, đọc sách mà mộng công danh địa vị.

Còn Quảng Ninh?

Từ thuở bé, tôi có cảm tình với Quảng Ninh, người học để cầu đạo, chứ không phải để chuộng quyền lợi và công danh. Đời của tôi, có lẽ một phần nào chịu ảnh hưởng của nhân sinh quan của người rọc chiếu mà đoạn tuyệt với kẻ không cầu đạo. Cảm tình nọ khiến tôi tò mò tìm coi Quảng Ninh có tương lai nào. Tôi có dịp hỏi một vài cụ đồ già. Không ai biết. Tra từ điển không có tên Quảng Ninh. Tôi bắt đầu nghi ngờ sự hiện hữu của người học với mục đích cầu đạo này. Và tôi cũng bắt đầu có cái lập luận rằng con người như vậy, cao siêu quá, làm sao có được? Và câu chuyện rọc chiếu là do kẻ đời sau bịa đặt ra mà thôi.

Rồi một hôm kia, làm việc nơi một thư viện xa xăm, có đến tám mươi ngàn sách hiếm có của Tàu, ngoài trời tuyết rơi lạnh lẽo phủ phàng khiến cho tôi lạnh lạnh mà trốn trong thư viện lúc nghỉ trưa tôi lật một cuốn sách, mà nay tôi quên tên là sách gì. Tôi lại gặp tên Quảng Ninh.

TÔI ĐỌC say mê, như đọc một tình thơ của một nàng mà tôi mơ mộng bấy lâu, nhưng chưa có dịp traу đổi câu vàng

đá. Quảng Ninh không phải là chuyện bịa đặt. Quảng Ninh là một nhân vật có thật. Nhưng chỉ bị loài người, lấy quyền lợi và công danh mà làm thước đo để sắp phẩm trật, loài người chẻ mà bỏ ra rìa xã hội, quên ghi tên trong sử sách. Tôi đọc đoạn nọ, lòng ngậm ngùi cho thân phận chung của những nhà văn hóa, không lấy quyền lợi, công danh, địa vị mà làm mục đích để sống.

Quảng Ninh, vào cuối đời Đông Hán, là một trong hai người học rộng hiểu nhiều nhất của thời ấy. Người thứ nhất là Trịnh Huyền. Truyện có ghi tên Trịnh Huyền. Sách, từ điển có chép tên Trịnh Huyền. Có lẽ, bởi vì Trịnh Huyền có dạy lắm học trò, nhờ ruổi rong trên con đường quyền lợi và công danh, mà ghi tên trong sử sách. Học trò ấy là Công Tôn Toản, là Lưu Bị. Công Tôn Toản và Lưu Bị đoạt được quyền lợi và công danh, nên thầy cũng được thơm lây. Còn Quảng Ninh trẻ hơn Trịnh Huyền, bản thân chẳng có địa vị và công danh, dạy học trò chỉ lo cầu đạo, mà chẳng ai có địa vị và công danh, mặc dầu sở học của Quảng Ninh rộng rãi và uyên thâm, Quảng Ninh bị lãng quên...

DÂN TỘC Việt bị mấy mươi năm loạn ly, làm cho tôi không nhắc đến Quảng Ninh không được. Thời của Quảng Ninh, cũng loạn ly như thời của chúng ta vậy. Sau cuộc loạn ly của bọn thập thường thị. Hán thất suy đồi, quyền thần Đông Trác tiếm quyền, quân hùng phong khởi, nên đâu đâu cũng có binh đao. Còn đám quần chúng nông dân, do bọn khản vàng thôi động, làm cho loạn ly tràn khắp hang cùng ngõ hẻm. Quảng Ninh là kẻ học để cầu đạo; trong lúc mà ba anh em Trương Giác dùng sách *Thái Bình yếu thuật* mà gieo rắc loạn ly, Quảng Ninh dùng ảnh hưởng của cái học của mình mà kêu gọi xây dựng một cảnh thái bình đích thực.

Cả mấy vạn người hưởng ứng lời kêu gọi của nhà bác học, nhà hiền triết, nhà văn hóa, kẻ mà đạo không phải chỉ để suy tư, mà để sống. Đám quần chúng ấy bỏ phen hoa đô thị bỏ cái dục loạn ly có thể làm tấm ván nhún để nhảy

lên đài địa vị và công danh, mà theo Quảng Ninh vào rừng sâu đốn cây, dọn đất trồng trọt, cày cấy, lập một mảnh đất thái bình, nhà tối không đóng cửa, đường không ai lượm của rơi, phục hưng lại đời Nghiêu Thuấn. Mỗi người làm để đủ ăn thôi, mà chẳng cần việc giàu sang. Và mỗi mỗi đều tham gia vào công cuộc học hỏi, trau dồi trí đức, dưới sự hướng dẫn của Quảng Ninh, nhà bác học, nhà hiền triết, nhà văn hóa...

Tôi biết được Quảng Ninh như thế. Tôi hiểu vì sao loài người bỏ rơi Quảng Ninh mà không ghi tên Quảng Ninh trong từ điển. Quảng Ninh nào có giàu như Thạch Sùng, Vương Khải? Quảng Ninh nào có địa vị, được vua phong cử tích như Tào Tháo, như họ Tư Mã? Quảng Ninh chỉ có cái đạo. Quảng Ninh chỉ có bọn không vụ quyền lợi theo vào rừng mà, chẳng nói “thái bình yếu thuật”, lại hành động “thái bình yếu thuật”. “Đắc đạo” vào thời ấy, không phải là Tư Mã Đức Thảo, như bộ truyện của La Quán Trung là *Tam Quốc chí diễn nghĩa* đã vẽ. Trong sự thật, và Trần Thọ, tác giả của *Tam Quốc Chí* đã chép, Tư Mã Đức Thảo, vào tuổi già đến đầu Tào Tháo, mà lập chữ công danh. Dâng kè có mấy ngày cho Tào Tháo, kè của Tư Mã Đức Thảo chưa kịp được dùng, thì Tào Tháo chết. Vậy cái đạo của Tư Mã Đức Thảo là cái đạo hụt. Hụt vì bởi cũng muốn công danh, mà chẳng gặp thời. Và cái đạo của đám bè bạn của Đức Thảo ở vùng Nam Dương, chỉ là cái đạo xuất thế của một đám tôn thờ cá nhân chủ nghĩa. Còn cái đạo của Quảng Ninh là cái đạo nhập thế cái, đạo dán thân, cùng quần chúng, vì quần chúng, với quần chúng mà thực hành “thái bình yếu thuật”.

Nam Hoa lão nhân, như trong truyện *Tam Quốc* kể, trao sách *Thái Bình yếu thuật* cho Trương Giác, mà giặc khải vàng nổi lên. Quảng Ninh chẳng nhờ dị nhân nào trao cho thiên thơ tự mình tìm được con đường thái bình, không cho cả thiên hạ được, ít nữa cho kẻ đồng tâm đồng chí của mình.

●

BIẾT CHUYỆN của người, tôi so sánh với người nay. Vào đầu thế kỷ XX này, ở gần Bengale nhà văn hào Tagore có cất một lều tranh làm giảng đường để dạy tử đệ học đạo lý. Từ bốn phương trời, văn nhân, mặc khách, triết gia đến mà nghe Tagore giảng dạy. Rồi sau đó, gần Pondichéry, một người Ấn Độ khác, là Aurobindo lại mở một ashram. Tử đệ của Aurobindo cũng từ bốn phương trời mà đến. Mỗi người mỗi ngày cũng cày sâu cuốc bẫm ít giờ, để tay làm mới có cho hàm nhai; xong rồi thì nghe nhà hiền triết luận bàn tư tưởng.

Tôi lại đem sự so sánh ấy mà nói với hai vị tu sĩ, từ Đà Lạt xuống mà thăm tôi. Hai vị này mới kể cho tôi nghe sự sống của Đà Lạt. Bắp cải, tuy không to “bằng bộ ván ba”, nhưng khá lớn, mà bán chỉ vài đồng thôi. Củ khoai tây to, củ khoai lang đầy mật, bắp trái lớn, hột nhiều, các thứ đều rẻ. Nếu tập cho dân mình sống bằng khoai tây, bằng bắp, bằng khoai lang, mà chẳng ăn gạo, như người Bắc Âu, thì quả là tay làm hàm nhai rất dễ dàng. Làm lớn như Quảng Ninh, kêu gọi một vài trăm ngàn người tránh loạn ly và cầu đạo, thì những quả đồi quanh Đà Lạt thừa đất phì nhiêu để nuôi sống họ... Mà làm nhỏ như Tagore, như Aurobindo, bắt chước các cụ đồ ngày xưa, thâm nạp “tam thiên đệ tử”, mình dạy dỗ “kẻ nghe sách”. Kẻ nghe sách dạy lại học viên “hạng sáu” học viên “hạng sáu” dạy xuống... Thì tre đỡ măng có gì là khó? Huống chi, Đà Lạt có một viện Đại học, có mấy trường Trung học, có những cơ sở làm sẵn đó mà quanh năm chẳng ai dùng. Thanh tịnh, thì cũng có thể thanh tịnh như khu rừng của Quảng Ninh mà thêm tiện nghi của thế kỷ XX, cũng có thể được. Thêm nữa, hiện nay dân chúng ở Đà Lạt hiền lành, mộ đạo... Hai vị tu sĩ đặt cho tôi câu hỏi: “thời loạn ly này, đâu đâu cũng có kẻ tị nạn, bu đầy các thành phố mà tị nạn, ông còn đợi gì mà không làm như Quảng Ninh, cất tiếng kêu gọi những người tị nạn đến Đà Lạt, mỗi người trồng trọt trong vài giờ mà đủ

cái ăn để nghe ông giảng về “con đường văn hóa”? không làm Quảng Ninh được, thì làm Tagore, làm Tagore không nổi thì làm Aurobindo vậy”.

Hai vị tu sĩ vừa ra, thì có con cháu gái, con anh cả tôi, bồng bế, dắt năm con đến. Chồng nó làm thợ máy ở sân bay Liên Khàng. Nó nói “mấy ông” dán giấy hăm đánh lấy sân bay này, rồi đánh úp lấy luôn Đà Lạt. Sợ quá chồng nó bảo dắt năm đứa con đại mà lánh nạn trước ở Sài Gòn. Con cháu, với năm đứa con nó, dẫn tôi từ cái mộng, do hai vị tu sĩ mớm cho, mà trở về sự thật. Một sự thật đốn đau phũ phàng, là chỉ có thể làm Quảng Ninh, làm Tagore, làm Aurobindo ở chốn phồn hoa đô thị này, giảng đạo lý trong khi thanh niên bị ám ảnh vì phòng trà, vì hộp đêm, vì phim cao bồi, vì quần tùm ống với cái dao găm gắn nơi cổ chon, còn thiếu nữ thì đắm say ăn mặc, tiền đầy túi và mùi vị của vít-ki.

Ai mà dám rời bỏ đô thành vừa xa hoa vừa có an ninh để lên Đà Lạt mà nhịn ăn cơm lại tập ăn rau, với mục đích là nghe “văn hóa” trong lúc mà lòng không yên bởi “mấy ông” hăm đánh úp? Ngay cá nhân tôi mặc dầu tôi không thích nếp sống nhộn nhịp mới, tôi có dám đến chờ “mấy ông” đánh úp, bắt được tôi, rồi kết án tôi là kẻ “phản động”, dám bắt chước chàng Polyucte mà động đến thần tượng của họ? Thời xưa Quảng Ninh loạn ly chỉ có ở các thành phố và ở các chỗ có người đông đúc. Thì Quảng Ninh còn có thể kêu gọi dân tị nạn kéo vô rừng sâu mà lập cảnh thái bình. Còn ngày nay, loạn ly lại từ rừng phát ra, bắt chước Quảng Ninh sao được?

TRONG CÁI tâm trạng hoang mang ấy, tôi la cà nơi vài tiệm sách mà giải khuây bằng cách nhìn nhan đề của các sách vừa xuất bản. Tôi bắt gặp một từng thơ có cái tên là Marabout Université. Quả là một sáng kiến tân kỳ. Một Viện Đại học tưởng tượng, không có ai là giáo sư chánh thức, mà học giả nào lỗi lạc cũng là giáo sư; không có giảng đường cho sinh viên đến, mà Viện Đại học lại đến tận nhà

của mỗi sinh viên, vào tận giường ngủ mà ở nơi đầu tủ bên cạnh giường; không có thời khóa biểu, mà tự tiện sinh viên muốn học lúc nào cũng được; không có ban giám khảo để thi cho sinh viên, mà sinh viên có thể nộp công trình nghiên cứu cho công chúng thẩm xét bất cứ lúc nào... Ngay đến một Viện Đại học tưởng tượng như vậy mà cũng không làm sao xây dựng lên nổi. Bởi vì sách in ra, không có số người tối thiểu mua cho từng thơ sống được, thì chẳng bao lâu, hết vốn. Mà đã có vốn chưa đã?

Làm Quảng Ninh không nổi. Làm Tagore cũng không kham. Làm Aurobindo cũng chưa được. Lập cái Viện Đại học tưởng tượng như Marabout Université cũng chẳng thấy viển đờ thành công. Nghĩ như vậy, tôi tủi buồn hết sức. Nhiều bạn trong làng bút mực rủ tôi cố gắng “*giữ thơm quê mẹ*”. Lòng tôi muốn như vậy lắm lắm. Nhưng một câu hỏi luôn luôn đặt cho tôi: *làm sao?*

TÔI MỞ lớp dạy EOMIR đem ra những kinh nghiệm về kỹ thuật làm việc bằng trí thức mà truyền lại cho bạn trẻ. Hơn hai trăm người ham học, mặc dù quảng cáo lai rai, ít ai nghe nói đến. Dạy vài hôm, hơn phân nửa sinh viên yêu cầu: “Thầy, thầy, thầy có bao nhiêu kinh nghiệm thì rút hết ra mà truyền lại cho chúng tôi trước đầu tháng chín”. Tôi hỏi: “Tại sao trước đầu tháng chín?” “Bởi vì, sau đó chúng tôi phải lên Thủ Đức”.

KHOA OEMIR, tôi có dùng tiếng Việt gọi là Nhập Môn Học. Nay các sinh viên của khoa này sắp nhập ngũ. Nghĩ cho cùng kỳ lý, thì khoa OEMIR cũng phải dạy những kỹ thuật tối cần của “nhập môn học” cho những sinh viên sắp nhập ngũ. Nhưng mà bấy lâu nay, tôi suy nghĩ rất nhiều về mọi phạm vi hoạt động bằng trí thức, tôi lại chưa nghĩ đến việc này. Sinh viên của tôi sắp đi làm bổn phận của công dân thanh niên. Tôi làm giáo sư của chúng, mà moi óc để tìm câu nào dặn dò chúng, tôi chẳng thấy câu nào có ý nghĩa hơn là câu:

“Hãy giữ thom quê mẹ!”

Trong khoa OEMIR, tôi tập cho sinh viên tìm có cái chìa khóa mà mở cửa, mới “nhập môn” được. Thì ở đây cái chìa khóa là bốn chữ: *giữ thom quê mẹ*.

5-VII-1965

HỒ HỮU TƯỜNG
(GTQM 2)

TAM ÍCH

TRONG VĂN NGHỆ CÓ VẤN ĐỀ “GIẢI QUYẾT” VÀ VẤN ĐỀ “HUỐNG LÊN”...

Hồ sơ văn nghệ

TÔI NÓI “*Trong văn nghệ*”... vì vấn đề này lòi vào vòng ba giới: giới sáng tác, giới đọc sách và giới xen vào giữa là giới phê bình...

Người sáng tác thì tự mình đòi chính mình phải viết như thế này phải viết như thế nọ – cho sách *hay* – người đọc sách, trong đó có cả người của chính quyền nếu chính quyền đó là chính quyền đòi có mặt chẳng hạn, thì đòi ở người sáng tác một số nguyên tắc phải theo để thỏa mãn ý-thức-hệ chính thức, – còn nhà phê bình thì chiếu theo đòi hỏi của thời đại, chờ ở nhà sáng tác những tiểu thuyết, những kịch phẩm, những bài thơ – *hay*. Cứ dùng chữ *hay* là đủ, là gọn; riêng một chữ *hay* không cũng đã chứa cả một dung tích cứ nghĩ tới là nhà sáng tác đã phát... lạnh xương sống!



SỐ LÀ ngày xưa, vào những năm 1948, 1949, 1950, những năm trước khi đi tù, tôi có viết một số bài *phê bình*, và *khảo luận* về văn nghệ. Ở đời nó vậy, hễ mới tập tành theo một *thuyết văn nghệ* nào đó... thì bao giờ cũng say mê và làm mất... nghiêm khắc (rigorivne) – mãi sau này tôi mới thấy cái... lô của chính mình, chính mình đã “*ấu trĩ*” trên cương vị một nhà phê bình. Nói quả tình hồi ấy có một vài bạn trẻ lại cho tôi là... đúng mới là cơ khổ chứ! khi viết, tôi tập tành áp dụng *duy-vật biện-chứng-pháp*, và tôi đòi thiên hạ phải theo *tả-chân xã-hội* (réalisme socialiste) làm khuôn thước văn nghệ. Rồi cứ mỗi cuốn tiểu thuyết ra đời, tôi lại

đưa cái chủ quan của tôi ra, hướng hết mọi luận cứ về mấy nguyên tắc mà tôi mới học được, rồi phê bình rằng cuốn này không *giải quyết* gì cả, cuốn nọ không đưa ra một kết luận gì cả, tác giả không gợi một biện pháp nào cho *vấn đề đặt ra* trong tác phẩm... nghĩa là, như tôi đã nói, tác giả không *giải quyết* gì cả... Rồi tôi vác khuôn vàng thước ngọc *duy-vật biện-chứng* ra mà múa – mỗi mỗi đều cho rằng phải thế này mới là văn nghệ, phải thế kia mới là văn nghệ... Làm như nhà văn nghệ là một đẳng tối cao – *giải-quyết* hết mọi vấn đề và muốn *giải-quyết* là được. Rồi tôi cho rằng sách mà không *giải-quyết* là sách dở...

ĐÂY, cái bịnh “ấu trĩ” văn nghệ (infantilisme littéraire) của chính tôi là bịnh *giải-quyết*. Trước tôi có một người giỏi hơn tôi là Trương Tửu Nguyễn Bách Khoa. Trước Trương Tửu có một người giỏi hơn Tửu một vạn lần là Paul Lafargue. Trước Paul Lafarque có một người, tuy là ông tổ phê bình *duy-vật biện-chứng* nhưng lại mềm dẻo hơn, là Taine: té ra những kẻ sinh sau Taine lại “bảo hoàng hơn vua” (plus royaliste que le roi) mới là hài hước!

Đến đây, tôi xin nói ngay rằng phải để những nhà critique communiste ra một bên – họ khắt khe là phải vì ở vị trí họ, với lăng kính họ, với cái vạn-hoa-kính của họ, họ phải nhìn văn nghệ thiên hạ như vậy cho hợp với ý thức hệ của họ – chúng ta không nên trách. Chớ Trương Tửu và tôi, thì việc gì mà cũng mặc áo *duy-vật biện-chứng* vào rồi thì phê thế này phán thế nọ? Chẳng qua chỉ để làm cái mặt “độc đáo”, cái mặt thông thái, cái mặt “hợp thời trang” mà thôi!

Tôi phải xin nói ngay rằng tôi không kết án cái phương pháp *duy-vật biện-chứng* trong văn nghệ, tôi không chống, trái lại, tôi còn cho nó là một tác phong phê bình có giá trị, nó phong-phú-hóa thông minh con người và *văn-hóa-tính* của lịch sử. Tôi chỉ muốn nói rằng nên dùng nhưng phải dùng cho mềm dẻo, cho linh động: Chúng tôi hồi đó chỉ theo một mớ *giáo điều* mới là tai ác chớ! Cái gì cũng do

kinh tế mà phát sinh... Ừ thì văn hóa là sản phẩm của kinh tế thì tương đối đúng rồi, chứ còn có phải cái gì cũng vì kinh tế mà phát sinh đâu! Một cuốn sách ra đời: kinh tế. Một chị Năm ngả ba chú Ấa gây lộn: kinh tế. Ăn cơm với mắm bò hóc: kinh tế... Mỗi một cái gì cũng đều là vì kinh tế mà có: nhai mãi mấy cái nguyên tắc *kinh tế* và *xã hội*... phát chóng mặt!

THẬT RA, cái việc *giải quyết* một vấn đề rắc rối đặt ra trong một cuốn tiểu thuyết, trong một kịch phẩm, cái việc gọi ra một biện pháp *luân lý* – xin nói lại, *luân lý* – trong một kịch phẩm đã đặt ra một vấn đề luân lý trong sách... là việc của triết gia, của luân lý gia, của mấy cuốn luân lý giáo khoa thư, của ông Cò quận Ba chẳng hạn...

Nhà tiểu thuyết phản ánh đời sống một cách linh động: chỉ có vậy thôi. Còn nhà tiểu thuyết làm sao để *tác dụng* lại đời sống, đó lại là một vấn đề khác... Sao lại bắt Malraux phải giải quyết cả một vấn đề cách mạng Tây Ban Nha năm 1936 trong cuốn *Hy vọng* (L'espoir). Sao lại bắt Hémingway phải giải quyết vấn đề nhóp nhúa của chiến tranh trong cuốn *Từ già chiến tranh* (Adieu aux Armes)... Tôi đọc hết cuốn *Bão tố* (La tempête) và bộ *Sóng ngầm* (Lames de fond) của Ehrenbourg, mà tôi chỉ thấy Ehrenbourg vẽ những bức bích họa (fresques)... chứ Ehrenbourg có giải quyết như những nhà luân lý, hay bắt chước ông Cò quận Ba phán thế này thế nọ – kể cả là thay mặt Thượng đế để *thưởng* và *phạt*! Sách của Ehrenbourg chỉ là những bức bích họa phản ánh Âu châu trong đệ nhị thế chiến và sau đệ nhị thế chiến. Nghĩa là Ehrenbourg là “họa sĩ” có tài. Vậy thôi. Vậy là được.

Đã có người đem vấn đề tinh thần nghệ phẩm ra bàn với Frédéric Fellini – mà ai cũng biết –, Fellini bèn dựng Tchekov dưới mồ dẫy và viện Tchekov ra để củng cố ý tưởng của mình, vì Tchekov nói rằng: chúng tôi kể chuyện hai gã ăn trộm ngựa, thì chúng tôi chỉ biết kể chuyện ăn trộm – còn chuyện nhốt chúng lại hay không, là việc của

ông Cò Quận Nhất hay Quận Nhì... chứ!

TÔI tán thành Tchekov và Fellini. Nhưng tôi tán thành với dè dặt – nghĩa là thuyết văn nghệ hay thuyết phê bình văn nghệ gì cũng có giá trị cả, hay hay không là ở mình có linh động hay mềm dẻo không. Nguyên tắc nào mà đã dựng thành giáo điều (dogme) thì cũng dở cả: áp dụng nó mà nhắm mắt lại mà áp dụng thì đều cũng là bịnh “ấu trĩ”: ấu trĩ (infantilisme) cho người sáng tác cứ phải theo cho đúng *giáo điều* để cho tác phẩm hay. (Rồi hay đã không hay, lại dở, đó là trường hợp cuốn *Terres défrichées* của Chokolov.) Quả tình tôi dám đem cả nhà cửa vợ con ra mà cá rằng khi viết *La Tempête* và *Lames Fond*, Ehrenbourg chưa từng theo đúng nguyên tắc *tả chân xã hội* bao giờ! Muốn tỏ rằng đúng, tôi xin kể thêm chuyện sau đây để bà con “thăm” và để chứng minh rằng tôi cũng có chút tinh đời: khi Ehrenbourg đưa bản thảo cuốn *La tempête* ra giữa Hội nhà văn nghệ Sô-viết, thì toàn Hội văn nghệ mồm năm miệng mười, chúng khẫu đồng từ, nói rằng không không, sách Ehrenbourg... không *tả chân xã hội* (réalisme socislite) một tí nào! (Mà Hội nói thật, chứ không phải Hội làm!) Ehrenbourg bèn nói rằng: “Thưa các đồng chí, tôi đã đưa cho đồng chí Staline coi rồi đồng chí nói rằng đó là một tác phẩm lớn!” Thế là cả hội văn nghệ im thin thít – và từ đó cuốn *La tempête* thành sách thần tượng... Mà *La tempête* lại hay thật! Người viết bài này đã đọc nó ba lần – ba lần.

Tôi vừa mới nói rằng ai nhắm mắt lại mà áp dụng các giáo điều thì đều mắc phải bịnh *ấu trĩ*: trước hết là ấu trĩ cho nhà sáng tác. Rồi đến ấu trĩ cho nhà phê bình cũng chỉ theo những nguyên tắc có sẵn mà nói, và ấu trĩ luôn cho đọc giả – trong đó có chính quyền nếu chính quyền đòi quyền có mặt – chờ ở nhà sáng tác một vạ yếu lý: nào *dò* nào *buộc*... làm nhà sáng tác chết cả hứng và mất cả tự do...

BÂY GIỜ xin nói đến một tác phong đòi hỏi thứ hai – tôi chỉ xin nói vài nếp căn bản, nếp thông thường nhất... Là tác phong đòi hỏi *hướng thượng*. Hướng thượng nghĩa là hướng đi lên, không đi xuống. “Bệnh” này có thể là một “bệnh” biến thể hay là hậu quả của “bệnh” thứ nhất.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu thế nào là văn nghệ “hướng lên” trong nhân sinh, trong lịch sử, trong xã hội – trong sự tiến hóa của loài người.

Vì tôi cho rằng, trước hết là chỉ có vấn đề sách *hay* và *dở* đã. Hoặ là nó đã xong sứ mạng lịch sử và xã hội của nó như tiểu thuyết tiền chiến của Tự lực văn đoàn thì người ta không đọc nó nữa, để nó vào vị trí của nó trong thư viện. Trong trường hợp đó, không có vấn đề hay dở mà chỉ có vấn đề giá trị thời đại. Hoặ là nó là một cuốn tiểu thuyết văn chương không hay, kỹ thuật bố cục không hấp dẫn, thì người ta không đọc nó và trả nó về cho... tác giả nó. Trong trường hợp đó, người ta đặt vấn đề *hay* và *dở* – và đó là sách dở, dĩ nhiên.

Hoặ là nó là một cuốn tiểu thuyết *văn chương* độc đáo, *kỹ thuật* mới – thì nếu nó phản ảnh tâm trạng của thời đại một cách trung thành, thì phải cho nó là *hay* chứ! Hay là chúng ta lại vác mấy nguyên tắc “giải quyết” và “hướng lên” ra mà tuyên án thế này hay thế nọ? *Những bàn tay nhớp* (Les mains sales) của Jean Paul Sartre, *Những kẻ tử vô địa táng* (Morts sans sépulture) của Jean Paul Sartre, *Những miệng ăn hại* (Les bouches inuties) của Simone de Beauvoir, *Trò kháng chiến* (Drôle de jeu) của Roger Vailant... là tiểu thuyết và kịch phẩm chứa *hướng* gì? Không thể nào nói rằng đó là những sách có *hướng lên* được! Ấy thế mà chúng hay vô cùng! Thôi như cuốn *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền mà tôi cho là một cuốn tiểu thuyết lớn của giữa thế kỷ hai mươi, thì không thể nào đem những nguyên tắc *hướng lên*, *hướng xuống* hay *giải quyết* ra để qui định giá trị được. Nó hay, nó có giá trị: vậy là đủ. Còn nó hay ra sao, giá trị nó ở đâu, đó lại là một vấn đề khác rồi.

ÁY LÀ chưa nói rằng, nếu cứ nói mãi chuyện *hướng* này với *hướng* nọ, thì còn có sách gì *hướng* thượng hơn là *truyện* của tiền nhân chúng ta: *truyện* nào cũng dạy siêng năng để đậu thám hoa để lấy con nhà cành vàng lá ngọc... – còn có *truyện* gì... *hướng xuống* – *xuống* rất thấp nữa là khác – hơn là *Đoạn trường tân thanh*: nếu nó có *hướng* lên thì những nhà chí sĩ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng... lại đã chẳng mất thì giờ đưa Nguyễn Du ra tòa án văn học lịch sử – để đến đôi sâu khâu văn học ồn ào sôi nổi lên một đạo!

Vì vậy, chuyện *hướng* lên và *hướng xuống* thật chỉ là một vấn đề tương đối – ấy là chưa nói rằng cùng một cuốn tiểu thuyết hay một kịch phẩm vân vân... nhà phê bình – cũng như chính quyền văn học, cũng như độc giả – muốn nói nó là *hướng* gì cũng được: đó là tùy ở lăng kính của mỗi người, và cũng còn tùy ở lòng thương hay lòng ghét rất... chủ quan của mỗi người.

Tôi còn nhớ cách đây mười mấy năm khi cuốn *Les mandarins* của Simone de Beauvoir được giải Goncourt, và được văn học thế giới trầm trồ, Jacques Laurent đã viết một bài rất dài rất tàn nhẫn để dội lòng ghen ghét nhóp nhúa lên cuốn *truyện* – nào ai cấm! Nào! Thế thì, trong trường hợp đó, đặt vấn đề *hướng* ra sao?

CÁCH ĐÂY mười mấy năm, khi viết một số bài phê bình, tôi cũng đã có cái tác phong thứ hai ấy – một tác phong thái độ văn nghệ làm cho nhà phê bình thì làm mặt quan tòa cầm cân nảy mực, phán thế này, phán thế nọ... làm cho nhà sáng tác thì đôi khi sợ bị phê bình *hướng* này *hướng* kia mà khiếp vía, vừa sáng tác vừa ngại – giữa lúc đọc giả thì cũng ngơ ngác ngác đủng đủng vậy thôi, đọc cứ đọc, xem cứ xem, theo tiêu chuẩn riêng của họ để phê phán. Và giữa lúc ấy, ai cũng mê *Pour qui sonne le glas* của Hemingway, *Les raisins de la colère* của Steinbeck... mà không hiểu hai cuốn đó đã theo *hướng* gì trong văn nghệ! Thực ra, họ cũng chẳng tìm hiểu làm gì. Hay là được!

NẾU NÓI vậy thì rồi ra không có tiêu chuẩn văn nghệ gì sao? Người ta sẽ hỏi vậy.

Khá rắc rối! loài người chia làm hai khối: giữa có một biên giới. Chân lý lớn vật vờ không biết ngã vào đâu. Các người làm chính trị, họ có quyền lợi của họ, họ phải tranh nhau lời *chân lý* về cho họ – *chân lý*: mặt mũi ra sao, màu sắc thế nào, dung tích bao lăm, kích thước bao nhiêu... Những nhà văn nghệ bên nào phụng sự bên ấy, ai phụng sự cứ phụng sự... đã biết thế, nhưng chuyện văn nghệ là chuyện trừu tượng – chúng ta định *hướng* gì cho văn nghệ? Cái chuyện hướng lên và hướng xuống chỉ là chuyện nói cho có chuyện mà nói: một khi không biết *Les raisins de la colère* của Steinbeck hay *Drôle de jeu* của Roger Vaillant chẳng hạn – bị người cộng sản chỉ trích – là hướng gì, thì không thể dựng mấy ý tưởng ấy thành nguyên tắc, dựng mấy nguyên tắc ấy thành giáo điều được! Nếu có bạn nào cãi tôi thì tôi lại một lần nữa bỏ văn chương chữ nghĩa cơm đùm cơm gói hăm bốn giờ trên hăm bốn giờ để bênh vực cho giá trị của hai cuốn *Les raisins de la colère* và *Drôle de jeu*... chẳng hạn. Ấy là chưa nói rằng, không bao giờ có một cuốn “văn phạm” văn nghệ nào qui định *hướng* này *hướng* nọ cho tiểu thuyết, cho kịch phẩm, cho thơ – trừ mấy cuốn giáo lý của đảng độc tài họ làm ra cho người của họ, dân tộc của họ... xem và theo!

THỰC RA thì chỉ có vấn đề *tinh thần* của nghệ phẩm mà thôi – của những tác phẩm *hay*. Hay trước đã: rồi nói chuyện *tinh thần* sau. Tiếng Pháp gọi là *esprit*: esprit du roman, esprit d'une pièce de tragédie – Gọi là *tinh thần* cũng được, gọi là *ý thuyết* cũng được – đó là cái Ý thoát ra, vọng lên tỏa ra từ nghệ phẩm.

Người đọc, đọc xong sách, bị vương một cách ám ảnh bởi một cái ý gì đó; một cái hình gì đó, một cái bóng gì đó, một cái lẽ gì đó – có thể đó là một âm thanh ám ảnh thánh giác, một màu sắc ám ảnh thị giác, một ý tưởng ám

ảnh thông minh – một tiếng kêu thương, một lời than thở, một cảnh đau lòng – mà cũng rất có thể là một niềm vui gây hăng hái... Nhất là nó *ám ảnh... ám ảnh...*

Tôi xin viện chứng có để củng cố cái “thuyết” của tôi: tôi thì tôi đề cao cái *hay* trước, rồi tôi đề cập tới cái mà tôi gọi là *tinh thần* hay cái *ý thuyết* của tác phẩm sau.

NÀY NHÉ. Đọc xong *Vàng bóng một thời* của Nguyễn Tuân, chúng ta thấy khí hậu sĩ phu tít đồ của Trang Tử, Liệt Tử thật là đẹp – một thứ đẹp kín đáo xa, trừu tượng, đem người gần lại, đem người thân mật hơn với cỏ nhân. Dù có ai ghét giai cấp sĩ phu cũng phải thấy phát sinh trong lòng một niềm tôn kính xa xôi – xa xôi lẫn nhớ, lẫn tiếc, tiếc thương những gì đã dứt trong thời gian...

ĐỌC XONG *Cô gái giang hồ có lễ độ* (La putain respectueuse) của Jean Paul Sartre, chúng ta thấy thương cho cả một dân tộc chỉ vì khác màu da với màu trắng mà bị hành hạ – và chúng ta buồn quá, buồn quá cho cả một dân tộc có cả một nền văn minh lớn dùng ba tấc lưỡi... – buồn cho cả một nền công lý, một nền tư pháp, – mà ra nông nổi ấy à?

Đọc xong vở kịch *Đại úy Foster thừa nhận mình có tội ở tòa* (Le capitaine Foster plaide coupable) của Roger Vailart, chúng ta thấy thương cho dân tộc Đại Hàn – ghét cả cái lũ tư bản dân tộc làm giàu bằng chiến tranh xây tài sản trên xương máu đồng bào...

Đọc xong *Chùm nho uất hận* (Les rais sins de la colère) của John Steinbeck, chúng ta có thiện cảm muốn gần những người nghèo ở miền Tây Hoa Kỳ nạn nhân của máy móc...

Và đọc xong *Kháng chiến gì lạ quá* (Dile de jeu) của Roger Vaillant, *Chuông cáo phó đánh cho ai* (Pour qui sone le glas) của Hemingway, chúng ta thấy muốn cùng tranh đấu với “maquisards” của Pháp và của Tây Ban Nha... cho tự do của loài người...

Và trở lại với văn học chúng ta thêm một lần nữa, đọc xong *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền, chúng ta thấy muốn gân cả một thế hệ thanh niên một sáng... bị ném ra giữa nhân sinh với tất cả những bản khoán thảo thức, với tất cả những lạc lõng giữa một bối cảnh lịch sử và xã hội tan vỡ chung – ta là ai, người là ai, đâu đây, trước ta có ai, sau ta đang làm gì, người tiền bối và người đàn anh để lại một thứ “gia tài” tan vỡ nhớp nhúa không kèm di chúc... Lòng chúng ta buồn, lòng chúng ta giận: giận ai, buồn những nỗi niềm... nhưng buồn ai giờ đây, – hay chỉ giận chính mình?

RỒI CHÚNG TA trở qua Tây Ban Nha, đọc *Hết hy vọng* (La fin de l'espoir) của Hermanos (do Jean Paul Sartre đề tựa) để kêu thương với cả một dân tộc bị tàn sát vì tranh đấu cho tự do... Thương cho chàng Hermanos và giận cho những dân tộc giả điếc làm ngơ khi... thiên hạ kêu thương – buồn mưa cho sự giả dối tro trên trắng trợn của những dân tộc gọi là dân chủ – có thêm ấn tượng rằng nhà triết, nhà văn, nhà thơ... kể cả nhà viết sử cứ cao đàm hùng biện rằng *con người* là có giá trị “nhân bản” lăm lăm, con người là đáng quý nhất và quý nhất trong vạn vật, thực ra *con người* cũng chẳng có gì là... đáng. Ấy chẳng qua con người tự phụ đó mà thôi – mà thôi: có ra cái quái gì cái giống người – giống khỉ, giống dơi, giống cá lóc, giống kiến: kiến chết từng bầy thì *người* cũng chết từng bầy, kiến cắn kiến thì người cũng cắn người, kiến cắn kiến kiến không kêu, người cắn người lại nói nhân đạo và diễn thuyết... Chúa Ky-tô vẫn thương con người nhiều, Phật tử vẫn dạy con người vo tròn quả phúc! Nhưng con người ăn ở với mình với *người* như vậy mà đòi đủ thứ: đòi hạnh phúc, đòi thiên đường, đòi nát-bàn... đòi đủ, đòi không được cũng khóc như con nít vậy – khóc mà ai thương!

VẬY CHÚ trong những cuốn tiểu thuyết và những vở kịch tôi đã kể đó, thiên hạ đặt vấn đề *giải quyết* và vấn đề *hướng lên* và *hướng xuống* ra sao? Đặt ra sao, đặt vào chỗ nào, đặt

ở đâu cho trúng chỗ, đặt thế nào cho hợp tình, hợp cảnh – nhất là hợp với *thông minh* hiểu biết của con người: cần phải hợp lý, đừng ép, đừng gượng, cho thoải mái dễ hiểu, đừng phiến diện, đừng chủ quan vãn vơ...

Ấu trĩ thay: ấu trĩ cho người sáng tác, cho người đọc, cho nhà phê bình. Văn học Âu châu có. Mình cũng có...

Tốt hơn là nên học bài học của thiên hạ: nên trưởng thành (*maturité*) – vượt giai đoạn ấu trĩ (*infantilisme*) vẫn hơn!

THỰC RA, chỉ có sách *hay* và *dở*, *hay* hay *dở*. Hễ dở thì loại đi: người sáng tác đừng sáng tác như thế như thế – văn không hay, kỹ thuật kém – thì người đọc khỏi phải đọc, và phê bình gia khỏi phải mỗi lúc đem khuôn vàng thước ngọc ra đòi thế này, đòi thế kia... làm nhà sáng tác hết vía!

Còn nếu *hay* thì tìm xem tác giả muốn *nói* gì: nói một cách khác, coi tinh thần sách (*esprit de l'oeuvre*) là gì. Tác giả muốn *nói* ý gì, bày *cảnh* gì, phản ảnh *tình* gì – tác phẩm chỉ là một loại khí có giới hạn, không thể một lúc mà nói cả một vạn chuyện, phản ảnh cả một vạn tình vạn cảnh, chứa một vạn ý, ghi cả một vạn câu danh ngôn. Không thể đòi nhiều quá ở nó được!

NÓ GÂY được một niềm vui cho lòng âm lên; nó gây được sự căm giận những bất công; nó gây được sự nôn mửa... trước những cảnh nhớp nhúa về tinh thần: bất nhân, bất nghĩa, phi đức, phi chân, phi mỹ; nó phản ảnh được máu xương gọi lòng trắc ẩn...; nó dục lòng hăng hái, thúc đẩy sự nhiệt thành – vân vân – ấy là sứ mạng nó đã xong.

Sách có hay mới gây được một trạng thái tâm lý như vậy. Người viết có giỏi, viết giỏi, bố cục giỏi, mới tạo xao động trong lòng người, bất kỳ là xao động về hướng nào...

NGƯỜI VIẾT không nên cho rằng mình phải làm đủ thứ một lúc – người đọc đừng đòi nhiều – người phê bình đừng

mặc áo cà sa hay áo quan tòa làm nhà sáng tác mất hứng thú, hết vía... Vậy là đủ. Vậy là tránh được những bịnh “ấu trĩ” trong văn nghệ: tránh cho nhau và tránh cho chính mình.

VÀ NGƯỜI viết bài tiêu luận khiêm tốn về văn nghệ này xin nói một ý cho hết ý – kéo bị hiểu lầm. Ở đời cũng có những sách: tiểu thuyết, kịch phẩm, truyện ngắn, thơ... không có tác dụng tốt: ấy là những sáng tác tạo ra một cách chối lợi những *người*, những *tình*, những *cảnh*... lành mạnh một cách *dối*... Thanh thiếu niên là hạng người dễ bắt chước, dễ mơ ước, dễ lấy nhân vật trong sách làm thần tượng (mythe). Tâm hồn họ như một tờ giấy trắng – trong như pha lê: khí hậu bên ngoài dễ thấm dễ vào... Cái may nhất cho thanh niên giữa tiền bán thế kỷ hai mươi là Dũng và Loan trong *Đoạn tuyệt* chẳng hạn lại là những nhân vật lành mạnh vô cùng. Vạn nhất – nói ví dụ mà nghe chơi – nếu hai nhân vật ấy mà lại thiếu sức khỏe tinh thần, thì hai cuốn *Đoạn tuyệt* và *Đôi bạn* đã lấp chỗ trống của bao nhiêu tâm hồn trẻ tiền bán thế kỷ hai mươi, đã có tác dụng có hại của nó. Cũng may! Gọi đó là cái may cũng được. Gọi đó là ý hướng tốt của Nhất Linh cũng được.

Nhất Linh đã chết. Xin gửi thêm một vòng hoa!

NHUNG như vậy thì hình như tôi lại đi hơi xa... vấn đề mất rồi!

Sắp qua thu Ất Ty

TAM ÍCH

(GTQM 2)

VŨ ĐÌNH LƯU *CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN*

Qua nền văn học Tây phương hiện đại, người ta thấy xuất hiện một thứ tâm trạng đặc biệt, đó là tâm trạng của người mất thú thái hồn nhiên, họ mất hết ý nghĩa cuộc đời, mất hết tin tưởng vào những giá trị xã hội, không chịu đựng được những cách xử sự của người đời, họ không thỏa hiệp được với cuộc đời.

Tâm trạng của con người “khó sống” như thế được họ gọi là “conscience malheureuse”. Nó xuất hiện khá sớm trên nền văn học Tây phương vào cuối thế kỷ thứ 19 với Haysmans và nhân vật Folantin, sau này André Gide, Duhamel tung vào văn nghệ những trái bom hạng nặng và đến thời hiện sinh ra đời thì Sartre đẩy sự phân tích đến chỗ cực kỳ tinh vi.

Những nhân vật của các văn hào này là những mảnh ván trôi giạt bập bềnh trên biển khơi. Nhân vật Roquentin của Sartre trong quyển *La Nausée* trở nên khét tiếng vì Roquentin làm cuộc thí nghiệm then chốt về thuyết hiện sinh, về tính cách vô thường và phi lý của cuộc sống. Sợi dây liên lạc nối tiếp chàng ta với đời sống đã cắt đứt, chàng ta chỉ còn lại một rỗng không. Về một cạnh khía nhìn vào, người ta có thể công kích những nhân vật ấy phi nhân loại và xâm phạm đến nền tảng đạo đức và gây những đảo lộn xã hội, nhưng đứng về phương diện học thuật tư tưởng, về phương diện mở đường khai lối cho tương lai, ta thấy những nhân vật ấy đã đặt ra vấn đề xét lại cả nền văn minh ngày nay. Họ khó sống, họ khước từ cuộc đời vì họ đã có tâm hồn bén nhạy để nhìn rõ những khủng hoảng của một tổ chức mà mọi người không thấy được. Vì không thấy được mà ta yên ổn hưởng thái bình. Chính vì ấy náy không yên

mà họ sống mãnh liệt và đầy đủ hơn ta.

HỌ TỪ KHUỐC lớp trật tự hình thành ngày nay là vì họ có một khuynh hướng đạo đức luận thoát thai từ những nền móng bản thể học và những quan niệm triết lý tân kỳ. Cảm tưởng chung của chúng tôi đối với những tư tưởng yếm thế ấy là một cái gì như một ảo tưởng vĩ đại về chân lý cuộc sống. Nói thế không phải là phủ nhận giá trị của tư tưởng Tây phương hiện đại, một tòa lâu đài vô cùng phong phú, tự nó có một động lực mạnh mẽ để kết nạp những sinh khí tượng trưng cho sự mâu nhiệm của giòng sống. Tuy nhiên, cái sinh khí đó đem lại cho cuộc đời những ý nghĩa nào, và ý nghĩa ấy làm cho cuộc đời bế tắc và mâu thuẫn hơn, hay cởi mở cho tâm hồn người ta thư thái an hòa để tìm thấy những nhịp điệu quân bình của cuộc đời? Đó mới là điều quan trọng và nghĩ đến điều ấy cũng là đặt vấn đề trách nhiệm của nhà văn.

CHÚNG TÔI thấy câu hỏi này cấp bách hơn khi nhận định rằng nền văn minh Tây phương ngày nay có tính chất phổ biến, các dân tộc phải chấp nhận nó hay là đi đến chỗ tiêu diệt. Triết học, văn nghệ, khoa học, kỹ thuật, tổ chức, đều xô đẩy con người đến chỗ mâu thuẫn trầm trọng với thiên nhiên; họ miệt thị thiên nhiên và xây dựng những thành trì kiên cố để tự giam hãm trong nếp sống giả tạo. Chúng tôi có linh cảm rằng sự tạo lập cuộc đời theo chiều hướng ấy dắt đến tình trạng tuyệt vọng và đau khổ giữa sung túc và tiện nghi: người xưa đâu có biết những tình trạng nghịch thường ấy.

TRIẾT LÝ, trật tự, tổ chức, kỹ thuật, cơ khí, quan niệm trong tinh thần tạo tác và lựa chọn của Tây phương đã tạo ra một thứ “thảm kịch tiến bộ”. Thảm kịch đang bành trướng, đang lôi cuốn tất cả các dân tộc trên thế giới vào con đường mâu thuẫn và bế tắc.

Trước thảm trạng ấy, nhà văn Tây phương không

phải là không ý thức được trách nhiệm, nhưng hầu như họ có phản ứng tuyệt vọng của người chơi với giữa giòng, hay có phản ứng của người bị giam hãm trong một hệ thống suy tư và rung cảm giới hạn bởi chân trời triết lý của họ. Và triết lý ấy tiêu biểu cho sự bất lực của họ không hề xứng được một căn bản đạo đức luận khả thủ. Đỉnh cao văn học của họ ngày nay đại diện bởi những triết lý bạo lực (Nietzsche) bị đát, bị thảm, phi lý nôn mửa (Sartre) tức là những triết lý miệt thị cái sinh khí nguyên thủy nồng ấm tạo ra sự cởi mở, sự thông cảm tự nhiên của con người.

NHỮNG TRIẾT LUẬN ấy đề cao khái niệm tiêu cực, chống lại những khái niệm tích cực như yêu mến, yên ổn, tốt đẹp, thiện mỹ. Đạo đức luận của họ là những mẫu mực “lý luận đảo ngược”. Đời sống vô nghĩa, con người có những khuynh hướng nguyên thủy xấu xa nhưng con người phải hành động để phủ nhận bản chất xấu xa nguyên thủy và đem lại ý nghĩa cho đời sống (Sartre, Simone de Beauvoir). Hoặc “*Người ta phải đập cho tan hết hy vọng trần gian chỉ như thế mới có thể tự cứu vãn bằng hy vọng chính xác*” (Kierkegaard).

Chỗ thiếu sót trọng đại của nền tảng đạo đức luận ấy như sau: người ta nhân danh cái gì mà phủ nhận bản chất xấu xa nguyên thủy? khi phủ nhận như thế người ta phải nhân danh những giá trị tích cực tạo lập được đời sống tốt đẹp, quân bình và có nền tảng chắc chắn. Khốn thay, người ta không đặt được cho những giá trị ấy một bản thể luận nghĩa là không tìm những nguồn gốc của nó trong các bản năng và khuynh hướng nguyên thủy của con người. Việc làm của họ là tìm cho những khuynh hướng nguyên thủy xấu xa tiêu cực những căn bản bản thể luận thật kiên cố. Như vậy việc làm của họ là phủ nhận những khuynh hướng phá hoại của nền tảng bản thể luận chắc chắn nhân danh những khuynh hướng xây dựng chỉ có căn bản suy luận mơ hồ, hay là không có căn bản suy luận. Con người phải chọn lựa con đường đi trong những điều kiện không có lợi cho sự

lựa chọn.

THÂM KỊCH thời đại bắt nguồn ngay từ uyên nguyên của kinh nghiệm sống đại diện bởi những khuynh hướng triết lý thiên lệch như thế.

Cả một trào lưu văn học Tây phương cực kỳ phong phú và đạt được tính cách phổ biến khắp thế giới đã được khai triển xung quanh những khái niệm sâu sắc về các khuynh hướng cởi mở. Những giá trị đời sống xuất hiện trong khung cảnh hỗn độn ấy qua những thử thách của cuộc đời đã tỏ ra không thể dùng làm kim chỉ nam, vì đã làm cho giòng đời bế tắc và mâu thuẫn...

VỚI KHÔN NGOAN truyền thống của người Đông phương hình như họ lý hội được những đảo lộn sẽ gây vì những hệ thống đạo đức luận như trên đây cho nên những triết lý đặt nền tảng trên những khái niệm tiêu cực không thể phát triển được. Trải qua bao nhiêu thế hệ người ta chỉ có thể chấp nhận được một hệ thống siêu hình tượng trưng cho tinh thần vui sống. Khổng Tử là người khởi xướng một tư trào triết lý đặt nền móng cho một hệ thống đạo đức luận mà người sau chỉ có công khai triển chứ không hề có ý đặt lại các vấn đề.

Nền móng đạo đức luận của Khổng Tử là một cố gắng nhìn đời dưới khía cạnh vui sống và hành động, mục đích tìm căn cứ siêu hình cho biện chứng pháp cũng không ngoài ý muốn chứng minh các nguyên tắc đạo đức vui sống hợp với thiên nhiên. Thực thể người không thể quan niệm là cái gì khác thực thể thiên nhiên khác thực thể vũ trụ. Nguyên lý hiện hữu vũ trụ cũng là nguyên lý hiện hữu con người.

“Người là cái đức của trời đất sự giao hợp của âm dương sự tụ hội của quỷ thần cái khí tinh tú của ngũ hành”
(Lễ Ký, Lễ vận IX).

ĐÂY CŨNG LÀ căn bản của siêu hình học về người, chân lý cuối cùng của lý luận “nhân chi sơ tính bản thiện” và của

khái niệm “minh đức”. Tất cả lâu đài tư tưởng Khổng Mạnh đều đặt trên nền móng hình nhi thượng học này và trở thành chân lý phổ biến kết tinh lại trong 2500 năm.

Khổng Tử chiêm nghiệm hiện tượng thiên nhiên đã ý thức được 4 nguyên tắc gọi là bốn đức lớn của trời: *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh*. Nói theo ngôn ngữ triết học ngày nay, ta có thể nói: một hiện tượng xuất hiện do một chân lý uyên nguyên, hiện tượng đó là nét vẽ của một toàn thiện, nó diễn biến hướng về một cứu cánh và dù diễn biến vẫn giữ được cái gì là chính cốt, là gốc rễ của nó. Như vậy đức lớn của Trời, hiểu theo từ ngữ của Sartre, có thể là être transphénoménal (bản thể siêu hiện tượng).

UYÊN NGUYÊN của vũ trụ là thái cực. Thái cực có hai thể, thể tĩnh thường trụ và thể động thiên biến vạn hóa. Tâm con người đồng nhất với thể tĩnh của thái cực, do đó, hưởng được cái minh đức, cái trí lự vô cùng sáng suốt, vậy thì tự nó thấu suốt được bản thể của sự vật.

“Không nghĩ, không làm, im lặng không động, đến lúc cảm thì thông suốt được mọi cơ trong thiên hạ” (Dịch: Hệ từ thượng).

Khổng Tử đã đặt nền tảng bản thể luận cho vấn đề khả năng hiểu biết (problème de la connaissance), bây giờ chỉ còn phải đặt nền tảng bản thể luận cho đạo đức học. Vấn đề không khó khi người ta đã quan niệm thực thể người với thực thể thiên nhiên là một.

Đạo trời có 4 đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh thì đạo của người có 4 đức tương ứng: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí.

Hiện tượng người là một phát hiện của những nguyên nhân nguyên thủy (Nguyên) cho nên người có “Nhân”, người được hướng dẫn bởi nguyên tắc toàn thiện (Hanh) cho nên người biết “Lễ”, người có một cứu cánh (Lợi) cho nên người biết “Nghĩa”, người có cái gốc sáng suốt của thái cực cho nên biết “Trí”.

DO THỰC THỂ siêu hình của con người như vậy cho nên

Khổng Tử nói: “*Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của quỷ thần cái khí tinh tú của ngũ hành*” (Lễ ký, Lễ vận IX).

Nền văn minh nào cũng khai triển dưới một vài nguyên tắc triết lý chỉ đạo cuộc sống. Triết lý Đông phương gắn liền con người với thiên nhiên như vậy, con người suy diễn những nguyên tắc triết lý đó xuống lãnh vực hình nhi hạ học, lãnh vực bình thường nhật dụng, tạo ra lễ thói, phong tục, kỹ cương, học thuật, hiến chế. Họ tạo ra một cuộc sống hòa mình với trời đất với âm dương ngũ hành, họ uốn mình theo nhịp tứ thời bát tiết và tìm thấy thư thái an hòa và cõi bỏ phần nào thắc mắc về kiếp sống.

Hắn là chúng ta nhận thấy triết lý vui sống như vậy rất thiếu thốn và không trả lời được nhiều thắc mắc thần bí và không an ủi con người khổ đau: những thống khổ trên đời hầu như muốn cải chính quan niệm triết lý vui sống của Khổng Tử. Chỗ thiếu thốn trong tâm hồn đó họ lấp bằng những quan niệm siêu hình của Phật giáo, Lão giáo.

QUA SỰ trình bày trên đây chúng ta nhận thấy nếu đứng về phương diện lý luận thuần túy thì phương pháp lý luận của Khổng học rất chặt chẽ, đầu đuôi xuôi ngược ăn khớp với nhau. Nguyên lý “khả năng hiểu biết của con người” và nguyên lý “con người vốn thiện” đều có căn bản lý thuyết vững vàng. Chính nhờ căn bản lý thuyết đó mà Mạnh Tử đánh bại hết các học thuyết khác, và những thuyết thảm bại ngũ yên cho tới ngày nay. Mới có một thuyết của Mặc Dịch được cơ hội thuận tiện của Mao Trạch Đông cho hồi sinh.

Sự độc quyền triết lý trên thực tế ấy, tôi có cảm tưởng là không phải một ưu điểm. Nhận định triết học Tây phương ta thấy hệ thống nào cũng là cái lâu đài bỏ dở. Và những kẽ hở của hệ thống lại chính là lối thoát cho tư tưởng về sau khiến cho triết lý của họ luôn luôn đổi mới.

Thiết tưởng sự nhận xét trên đây có một tầm quan trọng vô cùng mà chúng ta cần phải đặt thành một vấn đề có thể coi như vấn đề then chốt của văn học tư tưởng Á Đông.

CÓ LẼ tính cách chặt chẽ của một hệ thống lý luận là một nét chung cho triết lý Đông phương. Tôi hơi lấy làm lạ rằng các nhà “Đông phương học” hình như cho rằng triết lý Đông phương không thành hệ thống, không có phân tích mà chỉ bài liệt thành một hàng lối riêng khó phân tích khó kiểm soát. Có lẽ họ không quen với lối lý luận của mình chăng? Dầu sao đây cũng là những điểm chúng ta cần phải đặt thành vấn đề.

Nhìn qua triết lý Phật giáo chúng tôi cũng nhận thấy tính cách chặt chẽ của hệ thống lý luận. Ta biết rằng cái tử địa của các triết thuyết là giải thích sự hiện hữu của thế gian, của sự sinh tử. Triết thuyết nào đến đây cũng bế tắc vì đều phải tham chiếu một tuyệt đối rất vi ẩn là Thượng Đế, Thái cực v.v... Với hệ thống luân hồi vô thủy vô chung người ta không cần bận tâm đến tuyệt đối nữa và tránh được bế tắc. Sau đây là sự trình bày của nhà học giả Trần Trọng Kim, sáng sủa hơn cả: “Xét về đường lý thuyết thì cái thuyết Thập Nhị nhân duyên giải quyết được vấn đề thế gian và sự sinh tử một cách hoàn bị hơn cả. Các học thuyết khác, hoặc Đông, hoặc Tây xưa nay phần nhiều đã nghiên cứu về vấn đề vạn hữu ở trong vũ trụ, tuy vẫn có nhiều thuyết rất cao thâm uyên áo, nhưng thuyết nào cũng cho vạn vật có cái bản thể tự tại, dù có nói là vạn vật do cái *nhân* mà sinh khởi ra nữa, thì cũng chỉ nói là do các thứ nhân gốc ở cái tự thể rất vi ẩn mà thành ra các hiện tượng biểu lộ, chứ không ai nói cái tự thể ấy là nhân duyên. Bởi vậy cái kết thúc sự luận lý của các học thuyết ấy tất nhiên là phải nhận có một cái *nhân* sinh ra nhiều *quả*. Vạn vật đã do một *nhân* mà sinh ra thì phải nói là có một cái nguyên thì. Đã có cái nguyên thì, tất phải có cái chung thì. Vì thế cho nên các nhà tôn giáo và các nhà triết học không có nhà nào không cố hết sức để nói cái nguyên thì của vạn vật, mà rút cục vẫn không phân giải được rõ ràng, rồi chỉ thấy cái thuyết của họ đi đến chỗ cùng, không thông được.

“Bên Phật giáo chủ trương cái thuyết cho nhất thiết

chư pháp vốn không có tự thể chỉ vì cái duyên tích tập mà sinh ra các ảnh hưởng. Bởi thế cho nên suy lên đến thiên cổ về trước cũng không thấy vạn vật có thi mà xét đến muôn đời về sau cũng không thấy vạn vật có chung. Vạn vật đã không có thi có chung cho nên không cần phải miễn cưỡng nói cái nguyên thi vạn vật mà cũng không cần nói đến cái chung thi của vạn vật. Nhất thiết pháp đã không có tự thể thì nhất thiết sự vật ở trong vũ trụ đều không có cái tính nhất định, kiên cố thực tại, và chỉ là tùy duyên khởi mà động mà sinh” (Phật giáo, Trần Trọng Kim).

Ta có thể nói Triết luận Phật giáo là một mẫu luận lý hoàn toàn, một hệ thống lọc trong được hết mâu thuẫn và vấp vấp để đi đến chỗ cùng thông. Tuy nhiên, đây chúng tôi chỉ đứng về phương diện luận lý học thuần túy, mà nói, xin nhấn mạnh điểm này: chúng tôi chỉ nói hệ thống gói ghém được mọi yếu tố dùng để suy luận chứ không nói gói ghém được mọi hiện tượng vũ trụ, mọi quan niệm nhân sinh quan và vũ trụ quan.



SỐNG DƯỚI SỰ chỉ đạo của những nguồn tư tưởng siêu hình cố gắng đặt cho hiện tượng người sự liên hệ mật thiết với các hiện tượng khác và gán cho con người một cái tâm đồng nhất thể với bản thể toàn diện (đối với Không Tử thì cái tâm ấy là thái cực, đối với Phật giáo thì cái tâm ấy là chân như). Vậy là triết lý đã uốn nắn dần trong 2500 năm cho tri thức và tiềm thức con người vào một cái khuôn nhất định. Khuôn khổ sống ấy muốn rằng người ta hòa mình với vũ trụ thiên nhiên đừng quá bận tâm với thắc mắc cuộc sống. Và họ đã luyện được một tâm hồn thư thái an hòa yên ổn mà sống mà chết, bởi vì sinh tử chỉ là sự tuần hoàn của hết thay các hiện tượng chứ không riêng gì hiện tượng người. Cái “tâm” kia mới là cái thực, cái thường hằng; thì nó vẫn đó có đi đâu mất mà phải phát hoảng!

Nhưng mà, than ôi khôn ngoan quá cũng không phải

là thượng sách.

KINH NGHIỆM cho người ta thấy rằng sự sống linh diệu và uyên áo của dân tộc không thể bộc lộ thần khí trong một bầu không khí rào đón, bung bít bởi một phong thái suy tư, chiêm nghiệm và rung cảm già nua. Lương tri con người bảo đảm được trật tự trong một kích thước này nhưng lại bóp nghẹt khả năng tạo tác trong một kích thước khác. Văn minh Á Đông suy tàn vì loài người quá tin ở một hệ thống suy tư hoàn bị cho nên bóp nghẹt khả năng tạo tác. Trái lại văn minh Tây phương quá tin ở khả năng tạo tác kỹ xảo, đã đưa giòng đời đến chỗ bế tắc.

ĐÓ LÀ hai phương diện của một vấn đề mà người ta khó lòng thấu triệt qua sự suy luận bằng những công thức trừu tượng, chỉ có một thái độ nhận định qua kinh nghiệm cụ thể của người thấu suốt được cái lý cao thâm của giòng sống mới có khả năng phóng mình vào tương lai mà đặt các câu hỏi phải đặt ra và tìm cách trả lời thỏa đáng. Tùy thuộc cách trả lời đó mà ta biết tương lai nhân loại sẽ đi về đâu.

VỮ ĐÌNH LƯU

MỠI NGƯỜI DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Lê bé đưa nhỏ trên tay cho nó dựa lưng vào ngực. Đứa nhỏ ba tháng nhưng có phần khỏe và cứng cáp, nó đưa bàn tay mặt lên miệng mà bú. Lê cười trên đôi khóe mắt :

- Anh sắp đoạn tang rồi.

- Thế à.

- Anh làm bộ hoài. Không sắp đây năm rồi sao.

Tôi gật đầu. Đã sắp hết một năm. Lúc Lê đi lấy chồng, tôi có nói, trong vòng một năm tôi sẽ không yêu ai, hoặc cụ thể hơn không lập gia đình, tôi gọi đó là thời gian chịu tang. Ăn hỏi được ít ngày, Lê tìm gặp tôi, tôi nói lại điều này cho Lê nghe. Lê khóc tằm tức: Anh cho là em chết rồi phải không? Mà có lẽ em chết rồi thật. Tôi tàn nhẫn: đối với anh, em đã chết rồi - Anh tệ với em quá. Anh có muốn em trả trầu cau cho người ta rồi lấy anh không. Câu hỏi làm tôi lúng túng, tôi lặng đi rất lâu. Tôi thấy rõ: mắt Lê tôi buồn, nhưng để quyết định thì tôi chần chờ. Trước đó tôi có thể cưới Lê mà không gặp khó khăn gì, nhiều sự thuận tiện là khác, nhưng tôi vẫn kéo dài thời gian chờ đợi. Khi Lê hỏi ý tôi trả trầu cau, tôi lại lưỡng lự, tôi nói: Thôi mà, gây ra làm chi, mệt quá. Tôi muốn nói thêm: Em lựa chọn hơn là em yêu. Nếu thật yêu anh em đã chẳng làm vậy. Tôi cho đó là lý do, lý do Lê không thật yêu tôi tha thiết. Nhưng còn tôi, tôi có yêu Lê tha thiết không? Tôi lúng túng, câu trả lời chùng như là: không tha thiết. Mình đã không tha thiết mà lại đòi ở người khác tha thiết, tuyệt đối. Tôi thấy tôi vô lý và ích kỷ quá lắm. Đã sắp được một năm. Tôi nhâm tính. Một năm tôi vẫn chẳng có gì đổi khác. Chỉ có Lê với cuộc sống riêng: một người bạn được gọi là chồng, một đứa nhỏ được sinh ra, với một cái tên riêng và được gọi là con. Rồi nó sẽ lớn. Đời sống giản dị và bình thường.

Tôi cầm tay đứa nhỏ kéo ra khỏi miệng và lắc lắc, đôi mắt nó màu hạt dẻ nhìn tráo trâng vô nghĩa. Miệng nó nhoa nhuêch nước rãi. Chân tay nó cử động liên hồi như cùng một nhịp. Người ta ở trạng thái gỗ đá rồi trở thành yêu tinh. Bây giờ nó biết gì, một người đàn ông trước mặt nó, lớn nó sẽ gọi là bác nếu nó và người đàn ông còn sống. Nó biết đâu người đàn ông đó xưa kia, phải rồi, xưa kia là người tình của mẹ nó, khi nó lớn nó sẽ hiểu nhiều chuyện, nó cũng sẽ yêu đương, lấy vợ và có con. Thật kỳ cục. Nhưng còn cuộc chiến 20 năm này.

Đứa nhỏ giãy và khóc, Lê nựng nựng. Lê nói :

- Đáng lẽ nó là con của anh đó. Thiệt chứ. Chứ ngó bộ anh định ở góa thiệt à.
- Có thể lắm. Để rồi xem đã, biết đâu được.
- Thôi em cho cháu về đây, anh nhớ chưa.
- Nhớ, nhưng mà ngại quá.
- Ngại, cái gì anh cũng ngại. Có ai đâu, chỉ có mấy người quen, anh cũng biết cả rồi, lâu lâu ăn uống cho nó vui.
- Ngại ông ấy ghen.
- Có anh ghen thì có, nhà em không ghen đâu, người hiền như cục đất. Anh có lại không - Lê nói như ra lệnh - ngoắc tay đây.

Tôi cười và đưa ngón tay trở ra ngoắc.

- Ngoắc thì cứ ngoắc, nhưng đến hay không chưa biết.
- Xịt anh đi, bây giờ anh làm tàng quá, thế mà xưa kia thì làm bộ tha thiết lắm, tưởng chết được mà vẫn sống nhăn, béo tốt mập mạp ra nữa. Làm bộ thật.
- Chứ không lấy được nhau người ta chết cả sao, chẳng lẽ không buồn, nó kỳ quá. Phải không. Thì cũng bộ tịch này khác cho nó đẹp.
- Cái gì anh khô hài cũng được.

Lê xóc đứa nhỏ bé vác lên vai. Bỗng Lê nhú lông mày nhìn tôi chùng chùng :

- Anh mỗi ngày một chua chất ra. Rồi anh sống mãi như thế này được sao.

Lê đội nón lên đầu rồi xách lấy cái giỏ và đi ra cửa, ra hiên

Lê còn dặn :

- Chiều em một chút, nhớ đến, anh không đến hóa coi rẻ em quá, nhà em cũng hợp với anh mà. Anh cứ ru rú thế này rồi điên cho mà coi.

Tôi đứng nhìn Lê leo lên chiếc xe xích-lô đứng đợi ở đó. Mới hôm nào đây, thoáng một cái, một đứa con và một đời sống thay đổi. Tôi đứng dựa ở cửa nhà nhìn ra nơi đường rầy xe được đắp cao lên, mé bên kia nhô lên hai ba chiếc cột giăng dây ăng-ten, buổi chiều vàng vọt. Đã lâu rồi những chuyến xe lửa không còn ngang qua. Bỗng tôi thấy nhớ chuyến tàu những toa xám, những sớm tinh mơ và buổi chiều chạy ngang qua, trẻ con trong xóm chạy ra la hét, vẫy tay, ném đá... chuyến tàu đi và chưa bao giờ dừng lại ở chỗ này. Bây giờ đường rầy bỏ hoang, chiều chiều những đứa nhỏ ra thả diều và một ít người ra ngồi hóng mát. Tôi đã quen thuộc với đời sống kéo dài tạm bợ. Sống chung với gia đình anh chị Cương nhưng chừng như tôi xa lạ hơn là một người ở trọ. Tôi trở vào, chị Cương vừa sửa soạn nấu cơm vừa bế thằng nhỏ, tôi khép cửa và leo lên gác. Từ phía ruộng muống từng đợt gió nhẹ thổi qua thoáng mát nhưng tanh mùi bùn. Tôi bỏ người nằm xuống ghé bố. Bây giờ Lê đã có một cuộc sống khác.

Tiếng chân người chạy mạnh ngoài ngõ, tiếng đập cửa mạnh làm tôi giật mình trở xuống. Anh Cương đã đứng ở cửa mặt tím ngắt tay cầm thanh củi lớn. Chị Cương đang nằm ở giường với đứa nhỏ nhòm người bế con vào lòng :

- À con đi... con đi, mày làm nhục ông...

Vừa nói, Cương vừa nhảy bổ về phía vợ giơ cao thanh củi quát xuống một cái bốp mạnh, vợ Cương tru lên :

- Trời ơi, nó giết tôi...

Chị bế con đứng lên định chạy nhưng một thanh củi nữa giáng xuống vai. Đứa nhỏ khóc chu chóc, Cương vút thanh củi rồi túm lấy vợ xô vào tường, chiếc bàn con đổ làm vỡ hết ấm chén, chị Cương ngã theo, Cương xắn tới dằng lấy đứa con vút lên giường làm cho nó khóc ngẩn ngất không ra tiếng. Tôi vội chạy xuống, Cương túm lấy tóc vợ bắt đứng.

Hắn chùng mắt về phía tôi :

- Mà muốn bỏ mạng thì ra đây.

- Anh bỏ chị ấy ra.

- Câm, câm ngay mà muốn chịu đòn thế mạng hả? Nó làm nhục tao mà, để tao dạy nó.

Hắn vừa nói vừa đập vợ vào tường. Chị Cương hét kêu được rồi, chiếc áo rách hở cả ngực, Cương cầm tóc cuộn vào tay rồi lôi ra một góc, hắn giật sợi dây điện trói tay vợ lại.

- Anh định giết chị ấy sao?

- Tao làm thịt nó nhậu nhẹt chơi.

Hắn bỏ vợ nằm đó rồi tiến đến phía tôi, tôi lui vào, hắn đóng cửa lại. Đứa nhỏ ngồi trên giường vẫn khóc, ngoài cửa hàng xóm kéo đến đông kịt. Trẻ con chun nhau vào cửa. Cương đóng cửa lại và khóa một cách cẩn thận. Tôi muốn ra nhưng không còn đường. Tôi la lên :

- Bà con ơi cứu chị ta với...

Nhưng chẳng ai trả lời. Chị Cương lúc đó đã tỉnh, chị mở mắt và tay thì van lạy :

- Tôi lạy anh, tôi lạy anh.

- Không, không lạy gì cả. Mà làm nhục tao mà. Sao tao đang uống với anh em mà mà lại ra kêu với réo, mà không coi tao ra gì mà...

Chị Cương vùng vẫy la lối, ngoài cửa có người đập nhưng vô ích, Cương bắt vợ đứng trên một cái ghế thấp hắn lấy dây điện treo tay lên xà nhà. Hắn dùng hết sức buộc rồi hắn kéo chiếc ghế dưới chân. Chị vợ lúng lẳng như một con thịt không nói được nữa, cả thân chị giãy lên, càng giãy tay trói càng thít lại và thân càng bị kéo dài xuống, chị rên ư ư như một con vật bị chọc tiết. Đứa nhỏ vẫn khóc. Tôi đứng trong cửa sổ ngó ra :

- Anh định giết chị ấy thật sao?

Hắn lạng lẽ lấy que củi đánh vào mông, mỗi lần thanh củi phạt tới thân thể người đàn bà lại oằn lên, như một con giun đất bị dầm dưới ngón chân... Tiếng phía ngoài vang dội. Hắn cầm con dao ra la lớn :

- Đứa nào muốn bỏ mạng đây...

Tiếng động ở ngoài lại ngừng, những người đứng ngó nơi cửa sợ vội chạy rạp đi.

- Anh đánh chị ấy chết ra đó thì sao?

- Chết thì chôn, để tao khoái sống với nó hả? Mày đừng lo, tao chỉ đánh cho nó mang tật ra mà không làm nhục tao thôi. Mày yên trí, tao đánh cả hàng vạn đứa may mắn mới có một vài đứa chết thôi, cho nó đi “tàu bay” thế này là nhẹ lắm...

Hắn tiếp tục đánh cho đến lúc chị vợ hết động đây rồi mới cời trói, hắn để người đàn bà rơi xuống như một bao gạo, hắn cời dây đập cho nằm ngửa ra rồi lấy chai nước đổ lên mặt, mớ tóc dài của người vợ xõa ra trên vũng nước, hắn đập cho vợ một cái :

- Lần cuối tao tha chết cho.

Hắn vuốt mồ hôi trên mặt rồi mở cửa đi ra, người đứng phía ngoài bỏ chạy cả. Bà Nhâm bên cạnh nhà chạy sang, tôi kêu bà mở cửa giúp :

- Trời Phật, ba hôn chín vía con mẹ Cương.

Tôi tiến đến lắc chị ta, chị còn thờ, và dần dần cử động cái đầu rồi mở mắt, chị ta bắt đầu rên lại, rồi khóc. Tôi bê đứa nhỏ ở giường lên đỡ nó, đứa bé khản đặc lại mắt đỏ hoe và ướt đầm mồ hôi chua lèm. Chị Cương đã tỉnh lại. Chị bắt đầu than van.

- Sao nó không giết tôi cho xong...

Tôi giao đứa nhỏ lại cho chị rồi vào nhà mặc áo, tôi ra cửa người ta vẫn bu quanh lại bàn tán, hỏi han, tôi nói :

- Không việc gì, không việc gì...

Vừa nói tôi vừa đưa tay lên khoát khoát, đám người nhìn tôi ngơ ngác, có tiếng nói một cách mai mỉa :

- Không việc gì, anh ngó hắn đánh chị anh như vậy mà lạng thình được à.

- Sao thằng cha nó ác thế nhỉ... Có lúc hắn đánh chết vợ mà không ai làm gì được ta...

- Chuyện vợ chồng người ta, đền nhà ai nhà đó rặng, chỏ mồm vào mang vạ... ngu, ngu...

Tôi rẽ đám người đi ra khỏi ngõ. Chuyến ô-tô-ray chạy qua trên đường rầy, tiếng bánh sắt đồ sầm sầm nhưc nhối, một người đứng nơi đầu toa xe vẫy tay, đám trẻ chạy bên đường la hét đuổi theo xe một cách bất lực.

Tôi đi về phía lò heo rồi rẽ ra đường nhựa. Một người đàn bà ngồi nơi góc cát tiếng chào, tôi mỉm cười và cúi đầu, một chiếc xe ô tô máy in ôi phun khói đen đặc dừng lại, anh Tư Đen ngồi trên đó hỏi lớn: Lên phố đó a cậu Hai, trời nóng thế này mà ra bờ sông thì khoái lắm. Tôi nói: Nực quá mà, anh đi bỏ heo về đó à?

Tôi leo xe buýt nơi trạm người bán vé hỏi: Đi Sài Gòn anh, tôi gặt đầu cầm tấm vé giắt vào tay áo. Đã nhiều lần tôi cứ leo xe buýt như thế này lên phố quanh quẩn một chút cho tới tới mịt mới trở về nhà. Tôi đã nhiều lần tính tìm một chỗ ở khác nhưng mẹ tôi không bằng lòng vì mẹ tôi muốn tôi ở nhà của người anh con nhà bác, đó là anh Cương, mẹ tôi bảo ở đó còn vài bà con nhờ nhau được rồi còn khi trái nắng trở giờ, nhưng điều chính mẹ tôi không chịu nói là ở đây tiền bạc đỡ tốn, mỗi tháng mẹ tôi chỉ phải trả cho chị Cương sáu trăm đồng. Căn xóm tôi ở xưa kia là một bãi rác của đô thành, phía trong là một con rạch sinh ngày nay đã đầy nhà cửa, căn nhà làm bằng ván, một bên là đường xe lửa đi miền Trung, một bên là lò thịt heo, để ra phía đường chính vào Sài Gòn có thể đi nhiều lối: hoặc men đường tàu ra công xe lửa, hoặc đi ra cư xá hỏa hoạn, hoặc theo đường nhựa nơi lò heo. Ngược lại có con đường tắt qua phía ga xe lửa cùng với những ao cá có nhà cầu bắc phía trên như những nhà chòi. Những người ở trong xóm một phần lớn làm nghề hái rau muống hoặc hàng thịt, một ít người làm thợ hồ. Căn nhà tôi ở chỉ hẹp có bốn thước ngang được làm trên sinh, phía sau thông ra ruộng, nhà đó không phải của anh Cương, anh ta thuê lại của bà Thạch, bà ta ở sát ngay bên chung phía sau với căn nhà này. Anh Cương hiện thất nghiệp, xưa kia làm Phòng nhì cho Pháp, vào Nam theo Bình Xuyên, sau hồi Bình Xuyên anh lấy vợ và sinh được đứa con gái ba tuổi đó.

Trước đây anh Cương làm cho một hãng xe đồ chạy lục tỉnh nhưng sau một tai nạn, anh phải ra tòa và tù đày thất nghiệp luôn, ít lâu nay tôi thấy anh la cà với mấy tay anh chị ở ngoài đầu xóm, mỗi chiều tùm năm tùm ba nhậu đế, chị Cương trong một vài lần xô xát to tiếng đã nói ra rằng: anh Cương là một tên đầu trộm đuôi cướp, cách thức nói chùng như để ám chỉ đời sống anh Cương hiện nay, tôi mơ hồ hiểu về những tiền bạc lâu lâu anh Cương mang về cho vợ, những hôm ấy anh ta say sưa hơn bao giờ hết, mặt anh ta đã xám lại xám đi, môi đen uớt rãi và đôi mắt ngầu đỏ đã nhiều lần làm tôi kinh hoàng với những trận đánh vợ như đánh kẻ thù, tôi nghĩ chắc đó cũng là một thói quen của nghề nghiệp để lại. Đời sống và những thực tế kỳ cục vẫn làm tôi choáng váng liên hồi, chùng như không còn một trật tự nào nữa, những trật tự tôi được học hỏi như ở một thời nào đã xa lắm. Và còn lại đâu nơi cuộc sống một ít lương tâm riêng rẽ. Lê đã nhìn vào tôi rất lâu: - Chùng như lúc nào anh cũng đang đi tìm một cái gì. - Tìm một cái gì, em nói như tiểu thuyết. Đi tìm em đó. Câu nói đó tôi nhớ, nhớ vì lần Lê hỏi vào lúc Lê phải quyết định lập gia đình. Tôi có lý do muốn kéo dài, một là hoàn cảnh tôi chưa muốn bỏ ngang những dự định, sau là chùng như tôi còn muốn thử thách. Nhưng nếu người ta cũng thử thách mình thì sao? Sau này tôi mới hỏi tôi thế. Và Lê quyết định mau chóng tàn nhẫn. Con gái có thời đâu người ta cứ đợi mãi rồi mình không lấy người ta thì sao. À, phải rồi. Lê kể chuyện người chồng tương lai cho tôi nghe: một người vát vả từ nhỏ, phải nuôi mẹ già, mấy đứa em nhỏ, đã đi làm và cần có một người vợ để trông nom gia đình. Lê nói giọng chắc chắn ra vẻ người lớn: anh ấy tha thiết chuyện vợ con lắm. Câu chuyện đó mới đầu tôi cho là Lê làm cách thử tôi, nhưng rồi hóa thật. Lúc còn đó tôi chẳng tha thiết, nhưng mất nó đi rồi tôi thiếu một cái gì. Nhìn vào đời sống của vợ chồng anh Cương tôi lại thấy khác, nào có sung sướng gì. Mỗi kẻ riêng ra một số phận, và một cô đơn. Tôi bảo Lê: Mong cho chồng em là một người hiền lành.

- Anh làm như anh là người hiền lành lắm ấy. Chồng em là phải chiều nếu không em bỏ luôn.

- Ấy đừng nói trước. - Anh đừng dọa em, rồi anh coi. Thoáng Lê đã có một đứa con, và đời sống êm đềm, tôi yên tâm. Với lời trách cũ: nếu em khổ em sẽ oán anh. Chắc chắn bây giờ Lê không còn oán tôi. Nàng đã lựa trúng một lô độc đắc, hoặc ít nhất là một lô an ủi.

Chuyến xe đã mang tôi tới trung tâm thành phố. Bây giờ làm gì. Tôi vẫn ngại phải chứng kiến những cảnh thương tâm. Ra khỏi nhà là tôi muốn bỏ chạy để khỏi phải nghe tiếng khóc tiếng kêu. Tại sao hắn có thể đánh vợ hoài như thế được. Bọn đàn ông có vẻ bản tiện. Có lần tôi hỏi đùa anh Cương - anh ta đã cười :

- Lâu phải đánh nếu không vợ nó cười lên đầu ấy, mà cậu chưa có vợ làm sao hiểu được...

Rồi tôi cũng phải đánh vợ? Và tất cả mọi người đàn ông khác? Có vậy sao? Còn người đàn bà thì sao? Chẳng hạn: ai cũng ngoại tình? Tôi tự mỉm cười nhạo mình. Tôi bước đi long rong ngó ngang cái này cái khác. Người ta đi đi lại lại nói cười. Mình cũng như họ. Rồi mình cũng vô nghĩa như thế. Tôi chẳng còn thấy gì gọi là ý nghĩa nữa. Rồi lớn lên, ra đời, kiếm tiền, vợ con rồi lăn ra làm cục đất. Cũng hay hay. Tôi đi một lúc thấy mỗi chân liền ngồi xuống ở công một nhà băng, lúc sau đi nữa. Ngang qua một tiệm cà-rem, tôi mua một cái vừa đi vừa ăn rồi trở lại bến xe. Người ta như thác lũ. Chuyến xe chạy trong buổi chiều oi bức. Về tới đầu ngõ trời đã nhá nhem, tôi ngang qua lò heo và dừng lại nơi chỗ một đám đông người đang vây quanh một con trâu điên đứng sừng như một khối đá, như một khối đá đen.

Buổi chiều đã mất hẳn ánh nắng, khu nhà ga, những mái nhà xi-măng với bốn chiếc cột sắt cao có gắn đèn đỏ đã bật, thân cột mỏng như một vệt bút chì tô trên một nền giấy hoen ố. Một khoảng sáng loang ở phía sân máy bay nhờ nhiều ngọn đèn được thắp ở đó. Nó đứng đó không nhúc nhích, lăm lăm một vẻ thách đố. Xung quanh khoảng đất trống hai mặt của hai dãy nhà ngó ra, đèn sáng không đều phía

trong những khuôn cửa, ở một đầu dây có một ngọn đèn được thấp ngoài hiên nhưng một lùm cây che khuất ánh sáng. Căn nhà dài của lò heo chỉ có một ngọn đèn vàng treo lơ lửng soi trên lưng bốn con trâu, một con bò vàng già bụng lép kẹp với hai gò mông trơ bạnh xương lớn. Một con trâu nhỏ nằm, ba con kia chụm đầu vào chiếc cột xi-măng, chúng cùng bị buộc vào đó bằng những dây xích sắt. Nền xi-măng ướt phản chiếu ánh sáng không đều vì rác rưởi. Nhà biên điện máy chạy kêu o o, bên giếng nước có một đôi thùng sắt để đó và chiếc đòn gánh bỏ rơi dưới nền. Một thằng nhỏ tay bịt mũi kêu với đứa bạn đứng bên: về mà, hôi quá trời, đến điếc mũi mất. Chúng kéo nhau đi ra. Nó vẫn đứng không cựa cựa, đầu cúi xuống, chân như chôn sâu xuống đất.

Nền trời màu chì đục úp xuống. Tiếng thở của nó nặng nhọc và dồn dập, đôi mắt đỏ đã bị bóng tối che khuất, nó đã thấy những cánh đồng cỏ xanh nào, những cánh rừng nào, những đồng ruộng bát ngát màu mạ xanh hay lúa vàng. Bây giờ nó đứng im, bóng tối vây quanh, căn nhà gạch chạy dài trống rỗng, ánh đèn yếu trong những khuôn cửa, đầu những cột đèn những bóng người thì thảm vầy xa. Hai người đàn ông ngồi nơi bậc thềm vào cửa nhà biên điện, một người nhỏ còi trần, chiếc quần lính cũ ngắn; người thứ hai đội một chiếc mũ ni-lông dùm đó, chiếc áo đen không đóng khuy phô ra làn da ngực đỏ vì rượu. Người còi trần vẻ bực bội :

- Vậy bây giờ mình bó tay chịu chết à, mẹ cái thằng toét chẳng ra chó gì, buộc con trâu không xong làm mệt mình.
- Còn suýt bỏ mạng nữa chứ. Thật tao chưa thấy con nào dữ như con này, trâu Thái Lan đó, nó mà lồng lên chạy tứ tung nữa thì còn mệt, nó húc thẳng Cương ra sao.
- E chết quá.
- Suốt vào mạng sườn thôi, nó mà nhạo lên thì chết rồi.
- Cái điệu đó chết đáng, nó say sưa đã vào. Mới đầu tao thấy nó ở trong quán đi ra, dáng lão đảo đi về phía con trâu, tao kêu trâu điên đừng có vào nó húc chết, nó lè nhè tiến vào: mẹ trâu điên tao sợ à, bọn người tao còn đánh cho dập

xương cả nữa là con trâu... Mẹ say có khác, coi trời như cục đất. Tao trông cảnh ấy mà muốn nghệt thờ, nó tiến lên nắm lấy hai sừng trâu, mới đầu con trâu nó im, rồi bỗng nó lạng một cái, thẳng cha khuyu luôn và con trâu chạy thêm một quãng nữa rồi mới đứng lại đó.

- Tháng này ngó bộ xui, nhất là từ hôm mình mổ con trâu có mang. Có tiền mà chẳng ăn thua mẹ gì. Cứ giết mãi nó oán cho đến xuống địa ngục. Mẹ cái nghề kỳ cục.

- Giết súc vật chứ giết người đâu. Giết người... chắc giết người khó hơn... Giờ có một khẩu súng thì nó cũng ngã ngay.

- Thì thẳng ấy nó đi kêu cảnh sát rồi đó. Chút nữa thôi... Cứ đứng đó, cứ đứng đó con ạ...

Tôi đi vội về nhà, ánh sáng chập chờn nhòe nhoẹt. Chị Cương đang xếp một bộ quần áo vào cái giỏ, dưới ánh đèn, chị nhìn lên. Tôi hỏi :

- Anh ấy bị nạn sao?

Giọng chị Cương ghen ngào :

- Vâng, tôi phải vào nhà thương đây, cậu trông nhà giúp tôi, khổ tôi quá, nếu mệnh hệ nào thì...

Chị Cương khóc sụt sịt. Tôi nhận thấy những vết bầm và sưng ở mặt. Người ta đã chọn, người ta chịu đựng và thương yêu. Lúc sau chị nói tôi ra tiệm ăn gì tạm, chị không kịp nấu cơm, chị bế đứa nhỏ, rồi xách chiếc giỏ đi ra khỏi nhà. Một chiếc xích-lô, một chiếc xích-lô máy chẳng hạn sẽ đưa chị đến bệnh viện, chị sẽ nhìn thấy chồng còn sống hay đã chết... có điều tôi biết chắc chị sẽ khóc nhiều hơn, và đêm nay chị sẽ không ngủ được.

1963

(GTQM số 4)

NGUYỄN ĐỨC SƠN

Xin đừng lại nơi đây

Tặng X. có mặt trưa 5-7-1965
tại số 586 Sư Vạn Hạnh Chợ Lớn

"Có nên lấy cái vé cao nhất không? Sao lại không? Nhưng ô kìa xao mình keo bản thế?" Trương chần chừ, do dự, chỉ mong muốn một sự tình cờ nào đến giải quyết. Trương thấy khó chịu với chính mình khi biết mình không dứt khoát nổi những việc cón con trong đời sống. Nhưng đây có phải là một việc cón con không? Trương liếc nhanh về phía đứa con gái bây giờ đang dón với chàng vào khoảng giữa lòng chuyển xe buýt Gia Định – Chợ Lớn. "Sao mình keo bản thế? Có thể nào mình bản tiện đến mức đó không?". Trương nghĩ như vậy nhưng không trả lời. Thì cho cao tay lắm giá cái vé lớn nhất cũng chỉ có năm hay sáu đồng thôi. Mà cái vé Trương vẫn lấy thường nhật mỗi trưa dạy học ở Bình Dương về Bà Chiểu để đi đoạn đường chuyển buýt đặc biệt này giá đã hai đồng (có mang mấy chữ Bà Chiểu – Chợ Trương Minh Giảng) rồi. Trương không thể keo bản một cách kỳ cục như vậy.

"Đi đâu?" Người bán vé đã đến chỗ chàng đứng.

Chàng tính nói: "Vé tối đa" như bao nhiêu lần phiêu lưu khác khi bắt gặp một dáng đáp hay hay nào đó trên cùng chuyển bút. Nhưng rồi chàng lại do dự.

"Đi đâu?" Người bán vé giục giã.

"Thì cứ mua mẹ nó cái vé tối đa đi rồi mình muốn xuống đâu thì xuống, sao lại tiếc mấy đồng bạc". Trong phút chốc chàng đã tự trách như vậy. Nhưng cơn đau đầu gần như kinh niên lại tấn công Trương. Chung quanh đầu Trương

như có một khối vật nào thoát đà nặng, thoát giờ lên. Con nóng lạnh, hâm hấp mồ hôi đã phát ra lúc 9 giờ 30 sáng khi chàng vừa phụ trách xong hai giờ Anh văn lớp đệ tứ đệ tiếp đến lớp đệ nhị. Khoảng gần ba mươi cây số trên chiếc xe đồ có chỗ dựa khá êm cùng với gió mát làm Trương quên hẳn cơn nhức đầu. Bây giờ nó lại tái phát. Hay đúng hơn nó tái phát từ lúc chàng đứng đợi buýt ở trạm xe Bà Chiểu, leo lên một chiếc xe cũ rích máy nổ rầm rầm đứng yên một chỗ. Và chính nó có khi cũng bay đi một cách lạ lùng khi Trương chú ý đến đứa con gái. "Có thể nào làm đẹp một đứa con gái không?". Trương vẫn thường nghĩ vậy khi trông thấy những đứa con gái có một sắc đẹp, một dáng dấp hay hay nào đó nhưng chàng biết chắc chắn sẽ thất vọng nếu hoàn cảnh may mắn cho chàng đi thêm một đoạn đường ngắn nữa thôi. Chàng không tin ở ý chí, tài năng, ở tâm hồn chàng. Chàng không tin ở khả năng của chúng để biến tạo một đứa con gái nếu đứa con gái đó đã không có mầm mống thích nghi. Rồi tất cả – trừ những hình bóng hư ảo xa xôi – sẽ trở về cái tâm thường, lì, lợm, ngu, ngốc, u mê của đời sống một người đàn bà. Tưởng tượng đến những đứa bạn gái cùng lớp cùng trường hồi trung học, mấy năm ở Văn Khoa hay những đứa con gái lạ lùng khác rải rác trong bao nhiêu cảnh sắc ngược nhau, chông nhau của cuộc đời, tưởng tượng đến những dáng dấp chàng đã từng mê đắm, chàng đã thất vọng khi tình cờ gặp lại họ. Thôi nhé em, một hạt cát nhỏ trong bãi biển hôn anh. Thôi nhé em, anh chỉ lấy đúng cái vé hai đồng như thường nhật mỗi ngày anh có đi dạy học ở Bình Dương về Bà Chiểu để đón buýt về hiệu cơm Trung Hoa trước trạm Chợ Trương Minh Giảng, ăn tạm một cái gì đó trước khi lại đón một chuyến khác từ Saigon chạy về đưa anh lên một khoảng đường xa hơn một chút nữa, nơi có gian phòng cô quạnh của anh. Thôi nhé. Nhưng Trương không thể không liếc mắt nhìn xem đứa con gái đã mua vé nào. Ông bán vé đã xé rất nhanh và dúi vào tay đứa con gái mà không thôi lại gì hết khiến chàng không đoán được đứa con gái đưa cho ông ta mấy đồng bạc chì.

Nắng gắt rất tỏa ra khắp nơi và hắt vào xe. Thôi nhé em, anh rất mệt rồi. Đến trạm chợ Trương Minh Giảng là trạm cuối cùng anh có thể đi chung với em, nhìn em. Và sau đó nếu em không xuống, anh bỏ cuộc. Anh phải bỏ cuộc càng sớm càng tốt vì trước sau gì anh cũng biết anh bỏ cuộc như mai kia anh sẽ bỏ cuộc đời này vậy. Nhưng còn cái tên thanh niên kia. Vâng, còn một thanh niên tự nhiên đứng vào cái ghế địch thủ của Trương. Bây giờ Trương mới chú ý nhiều đến hắn. Hắn ở trạm Bà Chiểu, hắn cũng ngồi cùng chuyến xe với đứa con gái nếu Trương nhớ không lầm. Và có lẽ họ là hai trong số hành khách đến sớm nhất nên mới có cái may mắn ngồi cùng dãy ghế trên, gần cửa xe. Rồi được một chốc, một chốc thôi, khi Trương cũng bước lên chuyến ấy thì có một nhân viên công quản trong trạm cho biết chiếc xe bị hư, không thể chạy được. Chính lúc ấy Trương mới nghe đứa con gái cười và nói một chút với thiếu phụ bên cạnh: "Lại phải đời xe nữa". Như vậy là thiếu nữ đã đợi xe khá lâu trước chàng nhưng hai chiếc đều hư và chiếc trước đã bị kéo đi đâu đó. Giọng miền Nam làm Trương thất vọng phần nào. Rồi đứa con gái xuống xe. Dáng hơi thấp hơn Trương một chút và rất vừa tầm. Toàn thể thân hình tỏa ra một mùi băng tuyết kỳ ảo với dáng dấp đang quyến rũ nhất thời của một thiếu nữ. Tên thanh niên thì không thể địch nổi Trương tuy hắn cũng có vẻ nhanh nhẹn và lịch sự. Hắn cầm một đĩa nhạc nhỏ 33 tours, có lẽ thuộc nhạc kích động Mỹ. Trương đoán điều ấy qua cách trình bày bản nhạc dù không bao giờ chàng nhìn rõ mấy chữ Mỹ khá to trên đó. Tên thanh niên đó bám sát vào đứa con gái mà chắc chắn hắn cũng nhận ra một dáng dấp đặc biệt vô cùng.

Lúc có chuyến buýt đến thay, cả ba đều cố giữ thế. Cả ba đều để cho tất cả hành khách lên xe rồi mới từ tốn lên sau. Nhưng Trương còn làm cao hơn. Chàng bước lên cửa sau trong khi hắn đi theo đứa con gái bước lên cửa trước. Tuy

nhiên lúc lên xe rồi thì Trương và đứa con gái như cùng hện nhau lọt vào giữa lòng xe. Mãi lúc sau tên thanh niên mới từ từ làm như vô tình tiến lại gần, với một tay cầm đĩa nhạc đựng đến nóc mũi xe. Trương thấy mình hách hơn, với chiếc cravate bằng nylon đen nhỏ thắt trên chiếc áo nylfrance rất trắng. Trương nghĩ đến khuôn mặt cô hồn và trời đánh của mình thật ra có ẩn chứa một cái gì rất cha chú. Trương biết mình có thể hơn nhưng chàng cũng không thể khinh địch.

"Hắn có thể... với ý định như mình không?". Trương tự hỏi khi xe băng qua đường Cách Mạng, nghĩa là đi được gần một nửa đường Trương Tấn Bửu. Lúc này, qua một vài trạm nhỏ, hành khách xuống khá nhiều mà số hành khách mới lên không có bao nhiêu. Xe bắt đầu thưa thớt. Không thể đứng gần nhau sợ dị, cả ba đều không hện mà cùng một lúc từ từ rời rộng ra nhưng vẫn canh chừng nhau. Lúc này Trương mới tức tối. Sao lúc đầu không mua cái vé cao nhất. Bây giờ chẳng lẽ mua thêm vé. Như thế thì chắc chắn tên thanh niên kia đoán biết ý định của Trương. Không. Thôi nhé em. Anh chỉ có thể đuổi theo em đến trạm chợ Trương Minh Giảng là trạm cuối cùng. Nếu em xuống trên khoảng đường đó, rất có thể anh xuống theo em, đi ngang qua nhà em, dù phải đi qua bao nhiêu con hẻm nhầy nhụa đầy xú khí dưới trời nắng lửa. Còn nếu em đi xa hơn, anh bỏ cuộc. Anh không đủ sức theo em khi mà phía trước chỉ toàn ảo giác.

Xe bắt đầu thưa. Một trong băng ghế bắt đầu trống. Cả ba không ai ngồi xuống, cả tên thanh niên, đứa con gái và Trương. Chỗ trống ở gần Trương nhất. Và người còn lại – một ni cô – có vẻ muốn ngồi khếp lại dành chỗ cho Trương. Cừ chỉ vừa làm cho Trương vừa vui vừa buồn. Chàng nhìn ni cô. Khoảng gần hai mươi lăm. Đẹp nghiêm nghị nhưng chắc chắn còn tha thiết một cái gì khác trên đời này ngoài đời sống là lý tưởng tu đạo. Một chút gì đó có thể trong nắng, trên mây, trên dáng dấp rất yêu đời của những đứa

con gái nhỏ, trên mái tóc hớt gần trọc của một thanh niên xông xáo, lẫn lộn và vật vã như Trương. Một chút gì đó, một chút thôi, nhưng chắc không bao giờ tắt được. Trương muốn ngồi xuống ngay bên cạnh ni cô, ngồi bên cạnh một chút gì đó. Nhưng không hiểu sao thấy bất ổn. Rồi Trương thấy mình lại có lỗi khi không chịu ngồi xuống. Sau cùng chàng nghĩ kỹ nếu ngồi xuống sẽ gặp khó khăn nếu chàng muốn đuổi theo đưa con gái xuống một trạm nào đó thành linh.

"Ngồi vô đi, ngồi vô đi, còn một lô trống kia!"

Người bán vé đi trở qua chỗ ba người đứng để ra phía sau thu tiền mấy cái vé mới. Ông ta nói như vậy khi đi ngang qua ba người, nói một cách vu vơ, không chỉ định một người nào rõ ràng cả.

"Trạm cuối Trương Tấn Bửu đây. Ai xuống xuống đi!"

Ông kiểm soát vé nói thay lời nhân viên bán vé.

Trương bắt đầu hồi hộp nhẹ nhàng. Thành linh tên thanh niên đưa mắt nhìn thẳng vào người đưa con gái, nhìn khắp nơi, đậu lại rất lâu ở thân người, nơi kết tụ cái dáng dấp uyển chuyển, băng tuyết kỳ ảo. Rồi hắn xoay đi thật nhanh nhảy xuống cửa trước khi xe đã chuyển bánh được vài thước.

"Hắn đã đầu hàng. Không ngờ hắn bỏ cuộc sớm thế". Trương nói một mình, không còn thích thú. "Nhưng biết đâu hắn khôn ngoan". Trương lại trầm tư.

Đây là trạm chót trước khi đến trạm Trương Minh Giảng. Nghĩ vậy tức khắc Trương đau khổ. Sau hồi nãy không lấy mẹ nó cái vé tối đa? Có thể nào đưa con gái sắp xuống? Và nếu vậy thì có lẽ định mệnh đã sắp đặt rồi.

Xe bắt đầu quẹo khúc quanh qua Trương Minh Giảng. Vậy là hết. Trạm kia rồi. Chợ kia rồi. Hết. Hết. Nhưng tại sao chịu hết?

Giây phút nhìn chùng đũa con gái, Trương thấy hy vọng của chàng đã chấm dứt vì đũa con gái không chịu nhúc nhích hay có cử chỉ muốn xê dịch nhỏ nào trên xe chúng tỏ mình sắp xuống.

Hết rồi phải không em? Chặn đường này là hết rồi phải không em? Cám ơn rất nhiều đã cố ý đứng lại rất gần anh. Cám ơn rất nhiều đã thỉnh thoảng nhìn anh bằng đôi mắt anh không đời nào quên được.

Trương vội vã nhìn thật kỹ đũa con gái một sách sổ sàng cho thật đã nư. Chàng hoảng hốt trước dáng dấp quyến rũ chưa từng thấy. Có một chút gì hơi quê mùa. Chiếc áo lót cũng vậy. May cái đăng-ten hơi thô. Qua làn áo lụa mỏng chàng đã thấy hết. Không có mùi dầu thơm nào mà chỉ có mùi mồ hôi kỳ ảo. Có một cái gì dơ dơ trong toàn thể thân hình như bắp chuối, như con rắn. Có một nét gì tầm thường trong cách ăn mặc. Nhưng đó chính là tuyệt đỉnh cái đẹp của đũa con gái này. Và có lẽ bất cứ cái đẹp tuyệt đỉnh nào cũng có lẫn khuất đâu đó một cái gì thiếu hụt, bất toàn không thể luận giải nổi. Như những bức họa và bài thơ siêu đẳng. Và cũng như trái đất này nữa chẳng?

Một luồng gió thổi vào. Đũa con gái vội khoác hờ tà áo che sát chiếc mũng no tròn mà chắc chắn thần thánh cũng sẽ chết giấc nếu chịu nhe răng cắn vào đó một chút thôi (rồi nhả ra ngay). Đường viền chiếc quần cánh cộm lên. Trương đoán chiếc quần cánh đó may bằng tay, hơi rộng một chút, bằng một thứ vải gì phải dày hơn khá nhiều thứ vải mỏng thường được may quần áo lót cho đàn bà con gái nên mới thấy có một sắc độ như vậy. Bây giờ mấy cuốn sách và vở

cũng được thay tay cầm. Trương để ý thấy cái gáy của quyền sách Anh văn. Trong nghề, chàng đoán ngay đó phải là cuốn Let's learn English cuốn một. Và nếu không có trường hợp bất thường đưa con gái chỉ học khoảng đệ thất, đệ lục thôi. Có lẽ sợ biết mình học hơi thấp và muộn, đưa con gái dấu quyền Anh văn kia vào trong. "Nếu hần đang học đệ nhất hay đang là sinh viên chắc chắn yếu tố này sẽ giết mất cái đẹp kỳ ảo trong toàn thể thân hình hần trưa nay". Trương nghĩ vậy và chàng chỉ muốn xuống ngay với đưa con gái, đi bất cứ nơi nào trưa nay trong y nguyên áo quần và dáng dấp và mùi hôi và đấng-ten hơi nhà quê dù chàng mệt nhừ vì đường xa. Đừng thay đổi gì hết, dù chiếc áo trắng mà chàng thường ao ước để thế cho chiếc áo dài lụa hơi cũ kia. Không thay đổi, không thể thay đổi một chút nào cả. Chàng ao ước được nắm tay đưa con gái kia đi suốt đời này. Không nghĩ ngợi gì hơn, không thay đổi gì hơn.

"Có nên mua thêm vé không?"

Trương suýt bật thành tiếng nói. Bỗng chàng chú ý đến mấy ngón tay của đứa con gái vuốt hờ mái tóc. Mấy ngón tay có vẻ hơi thô chứ không thon như chàng tưởng. Nhưng biết đâu đó là một trong những yếu tố làm cho tăng thêm cái đáng đẹp tuyệt vời của đứa con gái. Chàng muốn giữ cả những ngón tay đó.

Trương nói thật nhỏ với nhân viên bán vé:

"Ông cho thêm một cái vé".

"Đi đến đâu? Sao hồi nãy không mua luôn?"

Ông bán vé cười ranh mãnh nói lại một lần nữa.

"Đi đến đâu?"

"À, tôi đi... chỗ nào cũng được".

Trương áp úng. Trương rất tức bực vì không ngờ mình thiếu tự chủ như thế. Đứa con gái làm một dáng điệu rất đẹp: nằng ngẵng đầu một chút ra phía sau làm tóc lung linh và lò xo. Trời ơi, giống... vô cùng. Và một hình bóng thất vọng trong quá khứ hay trong trời đất tượng hình rõ ràng trong ký ức Trương. Chàng nhắm mắt lại cho hình bóng kia tan đi nhưng nó lại càng hiện rõ hơn. Thôi em nhé, anh xuống ngay nơi trạm sắp đến. Anh xuống ngay nơi đây. Anh phải dừng lại khoảng đường này. Không phải anh bị con ma quá khứ hay con ma trời đất ám ảnh làm anh có những hành động mê cuồng tai hại. Ôi, những hình bóng dĩ vãng – những đứa con gái tuyệt vọng cho đời anh – đang bủa vây anh. Nhưng em hiểu vì sao anh tuyệt vọng? Không phải vì lý do anh thất bại đâu. Nhưng chính những đứa con gái đó mới là hiện thân của buổi tối, của tuyệt vọng cho anh và anh vùng vẫy tấn công để biết rõ niềm tuyệt vọng tất hữu của đời anh, con gái. Và anh nghĩ không thể nào làm đẹp một đứa con gái cả, thật vậy em ạ. Nhưng anh vẫn xao xuyên vô cùng khi đứng trước dáng dấp đẹp lạ lùng của em mà anh đã chết điếng khi còn đợi ở trạm Bà Chiêu. Anh tưởng không thể sống nổi và không nên sống nữa khi gặp những dáng dấp như em. Anh nhìn rõ khuôn mặt em: mũi hơi cao nhưng tất cả thì không có gì đặc biệt. Anh lên nhìn kỹ chân em: đôi guốc hơi quê mùa, những ngón chân thì thấp và hơi ngắn, mấy cái móng chên lệch, và một ngón cái đã bị hư móng. Nếu chỉ nhìn riêng chân em chẳng hạn, anh sẽ chán nản, nhất định. Nhưng tại sao phải phân tích khốn cùng như vậy. Tại sao lại cứ phải nghe em nói tiếng gì để biết người Nam hay người Bắc, Mán hay Mường? Tại sao phải dò đến nhà em, tại sao phải tìm biết một cách cẩn thận và ngu xuẩn ngọn ngành của em. Anh chợt nhìn thấy nắng bên ngoài đẹp vô biên. Nắng rực sáng tung bùng. Anh quên đi đây là Saigon với đời sống thúc đẩy, xô bồ chỉ làm anh phát điên. Anh quên đi đây là Saigon, nơi anh phải mỗi

mắt mới tìm được một chút thiên nhiên, một chút màu xanh của cây cối, một chút hoa, một chút nước trong của dòng suối nhân tạo, một chút hoa một chút cỏ mà anh thèm khát. Từ đó anh bỗng hiểu rằng nơi nào trên mặt đất này cũng có thể đẹp. Đó là hy vọng lớn nhất và cũng là tuyệt vọng lớn nhất của anh khi gặp em, khi gặp các em, con gái. Anh cũng hiểu rằng đứa con gái sẽ theo anh suốt đời đó có thể đẹp và thông minh hơn em nhưng cũng có thể thua em nhiều lắm. Anh tin điều anh nghi ngờ lắm. Nhiều lúc Trương nghĩ chỉ cần có một bức thư nào đó, chàng sẽ hiến dâng với cái nghĩa linh thiêng nhất của một đứa con trai từ lâu độc thân và cho rằng chỉ có lối sống như vậy mới lý tưởng, mới mong hưởng thụ bao nhiêu biến ảo dù không đi đến đâu hết.

"Mà cần gì phải đi đến đâu!"

Trương nói nhỏ một mình như vậy. Những vì sao xa vắng kia có đi đến đâu không mà vẫn đẹp. Trái đất này có quay đến đâu không mà vẫn quyến rũ Trương. Thôi để anh cứ đi hết khoảng đường em đi. Thế nào cũng qua đại lộ Trần Quốc Toản phải không? Và anh sẽ nhìn em thật kỹ tấm thân băng tuyết lạ lùng của em mà thỉnh thoảng anh vẫn bắt gặp trên đời hiện thân nơi bao nhiêu đứa con gái khác, để khi ngoảnh mặt lại thì em đã xuống một trạm nào rồi. Vâng, để anh đi tiếp cho hết khoảng đường em đi. Nhưng như thế cũng có nghĩa là anh dừng lại nơi đây, xin dừng lại nơi đây, trạm chợ Trương Minh Giảng. Rồi anh cũng bỏ cuộc như tên thanh niên kia tôi, nhưng anh bỏ cuộc một cách đau đớn hơn, hạnh phúc hơn, quăn quại hơn, tuyệt diệu hơn vì anh đã đọ mặt với hư vô lạnh lẽo đời đời ngay giữa trưa nắng lửa hừng hực này rồi.

(GTQM số 5)

VĂN LỆ THIÊN *

Lý do

Trứ nép mình dưới hố, đưa mắt quan sát phía trước mặt. Khóm cây bên trái bỗng động đậy, rồi một cụm cây nhỏ trườn tới, và sau mô đất gần đó hai cụm khác nhô ra, lom khom chạy đến, lắc lư trông như những con nhím.

- Đoàn!h!

Một tiếng nổ to vang lên sau tia chớp sáng lờ. Trứ nâng cao súng, bấm cò. Phút chốc tiếng súng vang rền. Địch quân hô xung phong rền trời, ồ ạt tiến lên. Ở hố bên cạnh có tiếng lầu nhàu:

- Tô mẹ, mới nổ mấy phát đã câm cứng.

Tiếng thằng Quyên. Trứ chồm lên nói với sang :

- Cả tháng mày chả thèm chùi lau lần nào thì bảo nó nhả ngon sao được.

Tiên, thằng tiểu đội trưởng hét lớn:

- Ê, đánh giặc mà nói chuyện hờ, coi chừng mấy cha nghe được phạt chết bây giờ.

Quyên gọi :

- Tiên ơi, tới sửa giùm súng tao cái coi.

- Nghệt rồi hả?

- Ủ, từ nãy giờ.

Trứ nấp gấp đạn thứ hai, tay bấm cò liên hồi. Ba bốn tên địch chạy dòn sát nhau trước mặt Trứ. Một tên la :

- Thằng Lục chạy xê ra xa chứ mậy, đi chùm ngùm chết bây giờ. Hồng biết đàn hàng ngang à.

Ngộ bật cười:

- A, bọn giặc này kỳ thiệt, chẳng coi đạn ra cái thá gì cả, nói chuyện rùm beng. Tao bắn vỡ sọ bây giờ.

Súng vẫn nổ chát tai, địch quân vẫn hùng hổ vừa cãi nhau, vừa bắn, vừa hô xung phong. Đột nhiên một trái sáng nổ

tung, chói lòa. Trú đứng dậy, phủ quần, mang súng lên vai nháy khò khò. Quyền gấp dài:

- Buồn ngủ rồi, chán thầy mẹ, bắn mả tử chẳng sướng chút nào.

Toán giả địch vừa tới kịp. Lực xuýt xoa :

- Chà, lâu lâu rìa một bữa tề vai.

Vừa nói nó vừa kéo vút lá nguyệt trang.

Về tới sân tập hợp, trung đội giả địch bị phạt vì tội làm ồn lúc tấn công. Trung úy sĩ quan huấn luyện viên chấp hai tay sau lưng, thông thả đếm:

-... Chín... lên, mười... lên, mười một... lên.

Có tiếng thì thào:

- Mau mau chút... trung úy ơi! Bết tay quá trời.

- Mười bốn...

Những cánh tay khuỳnh rộng ra, run run đưa thân hình các... chiến sĩ hạ thấp xuống.

-... Lên, mười lăm.

Những cặp giò thẳng hàng loạt. Các mũi giày cắm xuống đất, mấy cái gót lắc lư muốn ngã.

- Mười chín... lên, hai mươi... Thế thủ !

Tất cả nhóm vội dậy, khom mình, chia súng về phía trước:

- Sát ! sát!

Trình diện xong, mãi giờ huấn luyện. Không khí như muốn tan loãng ra vì tiếng ồn ào, hô hét. Trú xách súng chạy nhanh tới một bóng cây mát, mắc ba lô lên cao, lòi võng ra treo. Lực và Ngộ giành nhau sợi giây gai, hai thẳng đều chạy tới một lượt, mỗi đứa nằm mỗi đầu.

Vào tuần lễ thứ mười, chương trình huấn luyện dày đặc những bài. Khóa sinh không có giờ nghỉ trưa, giấc ngủ đêm bị rút ngắn. Hôm nào gần mười một giờ tối mới lần mò về đến phòng. Quần áo ủ mèm vì mồ hôi, đất cát bám đầy, toát mùi khó ngửi. Trưa, lúc ra bài trời nắng gắt, nóng bùng mảy mặt, cây súng cầm trên tay mỗi lúc càng nặng. Nhưng lướt về chân bước không còn thấy mỏi, người nhẹ nhàng như bay trên mây, lúc đó nhiều anh vừa đi vừa ngủ. Cái cảm

giác bước lằng lằng này chỉ tan biến khi chợt vấp phải một hòn đá.

Trứ leo nằm trên võng, Ngọ và Lực đã thỏa thuận về sợi giây gai, Lực cắt đứt đoạn dài hơn phân nửa, Ngọ lãnh phần còn lại.

Dưới bóng duỗi trước mặt Trứ, nhóm bảy tám người đã nằm xuống nghỉ mệt. Hai người khác vừa cởi giày vừa nhìn chăm chăm về đằng xa, thật xa, dưới dãy núi xanh. Nơi đó bốn chiếc máy bay đang oanh tạc. Ở đây nghe rõ tiếng động cơ nhưng chỉ thấy hình dáng bốn thỏi thép rất nhỏ, sáng ngời, từ tít trên cao rớt xuống, rồi quay trở lên kêu ầm ỹ. Lát sau có tiếng nổ rền, và bốc lên mấy cây khói đen kịt.

Vùng núi đó đã ba bốn hôm, ngày nào cũng bốc khói. Lúc hai, lúc bốn, những chiếc phi cơ thay nhau vằn vũ dội bom. Ban đêm lại vang rền tiếng súng lớn. Tối qua ngòi gác trên pháo đài, Trứ nghe những tiếng súng ấy như gân lăm. Trứ đếm thầm trong miệng xem bao lâu lại nổ một tiếng, nhờ thế mà bớt gât gù. Trứ như trông thấy rõ ràng trong đầu cái làng dưới chân núi, nơi bị dội bom, chuyển động theo những tiếng nổ kinh hồn. Năm tháng trước, tại quê nhà, Trứ đã một lần trông thấy tận mắt, nghe sát bên tai những tiếng bùng đầu ấy.

oOo

... Cái hàm hình chữ V bè ngang chỉ vừa đủ thân người. Trứ nằm sấp hai tay chống lấy cằm. Nắng gắt đốt nóng bỏng da lưng. Một hồi sau, Trứ xoay nghiêng mình, mồi như xương cốt, đất cát bám đầy tay chân, dính nhám mặt mày. Bên trên súng vẫn nổ dòn. Trứ nhớ lại tốp người lúc sáng. Một cây súng thật dài choàng qua vai anh chàng mặc bộ đồ bà ba màu xanh da trời. Cái mũ vải rộng vành đội nghiêng trên đầu như người Mễ Tây Cơ trong các phim Cowboy Mỹ. Anh ta xách hai con cá hổ phoi chưa được

khô, vào quán bà Rót xin nướng nhò. Rồi bày gói cơm ra giữa sân ngồi ăn, bỏ cây súng nằm gác đầu trên lan can sân, cạnh cái xách kaki bạc màu có quai lụa đen lằng, cái xách no phồng to bằng chiếc cặp da lớn. Anh ta ngồi ăn, bình thản, không nhìn ai, gói cơm tròn trình bọc trong cái khăn tay sứt mẻ dần. Hai mẹ con bà Rót thập thò trong cửa ngõ ra, xem một cách lạ lùng. Trứ ngồi trên xe đạp vịn hàng rào nhìn súng. Một đôi sau thằng Giác ở lỏi xóm trên đi xuống, lại gần Trứ nó nói nhỏ:

- Dưới nhà làng có một ông đang viết bảng, với một người giống ông Chân ghê hồn, cũng cao cao, ốm và mặc áo bà ba không gài nút cổ, ông ấy trèo lên cây xoài trước đình treo tấm bảng thật là dài. Minh xuống dưới đó coi chơi anh năm.

Trứ cười và chờ nó đi. Chân là người đàn ông bỏ đi cách đây hai năm, trong một đêm chó sủa dậy làng, đêm mà mấy anh thanh niên chiến đấu võ trang thô sơ đã phải ôm vũ khí: 2 quả lựu đạn, một cây gậy và cuộn dây dứa, lui trốn biệt. Những tốp đàn bà trẻ con bị lừa về sân đình ngồi mít ting thấy hai người mang súng dắt Chân ra bỏ ngã dưới gốc xoài. Bốn tháng sau Chân xách súng về làng lần đầu tiên với mấy người đã bắt anh trước kia. Những con chó lại được dịp sủa từ xóm trên đến xóm dưới. Chân còn xuống nhiều lần nữa, cho đến hôm Tết vừa rồi, lần cuối, anh ta về nằm ở sân vận động trước quận.

Đêm ba mươi trời tối, Trứ phụ với em sắp bánh trái ra bàn cho mẹ cúng rước ông bà, bỗng nghe một loạt súng nổ rất gần, đầu trên mé rừng. Theo sau đó là nhiều tràng dài khác. Hoảng quá Trứ thổi phụt ngọn đèn, nhà bỗng tối bùng, mọi người im thin thít. Sáng ngày mùng một, ba chiếc xe quận đầy nhóc lính chở Chân ra bỏ nằm ở sân đình, nơi trước kia anh ta thường lừa đồng bào tới mít ting. Dân làng chạy ra xem kinh ngạc Anh ta chết bên mấy cuộn biểu ngữ và cả tập truyền đơn. Nghĩa quân xã lập được một chiến công đầu năm. Trưa đoàn xe chở anh ta về quận để nằm trước sân vận

động. Nơi đây, người ta đến xem vòng trong vòng ngoài, đông nghẹt. Tới xế cái xác đã khô đét, những vết máu đọng lại loang lổ khắp mình. Cặp cẳng duỗi thẳng duột, mồm khinh, đôi dép đen quai treó vẫn còn dính chặt trong chân. Mấy đứa nhỏ ngồi xê lại gần chỉ chỏ những vết đạn ở hông, ở đùi. Các cô gái mới bước vào, trông qua, đã rùng mình chen vội ra ngoài. Cái người nói thật hùng hồn giữa đám đông trước sân đình giờ đây nằm yên lặng, bộ mặt hốc, trắng bệch, mắt trợn trừng. Rừng người chen lấn òn ào, quần áo đủ màu sặc sỡ, thật khác hẳn với cái xác mặc quần cộc đen, áo bà ba hở cổ.

Trú dừng xe, Giác nhảy xuống. Bọn trẻ chạy lại bu quanh tấm bảng đen, mà mới hôm qua còn ghi tin chiến sự: “Địch bỏ xác 13 tên, ta tịch thu một đại liên 30, 2 tiểu liên Tiệp khác. Bên ta hoàn toàn vô sự”. Người đàn ông cao, mặt xương, da tai tái cảm cúi viết từng nét trên tấm bảng trơn. Chữ đỏ không nổi trên bảng đen láng trượt, ông ta chắc lưỡi, nói với lũ trẻ mà không quay lại: “Phải được nền xanh hay trắng thì tuyệt!”. Mấy đứa nhỏ đứng kiểng chân theo dõi, chăm chú. Thằng Định đánh vằn lập bập, nó vốn dốt: “Rê-i-a-ga... gải, gải phóng”. Giác với tay cốc đầu thằng bạn ngu si: “Vây mà đòi học lớp ba. Gải, gải, cái gì, giải phóng chứ. Cu u... quân đội giải phóng”. Người đàn ông im lặng cười.

Một tấm biểu ngữ giăng giữa hai cây xoài trước mặt đình có hàng chữ thật to tướng, đồ tươi. Bên hàng rào kẽm gai gần phòng thông tin cũng mắc một tấm tương tự. Trú đạp xe về. Thằng Tấn ôm một mớ những lá cờ to nhỏ từ xóm trong đi ra. Có mấy lá bị xé rách bay lờng thông dưới tay nó. Chú Xê và hai người con lớn lui hui đào hầm. Thằng Bơi rinh mấy tấm ván trong nhà ra bỏ gần đó. Nuôi từ ngoài ngõ chạy vào, leo ngồi trên chông ván:

- Anh tư ơi, em gặp thằng Tấn, nó có súng.

- Thiệt hả?

Bơi hỏi, ngạc nhiên.

- Ủ, cây súng to lắm.

Nuôi chu miệng nói nhỏ hơn:

- Còn có một ông đi trước nó ôm một chồng sỏ gia đình thiệt là cao. Cái ông hồi sáng vô nhà mình thâu cò đó mà.

Bơi gục gặt đầu:

- Tao biết.

Trứ dừng xe vô xem. Chú Xê hỏi :

- Hầm nhà mày đào xong chưa Trứ ?

- Dạ rồi, nhưng không có gì phủ ở trên hết.

Chú dừng cuộc :

- Về kiểm bậy tàu dừa, bẹ chuối, rơm rạ bỏ lên, đỡ lảm cháu ơi. Họ về đây thì thế nào (*kiểm duyệt bơi 6 chữ*) hai đàng choảng nhau, mình kẹt nguy to. Nằm trần trần giữa trời lờ nó rớt xuống một trái thì nát bét.

Bây giờ nhớ lại lời chú: "... lờ nó rớt xuống một trái thì nát bét", Trứ càng sợ run người. Trứ khó nhọc trở mình, nghe mẹ thì thầm: " Cầu trời Phật phù hộ mẹ con tôi...". Chân con Liễu run lẩy bẩy, cựa quậy luôn. Để chừng hai bên chạm nhau đã hơn một giờ. Hình như không giảm mà tiếng súng càng lúc càng rộn rập thêm. Và bỗng nghe có tiếng rít dài, vì vèo bay đến, qua mau và phút sau là một tiếng nổ dội đất rung rinh nhà cửa. Trứ nhắm mắt, cúi đầu thật sát đất. Con Liễu hỏi, run, đứt quãng: "Canh nông phải hông má ?" Những tiếng rít dài xé gió lại đến, qua mau, rồi sau đó là một tiếng nổ. Gần quá, có lẽ ở trên mé rừng, cạnh đường xe lửa. Trứ hồi hận, nếu khi sáng nghe lời chú Xê đào hầm rộng ra và phủ cây, đất lên trên thì lúc này đâu phải khổ. Nắng vẫn dữ, súng vẫn nổ, cho đến khi Trứ toát mồ hôi khắp người, hết biết sợ và bớt thấy nóng. Nằm rắng dưới cái hầm nung người đó một lúc lâu sau khi tiếng súng im bật, mẹ Trứ bước lên khỏi hầm trước tiên, Liễu lồm còm ngồi dậy phủi quần áo, Trứ đi và sờ cái lưng đã xộp da của mình. Mâm cơm trong nhà vẫn còn nguyên. Bát cơm Trứ ăn dở đã khô trên mặt. Con chó nhỏ không xúc phạm món gì, nó lủi nằm trong hốc cửa. Trứ vớ cái áo thung phủi đất trên mình. Hồi nãy trước khi ăn Trứ đã cởi bỏ nó cho mát. Ba mẹ con

tiếp tục bữa cơm, Liễu vẫn còn xanh mặt, mẹ Trứ không nói câu nào. Bên ngoài im lặng hoàn toàn. Lúc đó, khoảng gần hai giờ chiều.

Xế, khi Trứ ôm mấy chiếc chiếu chạy theo sau mẹ và em, ngó ra Trứ thấy những người mang dếp quay treo, mặc áo bà ba không còn làn quần ở đình làng nữa. Đường xuống biển người ta đi thành dày dài, ngoài tiếng trẻ nhỏ khóc, chẳng ai nói gì. Liễu gánh chạy trước mẹ, mấy cái nôi nằm sắp phơi đít đen lánh. Qua ngòi, Trứ đội giùm em hai bao gạo, nước lớn đến cổ, xao động vì gió. Mấy đũa nhỏ ngồi trên vai mẹ sợ quá khóc thét lên. Tốp đầu đã lên khỏi bãi, qua đến vườn dương, số đông còn bị bồm lội dưới ngòi. Trên không hai chiếc oanh tạc cơ bay vòng quanh, kêu rợn người. Vẫn không ai nói tiếng nào.

Một giờ sau đó người ta đã đi xa khỏi nơi sinh sống bao năm. Họ phải rời bỏ tất cả. Tối hôm ấy được yên, không phải sợ thấp thỏm vì tiếng trống thúc và tiếng chó sủa ran như đêm trước, nhưng Trứ vẫn không ngủ được. Ở nhà dưới dì ba và mẹ Trứ nói chuyện râm rì, Liễu kể cho mấy cô em họ nghe về đám người mang súng mang đèn đi khắp làng hồi hôm, trận đánh có canh nông khi sớm. “Thằng Tấn biết cái gì mà theo lên núi hả anh năm” ? Liễu hỏi. Trứ im lặng không biết trả lời làm sao. Thằng Tấn mấy hôm trước, chiều nào cũng lấp ló ngoài hàng rào chờ em tan học về, hễ thấy Trứ xách thước kẻ ra cửa là nó lúng túng ngó lơ ngoài đường, thật khác hẳn với thằng Tấn ôm xấp cờ, (Kiểm duyệt bỏ 5 chữ)

Ruộng đất vườn tược bỏ cả, đám dân làng lánh nạn đã tản mác khắp các thôn gần quận lỵ.

(kiểm duyệt bỏ 11 giòng)

-Mày mấy tuổi Trứ ?

- Mười tám.

- Trời ơi nhỏ quá !

Định kêu. Trứ cười :

- Lãnh căn cước hôm trước thì hôm sau tôi đăng lính,
(Kiểm duyệt bỏ 12 giòng)

Nhiều lần nghe các bạn bàn chuyện mình, Trứ im lặng,
nhưng hôm đó bỗng dung Trứ hỏi, thản nhiên:

- Máy anh còn nhớ ông Chân không ? Cái ông ở sân vận
động hôm Tết ấy mà: Đầu năm ông ta về năm ngựa thiệt
xui.

Hào và Dinh ngó nhau chẳng hiểu gì.

- Còn thằng Tấn nữa. (Kiểm duyệt bỏ 11 chữ)
Trứ gục gặt đầu, tiếp, như nói với mình

- Hôm người ta dặt dứ, bỗng bẻ nhau chạy trông thật là
vui... các anh nhi ?

Dinh nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

(GTQM số 9 tháng 3-1966)

(*) Văn Lê Thiên là bút hiệu của nhà văn Lê văn Thiện. Ông
sinh năm 1947. Bài này được viết lúc ông 19 tuổi.

Alexander Solzhenitsyn



Tác phẩm đầu tiên của Alexander Solzhenitsyn, sau khi ông ra khỏi nhà giam trong năm 1956 là một cuốn trung thiên tiểu thuyết nhan đề “Một ngày trong đời sống của Ivan Denisovich”. Cuốn truyện mỏng manh này được coi như một hiện tượng trong văn học Nga. Từ một người bị bỏ quên trong một trại giam; Alexander Solzhenitsyn bỗng trở thành nhà văn danh tiếng khắp thế giới. Cuốn truyện trên đã được dịch hầu hết các sinh ngữ và các nhà phê bình văn học Âu Mỹ đều cho rằng ông là một thiên tài có thể tiếp nối truyền thống văn học Nga với những tên tuổi sáng chói như Leon Tolstoi, Dostoevsky, Gogol, Chekov v.v... Các bài ngắn ngắn mà chúng tôi dịch dưới đây có người cho là giống như những đoạn “phác họa” nhưng có người lại cho rằng “có lẽ là thơ xuôi”?

Thơ

TRONG ĐÊM trời đổ mưa, những áng mây trôi bồng bềnh qua bầu trời và tuy vậy đó là những giọt thất thường. Tôi đứng dưới một cây táo mà nó đang rơi rụng những bông hoa – và tôi thở. Cây táo và cỏ xung quanh đã khô sau cơn

mưa, và một mùi thơm nồng dịu khó tả bốc lên làm chénh choáng không khí. Tôi hít sâu khí trời, sâu mãi vào buồng phổi tôi, toàn thể ngực tôi cảm thấy rạo rức với hương thơm. Tôi thở và lại thở, nhắm mắt rồi mở mắt – tôi không biết cách nào thì tốt nhất.

Đây có lẽ là sự tự do, sự tự do duy nhất, nhưng quý nhất của các sự tự do mà nhà tù đã tước đoạt của chúng tôi: tự do để thở như thế này, thở nơi chỗ này. Không có thực phẩm nào trên trái đất, không rượu vang, cả đến cái hôn của người đàn bà cũng không êm dịu hơn đối với tôi bằng không khí này, hương thơm bốc lên này và mùi thơm bông hoa của không khí trời mưa tươi mát. Có nghĩa gì nếu chỉ là một khu vườn nhỏ được vây kín bởi các bin-đỉnh năm tầng như những cái hang trong sở thú? Tôi không còn nghe nữa những chiếc xe mô tô nổ máy, tiếng kêu rú lên của các máy thu thanh khuếch âm, tiếng nổ lẹt đẹt của các máy phóng thanh. Bao lâu mà tôi có thể đứng dưới cây táo sau cơn mưa và chỉ thở thôi – lúc đó tôi còn có thể sống được.

Hồ Segden

CHƯA BAO giờ có ai viết về cái hồ hoặc lớn tiếng đề cập đến nó. Hết thấy các con đường đến đó đều bị ngăn chặn, như thể nơi đó có một vài tòa lâu đài quyền rũ, và trên mặt hồ có treo một dấu hiệu giản dị, cam lạng chỉ sự ngăn cấm.

Khi bạn thấy dấu hiệu đó nằm ngang qua trên con đường của bạn, dù bạn là người hay con thú đi nữa – phải quay trở lại. Cái dấu hiệu đó do những kẻ cai trị đầy quyền lực của thế giới này treo ở đó dấu hiệu nghĩa là: không được cưỡi ngựa, không được bay, không được đi bộ và không được bò.

Có những tên lính gác với những khẩu súng trường và những khẩu súng sáu núp ở bên đường.

Đi vòng quanh và bạn lang thang trong rừng lặng lẽ tìm kiếm một con đường đi qua cái hồ. Nhưng bạn sẽ không

tìm ra con đường, bởi vì ở đây không có ai để hỏi. Sợ hãi, người ta đã chạy trốn mất và chưa hề có ai đi vào trong rừng. Tất cả điều bạn có thể làm là đi theo tiếng kêu leng keng của lục lạc bò và chọn con đường theo lối đi mòn của cầm thú ở giữa trưa trong một ngày mưa. Bỗng nhiên sự dài lớn của làn nước đó sẽ chụp phủ xuống bạn từ giữa những cây cối và trong khi bạn vẫn còn đang chạy bạn biết rằng hết thảy những nơi trên trái đất này bạn sẽ yêu mến cho đến những ngày cuối cùng của đời bạn.

Hồ Segden là một cái hồ tròn bị cắt đứt với những khoảng rộng. Nếu bạn đứng trên một phía bờ và la lên nhưng bạn sẽ không la trong trường hợp một người nào đó chú ý đến bạn, chỉ có một tiếng vang mệ mễ sẽ vọng lại ở phía khác.

Một con đường rất dài chạy dọc theo mé rừng bao kín cái hồ. Một hàng cây ngang hàng, bằng phẳng đan kín không có lấy một lỗ hổng. Khi bạn đi xuống mé rừng bạn có thể thấy tất cả bờ hồ bị vây kín xung quanh: một vệt dài cát vàng, một đám lau sậy xám nhấp nhô, một miếng đất nhỏ có cỏ xanh bằng phẳng. Nước thì bóng loáng, êm đềm và lặng lẽ. Đây đó gần bờ hồ có bèo nhưng nước ở giữa hồ thì trắng trong thấu suốt, bởi vì dưới đáy hồ cũng trắng nữa.

NƯỚC CÔ TỊCH. Rừng hoang vắng. Cái hồ nhìn bầu trời, bầu trời nhìn cái hồ. Có thể có nhiều vật khác trên trái đất, nhưng ai biết – không vật gì có thể thấy được qua cây cối. Và nếu có bất cứ vật gì khác nữa người ta cũng không cần và sẽ không bao giờ nhớ tiếc ở lại đây. Đây là một nơi vui sống trong sự tốt lành... Linh hồn bạn sẽ trôi chảy, y như khí trời rung động, giữa nước và bầu trời, và những ý nghĩ của bạn sẽ trở nên trong suốt và sâu sắc.

Nhưng không thể được như vậy. Một ông hoàng độc ác, cặp mắt lé đê tiện đã kiểm soát khắp cái hồ: đó là ngôi nhà mùa hè của y, đó là chỗ tắm của y. Những đứa con hiểm ác của y câu cá và bắn vịt nước từ một chiếc thuyền. Thoạt tiên một cụm khói xanh nhỏ trên hồ, sau đó một lúc

là tiếng nổ của phát súng.

Phía ngoài đó, ở bên kia khu rừng dân quê phải làm việc đổ mồ hôi xót con mắt. Và để cho không một ai có thể quấy rối chúng, tất cả các con đường tại đây đã bị ngăn chặn hết, câu cá và trò chơi chỉ dành riêng cho bọn chúng mà thôi. Đây là những dấu vết của một cuộc lửa trại mà một người nào đó đã cố gắng đốt lên: Chúng đập tắt, rồi tổng cổ hần đi.

Hỡi chiếc hồ hoang vắng thân yêu.

Quê hương...

Phản chiếu trên nước

TRÊN MẶT của dòng nước chảy xiết bạn không thể nào nhận ra những cái chuẩn đích gần hay xa. Dù nó không có đầy bùn đi nữa, dù bèo bọt lênh đênh đi nữa sự phản chiếu trên những gợn sóng chập chờn bất tận và dòng nước chảy mạnh đối chiều một cảnh dữ tợn thì sự phản chiếu đó là cả một điều lừa dối, lò mờ, không thể chấp nhận được.

Chỉ khi nào từ dòng nước này đến dòng nước nọ, luồng nước đến gần một cửa sông yên lặng hoặc trong những chiếc hồ nhỏ mà không bao giờ có những gợn sóng rung rinh, chúng ta thấy trong mặt nước trơn bóng như kiếng, chiếc lá nhỏ nhất của một cây trên bờ, mỗi làn của một cụm mây bạc đầu và sự xanh thắm của bầu trời trải rộng ra.

Như vậy dòng nước là với bạn và tôi. Nếu cố gắng như sức chúng ta có thể, chúng ta sẽ không bao giờ có và cũng không bao giờ sẽ có thể thấy được điều phản chiếu sự thực trong tất cả bản chất nguyên vẹn rõ ràng tự tại của nó, vì không giản dị đâu, bởi chúng ta không còn đang chuyển động, không còn đang sống sao?

Kiến và lửa

TÔI NÉM một khúc củi mục lên ngọn lửa không để ý đó là nơi cư ngụ một thuộc địa đông đảo của loài kiến. Khi khúc củi bắt đầu kêu rặng rặc, đàn kiến đổ xô ra ngoài và chạy quẩn quanh trong nỗi tuyệt vọng. Chúng chạy tới chạy lui trên mặt khúc củi, khô cứng lại và chết cháy trong ngọn lửa. Tôi nắm chặt khúc củi và lặn nó sang một bên. Bây giờ nhiều con kiến thoát, chạy vào trên cát và cây thông vô dụng.

Nhưng thật kỳ lạ, chúng không chạy khỏi ngọn lửa ngay lập tức.

Ngay sau khi chúng đã chế ngự được sự sợ hãi của chúng, chúng bèn quay trở lại, chạy quanh thành vòng tròn, như thể bị một vài sức mạnh lôi kéo chúng trở lại với quê hương bị ruồng bỏ của chúng – mà ở đó cả một đàn trở lại bò trên khúc củi đang cháy và chạy thật mau loanh quanh trên đó cho đến khi chúng bị tiêu hủy.

Bão trên rặng núi

CƠN BÃO bắt lấy chúng tôi trong một đêm tối như mực trên sườn núi. Chúng tôi lẳng lặng bò ra khỏi các căn lều của chúng tôi. Bão đang tiến về phía chúng tôi từ trên Chòm Núi.

Vũ trụ không có gì ngoài sự đen tối, không trên không dưới, không chân trời. Lúc bảy giờ bóng tối đã được xé toang ra bởi tia chớp, rặng núi Belolakaya và Djuguturlyuchat khổng lồ nhô ra và những cây thông đen đúa rất cao quanh chúng tôi trông cao vút như rặng núi. Chỉ trong một thoáng giây chúng tôi hơi tin rằng mặt đất đã tồn tại, mà hơn một lần tất cả là đen tối và sâu thẳm.

Những làn chớp đang tiến đến gần hơn, bóng tối chợt sáng chợt tối lập lòe chói mắt, một màu trắng rực rỡ, một màu hồng chói lọi, một màu tím nhạt sắc sỡ, và dần dần rặng núi và những cây thông xuất hiện, y như nơi chúng đã

có từ trước, đã làm khiếp đảm chúng tôi với các kích thước uy nghi của chúng, và khi chúng biến mất trở lại thì không thể nào tin rằng chúng đã từng hiện tồn.

Âm vang sấm sét lấp đầy các thung lũng hẹp, sâu và tiếng gào thét không ngừng nghỉ của dòng sông có thể không còn nghe được nữa. Những tia sấm chớp từ tận trên Chòm Núi cao bổ xuống giống như những mũi tên của các vị thần Lữ Điểm và cắt đứt thành từng đường ngoằn ngoèo và làm chảy tan từng giọt ánh sáng một như thể chúng đang đập vào những tảng đá làm tan ra hay đập mạnh và làm bể nát một vài vật sống động.

Và chúng tôi đã quên sự sợ hãi sấm chớp, sấm sét và mưa như cầm chỉnh đồ xuống, bởi vì một giọt nước trong đại dương không sợ cơn bão lốc. Chúng tôi trở thành vô nghĩa và biết ơn những vật nhỏ nhoi của vũ trụ. Một vũ trụ đã sáng tạo ngày hôm nay, từ hư vô, ngay trước mắt chúng tôi.

Khúc gỗ du thụ

CHÚNG TÔI đang cưa củi, nhặt lên một khúc du thụ và la lên trong sự ngạc nhiên – suốt thời gian kể từ khi cây du thụ này được tia xén cành nhánh và một cái máy cày nhỏ góc lên, cưa thành từng miếng, và những miếng gỗ này ném vào các xà lan và chất lên các xe cam nhông, đoạn xếp đồng lại và đổ xuống đất – tuy thế gỗ du thụ vẫn chưa chịu quy hàng!

Nó đã lú ra một mầm non mới, mà cái mầm này tự nó có thể trở thành một cây du thụ, hoặc một nhánh cây đầy lá xạc xào.

Chúng tôi đã đặt khúc cây trên giàn cưa – như thể một chiếc đầu của tử tội – nhưng không làm sao chúng tôi có thể cưa nó được. Làm sao mà chúng ta có thể cưa nó? Nó cũng muốn sống nữa chứ! hãy xem nó muốn sống biết bao – còn hơn cả chúng ta muốn sống nữa mà!

Sharik

MỘT ĐỨA bé trai đứng trong sân chúng tôi nắm sợi dây xích cột con chó nhỏ tên là Sharik. Họ đã xích nó khi nó mới chỉ là một con chó con.

Một hôm tôi đem cho nó một vài miếng xương gà con trong khi còn nóng và có mùi ngon lành. Nhưng đứa bé cũng vừa cởi xích cho con vật nhỏ bé đáng thương cho nó chạy. Trong sân tôi có tuyết dày và mềm như lông. Sharik nhảy tung tăng như con thỏ rừng, đưa hai chân trước lên khỏi mặt đất rồi hai chân sau, nhảy từ góc này tới góc kia ở trong sân và lại trở lui, vói tuyết trên mõm của nó.

Nó chạy đến tôi, một sinh vật đầy lông và nhảy nhót khắp quanh tôi, rồi chạy đi đánh hơi những miếng xương – và chạy trở lui, cho đến khi bụng nó ngập trong tuyết.

“Tôi không cần những miếng xương của ông” dường như nó nói thế, “chỉ cho tôi sự tự do của tôi thôi”.

Nơi sinh trưởng của Yesenin(1)

BỐN NGÔI làng, làng này nối đuôi làng kia kéo dài ra một cách buồn tẻ dọc theo một con đường. Không có những vườn hoa quả và cũng không có khu rừng nhỏ gần bên, chỉ có hàng rào không vững chắc và các khung cửa sổ sơn màu rục rở quá. Một con heo khổng lồ và mập phệ ủi đôi giày khiêu vũ ở giữa đường. Một đàn ngỗng có trật tự đồng thanh hợp xướng như thách thức giao chiến sau khi bóng một chiếc xe đạp thoáng vụt qua. Những con gà mái bận rộn bơi cào trên đường và các sân sau để tìm kiếm thức ăn.

Cửa tiệm làng ở Konstantiovo đặt trong một túp lều giống như một cái chuồng gà không vững chắc. Có những con cá mòi. Hết thấy các loại cá mòi. Có những viên kẹo dính thành khối mà người ta ở khắp mọi nơi đã không ăn

nửa mười lăm năm trước đây. Và cũng có những ổ bánh mì đen cỡ viên đá sỏi. Những ổ bánh mì mà cần một cái búa bừa chớ không cần đến dao.

Những phần mỏng manh chia căn nhà Yesenin thành ra những chỗ ẩn núp và những cái lồng tòi tàn ở đó không có gì đáng cho bạn gọi là một gian phòng. Ở trong vườn có một túp lều không cửa sổ và dùng làm nhà tắm. Sergei Yesenin đã bò ra đó từ trong bóng tối để viết vản thơ đầu tiên của thi nhân. Đứng bên kia trụ rào là một dãy ruộng.

Tôi đi quanh ngôi làng này mà nó cũng giống như bao làng khác, nơi mọi người cũng bận rộn với việc mưu sinh kiếm tiền, khao khát một mức sống cao hơn như của các người hàng xóm... và tôi đã bị kích thích. Một ngọn lửa dữ dội một lần đã đốt cháy vùng phụ cận này, và nó vẫn còn làm má tôi cháy nóng. Tôi đi ra trên bờ sông thoải thoải xuống của dòng Oka, chăm chú nhìn về đằng xa và đó là một cảnh tuyệt diệu: có thể ông ta đã nhìn thấy dãy rừng chồi mờ nhạt đó ở đằng xa khi ông nói một cách huyền diệu: *“Rừng thông reo vang với tiếng khóc than của loài chim mỏ nhát...”* Và thi nhân đã nghĩ đến những đồng cỏ dọc theo những khúc quanh của dòng Oka này khi ông viết về *“những đồng lúa của mặt trời trên chỗ trũng xoáy của dòng nước...”*?

CÁI QUẶNG vàng nào của thiên tài mà đáng Tạo hóa đã ném vào căn lều này, ném vào tâm hồn của chàng trai trẻ huyền ảo, quê mùa này, người đã nhìn quanh một cách sững sốt và đã trực nhận ra nhiều vẻ đẹp nguyên chất trọn vẹn đến như thế – ở lò bếp, trong những vườn nhót súc vật kín đáo, trong sân đập lúa, trong bãi đất hoang bên ngoài làng – vẻ đẹp mà người ta đã giầy xéo dưới bàn chân trong hàng ngàn năm trời và không bao giờ để ý đến?

Chúng ta sẽ bắt diệt

CÓ MỘT điều trước hết là chúng ta đã bắt đầu sợ chết.

Nếu chúng ta nghe một người nào chết chúng ta tránh viết cho gia đình họ hoặc đi thăm viếng: chúng ta không biết phải nói gì về việc đó, về sự chết. Chúng ta đã xấu hổ ngay khi đề cập đến nghĩa địa một cách đúng đắn. Bạn không nên nói với họ vì bận việc như “Tôi không thể đến trong ngày chủ nhật, tôi phải đi thăm viếng người thân của tôi ở nghĩa trang”. Thật là vô lý làm sao – thăm viếng người mà hẳn ta không thể dự vào một bữa ăn?

Bạn muốn di chuyển một người chết từ tỉnh này đến tỉnh khác chẳng? Bạn phải là kẻ điên khùng mới làm vậy – không một ai sẽ cho bạn một căn phòng trên chuyến tàu hỏa về việc đó. Và người chết cũng không chịu được cái cảnh đi qua thành phố một cách chậm chạp với âm nhạc, nhưng nếu họ không có thân nhân thì đem gấp đi trong những chiếc xe cam nhông.

Có một đạo họ vẫn thường đi quanh nghĩa trang của chúng tôi trong những ngày chủ nhật ca hát một cách vui vẻ và đong đưa những lư trầm thơm dịu dàng. Tâm hồn thì yên tĩnh và vết thương mà nó không tránh khỏi sự chết để lại trái tim đập ít hơn một cách đau nhức. Điều đó dường như sự chết đang nhìn chúng tôi từ dưới những mô đất con xanh biếc của chúng với một cái khẽ mỉm cười và nói: “không hề gì! không hề gì?”

Nhưng ngày nay, nếu tất cả nghĩa trang đã được giữ gìn, có những tấm bảng yết thị như: “*Các chủ nhân mộ chú! Ông phải phạt tiền nếu ông không hút dọn rác rưởi năm rồi!*” Và hơn thế nữa một đôi khi họ cho xe ủi bằng phẳng để làm vận động trường hoặc một công viên văn hóa.

Và những việc làm đó dành cho người mà họ, đã chết cho đất nước như bạn và tôi cũng có thể chết như vậy lắm chứ. Giáo đường của chúng ta vẫn dành một ngày cho họ – để tưởng niệm các chiến sĩ ngã gục trên chiến trường. Nước Anh Cát Lợi nhờ đến họ trong ngày Poppy.(2)

Mỗi quốc gia đều làm như thế – dành ra một ngày

đề tưởng nhớ đến những kẻ đã dâng hiến sự sống của họ cho những kẻ khác. Trong khi chúng ta trên xứ sở này có nhiều sự sống hơn là hy sinh hơn bất cứ ở đâu khác, thế mà chúng ta không có lấy một ngày như vậy.

NẾU CHÚNG ta nhìn lại tất cả những kẻ mà họ đã mất sự sống của họ... ai sẽ là người xây tường lót gạch? Chúng ta đã mất những người chồng, những người con, những kẻ thân yêu trong ba cuộc chiến tranh... Hãy nhận lấy sự mất mát hồi chiến tranh, vật tàn hại, hãy nằm dưới những hầm bi thập tứ giác bằng gỗ đã sơn phết của người... hãy để chúng tôi tiếp tục với sự sống.

Bởi vì chúng tôi sẽ bắt diệt.

Đây là chớp đỉnh triết lý trong thế kỷ hai mươi của chúng ta.

ALEXANDER SOLZHENITSYN

Bình Thuận dịch

(1) Yesenin là một trong những đại thi hào lẫy lừng của văn học Nga – N.D. chú thích.

(2) Ngày tưởng nhớ các chiến sĩ bỏ mình trên các mặt trận ở Flanders trong cuộc chiến tranh 1914-1918 – N.D. chú thích.

(GTQM số 6)

NGUYỄN HIỂN LÊ

BÚT PHÁP VÀ CÁ TÍNH CỦA NHÀ VĂN

Có một hồi, mỗi khi viết xong một cuốn sách, tôi thường đưa một anh bạn coi giùm để góp ý kiến, vạch cho tôi những chỗ nào cần phải sửa đổi, thêm bớt, về nội dung cũng như về hình thức. Anh bạn đó đối với tôi rất thành thực mà viết văn thì rất kĩ: uống cà phê đặc và hút thuốc lá để thức đến hai ba giờ khuya đểo gọt vài ba câu là cái thú thường ngày của anh.

Một lần anh bỏ cả đoạn văn kí sự của tôi mà chịu khó viết lại giùm: đảo lên, đảo xuống, tĩa bớt cho văn cô lại, có gân hơn và có nhạc hơn. Tôi khen anh là sửa khéo, nhưng tới khi in thì tôi vẫn giữ đoạn văn của tôi, vì tôi nghĩ rằng nó tự nhiên hơn, diễn đúng được thứ tự sự việc xảy ra hơn, thứ nhất là vì nó có cái giọng của tôi.

Có thể rằng lần đó tôi đã chủ quan nhưng có điều này ai cũng phải nhận là cùng một cảnh, một việc, mỗi nhà văn diễn tả một lối và chính vì có nhiều lối diễn tả nên văn thơ mới là một nghệ thuật, chứ ai cũng viết một lối “Standard” như trong các tạp chí *Sélection*, *Constellation* thì văn thơ sẽ thành một sản phẩm kỹ nghệ mắ – mặc dầu lối “Standard” đó cũng có cái hay của nó: sáng sủa, dễ đọc, vui, gọn.

Có những lối hành văn trái ngược hẳn nhau mà đều được người đọc thưởng thức, như lối của Vương Bột và của Tô Đông Pha, của Nguyễn Tuân và của Phan Khôi, rõ ràng nhất là trường hợp Anatole France và Marcel Proust.

Tất nhiên có người thích nhà này hơn nhà khác; cùng một người cũng có lúc thích nhà này rồi lại có lúc thích nhà khác, và phân tích ra hầu hết nhà nào cũng có sở trường và sở đoản, sở trường ở đâu thì sở đoản cũng ở đó. Vậy thì khi làm văn, làm thơ, ta nên theo bút pháp nào? Điều đó, chắc

các người mới cầm viết thường đem ra tự hỏi.

Tôi nghĩ rằng người ta không thể lựa một bút pháp được. Xin đọc giả phân biệt bút pháp (có lẽ nên gọi là tác phong?) và kỹ thuật: bút pháp là cái gì của riêng mỗi nhà: người thì cầu kì, kẻ thì tự nhiên; người thì nền nếp, kẻ thì phóng túng; người thì bình tĩnh, kẻ thì bùng bột; người thì hoạt bát, kẻ thì tế nhị...; còn kỹ thuật thì chẳng riêng ai, nó là cái cách thức làm văn chẳng hạn miêu tả hay tự sự cho hợp cách thì phải làm sao, muốn cho văn nhẹ nhàng, sáng sủa thì phải dùng chữ cách nào, muốn tạo nên nhạc thì phải theo những luật thanh âm nào... Một nhà văn không cần có tài, chỉ có kinh nghiệm thôi cũng biết khéo dùng những kỹ thuật viết; nhưng cả những khi dùng chung một kỹ thuật, mỗi nhà cũng có một bút pháp riêng. Tôi xin cử một vài thí dụ. Cũng dùng kỹ thuật tạo hình ảnh cả, mà bút pháp của Hàn Mặc Tử làm cho ta ròn rợn hồi hộp:

*Trăng rằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả loi...*

.....
*Ô kia bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

của Bằng Bá Lân thì cho ta một cảm giác mát mẻ, vui vui:

*Hỡi cô tát nước đầu làng
Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi?*

của Quách Tấn thì có cái giọng trang nhã, cổ điển:

*Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sâu ai rụng giếng vàng?*

của Huyền Viêm thì có cái vẻ trầm lặng, man mác:

Trăng ơi nhe nhẹ trên sông nước,

*Bên chiếc đèn khuya bóng lạnh lùng;
Gió cũng nghe chùng như nín thở
Đổ vầng trăng lạc giữa không trung.*

CŨNG LÀ nhìn dân quê, cũng có lòng thương họ mà Nhất Linh hay Thạch Lam không cảm xúc như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Bùi Hiển hay Tô Hoài. Lòng thương của hai nhà trên là lòng thương hại của những người đứng trên bao lon trong một đòan điền nhìn xuống cánh làm than của dân cày; lòng thương của bốn nhà dưới là lòng thương của những người trong cảnh, cho nên bút pháp sâu sắc hơn, cảm động hơn. Mà ngay trong mỗi nhóm, bút pháp của mỗi người mỗi khác: Nhất Linh có giọng lý thuyết của một nhà cải cách, Thạch Lam có giọng nên thơ của người đa cảm; Vũ Trọng Phụng phần uất nhất, muốn văng tục, trái hẳn với Tô Hoài (trước cuộc cách mạng) hiền lành mà dí dỏm; thâm trầm nhất vẫn là Nam Cao và Bùi Hiển.

Bút pháp của những thi sĩ, văn sĩ đó khác nhau vì cá tính mỗi người một khác. Cá tính khác thì quan niệm khác, cảm xúc khác, và lối phô diễn quan niệm cùng cảm xúc tự nhiên thì phải khác. Chính cá tính quyết định bút pháp.

Mà cá tính thì do bẩm sinh và tùy thể chất (nó cũng chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, của sự tu luyện nhưng ít thôi). Cho nên tôi có thể nói rằng bút pháp của ta gần như đã định trước rồi từ hồi nhỏ: nó là vóc người, là dáng đi, là nhịp điệu của hơi thở, là sự tuần hoàn trong huyết quản. Tất nhiên càng sống thì tư tưởng có thể càng tiến, kĩ thuật có thể càng già, nhưng giọng văn, lối viết thì không thay đổi mấy vẫn nhận ra được. Thơ của Đông Hồ, Vũ Hoàng Chương chẳng hạn, ngày nay vẫn giữ được nét riêng của mỗi nhà từ thời trước, mà những nét riêng trong thơ ấy, chính là những nét riêng trong tính tình, thể chất của mỗi nhà; điều đó thi sĩ Bằng Bá Lân đã vạch rõ cho ta thấy trong cuốn *Kỷ niệm về mấy văn thi sĩ hiện đại*.

Đứng về phương diện khoa học, không có cá tính nào là xấu; mà đứng về phương diện nghệ thuật, cũng

không có bút pháp nào là dở, (nếu biết dùng đúng chỗ). Ủy mị có cái đẹp của nó, hùng hồn cũng có cái hay của nó; đẻo gọt là một nghệ thuật mà tự nhiên cũng là một nghệ thuật; ngay như lối văn kiêu cách, tối tăm cũng có lúc rất đắc thế. Tất cả vấn đề là được diễn đúng những cái ta muốn diễn và gây được trong số độc giả những cảm xúc y như cảm xúc của ta.

Hiểu như vậy rồi thì đối với người, khi thấy một bút pháp khác với ta, ta sẽ không vội chê mà còn tìm cách thông cảm; còn đối với ta, ta sẽ can đảm *nhận cá tính của ta, dùng bút pháp nó đã lựa, định cho ta*, đừng ngại sẽ có tật này hay tật nọ, sẽ không bằng nhà này hay nhà kia. Bằng hay hơn là vấn đề phụ, để độc giả phán đoán, cần nhất là phải khác người: nói cho đúng hơn, ta phải dám là ta, phải thành thực với ta trước hết. Có thành thực mới cảm được người.

THÀNH THỰC có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là nếu không cảm xúc, không tin tưởng thì đừng viết, đừng theo thị hiếu của người, đừng về hùa để cầu danh vọng hay lợi lộc. Thị hiếu của thời đại có nhiều khi phải, nhưng nêu cá tính của ta không chấp nhận được thì ta ngại gì mà chẳng dám đi ngược trào lưu? Mà nếu chấp nhận được thì đừng vì lẽ không muốn giống số đông mà không theo người.

NGHĨA THỨ NHÌ của thành thực là một khi đã không chối bỏ cá tính của mình thì để mặc nó định bút pháp cho ta. Ta đừng nên nhủ: “Đoạn này diễn một ý hùng, phải dùng bút pháp của Victor Hugo chẳng hạn; đoạn kia diễn một cảm tình lâm li, nên đọc lại Cung oán ngâm khúc rồi hãy viết; tả dân quê ư, nào xem Tô Hoài, Nam Cao nhận xét ra sao; tả bọn thành thị đài các ư, nhớ lại xem Khái Hưng, Nhất Linh đã viết cách nào”. Đã bắt chước là tự từ bỏ mình rồi; không ai tự từ bỏ mình mà được người khác thừa nhận mình bao giờ. Cho nên khi viết phải quên hết các danh sĩ cổ kim đi,

quên hết mọi kỹ thuật làm văn đi mà chỉ theo cá tính của ta thôi. Phải như ba anh em họ Viên trong phái Công An đời Minh: “để cho miệng và tay tự nhiên”; hơn nữa, phải như Hoàng Sơn Cốc đời Bắc Tống, “để cho chương cú ngẫu nhiên mà thành như đường do sâu đục trong khúc cây”.

Tôi rất ghét lối dạy viết văn mà đưa những bài kiểu mẫu cho trẻ bắt chước, thậm chí ra một dàn bài đầy đủ chi tiết cho chúng cứ theo đó viết lại thành câu nữa; như vậy là giết cá tính của trẻ. Và tôi phục Léon Tolstoi đã để cho trẻ tự do muốn viết sao thì viết. Ta phải giúp trẻ tự tìm được cá tính của chúng và phát huy cá tính đó, nhất là trong thời đại này mà con người ở khắp thế giới như bị nhồi vào một cái khuôn, theo kiểu con người “mass-man” của Mỹ.

Marcel Poust trong cuốn *Contre Sainte Beuve* (Gallimard) cũng chủ trương như vậy: “(Ngay) những văn sĩ mà chúng ta thần tượng cũng không thể hướng dẫn chúng ta (trong khi viết) được vì trong bản năng chúng ta có cái giác quan nhắm hướng như một cây kim chỉ nam hoặc một con bọ câu đưa thư vậy”.

Tôi mới nói phải để cá tính lựa kỹ thuật cho ta (nó luôn luôn lựa rất đúng) tôi nói thêm: phải để nó lựa đề tài cho ta nữa. Mỗi người cầm bút chỉ rung động trước một số đề tài nào đó; cảm xúc của họ, sức tưởng tượng, phương tiện phô diễn, cả tới dụng ngữ của họ nữa, *chờ sẵn những đề tài ấy* và khi gặp được thì phát biểu ra liền phong phú. Nếu không gặp mà viết gượng, về một đề tài không thích hợp thì họ vụng về, khô khan làm sao! Lan Khai chẳng hạn, chỉ hợp với truyện đường rừng; Khi tả cuộc tranh đấu của thợ thuyền (trong *Lâm than*) văn ông thật là nhạt nhẽo, Vũ Trọng Phụng trái lại, tả đời sống của giới cần lao thì sắc bén, và ông đã biết theo cá tính của mình mà không viết truyện đường rừng.

LÀ VÌ mỗi sinh vật chỉ hợp riêng với hoạt động trời giao phó cho nó thôi. Tầm chỉ tiêu hóa được riêng có lá dâu để nhả tơ. Mà lá dâu cũng để cho tầm ăn rồi mới thành tơ. Làm

người cũng vậy. Mozart chỉ tạo ra nhạc. Tolstoi chỉ sáng tác tiểu thuyết, Einstein chỉ phát minh về khoa học, Bergson chỉ nghiên cứu về triết học. Sống trong một vũ trụ muôn hình vạn trạng, họ chỉ cảm xúc mãnh liệt trước những cảnh nào hợp với hoạt động của họ thôi, và cũng chỉ diễn nổi một cách tuyệt diệu những gì cảm xúc đó thôi, diễn bằng những phương tiện trong phạm vi hoạt động của họ thôi.

Cổ nhân nói: “cùng nhi hậu công”: có khốn khổ rồi văn thơ mới hay. Không phải sự khốn khổ làm cho kỹ thuật của ta điêu luyện lên đâu; trái lại chỉ những khi sung sướng, nhàn nhã người ta mới nghĩ tới việc điêu luyện; nhưng chỉ những lúc khốn khổ, buồn chán tuyệt vọng, cái cá tính của ta không bị giáo dục, bị gia đình bị xã hội kìm hãm nữa, mới xuất hiện được hoàn toàn mà dắt dẫn ngòi bút của ta một cách rất khéo, rất linh. Chỉ những khi đó ta mới thật là ta, mà văn ta mới có sức hấp dẫn mãnh liệt.

Vậy thì cần nhất là phải giữ gìn cá tính, và quy tắc quan trọng nhất trong văn thơ là tuân lệnh nó. Viết là gì, nếu không phải là phát biểu cá tính của mình, là để cá tính của mình tuôn ra ở đầu ngòi bút rồi trải lên trên giấy?

NGUYỄN HIẾN LÊ

(GTQM 7&8)

VƯƠNG HỒNG SẼN

CON NGỰA GIÀ CỦA THẦY ĐƯỜNG TAM TẠNG

Từ đời Đường đời Tống trở về trước sự đi lại giao thông giữa các nước lớn Đông Tây rất là khó khăn hiểm trở. Phương Đông có Trung Hoa là nước lớn nhất và có tiếng là đông người hơn cả. Phương Tây có nước Ấn Độ có tiếng là nhiều voi tượng; nước Ba Tư thì nhiều châu báu; nước Thổ Nhĩ Kỳ lại có nhiều ngựa giống tốt. Xét ra từ sau khi Trương Khiên sang đi sứ nước Tây Vực, Ban Siêu đi bình biên, Phó Giới Tử sang lập công ở nước Lô Lan, từ ấy lần hồi từ phương tây có nhiều nước từng thông sang Trung Hoa, vốn sẵn tách lo xa và tỵ hiềm, vẫn lấy sự “hòa-nhung” làm mối hại, và nếu có lúc thống sứ đi lại với nhau, ấy chẳng qua nội vấn đề triều cống cho Trung Hoa hoặc vì Trung Hoa có việc can qua với nước nào đó. Ngoài ra cũng có khi tàu thuyền vượt bể Nam lai, hoặc đàn công voa lạc đà sang đông chí, từng thấy nước Đại Nguyên cống gậy trúc trượng cho vua Hán, hoặc kẻ thương nhân cung quạt đoàn phiến cho Sư Hiền, chứng rằng Tây và Đông biết lấy tài hóa giao thông với nhau và những việc ấy đã xảy ra từ đời Hán đời Tấn kia rồi. Nhưng đó chẳng qua là giao thông về thương mại, như là việc ấy không do chính phủ tổ chức hay nhìn nhận, cho nên sự phát triển đôi bên và sự biết lẫn nhau không có tiếng dội nhiều.

Lấy gương một cá nhân mạo hiểm qua chơi tận cõi xa, chân trèo núi Tu Di, mắt xem qua thành Xá Vệ, khiến cho học thuật đất Trung Hoa được nhờ ảnh hưởng bờ cõi

Đông Á được rõ về thực nghiệm từ đây, lấy một mình lên giảng đàn biện luận bằng ngoại ngữ chiết phục trên năm nghìn chúng, lại được vua các nước ngoài lấy lễ hậu đãi, thực làm vẻ vang cho nước Tàu rất lớn, việc ấy xét ra công thầy Đường Tăng Trần Huyền Trang là đáng kể nhưt.

Trong bài này tôi không kể lại gốc gác sự tích thầy Tam Tạng duy nhấn mạnh về kỳ công của một súc ngựa già và đỉnh chính đôi chỗ trong vài sách không đúng sự thật.

Tôi cũng gác lại một phen phác, vì không đủ chỗ:

a) những chi tiết và tài liệu đã nói về vua Đường Thế Dân buổi trẻ đông xông tây đục vất vả quá sức nên trở về già bị bệnh mất ngủ, nên sai đi tìm cửa Phật ở hướng Tây thỉnh kinh về cầu siêu độ cho các oan hồn uổng tử;

b) tích Huyền Trang nhờ Kim cô nên trị được Tôn Ngộ Không nguyên là con khỉ dữ, tượng trưng cho trí khôn loài người;

– Huyền Trang lấy đức tin mộ đạo mà độ cho Trư Ngộ Năng cốt là con heo và tượng trưng lòng dục vọng trong con người

– Huyền Trang giữ vững lòng từ thiện mà độ con yêu sa Ngộ Tịnh, tượng trưng cho lòng sám hối ăn năn trong mọi người (những sự ấy có nhiều dị đoan nên không cần bàn vội).

CỨ THEO truyện Tây Du chép thì thầy trò Tam Tạng là bốn người và một con ngựa đi Tây phương mười bốn năm, thỉnh được kinh rồi, được tám vị Kim Cang dâng vân đưa về Trường An, vừa đi vừa trở lại Tây phương chỉ trong tám ngày.

Và sự thật đúng ra Tam tạng chỉ đi một mình, và phải đi đến mười bảy năm: đúng ra đi hai năm về hai năm, mười ba năm ở lại du học tại Ấn Độ. Đi từ năm 629 sau kỷ nguyên, rồi qua năm 645 (sau k.n.) mới về đến Trường An. Tính ra đi trên năm vạn dặm đường trải qua một trăm hai mươi tám nước lớn và nhỏ; và khi về nước mang về sáu trăm năm mươi bảy bộ kinh, cùng một số bảo vật khác

trong ấy có một trăm năm chục xá lợi tử, sáu tượng Phật nhỏ v.v...

Đường đi trên thực tế, không có yêu tinh cản trở (có chăng là bọn mọi dữ ăn thịt người); nhưng những khó khăn cản trở lẫn vật chất và tinh thần hết sức nhiều và lớn. Có lúc thầy Huyền Trang nhịn đói nhịn khát suốt bảy tám ngày liền giữa trảng sa mạc trời nắng chang chang không một bóng cây, không một dáng người qua lại. Nhưng ý chí của thầy thật là sắt đá. Có lần đói khát khổ quá, bụng tính quay trở về phía đông để tìm chỗ xin mở nước uống đem theo rồi đi nữa, nhưng vừa quày đầu ngựa trở về đông một đôi đường, thầy lại tự nhủ: “Trước kia đã thề nếu qua không đến Ấn Độ quyết không trở về đông một bước. Nay thà là đi về tây mà chết, chớ lẽ nào đi về đông để sống hèn?”

MỘT LẦN KHÁC, đến nước Cao Xương, vua nước ấy muốn giữ thầy lại, hết lời dụ dỗ qua đến hăm dọa, nhưng son sắt một lòng, thầy quyết tuyệt thực cho đến khi nào được phép đi mới thôi. Thầy nói:

“Thần đã không nại đường xa đi cầu Phật, nay Đại vương cản đường. Đại vương có thể giữ được thể xác và hài cốt chớ Đại vương không thể giữ được tinh thần và ý chí của thần. Thái sơn dễ dời chớ ý quyết định của thần không đổi thay được”.

Một lần nữa gặp bọn ăn thịt người (tức bọn yêu tinh trong Tây Du). Thầy sẵn lòng hiến thân làm món ăn, nhưng giữa lúc ấy mưa to sấm sét... Bọn kia kinh sợ bảo cho thầy đi, thầy không chịu, một hai đòi bọn kia: hoặc hãy ăn thịt thầy nếu quả thịt thầy có phép làm cho họ được trường thọ mãi, hoặc nếu muốn cho thầy lên đường, thì hãy ăn năm sấm hối chừa thú tánh ăn thịt người từ đây. Và thầy đã cải hóa được bọn chúng.

Trong thời gian mười ba năm ở Ấn Độ, thầy đi viếng hầu hết các di tích của đạo Phật, đặc biệt như là thầy ở lại chùa Na Lan Đà học đạo trong sáu năm. Tất cả những kinh điển của phái Đại thừa, Tiểu thừa, Kinh Phệ Đà (veda),

các sách thuốc, sách thiên văn, địa lý, kỹ thuật, v.v... đều tập trung tại chùa này. Chùa do pháp sư Giới Hiền chủ trì và đếm trên mười ngàn tín đồ. Sau sáu năm học tập, Huyền Trang thành một trong ba người học trò giỏi nhất của sư Giới Hiền.

CHĂNG NHŨNG là một nhà sư đạo đức, Huyền Trang còn tỏ ra một học giả uyên thâm, một nhà du thám kỳ tài, một nhà sử học uyên bác, một địa lý học chơn tài, một ngôn ngữ học xuất chúng, và một nhà phiên dịch không ai bằng.

Lúc ở Tây phương, đi đến đâu thầy cũng nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình từng địa phương. Khi về Trường An thầy viết lại thành bộ “Đại Đường Tây Vực Ký” gần 12 quyển, ghi lại đầy đủ lịch sử, địa lý, phong tục, tập quán, v.v... của một trăm hai mươi tám nước đã trải qua hoặc trú ngụ. Ngày nay những tài liệu của thầy để lại vẫn còn giúp ích cho các chuyên gia khảo cổ học Ấn Độ không ít và ai ai cũng công nhận là những điều nghe thấy và ghi chép của thầy Huyền Trang rất là đích xác.

Từ khi trở về Trường An, thầy Huyền Trang bắt tay vào công việc phiên dịch suốt mười chín năm (từ năm 645 đến năm 664); dịch được tất cả bảy mươi lăm bộ kinh, gần một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển từ Phạn tự qua Hán tự, và một bộ Đạo Đức Kinh cùng một bản Đại Thừa Khởi Tín Luận (nguyên văn Phạn tự đã thất lạc ở Ấn Độ) nay thầy dịch lại từ chữ Hán trở lại chữ Phạn.

Trưa ngày mùng năm tháng hai năm 664, thầy Huyền Trang gác bút ngàn thu tại chùa Ngọc Hoa, vì bệnh hoạn, vì già yếu. Thọ sáu mươi chín tuổi.

Ngày mười bốn tháng tư, thi hài Huyền Trang được an táng tại Bạch Lộ Nguyên. Ngày cử hành tang lễ, có đến một triệu người ở Trường An và các vùng lân cận về tiễn chân thầy về nơi Cự Lạc. Sau đó, có đến ba vạn người cất lều cư tang gần mộ phần. Chưa có vị đế vương nào được ngưỡng mộ bằng vị thánh tăng này.

●

CHUYỆN THẦY Huyền Trang đi thỉnh kinh Tây phương có thật. Thầy là một nhân vật sống và đã vào sử.

Thầy từng làm tội vua Lý Thế Dân, là một bậc minh quân đời Đường, vua này từng mời thầy theo chơn đi đánh nước Cao Ly nhưng thầy từ chối khéo: “Bệ hạ là chơn mạng đế vương, ra binh tất thắng. Thần như chiếc thuyền gỗ, còn để dưới nước thì hay, đem lên bờ thì vô dụng. Nay thần theo bệ hạ chinh đông thì không bằng để cho thần ở lại Kinh lo dịch kinh cứu độ tinh thần thế gian”. Đường Thái Tôn tự tay có đề tựa trên bộ “Đại Đường Tam Tạng thánh giáo kinh”, chẳng những văn hay mà đến nay còn lưu truyền điệu chữ của vua làm khuôn phép.

Thầy Huyền Trang cũng từng làm tội bà Vũ Hậu, và tích này chứng tỏ nếu Vũ Hậu không phải là một bà vua giỏi tài trị nước thì chưa ắt trung thần như Địch Nhơn Kiệt và cao tăng như Tam Tạng khứng lay và chịu xung thần.

●

DƯỚI ĐÂY tôi xin kể một đoạn đường cam go lúc sơ khởi của thầy Tam Tạng, nhờ sức một con ngựa già quen đường mới qua được một bãi sa mạc hiểm trở:

Nhắc lại vua Đường Thái Tôn dẹp yên nhà Tùy, trong nước đã trị yên, uy thanh xa kịp đến nước ngoài, phía bắc bình rợ Đột Quyết, phá nước Diên Đà, phục nước Hối Hột, phía tây dẹp nước Thổ Phồn, hàng nước Cao Xương, không những là có hết cả cõi đất Tây Vực của thời Hán mà uy thanh lại kịp đến cả nước Thiên Trúc, nước Đại Thực; song tuy quốc uy vững chãi, nhưng kẻ lữ du độc thân như Huyền Trang vẫn là gian nan nhiều bề, nhứt là ra đi không có mạng vua cho phép.

Thân làm kẻ cô khách, phía tây ra cửa Ngọc Môn, lội suối qua đèo, đi cầu làm bằng dây treo, lội qua bãi cát nóng, qua toàn những chỗ bỏng da cháy thịt, trông thấy toàn

là xương ngựa khô, cốt người chết, phong tục lạ, dị ngôn, dị phục, không kẻ hiểm trở gian nan đủ thứ.

Huyền Trang cốt lấy sự đi cầu kinh Phật làm trọng, xem sinh mạng làm khinh, thiên nan vạn nan nào sá kể chi! Những đã nói hữu chí cánh thành. Năm Trinh Quán thứ ba đời vua Thái Tôn nhà Đường (629 – kỷ sửu) sau khi tập làm mọi sự khổ sở để thử lòng mình, và đều kham được cả, và tự tín lấy mình bền quyết lòng ra đi. Có thầy tăng ở Tần Châu là Hiếu Đạt sắp tự kinh đô trở về làng. Huyền Trang theo cùng đi. Đến Tần Châu trọ một đêm lại gặp bạn là người Lan Châu, Huyền Trang theo đến Lan Châu, trọ đây một đêm, kẻ gặp người Lương Châu đem ngựa của quan trở về xứ, ông lại theo đi, đến đó trọ hơn một tháng. Khi ấy quan đô đốc Lương Châu là Lý Đại Lương phụng chiếu lệnh vua Đường cấm dân không cho ra ngoài đất Phiên, và cuộc phòng cấm dân không cho ra ngoài đất Phiên cấm rất nghiêm. Bấy giờ có người báo với đô đốc: “có một thầy tăng tự thành Trường An đến, ý định sang Tây Khương, không biết muốn làm gì!” bộ Lương sai người đuổi theo định bắt ép trở về kinh. May có thầy tăng là Tuệ Uy nghe thầy Huyền Trang có chí đi cầu pháp, rất khen phục và tán thành, nên mật sai học trò là Tuệ Lâm và Đạo Chính ám trợ giúp Huyền Trang đưa đường sang hướng Tây. Từ đây Huyền Trang ngày ẩn núp đêm mới dám ra đi lần mãi đến Qua Châu (nay là huyện An Tây ngoài cửa ải Gia Cốc). May thay quan thứ sử Qua Châu tên là Độc Cô Khai, nghe tin Huyền Trang đến cõi mình, không có ý làm khó chi cả, Huyền Trang cả mừng xin hỏi hành trình sang Tây phương. Khai nói: “Từ đây về phía bắc hơn năm mươi dặm có con sông Hồng Lô (nay đổi tên là Giác Hà) nước chảy xoáy mạnh và sâu lắm. Phía trên là Ngọc môn quan, chính là yết hầu cõi tây vậy. Ra khỏi ải về phía tây bắc có đồn Ngũ Phong, chỗ ấy có đặt các vọng canh cách nhau chừng non trăm dặm, trong quãng đường không có cây cỏ mọc và cũng không có một giọt nước uống. Ngoài đồn Ngũ Phong trở ra là bãi cát Mạc Hạ Diện tức là cõi nước Y Ngô (sau đổi tên

là Y Châu)”. Huyền Trang nghe thuật làm vậy trong lòng buồn rầu, thêm nổi cơn ngựa từ Trường An đến đây đau rồi chết, Huyền Trang chưa biết làm sao lên đường. Kế từ truy nã lại đến nơi, sức cho các châu huyện phải canh tuần nghiêm ngặt xét hỏi và bắt giữ Huyền Trang không cho đi. May mắn làm sao là người châu lại mang tở truy nã mặt điệp ấy tên là Lý Xương có lòng thành mộ Phật nên hỏi gạn Huyền Trang: “Thầy có phải là Huyền Trang chăng?” Ban đầu còn trì nghi chưa trả lời, nhưng Lý Xương lại thúc: “Thầy phải nói thật, tôi sẽ liệu cho”. Huyền Trang khai thật. Xương lấy làm khen ngợi, cầm tở mặt điệp xé phẳng mà rằng: “Thầy mà thực hay đi được như thế, thì tôi xin thầy mà phi tang tở truy nã này. Thầy hãy liệu mà lên đường cho gấp”.

LÚC ẤY trong hai người tiểu tăng thì Đạo Chính đã trở về Đôn Hoàng, còn lại tăng Tuệ Lâm, vẫn biết sức không thể bạt thiệp theo xa hơn nữa, nên Huyền Trang cũng cho trở lại nốt. Tuy vừa mua được con ngựa mập để làm chơn ngựa không người nào dẫn dắt mới biết làm sao? Chợt đâu có một kẻ Hồ nhân (người Hồ) lại, xưng tên là Thạch Bàn Đa, đến xin thụ giới làm đệ tử. Huyền Trang nhận lời, Hồ nhân mừng rỡ, cáo từ đi bộ một lát kẻ thấy trở lại đem quà bánh dâng lên. Huyền Trang thấy Hồ nhân người hùng kiện, có vẻ cung kính, biết lễ phép, bèn tỏ ý sắp đi về Tây. Hồ nhân chịu theo hộ tống đưa thầy qua chặng núi đồng Ngũ Phong. Huyền Trang cảm mừng, sắm cho quần áo hành trang và mua thêm một con ngựa nữa hẹn ngày cùng đi. Ngày hôm sau, là ngày quan trọng nhứt, vì Hồ nhân lại đưa đến một lão Hồ nhân già khác cõi một con ngựa sắc đỏ nhưng đã già và gầy (Tây Du tả con long mã của Tam Tạng sắc bạch). Hồ nhân thưa: “Lão ông này quen thuộc đường đi về Tây phương lắm, vì đã đi quen vài lần, nên tôi mời ông ấy lại đây nói chuyện”. Hồ nhân già mới thuật: “Đường đi Tây phương rất là hiểm ác, nào là ngăn sông cách núi, bãi sa mạc mênh mông như biển cát không bờ, cơn bão nóng, gió nhiệt, loài

thú dữ như quỉ, lỡ gặp thì phải bỏ mạng. Rất đổi đi có nhiều bạn lữ đồng hành mà còn sợ mê mẩn sai lầm, hướng chỉ nhà sư cô thân độc mã, đi như vậy sao thấu? hay là sớm tự liệu kéo để hoài thân mất mạng”. Huyền Trang đáp: “Ta chỉ cốt đi cầu Phật pháp, nên chỉ mong đến được Tây phương. Nếu không tự đi đến nước Bà La Môn thì nguyện không trở về đông nữa. Túng sử chết dọc đường cũng không ân hận”. Hồ nhân già thấy chí đã quyết, mới nói thêm: “Nếu nhà sư đã kiên quyết thì nên đổi với tôi ngựa. Ngựa của thầy tuy mập khỏe mà không thuộc đường. Ngựa của tôi đây tuy già nhưng từng vãng phản con đường Tây Vực-Y Ngô ngót mười lăm lần, đã còn khỏe chân thêm được thuộc đường nằm lòng không ngựa hay nào bì”. Huyền Trang nghe đúng lý, nên vui lòng đổi ngựa. Hồ nhân già được ngựa mập cũng mừng rỡ lay tạ già từ.

ĐÊM ẤY Huyền Trang sắp sửa cùng chú Hồ nhân định lên đường đàng đêm, nhưng chùng quá canh ba thì hai thầy trò đi đến một bờ sông nọ, trông xa đã thấy Ngộ môn quan lộ lộ trên thượng lưu còn độ mười dặm. Hồ nhân dùng đao xắn đốn cây gác làm cầu, rải cỏ rải cát cẩn thận cho ngựa sang sông. Qua được con sông ấy. Huyền Trang mới sai mở ngựa cho xả hơi, còn mình trải đệm ra nằm ngủ, cách Hồ nhân chùng năm mươi bước. Được hồi lâu. Hồ nhân tung giới đao trở dậy sẽ bước tới gần Huyền Trang. Nhưng khi còn cách độ mười bước nữa thì quay trở lại. Huyền Trang cứ thản nhiên không sợ hãi gì cả. Trời gần sáng, liền gọi Hồ nhân trở dậy, sai lấy nước súc miệng rửa mặt xong, sắp sửa lại ra đi. Hồ nhân thưa: “Trong đêm tối tôi muốn xúc phạm nhưng lại sợ... Đệ tử nghĩ đường đi còn xa lắm và hiểm nghèo vô cùng: Không có ngựa ăn người không nước uống. Ở dưới năm đôn là có nước tất phải đi đêm, qua đó lấy trộm nước mà đi mới có thể lọt. Song nếu một chỗ vọng canh đã biết, thì bị giết liền; không gì bằng trở về là yên ổn hơn cả”. Huyền Trang không nghe. Hồ nhân tiếp: “Nếu vậy thì đệ tử không thể đi theo thầy được thêm nữa, phép vua tôi không

dám xúc phạm”. Huyền Trang hiểu ý bèn cho y trở về. Hồ nhân đi được một đôi, trở lại hỏi gần: “Thầy đi không đến nơi được, nếu rùi bị bắt thì thầy làm sao? Liệu thầy sẽ khai đến tôi đây còn gì?” Huyền Trang nói: “Phông thử cái thân này có bị cắt vụn ra như cám, cũng không chịu giết lụi trở lại và nguyện không tố cáo người”. Chùng ấy Hồ nhân mới chịu rút lui. Và nhờ sức con ngựa già của lão Hồ nhân, đã quen thuộc đường cũ, nên thầy Huyền Trang qua lọt năm đôn Ngũ Phong, qua sa mạc cát nóng và sau đó tuy còn vất vả khó khăn trăm đường ngàn nãi, nhưng nhờ nghị lực sắt đá, thầy tìm đường đi đến Tây phương và đã thành công.

NGHĨ CHO lúc ra đi còn có Tuệ Uy sau hai đệ tử theo phò. Rồi nửa chùng hai trò thói chí đều bỏ về cả. Sau gặp kẻ Hồ nhân tưởng đâu làm bạn đường lâu bền té ra chữa ra khỏi đôn Ngũ Phong, kẻ Hồ nhân lại bỏ đi mất. Từ đây chỉ tro một mình, quanh lượn trên bãi sa mạc với con ngựa già, như thế đối với người khác ắt đã bại hứng nhưng với Huyền Trang lại thêm kiên gan lập chí. Cho hay phạm việc gì, chỉ chắc ở mình; trông cậy ở người ngoài mãi không được.

Đến đây tôi tưởng không nên dài dòng, vì sự tích thầy Huyền Trang, ai lại không biết? Chỉ xin nhấn mạnh ở chỗ ngày xưa việc gì cũng tin nơi sức Thiêng liêng huyền bí cho nên viết truyện Tam Tạng y như sự thật thì ắt không hấp dẫn và kém phần linh động hơn nhiều, chí như ngày nay, với óc tân tiến, chúng ta có phận sự tìm cho ra sự thật. Và biết như vậy càng kính phục một bậc thiên tài là tích thầy Trần Huyền Trang, một người một ngựa, đi thâu từ Trung Hoa qua Ấn Độ, thỉnh được kinh Phật rồi trở về nước, quả là làm một việc thế gian hãn hữu.

Vân Đường (Gia Định)

Ngày 18-11-1965

VƯƠNG HỒNG SẼN

(GTQM 7&8)

SON NAM *NGÀY HỘI THÁNG GIÊNG Ở SAIGON*

Những ngày đầu tháng giêng, đồng bào Sài Gòn-Chợ Lớn tham dự hai ngày hội quan trọng:

Đó là ngày hội ở Lăng Ông Bà Chiểu, – lăng ngài Tả quân Lê Văn Duyệt – từ đầu xuân đến ngày rằm. Đây là cuộc hành hương để cầu tài, hái lộc. Già trẻ trai gái đều tập nập, không phân biệt tôn giáo, nhang khói nghi ngút, lúc chiều cũng như lúc trưa. Đúng là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Người ta hái lộc quá nhiều, lộc này không kịp để cung ứng nhu cầu. Mặc dầu có lời yêu cầu tha thiết của ban quản trị, lắm khi vườn kiểng bị hái sạch (đến mức hư hại); nhiều người chờ đợi xin xăm, chen chúc nhưng chẳng tài nào tiến vào chánh điện được, người yếu tim có thể bị ngột vì khói hương.

Xin tóm tắt công đức ngài Tả quân: sinh trưởng ở Định Tường, giòng chúa Nguyễn Ánh phục quốc, lãnh trách vụ Tổng trấn Gia Định thành, lập đồn điền ở Cái Bè, Cai Lậy (Định Tường), đào những con kinh chiến lược nối liền Hậu Giang đến biển Vịnh Xiêm La. Ngài cai trị toàn cõi Nam Kỳ nhưng dường như uy lực tinh thần của ngài không vượt qua bên kia bờ sông Tiền Giang.

Mặc nhiên, sau khi mất, ngài đóng vai trò thần Thành Hoàng và cũng là vị Thổ Công tối cao của tỉnh Gia Định. Nếu tò mò, chúng ta thấy rõ: số người đến chiêm ngưỡng ngài Tả quân gồm đa số dân Sài Gòn-Chợ Lớn, nhất là các người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn, các bà “xăm già”.

Tại sao người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn lại sùng bái một công thần Việt Nam? Đó là lòng sùng bái chân thành, kính cẩn, đượm vẻ huyền bí, cha truyền con nối, trở thành tập tục. Ở Gia Định, còn có lăng Trương Tấn Bửu, Võ Di Nguy nhưng tại sao ít người đến bái yết?

NGƯỜI VIỆT NAM ở Gia Định và người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn kiêng nể oai linh ngài Lê Văn Duyệt. Ngài là vị công thần, khai sơn phá thạch có quyền tiền trạm hậu tấu đã nghiêm trị các quan lại hời hợt trong nhiệm vụ cương quyết thanh trừng bọn du đảng, bọn trẻ con bất hiếu. Sau khi ngài mất, Lê Văn Khôi nổi loạn, vì lẽ lỗi cai trị hà khắc của quan Bó chánh Bạch Xuân Nguyên. Lê Văn Khôi chiếm tất cả sáu tỉnh Nam Kỳ, chiếm nhanh chóng – điều ấy chứng tỏ Khôi thấu phục được nhân tâm và đa số quan quân đều nhớ công đức Lê Văn Duyệt. Hai năm sau giặc Khôi bị dẹp tan. Vua Minh Mạng vốn có nhiều thành kiến đối với Lê Văn Duyệt “ra lệnh cho quan Đốc phủ Gia Định đến nắm mồ của Lê Văn Duyệt san phẳng làm đất bằng, đặt một tấm bia đá trên có khắc tám chữ to: Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ” (theo Bản Triều Bản Nghịch Truyện của Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, soạn năm 1901 – bản dịch do Viện Khảo Cổ ấn hành). Cũng theo tài liệu nói trên, sau khi bị san phẳng, tại mộ Lê Văn Duyệt “có những lúc trời âm u, đêm yên tĩnh, có tiếng ma quỷ khóc than, hoặc tiếng ồn ào người ngựa; dân cư nơi đó không dám lại gần, người đi đường đều dời lối khác để tránh đi”.

Vào năm Tự Đức thứ Hai (1849), ở Kinh đô Huế “đầy bệnh dịch khỉ”, các quan bèn tâu lên vua – thừa dịp ấy – rửa tội xưa cho Lê Văn Duyệt: “Đến lúc vua sai quan địa phương đem giấu bỏ tấm bia và cho con cháu tự ý sửa chữa ngôi mộ thì tiếng ma quỷ trong ban đêm mới dứt”.

Các chi tiết trên chứng tỏ: Khi Lê Văn Duyệt bị hạ nhục, nhiều người phẫn nộ, chống đối ngầm ngầm bản án quá tàn nhẫn do vua Minh Mạng ban xuống. Họ phao tin Lê Văn Duyệt đã là vị khai quốc công thần, xứng danh là anh hùng. Anh hùng tử, khí hùng nào tử! Sau khi lia dương thế, ngài Tả quân tiếp tục điều khiển một đạo binh ma. Khi anh hùng mang bản án oan ức thì xảy ra hiện tượng quỷ khóc thần sầu. Vùng Bà Chiểu, Bình Hòa lúc bấy giờ hoang vu sầm uất nên giới bình dân dễ tin nơi hiện tượng huyền bí, chứng tỏ ngài Tả quân luôn luôn hiển hách, chánh khí mãi

trường tồn với núi sông.

Lúc sống, ngài Tả quân lo giữ nước, giữ dân, đến chết rồi, ngài vẫn không rời nhiệm vụ ấy.

VIỆC NGƯỜI VIỆT gốc Hoa – nhưt là nữ giới – từ Chợ Lớn qua Bà Chiêu để cúng vái, xin xăm có thể giải thích được. Lúc sinh thời, hằng năm đúng ngày mùng sáu tháng giêng, ngài Tả quân đích thân cử hành lễ ra binh, kéo binh sĩ đi vòng quanh thành Gia Định để thị oai và để tống ôn tống quái. Về chi tiết cuộc lễ ra binh xin quí độc giả xem thêm trong “Sàigòn năm xưa” (do Vương Hồng Sên soạn): ngài Tả quân tẩm gội trai kỳ, trong thành dân cư vọng bàn hương án, những người có tang khó nhưt là đàn bà bụng mang dạ chửa đều phải lánh xa...

Sàigòn ngày xưa tức là vùng Chợ Lớn – khu vực đường Nguyễn Trãi-Triệu Quang Phục ngày nay. Khu vực thương mại ấy khá trù phú người Hoa kiều sống tập trung để buôn bán. Sau buổi lễ ra binh tống quái, các tiệm phố mới yên tâm khai trương, đầu Xuân.

Khi ngài Tả quân còn sống, đích thân ngài điều khiển lễ tống quái.

Lúc ngài mất, người Việt gốc Hoa từ Chợ Lớn vẫn nhớ “tiền lệ” tống quái ấy. Họ đến chiêm ngưỡng công đức ngài tại lăng, tại đền thờ để cầu mong được tấn tài, tấn lộc, nhờ oai danh của ngài tống quái giúp họ.

NGƯỜI VIỆT gốc Hoa sống tập trung tại Chợ Lớn, thời xưa. Họ lập thành làng, với qui chế ít nhiều tự trị: Làng Minh Hương. Dân làng Minh Hương chọn sự cai trị trực tiếp của ngài Tả quân Lê Văn Duyệt. Họ có nhà công sở riêng với những ông Hương lão, Hương trưởng, Hương trùm. Dân làng theo một Hương ước khá chặt chẽ.

Theo tài liệu do hội Minh Hương Gia Thạnh ấn hành, hằng năm, cứ đến ngày 16 tháng giêng âm lịch, vào giờ mùi (2 giờ trưa), cử lễ Nghinh Thần để cầu an.

Công sở làng Minh Hương, trải qua bao biến cố lịch

sử nhứt là biến chuyển văn hóa – đã mất vai trò hành chánh, trở thành ngôi đình: Đình Minh Hương Gia Thạnh. Đình này nổi danh là đẹp đẽ, tu bổ khéo nhứt, tổ chức có qui củ nhứt tại Chợ Lớn (số 380 đại lộ Đồng Khánh, ngay Ty Cảnh sát quận 5).

Người Minh Hương đến Việt Nam trong hoàn cảnh nào? Các quyền lịch sử Việt Nam đã ghi chép khá nhiều. Xin tóm lược và đưa ra vài nét chánh.

TRÊN ĐUÔNG Nam tiến, người Việt ở Bình Định, Quảng Nam đã bắt đầu chán chê những thửa ruộng nhỏ hẹp nằm giữa dãy Trường Sơn khô cằn và biển Đông đầy giông bão thường niên. Chính trên vùng đồng bằng ruộng nhỏ hẹp này, người Chiêm Thành bị tiêu hao khá nhiều sinh lực.

Người Việt sẵn sàng đi xa hơn, vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh; họ làm ruộng tận Biên Hòa, Bà Rịa, đánh lưới tận hải đảo Phú Quốc phía cực tây, sống rải rác ở ven rừng góc biển, thiếu tổ chức. Đất quá rộng, người quá thưa.

Vào năm 1679, các di thần nhà Minh chở hơn 300 thuộc hạ đến xin ra mắt Hiền Vương. Hiền Vương cho phép họ vào đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cửu Long để lập nghiệp:

1) Trần Thắng Tài chú trọng mở mang thương mại ở vùng cù lao (Biên Hòa). Sau khi chợ này bị quân Tây Sơn đốt phá, đám thương gia rủ nhau xuống vùng Chợ Lớn ngày nay để lập cơ sở khác, nơi có địa thế thuận lợi hơn.

2) Dương Ngạn Địch đến vùng Mỹ Tho lập trang trại, cho thuyền vào cửa Tiểu. Chắc chắn rằng họ đến lập nghiệp tại các giồng đất cao ráo mà trung tâm là giồng Tân Hiệp (quận lỵ Bến Tranh, Định Tường) chứ không phải vùng chợ Cũ Mỹ Tho. Vùng đất này trở thành Trấn Định; quyền “Lịch An Nam thông dụng trong Nam Kỳ” do Thống đốc phủ ấn hành vào năm 1907 còn ghi rõ: Chợ Trấn Định nằm trong làng Tân Hiệp, tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho.

3) Di thần Mạc Cửu đến Hà Tiên trong trường hợp khác hơn. Ông này đến với vài kẻ mưu sĩ và không có trình diện với chúa Nguyễn khi mới đến. Về sau, khi bị áp lực quân sự của Xiêm La, Mạc Cửu mới xin thụ phong. Mạc Cửu nhắm vào việc tổ chức sòng bạc, dùng Hà Tiên làm hải cảng để giữ độc quyền mua bán giữa Cao Miên và ngoại quốc.

TRỪ TRƯỜNG HỢP Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho, các ông Trần Thắng Tài và Mạc Cửu đều nghiênng về việc tổ chức thành thị, sống tập trung, nắm vững giềng mối thương mại.

Đám lưu dân Việt Nam đến trước dường như không thắc mắc về việc chúa Nguyễn đón rước các di thần nhà Minh. Đám lưu dân chịu thiệt thòi về kinh tế, bán sản phẩm qua tay trung gian, nhưng họ vẫn vui, bằng có hiền nhiên là họ không nổi loạn chống đối. Họ sống vui vẻ vì sản phẩm bán có giá, so với lúc trước. Ngoài ra còn có lý do khác:

Trong sự chung đụng này, bao nhiêu tập tục, mê tín, dị đoan hoặc tín ngưỡng lại cọ sát, dung hòa nhau. Nhiều danh từ hoặc thổ âm Triều Châu được Việt hóa. Lễ Thanh Minh, lễ cúng Giời Tử Thôi, Khuất Nguyên... đượm vẻ long trọng. Ảnh hưởng của Thiên Địa Hội lan tràn vì bọn di thần nhà Minh vẫn ôm ấp giải mộng bài Mãn.

Cuộc Nam Bắc phân tranh chấm dứt năm 1698, Minh Vương Nguyễn Phúc Chu phái một vị quan văn võ toàn tài vào Nam: ông Nguyễn Hữu Cảnh. Ông này lãnh trách nhiệm đặt cơ sở hành chánh ở miền cực Nam biên thùy, xem hai huyện Phước Long và Tân Bình (Biên Hòa và Gia Định ngày nay) là hai đơn vị hành chánh đầu tiên thành lập ở Nam Kỳ.

Năm sau (1699) ở đất Cao Miên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn Hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Miên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rã dần dần, rút lui theo đường Châu Đốc xuống Long Xuyên (Hậu Giang) rồi qua Tiền Giang đến Vĩnh Kim

(Định Tường). Tại Vĩnh Kim ông Nguyễn Hữu Cảnh mang bệnh thổ huyết mà chết.

Cánh quân ấy vượt qua hai sông Tiền Giang và Hậu Giang bao nhiêu thương binh, bệnh binh và quân sĩ được dịp giải ngũ – hoặc đào ngũ. Quân sĩ mệt mỏi vì phong thổ bất đồng như cuộc viễn chinh; cái chết hơi đột ngột của Nguyễn Hữu Cảnh lúc thắng trận lui quân khiến cho chúng ta liên tưởng đến một cuộc chiến thắng theo kiểu Nã Phá Luân chiến thắng Nga Hoàng rồi rút lui giữa mùa đông tháng giá.

SUỐT CON ĐƯỜNG lui quân của Nguyễn Hữu Cảnh chúng ta thấy khá nhiều đình thờ, dành riêng cho ông. Đó là những cựu quân nhân thờ vị tướng lãnh của họ, đó là những người lính giải ngũ, trở thành dân bạch đình, tôn thờ vị thần Thành Hoàng Bản Cảnh: đình thờ ở Châu Đốc, ở làng Ông Chưởng (tại các làng An Thạnh Trung, Long Kiến, Long Điền, Kiến An nối liền sông Tiền Giang qua Hậu Giang), đình thờ ở Biên Hòa. Ngoài ra còn đình thờ ở Nam Vang, do Việt kiều đảm nhiệm phần hương khói. Và đáng chú ý nhất là ông Nguyễn Hữu Cảnh còn được thờ tại đình Minh Hương Gia Thạnh, bên tả chánh điện, thờ chung một bàn với di thần Trần Thắng Tài, người lần đầu tiên sáng lập đình Minh Hương tại Biên Hòa.

Người Việt gốc Hoa từ Chợ Lớn đến Bà Chiểu chiêm bái ngài tả quân Lê Văn Duyệt.

Vị công thần Việt Nam từ miền Trung vào Nam được thờ tại đình Minh Hương dành cho các vị thần nhà Minh.

Cuộc gặp gỡ ấy thật đầy ý nghĩa và dễ hiểu.

Người Việt gốc Hoa xem ngài Tả quân như vị Thổ Thần cao cả đầy đủ uy linh.

Người Minh Hương muốn chứng minh lòng thành thật và thiện chí của họ trước sự kiện lịch sử, văn hóa. Tài liệu của đình Minh Hương Gia Thạnh xác nhận: “Trong số hơn 210 hội viên Minh Hương Gia Thạnh, mặc dù có gốc Trung Hoa mà đã nhỏ giọt xuống năm sáu đời sống theo nếp sống

bên ngoài Việt Nam thì thành ra hoàn toàn dân Việt về nếp sống và phong tục”.

LĂNG NGÀI TẢ QUÂN, đình Minh Hương Gia Thạnh đã tượng trưng phần nào cho văn hiến miền Nam, góp thêm phần độc đáo cho văn hiến Việt Nam.

SƠN NAM

(GTQM số 9)

THI VŨ

We two form a multitude

những mái nhà quê hương bỗng nhiên biến thành đôi mắt
khóc dầm dề nước mắt lửa không nguội
bao kẻ thân yêu bao người làng xóm
sống không nhà
và chết không nơi chôn
những kẻ thân yêu bay cùng trời chộn rộn
đi tìm mảnh đất an lành
giữa vũ trụ không cùng của trái tim tôi
hãy bay đi bay đi giữa lòng tim không biến đổi
nhà chưa cất nhưng rìng xanh vôi vọi
những con đường lằn chuối đá cần An
ở đây, nỗi buồn và cô độc
sẽ được nghe, được hiểu
hãy nằm yên, ta đắp cho em chiếu chăn thơm phức
hoa hồng và hồ phách ẩm hơi
tay mặt trời dẫn nụ cười em đi dạo
mưa xuân về khi em khóc để hỏi han
hãy quên đi tiếng nổ, chúng chỉ gây hoài cừu hận
hãy xóa mờ hoang nát, luyến tiếc gì quá khứ buồn đau
đất rộng giữa trời cao, ai bảo sẽ không xây
được nghìn xưa, hãy ở yên trên xóm
mới thanh bình, có tình thương tạo dựng
hồi em mới đến tay lạnh thân gầy, tóc bay phủ
trọn hồn tôi phút chốc hóa nên hai màu nhiệm, lần đầu
tiên biết mình rất đẹp, tựa nàng tiên huyền sử thấy bóng
hình hiển lộ mặt hồ xanh, có giọt sương sao đến chào và
khoát sóng, đưa tay vào lãng lạng giữa hương sen.
Sấm sét sẽ ngừng vùi chôn trong núi đá
ta thấp lên đây bao hàng bạch lạp

– ngọn lửa muôn đời chứng minh cho người chết, gìn giữ
trời trần chưa kịp thốt nên lời
với ánh sáng này và ánh sáng của trăng sao, em hãy cùng
ta tạc tượng, những tảng đá thương đau sẽ phục hồi sinh
khí để con người nhớ mãi tới muôn sau, đừng gây thêm
đau khổ cho nhau trong hình hài sưng, chóp đang chờ
đầy hạt giống hiện sinh
em hãy nghe lời ta đừng trở lại làng xưa
chúóc thêm cừu hận, và cũng đừng quay lưng trước lời
Phật chuyển rung qua tiếng kêu than trăm vạn người lao
khổ
những buồng phổi óm đau chờ hương sen ngát tới. hãy là
trời cao đất rộng. hãy là rừng xanh và câu hát. hãy là
lúa, mật, sắn, khoai. hãy là con người đứng bên cạnh con
người để khước từ tiêu hủy.

Oxford. 27-6-65

THI VŨ

(GTQM số 2)

KIM TUẤN

Những điều ghi được trong giấc ngủ

KHI TÔI TRỞ VỀ con chim câu nằm trong tổ ấm.
Dây thép gai hết rào quanh đôi phòng ngự và người lính
đã trở lại cày đám ruộng xanh.

Khi tôi trở về con diều bay đùa trong gió. Ở quê
nhà, trên thảm cỏ xanh, có đứa trẻ để bụng lòi chám rón
đen cười nụ thanh bình. Buổi chiều có con trâu rung mõ
vu vợ như trong giấc mộng. *Khi tôi trở về, khi tôi trở về*

hai tay núm tìm lồng ngực. Giọng hát ru kéo lại dĩ vãng trăm trăm như chưa tắt thở. Có người rủ nhân loại đi xem địa ngục mà không ai trả lời.

Khi tôi trở về mẹ vừa tóc bạc. Đôi mắt nhìn vào tương lai và quên hết bao nỗi u phiền. Con còn lại bay trong đồng ruộng xanh. Lũy tre già cúi xuống ưu tư cùng mùi khói un quen thuộc. Khi tôi trở về tôi sẽ đi thăm bờ sông thuở nhỏ, tôi sẽ buồn thắm những chuyện ngày xưa và sẽ khóc một mình vì quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn. Quê hương tôi ở đó. Quê hương tôi khi còn tuổi nhỏ, khi tôi lớn lên bằng tiếng ru hời. Quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao tủi hờn.

Khi tôi trở về con chim kể lời ân ái. Lời hát vang xa và vũ khí sẽ sắp thành cầu vồng trong ngày đám cưới. Nhà mới dựng xây, có tiếng trẻ khóc u oa chào đời. Có người đem tặng em bé quả bom nguyên tử, đưa trẻ đó cười và ôm nó ngủ say như ôm quả bóng. Những dãy phố sớm mai thức dậy cùng tiếng chim ca, lũ trẻ con mừng đời thịnh trị và tay yếu cố vô ôm tương lai của mình.

Khi tôi trở về, khi tôi trở về cuộc đời xuôi chảy. Có bóng trăng xưa soi trên lối mòn, có rừng cây âm vì nhiều thương nhớ, và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi.

KIM TUẤN

1962

(GTQM 2)

THÙY DƯƠNG TỬ

Ô Lý

*ta về với gió với mưa
với châu Ô Lý ngày xưa vẫn buồn
Ngũ hành chuông vọng chiều buồn
Ái Vân mây phủ biệt nguồn từ lâu
Điện Bàn phà đổ Châu lâu
mộ bia xiêu lệch đã màu rêu phong
quế cau tâm sự nã lòng
rượu cần một bữa sười lòng quê hương
khóc thầm tiếng khóc lên đường
hỡi Châu Ô Lý ta thương nàng hoài*

Thùy Dương Tử
(GTQM số 2)

TRẦN TUẤN KIẾT

Còi hoang

*đêm thường gọi mộng hoang vu
một con sói nhỏ về tru rợn người
điều tàn sông núi này thôi
bước em hãy nhẹ triều phơi giữa giòng*

*bóng trăng đầu bãi tròn không
đã hoen ố với một vùng máu xương
nghe em tiếng sói ru hồn
mà trong sương lạnh thấy còn cát trôi*

tặng nhau nửa giấc luân hồi
nửa thiên đường lỡ ngập người trầm luân
ta say khói thuốc vô cùng
kia sao mai đã rụng buồn xuống khe

tỉnh người đôi mắt đỏ hoe
ngàn xưa tan hợp mây che khuất trời
thương em kiếp mọn trên đời
với đàn chiên lạc bước rời rã khuya

một vùng bãi quanh cây thưa
còi ta du mục thết vừa đến trắng
hẹn nhau tắm bến sông hằngta soi nét mặt đêm rằm có
nhau

(GTQM 4)



HÀ NGUYỄN THẠCH

Bọt nước

lâu rồi xa bước chân quen
tóc sương bay vẫn rơi mềm kẽ tay
chiều đi động bóng chân ngày
hồi con nước có sâu vây xuống mù
thuyền đêm gói mái hôn bờ
mai theo sóng cũng xa mờ biển khơi
bãi hoang thổi nắng khô trời
cát tung bay hắt hiu lời hải âu
ngày xưa đời đã có nhau
cây thanh xuân trái khổ đau trĩu cành
bởi thương em cũng thôi đành

xé hồn thơ để nghe mình thủy chung
mỏi hay trời đất không cùng
nước xa nguồn đã chia giòng xuôi trôi
biển lênh đênh một mặt trời
trôi lên bọt nước bóng đời võ tan

(GTQM 4)

NHÁT HẠNH

Thông điệp

trán tôi chưa từng nhăn
và ưu tư của cuộc đời đã về ghi dấu chân nặng nề trên
khoảng trời mai ấy.
nhưng trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại
hoa lá về trên nụ cười buông thả
vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi
như mưa chiều nay xóa đi những dấu chân trên bãi vắng
– qua một chu kỳ
tôi đi giữa rừng chông gai như đi giữa vườn kỳ hoa dị
thảo
đầu cát cao, nụ cười ngày xưa còn đó
những vần thơ đã nở trong tiếng gào sừng đạn
nước mắt ngày xưa khóc nắng quái chiều hôm trên chiến
trường vàng vọt,
bỗng đã trở thành mưa; tiếng mưa rơi êm êm trên mái lá,
quê hương tuổi thơ thăm gọi tôi về
mưa xóa đi bao tâm tư sâu muện

tôi vẫn còn – nụ cười chiều nay bình lặng
trái ngọt chín trên cây rìng cây đặng
ôm xác em thơ, tôi băng qua ruộng lúa quê hương đêm
nay
đất mẹ sẽ gìn giữ em
để trên bãi cỏ xanh non, sáng mai này em sẽ luân hồi
thành những bông hoa mới
những bông hoa cười trầm lặng trong bình minh đồng nội
giờ phút này em có còn khóc đâu – qua một đêm dài thăm
thăm sâu
sáng nay tôi quỳ trên bãi cỏ xanh khi trông thấy những
bông hoa mang nụ cười huyền diệu

thông điệp của hy sinh của trầm lặng quả đã tới nơi rồi.

(GTQM-6)

■■■■■

HOÀI KHANH

Hiện

Bắt đầu từ hạt sương trong
Lạnh từ cõi nào vô chung vô thủy
Hôm nao ta gặp em trên đường
Hai bàn tay dịu dàng lá cỏ
Và con chim chọt hót trên cành
Vọng những gì phía dưới dòng xanh xanh?

(GTQM-4)

■■■■■

NGUYỄN PHAN THỊNH

Thanh cao như một ánh trời

*từ tôi bài hoài hình hài
về đây vất vả cuộc đời dưới chân
từ tôi lòng dạ ăn năn
thèm con thuyền nhỏ giữa dòng thực hư
ôi thôi trí tối tâm mờ
đã yêu chút sắc đã ngờ chiêm bao
đã đưa hồn phách đi đâu
một miền lửa khói khóc gào bình yên
ôi tôi bạc bẽo căn phần
ôm hôn mép đá giữa vùng cỏ cây
quên quên sống hết con người
thanh cao như một ánh trời cầu xin*

Dà Lạt 8-65

Nguyễn Phan Thịnh

(GTQM -5)



THÀNH TÔN

Chứng tích

*hòn đá lặn, tuổi thơ và ảo vọng
tôi quay tròn, trong đó, hai mươi năm
đôi đũa thần gõ vòng quanh sự sống
lời phù chú bong ra rồi mất tăm*

*quê mẹ xứ cha và tôi nỗi sợ
lửa chung quanh vây hãm tấm thân hèn
đời lặng lẽ trôi, dòng sông vô cơ
tôi trở về tôi như bóng đêm*

*em thôi hắt hiu qua vùng trán rộng
xô bước chân đời trên nếp nhăn
vùng tuổi nhỏ, lũy tre, bờ ảo vọng
tan như sương trong đường nét thù hằn*

*tôi có mặt lơ đờ như chúng tích
trên quê hương tiếng mẹ cất tan tàn
nhìn lấy bóng, thu mình trong u tịch
tôi rút về tôi như chiếc đanh*

*tôi quay tíu từng vòng xem chóng mặt
ngoài hư vô huyền ảo khói sa mù
nổi vong quốc ngay trên phần đất mẹ
nên hồn hiển cỏ dại đã muôn thu*

THÀNH TÔN

ĐINH CƯỜNG

Ghi từ pleiku

tặng Kim Tuấn

*Tôi nằm trong phố chiến tranh
Xe nhà binh chạy, dẫy thành đạn reo
Bụi tung mù mấy đoạn đèo
Rừng âm u có người theo bước người*

Sớm mai trở dậy qua đèo
mù sương giăng bủa hiu hiu đất trời
xác người còn thắm máu tươi
xác ai, ai nhận khi ra trận tiền

3

em về thành nội ngủ yên
bước chân lau sậy trắng miền mộng du
chiều qua ra đứng Biển Hồ
nhìn đôi xa thấy xa mờ dáng em

ĐINH CƯỜNG

THÁI TÚ HẠP

Lời buồn treo cao

cho đêm bùng đóa mặt trời
cho thân thể mẹ qua rồi đờn đau
cho em tiếng hát ngọt ngào
cho vùng suy tưởng chở vào giấc thương
cho chim hoa bướm mùa xuân
cho lời kinh kệ tan cơn oán thù
cho tàn binh lửa đôi bờ
cho cành dương nước cam lồ vô biên
cho tiêu tan chuyện ưu phiền
cho quê hương đẹp trăm miền tỉnh khô
cho em thôi giọng ngậm ngùi
cho sông biển ngọt tuổi đời xanh yêu
cho mây hôn ánh mắt chiều
cho cơn khói quyện mái nghèo thiết tha

cho âu yếm chôn ruột rà
cho ngàn năm đón thực thà vào tim
cho phai hồn giận triển miên
cho tha thứ hết lỗi lầm trong anh
cho vui thắm mộng dĩ dành
cho nghìn oan ức tan tành theo chuông

THÁI TÚ HẠP
(hội an)

VIÊN LINH

Hình nhân

Tôi nào chọn anh em
Vậy mà quen lắm thế
Tôi nào chọn cuộc đời
Vậy mà tôi ở đó

Làm vẻ mặt hân hoan
Tôi bi thương tận gốc
Luôn mồm viện lương tâm
Tôi là thằng thất đức,

Hôm nay tôi cất tiếng
Nhưng thật sự vừa câm
Lời tôi trên chóp đỉnh
Nhưng ý nằm dưới chân
Vả sống là yêu mến
Tôi đâu muốn oán thù
Còn chết là tiếc thương
Tôi nào mong cách biệt,
Hôn em, em yêu dấu
Anh vẫn có bạn bè
Chào anh, anh lạ mặt
Tôi đâu muốn hoài nghi,

*Nhưng tôi đầy uẩn khúc
Sự xấu vẫn qua đi
Nếu tôi đeo mặt nạ
Anh than thở ích gì
Tôi nào định lập tâm
Vậy tôi muốn thái độ*

VIÊN LINH

(GTQM 7)

TRỤ VŨ
Giấc mơ

*Giấc mơ nhỏ bé vô cùng
Một gian nhà nhỏ, ba vòng khoai lang
Thế thôi mà lạ mười phương
Hai mươi năm lẻ chưa tròn giấc mơ*

(GTQM -9)

Còn gì để lại cho em

*1
còn gì để lại cho em
nín đi những hận, nói thêm thẹn lời
còn gì để lại cho tươi
còn gì để lại cho người, cho thơm
còn gì cho chuỗi bà hương
cho xôi nếp một, cho đường mía lau
còn gì để lại em đâu
ôi non cao với biển sâu nghìn trùng*

2

*bây giờ còn có chi không
cho em lệ mặn máu hồng quanh nôi
cho em bom đạn tuyết vùi
dậm thêm nốt nhạc điệu hời mẹ ru
khung trời tiên của trẻ thơ
cho em trái sáng đèn bù trắng sao
(kéo em ra đứng bờ ao
trông cá cá lặn, trông sao sao mờ
em buồn – con nhện giăng tơ)
cho em băm sáu ngọn cờ em treo
chà, cho em biết bao nhiêu
cho em như thế có nhiều không em*

3

*cho em non nước đôi miền
con dao xẻ nửa con tim mẹ nghèo
cho em ghềnh đá cheo leo
đường qua xứ nội những đèo cùng sông
cho em xác mẹ ngoài đồng
xác cha ngoài nội, xác ông sau nhà
cho em mười bãi tha ma
bắt buông cỏ lạnh tỳ bà gió lay*

4

*cho em đôi cánh tàu bay
đôi chân tàu lặn, đôi tay tàu bò
cho em họng súng thật to
trái bom thật lớn, cái mìn thật dày
cho em sơn phấn đời nay
để em trang điểm những ngày lấm lem*

5

*cho em hè phố mưa đêm
cho em ngõ hẻm ngọn đèn lắt leo
cho em đóng rác làm đèo*

bãi phân làm núi, em trèo em chơi
cái rãnh thì làm biển khơi
lá khô rác vụn em bơi làm thuyền
xung quanh những tối cùng đêm
cho em rạp hát để em làm ngày
để em “nhạc ý kèn tây”
cây da bển cũ quên ngày ấu thơ
còn chi mà ước mà mơ
mà trông mà đợi mà chờ hồi em

6

cho em cái bị xin tiền
cho em cái gậy cho em ăn mày
cho em ba vạn “thằng tây”
ba muôn “thằng nhật” ngày rày em xin
cười đi em, cười đi em
cho em như thế, cả miền thanh lâu

7

trong em còn chút tự hào
chút sâu của biển, chút cao của trời
chút thao thức phận làm người
chút trinh bạch của nụ cười việt nam
thì, nhân danh chữ bình an
cho em nhuốm trọn thân chàm tự ty
để em mặt cúi chân quỳ
thân lươn thôi có quản gì bùn đen

8

thế là tất cả cho em
bao nhiêu ân huệ trước đèn tây minh

TRỤ VŨ

(GTQM -11)

ĐYNH TRẨM CA

Phiên gác

1

*bây giờ ba giờ sáng
sương xuống đầy trên vai
gió lạnh đầy trên tóc
và bóng tối phủ vây
anh đứng ghìm tay súng
nghe lá rừng xôn xao
bỗng thềm từng khói thuốc
và thấy buồn nao nao...*

2

*bây giờ ba giờ sáng
em ngủ ngoan rồi sao?
giấc mơ hiền nào đến
cho em mỉm miệng cười?
lạy Chúa, đêm yên tĩnh
súng bom đừng rên vang
cho em tròn giấc đẹp
(ơi giấc mơ hiền ngoan!)*

3

*bây giờ ba giờ sáng
sương xuống đầy trên vai
anh đứng ghìm tay súng
nghĩ nhiều về tương lai
và cuộc chiến tranh này
bỗng đứng buồn muốn khóc
còn lâu lắm em ơi!
mặt trời chưa muốn mọc
mình xa nhau suốt đời.*

4

*bây giờ ba giờ sáng
đêm đen, vô cùng đen...*

ĐYNH TRÂM CA
(*Thủ làm người*)

(GTQM – 11)

PHẦN THƯỜNG XUYÊN

HOÀI NIỆM Phạm văn Nhàn (Tặng Trần Hoài Thư)

Hôm qua, Đoàn gọi điện thư báo tin cho tôi hay là anh Hồ đã mất. Anh mất ở cái tuổi 82. Kể ra anh sống như thế là đã thọ. Đoàn nói với tôi trong điện thư như thế.

Buổi sáng, ngồi một mình sau nhà, trong cái patio nhỏ bé nhìn ra khu vườn, bên tách cà phê vừa mới pha. Chiếc muống inox khuấy nhẹ trong ly va chạm vào thành ly kêu len ken. Một âm thanh khô khốc. Buổi sáng nắng vàng ươm trên những tàu lá với những cơn gió nhẹ mang theo hơi nước. Tiếng chim hót cùng với tiếng kêu len ken của hai cây phong linh tạo nên một âm thanh vui. Nhưng gió mang theo hơi nước báo hiệu cơn mưa chiều sẽ đến không biết lúc nào. Tôi sợ những cơn gió mạnh. Cơn gió mạnh thổi tới báo hiệu cơn mưa sẽ đổ về trong ngày, trưa nay hay chiều nay. Những cành lá chuối ngã nghiêng. Những chiếc lá chuối bị gió đánh rách tả tơi trong những cơn gió trước. Rủ xuống, trong buồn buồn. Tôi liên tưởng đến những cơn bão tháng 7 thổi vào quê tôi. Bầu trời như muốn tối lại một màu chì. Người người vội vã. Tôi bung tách cà phê lên hóp nhẹ. Nghĩ đến Hồ.

Trong năm, nhận ba cái tin những người thân mất. Ai rồi cũng đi vào con đường đó. Luật vô thường của đất trời nào ai tránh khỏi, không trước thì sau. Biết thế, nhưng sao cũng nghe buồn buồn chi lạ. Thằng Ngọc chết vì buồn cho nhân thế. Uống rượu mua vui, giải sầu. Để đến nỗi sơ gan cổ chướng. Khi nghe nó bệnh gần chết. Bác sĩ chê bảo đem về nhà lo hậu sự. Bạn bè đến thăm. Nằm trên giường chờ chết thế mà cũng cười nói cho tao ly bia. Tao thèm quá. Thằng bạn đem đến cho nó ly bia có đá. Nó ực một hơi. Rồi cười: Tụi mày phải như tao. Đéo sợ chết. Đánh trận 6 năm. Hết cao nguyên xuống đồng bằng chẳng sợ thằng tây nào. Nay tao chán đời uống rượu tìm vui. Chết sướng. Bà vợ đứng bên cạnh lắc đầu. Mấy thằng con đứng khóc. Nó nói phải cười. Ba sắp cưới mày để đi gặp Tiên, gặp Phật. Nhận được điện thư của mấy thằng bạn gọi ra. Tôi cười cho cái thằng dở hơi này. Nhưng trong đời có mấy ai được như nó trước khi chết.

Những người bạn của tôi rồi cũng lần lượt ra đi. Biết thế nào rồi cũng tới lượt tôi. Con đường đó cũng gần lắm. Nhưng với anh Hồ vừa ra đi ở cái tuổi 82 thì khác. Nghe Đoàn nói, anh chết vì bệnh già. Chẳng đau đớn gì. Ở thành phố biển. Khí hậu trong lành. Sáng nào cũng đi tắm biển. Về nhà như thường lệ. ăn sáng xong, lên giường ngủ một giấc rồi đi. Nghe nói như thế. Sao có người đi vào cõi chết nhẹ như lông vịt trời. Như Dĩ chẳng hạn. Đi hành hương trở về nhà tắm rửa rồi lên giường ngủ là đi luôn. Dĩ chết có tôi bên cạnh. Đúng là một giấc ngủ nghìn thu.

Giấc ngủ nghìn thu hay nghìn năm của anh Hồ hay của Dĩ, với tôi, sáng nay nhiều kỷ niệm lại đến anh Hồ ơi. Tôi đang ngồi uống cà phê một mình trong cái patio sau nhà, chẳng có thằng Trần đến vì nó ở xa quá tận phía Đông. Gió bắt đầu thổi mạnh. Cơn mưa sắp đến rồi. Mây vùn vủ trên nền trời xám xịt. Những kỷ niệm với vợ chồng anh như hiện về mới hôm qua. Dù, với anh, xa nhau cũng gần 30 năm không

gặp lại. Sau một ngày được ra khỏi trại, ngồi trên chiếc xe đồ chạy bằng than ì à ì ạch ngừng dưới chân đèo . Tôi bước xuống với cái giỏ lát trên vai. Lên đèo nhìn về hướng biển. Gió mát. Tôi nhớ đến 8 năm về trước cũng từ trên đỉnh đèo này hai người lính đứng gát không cho tôi vào thành phố; vì thành phố bất ổn, loạn quân loạn quan. Nay với một tư thế khác, một người dân bình thường thất trí sau 8 năm trong trại được thả về, đi lang thang như một kẻ lạ trong thành phố quá quen thuộc này. Tôi trở lại để thăm anh chị lần cuối. Mà đúng vậy. Lần ấy, chị Hồ thấy tôi chị vui mừng dù nhìn tôi như một kẻ ăn xin, thất chí. Chị gọi anh, từ nhà sau đi lên. Em phải ở lại chơi với anh chị vài ngày rồi hãy về. Đừng ngại. Nhà anh chị cũng nhà nhà em. Tôi cảm ơn. Ghé tới thăm anh chị rồi còn phải về quê tìm vợ con nữa chứ. Ừ nhỉ! Chị quên. Tôi cười. Anh cũng cười. Tôi hỏi anh về Minh. Nghe nói nó chết ? Anh cho biết Minh chết lãng xẹt. Đi xe gắn máy về Phan Rang, bị xe bộ đội tông phía trong Cam Ranh. Chết mà vợ con không biết. Mấy ngày sau mới hay. Tôi nói anh đưa tôi tới thấp cho Minh nén nhang. Từ đây, tôi mới biết là gia đình Minh đã dọn về Đà Lạt sống ẩn dật trên đó. Chị Hồ cũng cho biết vợ Minh cũng chết sau cơn bệnh nặng.

Những người bạn một thời rồi cũng ra đi sau cái năm đó. Không liên lạc được. Anh hỏi tôi về Trần. Nghe nói Trần đổi vô Nam. Tụi mày ngày xưa là những người lính bụi. Bất chấp. Khác với những người lính làm ở thành phố. Áo quần bánh bao, thẳng nếp. Mây với Trần gần như bất cần đời. Tôi với anh ngồi nơi phòng khách. Chị lo cho bữa ăn gồm cá biển chiên với những đọt rau lan lượt còn non mới hái sau nhà. Chị Hồ lúc nào cũng vậy. Mau mắn và chu đáo. Chị bảo tôi ăn thêm. Tôi chỉ ăn được một chén, bao tử nó bị teo tóp sau 8 năm. Không ăn nổi nữa. Tôi nhìn chung quanh phòng, những bức tranh còn lại anh treo trên tường. Ngày xưa tôi và Trần đến thăm anh, chúng tôi vẫn thích bức tranh này. Bức tranh chỉ là những vòng kẽm gai. Một cái đồn lính

gát xa xa mờ mờ ảo ảo. Những miếng khăn trắng bay trong gió như những dải khăn sô. Những lon bia treo tòn ten như hệ thống báo động. Người xem muốn hiểu sao thì hiểu. Đồn bốt ấy mà. Mọc lên như nấm ở nông thôn. Chiếc xe gắn máy hiệu Honda màu đỏ còn để trong phòng khách. Anh Hồ nói để tôi chở chú đi vòng thành phố xem phố phường hôm nay. Có nhiều cái lạ. Tôi ái ngại không đi vì bộ áo quần trên người không giống ai. Tôi nói với anh như thế.

Nhìn chiếc xe gắn máy của anh. Tôi lại nhớ đến Trần. Không biết giờ này hấn sống chết ra sao, kể từ ngày nó đổi vô nam. Chị Hồ hỏi tôi về Trần, Tôi mù tăm. Những ngày hai đứa lang thang về thành phố, chiếc xe của anh là phương tiện để hai thằng chạy rong. Hấn rất rành thành phố biển này. Hấn thường nói tắt cả con đường đều ra biển. Vì thành phố này là nơi hấn lớn lên đây bắt hạnh.

Một buổi tối trời mưa, hấn chở tôi lòng vòng rồi xuống một cái xóm bên cạnh đầm rau muống. Hấn chỉ ngôi nhà mà hấn đã lớn. Trời mưa, hai thằng lính ướt như chuột vừa dưới cống chun lên. Lạnh. Tôi ngồi sau ôm lưng hấn. Ép mặt vào lưng hấn để tránh những giọt nước mưa rơi trên mặt. Hấn chạy lòng vòng một đôi rồi xuống con dốc nhỏ. Hấn nói cuộc đời thơ ấu của hấn ở dưới con dốc này cho tôi nghe trong ngôi nhà mà hấn dừng xe lại trước cổng một lát rồi đi. Hấn chủ đề: Đ.M tao chẳng có tuổi thơ. Tụi mày còn biết đánh bi, đánh đá, biết chạy rong trên những cánh đồng thả diều giấy. Còn tao thì không. Cuối cùng họ tống tao vào nhà của mấy bà sơ. Gương mặt bà nào bà náy lạnh như đồng. Tao trốn. Đ.M phải học. Phải học mày à. Tự học để có mảnh bằng với người ta. Tao nghe nói trước đó mày đi dạy, tôi hỏi trong cơn mưa nặng hạt. Nó nói, ừ. Tao dạy học ở một làng chài nghèo mà đây áp tình người. Những đứa học trò dễ thương ời là dễ thương. Nhưng sao mày vào lính. Chán nghề dạy học?

Mưa càng nặng hạt, át tiếng nói của hắn. Khi hắn gò người thấp xuống trên chiếc xe. Đường vắng. Chỉ có hai thằng lính điên bất cần đời chạy rong trên những con đường ướt nước mưa. Hắn chửi thề qua tiếng mưa rơi. Mẹ kiếp có yên đâu, họ bắt tao vào lính rồi đẩy ra mặt trận. Tao thương những thằng lính của tao. Sau mỗi bận hành quân, áo quần ẩm ướt, chúng ngồi bắt rận cho nhau. Mày thấy có thương không? Tôi ừ ừ sau lưng hắn. Hắn chạy vòng qua một khu đất trống gần nhà ga có những hàng keo. Hắn nói, tuổi thơ tao đã từng đến đây hái những trái keo ăn cho đỡ đói. Gần như tao cũng dành thực phẩm với những đàn chim sáo của thành phố đó mày.

Với tôi, hắn với anh Hồ có nhiều kỷ niệm. Khi ngồi trong nhà anh Hồ sau 8 năm ra khỏi trại. Anh hỏi tôi, có lẽ Trần đã vượt biên?. Tôi nói không biết đi hay chết. Vì đi, hết 80 phần trăm là chết kia mà. Không ngờ hắn đi thiệt sau những năm cải tạo. Và hắn sống trên xứ người. Hắn vượt qua được tất cả để trở thành một nhân viên cho một hãng lớn uy tín. Đi làm áo vest cà vạt. Còn tôi chỉ là một thằng cu li. Dù áo vest cà vạt hay cu li thì hắn vẫn là hắn ngày nào trong cái tình thân của bằng hữu. Hôm nay, nghe tin Đoàn báo anh Hồ mất. Ngồi uống ly cà phê tự pha sau cái patio. Ngọn gió mang hơi nước về bào hiệu cơn mưa sắp đổ tới. Tôi nhớ đến anh Hồ. Đến Trần. Phải chi có hắn bên cạnh. Tách cà phê ấm biết bao.

Houston, ngày 13/12/2017

Ngắt Khúc Gân Cuối

Truyện (cực) ngắn của NGUYỄN ÂU HỒNG

*SẼ TIẾP NHẬN NHỮNG CON CHỮ MANG ƯỚC VỌNG SÁNG TẠO,
CHO THOÁT KHỎI ĐỊNH KIẾN, CHO VƯỢT QUA BỨC TƯỜNG
THỂ LOẠI, ĐƯỢC TỰ DO KHƠE SẮC CÙNG VẺ ĐẸP CỦA VĂN
CHƯƠNG.*

Những phận đời trôi giạt.

Bà con ngư dân ở Bãi Trủ, Bãi Me ngoài đảo Hòn Lớn (Nha Trang) bị buộc phải dời cư vào Hòn Xên, nhượng đất lại cho công ty WinPearl làm du lịch. Họ không chỉ dời cư mà còn phải bóc dời cả mồ mả ông bà. Như vậy cũng tiện, con cháu đi đâu, mồ mả và bàn thờ tổ tiên đi theo đó. Nhưng, bỗng dưng bị tách khỏi không gian sống truyền thống, người dân cảm cộc tiền đên bù mà nhìn nhau, ngỡ ngác... Cũng là Hòn, nhưng Hòn Xên nằm trong đất liền, giữa đường từ Hòn Chồng ra Bãi Tiên, còn Hòn Lớn là hải đảo nằm giữa biển. Đảo Hòn Lớn NT (cần nói rõ vì huyện Vạn Ninh cũng có đảo Hòn Lớn) vừa tạo cảnh quan kỳ tuyệt vừa che chắn, bảo vệ thành phố Nha Trang khỏi phong ba, bão tố và chỉ cách đất liền có 5 Km tính từ Mũi Nam vào bờ. Trên đảo có những làng dân như: Bãi Me, Bãi Trủ, Vũng Ngán, Bích Đàm. Bãi Tùng Lâm, Đàm Già và Đàm Báy cũng có người ở, nhưng chỉ thưa thớt mấy nhà. Đảo có chiều dài trên mười cây số từ Mũi Nam phía tây trải dài ra khơi theo hướng đông-nam đến Mũi Điện ở cực đông. Sao có chuyện Mũi Nam mà lại nằm ở phía tây? – Nam đây là gió Nam, là mỏm đá hứng gió Nam. Đảo Hòn Lớn có núi cao - cao 505m, rừng rậm, hình dáng lồi lõm với nhiều vách đá, gành đá, nhiều đầm vịnh và bãi biển. Những đầm vịnh

và bãi biển này như những đường cong tuyệt mỹ của thiên nhiên, đẹp như tranh vẽ, đẹp như trong mơ. Làng quê mình đẹp, làng biển mình đẹp, ai chẳng tự hào. Nhưng cũng chính vì cảnh quan kỳ tuyệt, vì vẻ đẹp đầy sức quyến rũ này mà người dân đảo lâm vào cảnh khôn đốn. Như một bông hoa đẹp tỏa hương khoe sắc chào mời ong bướm, Hòn Lớn thu hút các nhà đầu tư phát triển du lịch. Bãi Trủ là điểm ngắm đầu tiên, vì ngoài cảnh sắc thiên nhiên, nó còn được Cty Bùi Chạn hợp tác với thanh niên Vĩnh Nguyên, trong thập niên 80, trồng hàng trăm cây dừa, chết một nửa, hiện nay còn một nửa. Ngoại quốc đổ tiền vào, ký kết với giới chức thẩm quyền và ngư dân bản địa bị buộc phải ra đi. Đang an cư lạc nghiệp, bỗng dưng người dân trở thành những số phận trôi giạt... Như biết trước định mệnh cay nghiệt, hai ông Hai Huynh, Sáu Đờ đã treo cổ tự tử, nhưng rồi mồ mả cũng không được yên. Sáu Chê, Bốn Chảnh, Đức-Cúc, Chín Lớn... bị cờ bạc bịp lừa hết tiền. Tám Khi, Hai Thắng, Bốn Lượm, ba người từng là chủ ghe, chủ nghề, vào Hòn Xệ không còn chỗ kéo lưới, chạy xe ôm rồi lấy gái bia ôm khiến gia đình tan nát hết. Những người khác thì sa vào rượu chè, khi hết tiền, hóa điên hóa khùng. Đàn bà không còn phụ kéo lưới, dặt mực, xẻ mực, muối cá, đan lưới... mà đi làm công nhân quét dọn...

Ngoài khách sạn 5 sao xây dựng ngay trên đất trước kia là nghĩa trang ở Bãi Trủ, WinPearl còn xây khu liên hợp giải trí ở bãi Xương Tế và hàng loạt khu biệt thự ở Bãi Me, Đầm Giã. Chưa hết, họ làm cáp treo qua biển và gắn lên Hòn Lớn chữ Winpearl to đến nỗi từ trong bờ nhìn ra thấy hòn đảo cao 505m chỉ còn là cái giá đỡ. Nói chung, ngoài việc dầm nát những phận đời, họ còn phá nát cảnh quan. Trong đau xót, bà con chỉ biết ngửa mặt lên trời mà hỏi: quản lý đất nước kiểu gì, phát triển kiểu gì?

Phát triển mang hình thái cường quyền hoang dã?

Trong mấy thập niên trở lại đây, trước trụ sở các cơ quan

trung ương ở Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng... thường thấy những nhóm thường dân tụ tập để kêu oan về đất đai. Những “quần chúng nhân dân” này bị đuổi ra khỏi không gian sống truyền thống, bỗng dưng trở thành những số phận trôi giạt. Tiếng kêu của “dân oan khiếu kiện” và tiếng rên siết của những phận đời hẩm hiu tưởng chừng đã thấu đến chín tầng địa ngục, thấu đến lòng trời, nhưng không lay chuyển được lòng dạ của giới thẩm quyền. Họ vẫn tiếp tục bóp nát cuộc đời của dân nghèo, lấy đất, di dời cả mô mã lăng miếu, để xây lên đó những lâu đài và gọi là phát triển. Phải chăng đây là sự phát triển mang hình thái cường quyền hoang dã?

Bán đất làng!

Tiếng Việt có chữ *bán nước*, không có chữ *bán làng*. Thật vậy, người ta - số ít là một người, số nhiều là một nhóm, một tập đoàn - có thể bán nhà, bán đất bán vườn, bán ruộng bán rẫy, bán bãi (cho người vượt biên chui), thậm chí *buôn thần bán thánh*, *buôn vua bán chúa* hoặc đổi quyền lợi của dân của nước hoặc giao cả đất nước cho ngoại quốc để mưu lợi riêng gọi là *bán nước*, nhưng không ai đi bán làng quê của mình. Làng không chỉ là vật thể đất đai, ruộng vườn, nhà cửa, bến nước con đò, bãi kéo lưới, bến đậu thuyền, đình chùa, lăng miếu... mà còn có giá trị tinh thần mang tính thiêng liêng, là biểu tượng của tình quê gắn bó. Qua lịch sử đấu tranh của dân tộc, làng quê đã hình thành những định chế bền vững - phép vua thua lệ làng - tạo nên nếp phong hóa, nền văn minh và bản sắc văn hóa của người Việt. Dù gì cũng không nên tách rời người dân quê và ngư dân ra khỏi bản thổ làng quê, làng biển, vì như vậy sẽ làm họ mất dần bản thể của mình.

Vì tiếng Việt không có chữ *bán làng*, nên đầu đề mẫu chuyện này tôi phải thêm chữ *đất* vào giữa - *bán đất làng*. Viết như vậy để hiểu và cũng để nhẹ tay *giơ cao đánh khẽ* với người đã lỡ vì chút lợi mà tiếp tay với giới thẩm quyền,

nhắm mắt bán đi làng biển quê mẹ cho công ty nước ngoài. Ông ta là một người con của Bãi Trủ, vào đất liền từ trước năm 1975, trong thời điểm đàm phán giữa các bên, là bí thư đảng ủy phường sở tại. Tôi nhẹ tay còn vì hiểu được tuổi thơ cơ cực của ông ta: mẹ chết, cha lấy vợ khác, ông sống với ông ngoại. Ông già đi ăn xin để nuôi cháu. Bà con người Bãi Trủ, Bãi Me dời cư vào Hòn Xện muốn nặng lời, gợi ý mấy đầu đề như: “*Bán đứng làng biển quê mẹ*”, “*Bán đứng đất đai mồ mả ông bà*”, nhưng tôi không đồng ý, vì dù sao việc cũng đã dĩ lỡ mất rồi.

Bán đứng!

Các khảo sát cho biết, so với Đại Nhảy Vọt, số người bị giết trong Cách mạng Văn hóa ít hơn, nhưng tổn thương tinh thần và sự chia rẽ trong lòng người dân Trung Hoa thì rất nặng. Người với người nhìn nhau xa lạ, lạnh cảm, hàng xóm láng giềng không còn đùm bọc, mà trái lại, rình rập chực chờ bươi bới để vu cáo, cha không dám tin con, đồng nghiệp vu cáo đẩy nhau vào chỗ chết, nhiều cô gái bị bạn trai bán đứng... (*Những mẩu chuyện sau lấy tài liệu từ “12 người đẹp chết thảm trong Cách mạng Văn hóa*).

Bán đứng đồng nghiệp

Tháng 9/1966, sau buổi biểu diễn tối trở về, nữ nghệ sĩ Mạnh Sảng, trong lúc sờ soạn trong bóng tối để mở đèn bàn đã làm rơi vỡ bức tượng thạch cao Mao Trạch Đông. Cô lập tức đem chôn mảnh vụn, nhưng chẳng may bị một đồng nghiệp phát hiện, hô lên bán đứng. Cô bị đánh đập tàn nhẫn, đóng đinh vào bàn chân, bỏ đói, cưỡng hiếp, bắt ăn phân người... Họ muốn cô thừa nhận là “*có ôm thù hận giai cấp thâu xương đối với Mao Chủ tịch*”. Không chịu nổi cực hình Mạnh Sảng đã dùng gạch kê chân giường tự đập vào đầu, vỡ sọ mà chết.

Bán đứng bạn gái

Lê Liên và Lý Lưu Liên, vì viết thư cho bạn trai thối mắ về Cách mạng Văn hóa, cả hai bị bạn trai bán đứng, sau đó bị phán tội tử hình.

Lê Liên bị xử bắn năm 1970, lúc mới 18 tuổi. Trên đường ra pháp trường, cô đã bị bốn quân y máu lạnh đè xuống sàn xe mổ sống để cướp thận, mổ không gây mê.

Lý Lưu Liên bị xử tử ngày 14/12/1971. Để ngăn cô hô khẩu hiệu, cai ngục đã dùng một que tre vót nhọn đâm xuyên từ lưỡi xuống cằm. Thi thể cô bị quăng bỏ ở vùng ngoại ô.

Bán đứng con nuôi

Tôn Duy Thế là một nữ nghệ sĩ tài danh, cốt cách cao nhã tuyệt vời, du học Nga chuyên ngành hát kịch. Cô là nghĩa nữ của Thủ tướng Chu Ân Lai. Tôn Duy Thế bị Giang Thanh đố kỵ, muốn hãm hại. Để làm đẹp lòng Giang Thanh, Chu Ân Lai đã ký lệnh bắt giam nữ tài, bán đứng con nuôi của mình. Bị nhốt trong nhà giam Tân Thành, cô không nhận tội, chịu đủ mọi lăng nhục đến chết. Sau khi chết, người ta phát hiện trên đầu cô có một cây đinh cắm sâu vào.

Rằng trong văn thường có họa!

Nữ bác sĩ Quan Minh Hoa ở quân khu Quảng Châu, Trung Quốc, là người rất yêu văn chương. Năm 1969, cô bị chụp mũ phản cách mạng. Vì trên nhật ký, cô viết “*Mặt trời màu hồng hoàng vẫn treo trên bầu trời của khu rừng chắn gió, tỏa ra ánh sáng vàng kim chói lọi*”, liền bị vu khống là nói bóng gió “*tư tưởng Mặt trời lặn ở Tây sơn của Mao Chủ tịch*”. Sau khi chịu đủ mọi cực hình tra tấn, năm 1970 Quan Minh Hoa bị phán tội tử hình. Ngày 12/3/1971, án xử bắn được thi hành. Vì để tránh nữ bác sĩ hô to khẩu hiệu, cai ngục đã nhét một ống trúc vào miệng cô, sâu tận cuống họng. Hậu quả của một câu văn đẹp đến rục rờ, thảm khốc

như vậy sao?

Phải trả tiền cho viên đạn giết chết con mình

Lâm Chiêu là nữ tài tử xinh đẹp của trường đại học Bắc Kinh. Năm 1957, cô bị chụp mũ phái cánh hữu, sau đó bị bắt giam. Quản giáo nhiều lần muốn chiếm đoạt thể xác cô, nhưng cô may áo và quần dính liền nhau, đã thế còn la to lên. Tên tù, quản giáo bầy đủ trò tra tấn như tạo tiếng ồn, xúi các nữ tù khác đến sỉ vả, hành hạ.

Ngày 29/4/1968, sau 11 năm ở tù, cô bị hành quyết bí mật. Rạng sáng hôm sau, tên đao phủ đã đến tận nhà đòi gia đình phải trả 5 đồng tiền đạn phí. Mẹ cô Lâm Chiêu sau đó phát điên.

Nữ đồng trinh

Năm 1968, cô Hứa Liên Vinh bị huyện đội phó Vương Lập Long vu cáo là đã dùng sắc đẹp dụ dỗ, “hủ hóa” cán bộ cách mạng. Cô và ông thân sinh là Hứa Trường Gia bị bắt giam và vì bị tra tấn dã man để bức cung, đã phải nhận tội (oan). Sau khi được thả về, trong một đêm cả nhà bảy người đã viết di thư, lấy máu lăn dấu vân tay rồi cả thầy cùng treo cổ tự vẫn.

Kiểm tra thi thể của Hứa Liên Vinh, cô gái chuyên dùng “sex” để “hủ hóa” cán bộ cách mạng, kết quả: cô là nữ đồng trinh (trinh nữ).

Ông Lỗ Tấn ơi!

Nhà văn nào mà chẳng mang kỳ vọng giải phóng nỗi u mê của dân tộc mình. Đem đến ánh sáng cho xã hội tăm tối?

Chiều sâu lịch sử Trung Quốc

Mở lịch sử ra tra cứu... Chỉ thấy trên mỗi tờ giấy viết

xiêu xiêu... chữ nhân, nghĩa, đạo đức... mà nhìn thấu giữa những dòng chữ thì ra cả cuốn đều chép rất có ba chữ: “ÁN THỊT NGƯỜI”... (Lỗ Tấn)

Khói bếp

Theo nhà sử học Frank Dikötter trong quyển “*Nạn đói của Mao*” thì Đại Nhảy Vọt đã làm cho khoảng 45 triệu người chết đói; bên cạnh đó, thêm vài triệu người chết vì bị tra tấn, bị hành hình. Frank viết: “*Nhằm đeo đuổi một thiên đường không tưởng, tất cả mọi thứ phải là sở hữu tập thể. Người dân bị lấy đi công việc, nhà cửa, đất đai, đồ đạc và sinh kế. Trong bếp ăn tập thể, thức ăn được phân phối theo thìa dựa theo công tời, đã trở thành một vũ khí buộc người dân phải theo sát từng mệnh lệnh của cán bộ đảng*”.

Trong truyện ngắn **KHÓI BẾP** của nhà văn A Thanh do Thân Trọng Sơn dịch và giới thiệu, có câu kết như sau: “*Khi hơi nước tan hết, anh nhìn thấy thứ đang nấu trong nồi kia là một bàn tay trẻ con*”.

A Thành đã tiếp nối được bản lĩnh của Lỗ Tấn, đã dám lột trần thói ăn thịt người truyền kiếp của dân tộc mình, là để thấy xấu mà tránh, đừng lặp lại thảm cảnh như trong **KHÓI BẾP**.

“Bánh bao Cách mạng Văn hóa”

“*Sống ở đời không ăn miếng ‘bánh bao Cách mạng Văn hóa’, chết xuống âm phủ biết có hay không?*” Câu này cải biên từ “*miếng dồi chó*”, là món ăn ngon nhất trần đời của những người hâm mộ cây tơ. Chuyện kể rằng, một giảng Mác-Lê Việt Nam (không tiện nêu tên) được cử sang Viện Mác-Lê Trung Quốc làm nghiên cứu sinh, khi về nước cứ trầm trồ mãi về sự thơm ngon, “*ăn một miếng nhớ đời*” của cái bánh bao bên ấy. Mà không phải cứ có tiền là mua được đâu. Bánh bao Cách mạng Văn hóa được phân phối theo

tiêu chuẩn và phải ăn tại chỗ, lúc còn nóng.

Về sau, có người mách cho ông giảng viên biết, nguyên liệu dùng làm nhân bánh bao là thứ “*giá trị không bằng cục phân*”. Vì, như Mao chủ tịch đã nói: “*Trí thức không giác ngộ chủ nghĩa Marx giá trị không bằng cục phân*”, nên sau khi bị Hồng vệ binh đầu tó đã đòi rồi giết chết, người ta không biết dùng cái xác ấy vào việc gì. Các khảo sát cho biết, Giang Thanh không ra chỉ thị, nhưng do căn bệnh ăn thịt người từ tổ tiên truyền lại, đám thanh thiếu niên cuồng điên và nhiệt thành này đã nảy ra sáng kiến: lấy thịt và nội tạng nạn nhân giao cho đầu bếp để làm nhân bánh bao.

Sau khi kiểm chứng nguồn tin, biết đó là sự thật, ông giảng viên Mác-Lê, vừa được phong hàm giáo sư, đã uống thuốc độc quyên sinh.

Mệnh đề Tân toán học

Theo luật De Morgan, mệnh đề toán học (mệnh đề logic) là một phát biểu mà ta có thể xác định là đúng hay sai.

Hãy khảo sát hai phát biểu sau đây:

Một: “*Trí thức không giác ngộ chủ nghĩa Marx giá trị không bằng cục phân*”.

Hai: “*Cởi trói cho Văn nghệ*”.

Cả hai phát biểu đều không phải là mệnh đề tân toán học, vì không thể xác định được đúng sai. Tuy nhiên, điều có thể xác định được là, lãnh đạo CS, họ chẳng coi văn nghệ sĩ trí thức ra cái khí chó, cóc khô hay cút khô gì hết.

Ông Trần Huệ Ân ơi!

Trong tạp bút “*Cuối Năm đi về Panô*”, ông có nêu một câu hỏi về trách nhiệm công dân của người trí thức:

Một ông xem bức tranh “nông công binh trí đoàn kết” hỏi:

- Người mang kính cận, ôm quyển sách là thành phần gì?

Đáp:

- Trí thức.

Ông ta nói:

- Trí thức là người hiểu biết, phải đứng hàng đầu, phải xông lên phía trước để hướng dẫn bà con chớ sao lại rụt rè núp núp lén lén đằng sau?

Ông chỉ nêu câu hỏi rồi lảng sang chuyện khác, nên có độc giả cho là ông né tránh. Ôi chao, né giỏi như vậy mà còn bao phen giập đầu bể trán, cứ thẳng tay mà chọi, nếu không thành cục phân cũng thành nhân bánh bao từ lâu rồi, đâu có vinh hạnh được cỡi trời. Thông cảm chút đi!



Minh họa của Đinh Trường Chinh

Ca dao cải biên

Ca dao:

“Con cò, con vạc, con nông.

Ba con cùng béo, vật lông con nào?

– Vật lông con vạc cho tao.

Hành tiêu mắm muối bỏ vào mà thưng”.

Ca dao cải biên:

“Công an, thuế vụ, kiểm lâm.

Trong ba thằng ấy nên đâm thằng nào?

Bà con (con buôn) bàn tán xôn xao.

- Trong ba thằng ấy thằng nào cũng (đáng bị) đâm.”

Cướp đêm:

Gái bia ôm.

Cướp ngày:

Khách đi ôm.

(To tiền vùi hoa dập liễu/ To mồm giáng Mác-Lênin)

Câu hỏi về tự do

Khi tôi đã nằm giữa nơi sa mạc

miệng đầy cát khô

thì tôi không còn hình ảnh không còn âm thanh.

Tôi vẫn hỏi thế nào là tự do.

(Thanh Tâm Tuyền)

Đốt bùng lên Khát vọng Tự do!

Tôi đọc bài thơ *Ô CỬA NHÌN ĐỜI* của *LÊ PHƯƠNG NGUYỄN* mà giật mình. Sao lại có chuyện một bài thơ hay như vậy mà phải đợi đến hơn ba mươi năm mới trình làng? Thuở ấy ở nhà giam T.20, *Mùa thu 1983* và bây giờ là cuối đông 2016. Phải chăng tác giả đã tự ghìm mình lại để cho biển dâu huyết lệ trong suốt quãng thời gian dài ấy hun đúc trui rèn? Để cho mạch ngầm u uẩn trào dâng không nguôi? Để cho người đọc, bây giờ và sau này, có được cảm xúc uất nghẹn?!

Phải đọc chậm, tuyệt đối không vội vàng, như tác giả đã

từng ghìm bước chân mình lại, bước chậm chạp nhưng vững chắc trong suốt ba mươi năm qua. Đầu tiên là đến với bài thơ *DÒNG SÔNG THƠ ẤU* cũng của Lê Phương Nguyên. Bài thơ có những câu như: *Trong ký ức giữa khung trời đổ nát/ Có dòng sông máu lệ thảng năm chờ*. Bài thơ này sáng tác ở Quy Nhơn năm 1976. Lúc ấy, tác giả đã trần trở: *Rồi cả nước một ngày xuân rét mướt/ Con sông tôi, ai ngăn trở tôi về?/ Những hận thù, những thói đời ngạo ngược,/ Đốt bùng lên thành ánh sáng đam mê!* Đốt bùng lên thành ánh sáng đam mê, nhưng thuở ấy nhà thơ không nói rõ là đam mê gì, vì như câu cuối: *Trời tang thương chưa định hướng nao tìm!* Phải bảy năm chiêm nghiệm trong máu lệ, ánh sáng đam mê ấy mới định hình. Đó là Ngọn lửa Tự do, Mộng đời Tự do. Đốt bùng lên thành Khát vọng Tự do. *Vách bên có tiếng thở dài/ Biết anh đã lỡ mộng đời tự do*. Và phải mất nhiều năm nữa mộng đời của một người mới bùng lên thành nỗi khát khao của một dân tộc? *Phải bao nhiêu năm một dân tộc có thể sinh tồn/ Trước khi người dân được tự do?* (Bob Dylan). Trước mắt, hãy cùng nhà thơ đốt bùng lên Ngọn lửa Tự do, vì đó là nỗi khát khao của cả một dân tộc!

Vancouver, May 2017

NGUYỄN ÂU HỒNG

Tri Ân

Truyện ngắn của Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

“Trời trở lạnh...” Danh lẩm bẩm như vậy rồi bật cười. Ba mươi độ C, vậy mà gọi là lạnh ư? Chắc mình sắp thành cụ già rồi! Anh nhớ bà ngoại anh, cứ vào tháng cuối năm là bà “*quàng quần*” rất kỹ. Bà nói: “Trời trở lạnh...” Còn anh, hiện giờ vẫn chưa thấy mình cần phải mặc thêm gì nhiều. Cuối năm, trời có hơi mát hơn một chút, thấy thoải mái, chứ không thấy lạnh.

A! Nhưng có một điều Danh để ý. Đó là cảm giác nhức trong xương. Nhức xương, nghĩa đen hoàn toàn. Thuở nhỏ anh nghe cha mẹ nói người già yếu hay nhức xương lúc trở trời. Anh có là người già yếu không? Anh đứng lên, nhìn mình trong gương. Minh... vẫn trông như một thanh niên đầy chú! Rồi anh thở dài, bật cười: “vẫn” có nghĩa là “không còn” nếu suy ra.

Lắm khi anh có những ý nghĩ vòng vo như vậy. Cũng vui, anh tự an ủi. Cuộc đời mình còn có gì đáng nói? Có chăng là những phút giây hoài niệm về một thuở xa xăm. Có xa lắm không? Bốn mươi mấy năm thôi!

Anh vói lấy đôi nạng, bước ra ngoài. Ngay trước cổng, anh thấy trên cành của cây mai đã có những nụ hoa bé tí xíu. Lòng anh chợt rộn ràng chút cảm giác của tuổi mới lớn. Ôi, điều gì làm mình cảm động đến thế này? Có phải đất trời vẫn cứ bước đi theo nhịp của thời gian? Vậy thì không có gì con người dừng lại.

Ghé thăm anh bạn cái đã. Giờ này lớp học của Toàn đã xong rồi. Đúng vậy, Toàn đang sắp xếp mấy cuốn sách trên bàn cho ngay ngắn. Nghe tiếng động, bạn nhìn ra, nói ngay: “Là Danh đó hơ?”

“Ừ.”

“Tôi mới xong. Vào đây uống chút cà phê đi ông.”

Danh đùa:

“Giờ này thì uống rượu chứ uống cà phê gì?”

“Rượu thì cũng có.”

Danh ngồi xuống bên bạn, cười:

“Nói vui thôi, tôi uống chút trà có sẵn đây được rồi. Ông biết đó, tôi có thích rượu đâu! Nếu có, thì tôi chỉ muốn có...”

Toàn ngắt lời:

“Rượu Trung Sơn phải không?”

“Phải.”

“Hai thằng mình giống nhau.”

Toàn đứng lên pha hai tách trà, bằng một tay. Rồi Toàn khề khà ngâm thơ:

*“Có rượu Trung Sơn cho lũ tớ,
Tỉnh ra hỏi đã thái bình chưa.”*(*)

Danh cười vang:

“Nghe cứ như ông lão.”

“Không ông lão sao được? Trên sáu mươi rồi ông ạ!”

Cả hai im lặng. Danh mở một cuốn sách trên bàn ra đọc. Còn Toàn vặn cái máy CD để nghe một bài nhạc cũ. Họ vẫn như thế, nói ít. Có khi họ ghé nhà nhau, cũng chỉ để ngồi yên lặng, mỗi người một việc. Nhưng Danh cảm thấy mình rất may mắn còn có người bạn thân như thế này, cùng lớn lên ở một làng quê nghèo, cùng lên Sài Gòn đi học, cùng đi lính...

Toàn bây giờ có một lớp kèm trẻ. Học phí có khi là tiền, cũng có thể là bánh, xôi, gà, vịt... Phụ huynh có gì gửi nấy, thầy giáo hoan hỉ nhận. Toàn đã sống như một thầy đồ xưa. Còn Danh ngày ngày phụ vợ mua bán lật vật kiếm tiền để sống, “giặt gấu vá vai” qua ngày.

Toàn bỗng cất tiếng:

“Danh, ông với tôi đi đến nơi này nhé, tôi muốn biết...”

“Biết gì?”

Toàn cho Danh xem lá thư của một người bà con, gửi qua bưu điện. Nghe nói thời buổi này người ta dùng internet, email gì đó, tiện lợi lắm, nhưng họ còn dùng thư kiểu cũ. Danh lướt nhanh bức thư. Toàn hỏi:

“Ông đi chứ?”

“Đi.”

“Quyết định nhanh thế?”

“Phải. Vì cái địa chỉ này, Nhà Thờ này. Tôi muốn trở lại nơi đó.”

Trở lại, vâng, Danh đã trở lại! Chốn thân quen này chìm sâu trong tâm tư lâu lắm rồi, tưởng đã quên mất. Nhưng nay nhìn thấy lại như được trở về cái thời học sinh của mình, không phải là xa xăm, mà gần gũi lắm, hiển hiện trước mắt. Danh thấy mình là cậu học sinh áo trắng quần xanh, tay cặp cặp vở mới tinh, đi thơ thẩn trong sân nhà thờ sau những buổi học chiều. Anh thường đứng ở cửa bên hông, nghe những lời giảng của vị linh mục già. Rồi anh đi vòng ra phía hang đá có tượng Đức Mẹ Maria đứng chấp tay như cùng cầu nguyện với con người. Quanh chân tượng, người ta đã đặt những bó hoa, những tấm biển nhỏ với các dòng chữ tạ ơn Mẹ.

Cũng nơi đây, có khi anh dõi mắt nhìn theo một tà áo trắng. Cô bạn chắc cũng là học sinh như mình, tan trường vào đây cầu nguyện. Không hẹn mà hai người thường đến trước hang đá cùng một lúc. Có khi họ như không để ý đến nhau, hòa lẫn vào đám đông. Có khi, trong vài phút giây tĩnh lặng, họ thoáng nhìn nhau, như nhận ra nhau quen thuộc. Anh hơi mỉm cười, khẽ gật đầu chào. Cô bạn cũng hơi mỉm cười, gật đầu chào lại. Vậy thôi. Ngày tháng trôi qua. Rồi đến ngày anh đi lính. Họ mất nhau.

Anh thờ dài. Mình đã gặp biết bao nhiêu người trong đời, và cũng đã mất biết bao nhiêu người. Nhưng tự dung đứng trong khung cảnh này anh thấy rất nhớ cô bạn nhỏ ấy.

Toàn xuất hiện phía con đường dẫn vào dãy nhà lớn, gọi: “Danh, vào đây mau!”

Danh đi theo Toàn. Trong khuôn viên Nhà Thờ đã có khá đông người. Danh như khựng lại trước cảnh ấy. Bỗng chốc Danh tưởng như mình đang ở trong một bệnh viện, mà

những người trước mặt mình đây là những bệnh nhân. Chính xác hơn, là trong một quân y viện, và họ là những thương bệnh binh. Ý tưởng chạy vùn vụt về một thời máu lửa. Những tiếng hò hét khi ra trận... Những tiếng đạn bom vang rền nhức tai... Một thời máu xương... Một thời bạn bè gục ngã... Và Danh, Danh chạy lên một ngọn đồi, Danh vác một anh bạn bị thương trên vai mình, chạy băng băng về lều cứu thương. Đạn rớt bên tai. Tiếng người bạn rên siết đốn đau nghe quặn ruột. Ráng lên! Ráng lên! Gần tới nơi rồi. Mày phải sống! Danh nghe một cái gì chém thật ngọt ở chân mình. Anh quy xuống. Chuyện gì vậy? Chúa, Phật ơi, sao đau thế này? Bây giờ mới biết cái đau là thế nào. Mất tối lại. Và hết, không còn cảm giác gì nữa...

Danh đứng lặng trong vài giây mà nghe lâu như mấy mươi năm. Đúng là mấy mươi năm, cảm giác đã trở lại. Đau lắm! Anh nhìn xuống chân mình, nơi thiếu mắt lâu nay.

Chưa tìm thấy một người nào quen, trừ Toàn. Nhưng bỗng Danh đi nhanh đến chào từng người. Danh muốn ôm hết tất cả họ trong vòng tay của mình. Anh em tôi đây mà! Nếu có một ai đó mình đã từng quen, chắc cũng khó nhận ra ngay. Bởi ai cũng khác khổ, yếu mòn, phong sương. Mấy mươi năm dãi dầu, cực khổ, đâu còn nét thanh tú, đâu còn dáng nhanh nhẹn, hào hùng.

Và... cũng đã có người quen. Người nhận ra trước không phải là Danh, mà là một người mù cả hai mắt. Nghe câu chào của Danh, người ấy như ngó đôi mắt, chỉ là hai cái hố sâu hoắm, hơi nghiêng đầu, có lẽ vì một bên tai đã bị điếc, rồi thốt lên:

“Có phải... là Danh không?”

Danh hỏi lại:

“Phải... Còn anh, xin lỗi, anh là... ôi, là Nghi phải không?”

“Phải, Nghi đây!”

“Tôi cũng nhận ra nhờ giọng nói.”

“Đúng rồi! Chỉ nhờ giọng nói thôi. Danh nhìn tôi đi, không còn gì của ngày xưa phải không?”

Đôi mắt của Nghi càng như ngó thêm như cố gắng nhìn

người bạn cũ. Danh ôm chặt lấy bạn. Cái hình hài xa lạ ngồi trên chiếc xe lăn với đôi chân không còn, với đôi mắt không còn, là bạn mình, là người bạn cùng lăn lóc trên chiến trường với mình. Hai người không gặp lại nhau từ khi Nghi chuyển về đơn vị khác. Và cũng đã bật tin nhau sau cái ngày định mệnh tháng Tư. Vâng, sau ngày đó, nhiều người đã không còn thấy lại nhau, do thiếu liên lạc, do cuộc sống khó khăn, ai cũng phải trần thân kiếm sống. Nhiều lý do lắm. Họ tự trách, nhưng cũng không làm được gì hơn.

Toàn cũng đến bên Nghi, ôm lấy bạn. Cũng nhờ giọng nói, Nghi nhận ra Toàn. Và, bằng một giọng khô hài, Nghi hỏi: “Sao ông ôm tôi có một tay?”

Toàn trả lời:

“Thì có một tay.”

“Ông đưa cho tôi hết cả hai tay coi nào!”

“Có đâu mà đưa?”

“Ha ha, hiểu, hiểu.”

Nghi quay qua Danh:

“Ông này thì còn đủ hai tay, nhưng đưa cho tôi mượn bớt cây nạng.”

Danh đâm nhẹ vào lưng Nghi, cười vang:

“Ha ha, không thoát khỏi đôi mắt thần của ông.”

Ba người bạn vui quá, không nén được những tiếng cười hân hoan.

Mọi người được mời vào một khoảng sân rộng, nơi đã kê sẵn những chiếc bàn vuông và ghế nhựa. Cùng với họ, những người khác cũng lần lượt đến ngồi. Có những người đã đến bằng xe lăn như Nghi thì ngồi luôn ở xe lăn. Kìa, một người mất cả hai chân đã dùng hai chiếc ghế đầu thấp cột vào chân để làm “chân giả” khi di chuyển. Kìa, một người mù đang đi nương theo vai của đứa con trai, mà trên hai vai của ông thì vắt vẻo hai xâu bún chả. Hôm nay hẳn là ông đã bỏ một buổi đi bán hàng rong để về tham dự buổi tiệc này. Và kìa, một người mang theo cây đàn ghi-ta, đang ngồi so dây để chuẩn bị một bài hát. Đây có phải là một trong hàng ngàn người “nghệ sĩ đường phố”, “nghệ sĩ bển

xe”, “nghệ sĩ bên phà” ngày ngày đàn hát những bài nhạc quê hương để kiếm sống, mà cũng để hoài niệm về một quê hương đã mất? Họ đang đứng trên mảnh đất quê hương của họ, nhưng đã trở thành kẻ xa lạ khi xã hội không dành cho họ một chút tình thân.

Những câu hỏi han, những lời mừng rỡ khi nhận ra nhau, cùng ngưng lại khi vị linh mục bắt đầu lời chào. Một bài diễn văn ngắn gọn nhưng rất xúc động. Là thông điệp của tình thương. Là sự tri ân dành cho họ. “Tri Ân Quý Ông Thương Phế Binh VNCH.” Đã nghe câu này khi người bạn loan báo. Vậy mà khi nghe trực tiếp từ vị linh mục, Danh thấy một cảm giác rất lạ đến với mình. Mình có nghe làm không? Bốn mươi năm trên quê hương xa lạ của mình, có bao giờ nghe ai nói đến “tri ân người lính VNCH” hay “tri ân người thương phế binh VNCH” đâu! Ngày ba mươi tháng Tư năm 1975 chúng tôi bị đuổi ra khỏi các quân y viện, người mù cõng người què, người còn sức cõng người đuối sức, rất nhiều người không có tiền về quê nhà xa lắc, đã phải sống như những người hành khất. Từ đó đến nay chúng tôi như bị đặt ngoài lề xã hội. Tệ hại hơn, chúng tôi bị gọi là “có tội với nhân dân.” Chúng tôi sống nương nhờ gia đình nếu may mắn còn có gia đình. Chúng tôi sống bên cạnh sự bạc bẽo của xã hội. Chúng tôi sống thiếu bạn bè. Và vì cuộc sống lam lũ, chúng tôi đã thu mình lại. Chúng tôi làm lao động, khuân vác, làm ruộng, làm ông đồ, đi hát dạo... Đôi lúc gặp lại bạn bè, thấy có anh thất chí, có anh uống rượu quên đời, nhưng đa số chúng tôi vẫn giữ lòng tự trọng, vẫn luôn muốn đứng thẳng trên đôi chân dù đã mất của mình. Chúng tôi vẫn muốn sống, sống có ý nghĩa.

Nhìn quanh đây, những con người thương tật. Họ đã có một khoảng đời đẹp cống hiến cho đất nước. Khi đó, họ là những thanh niên tràn đầy sức sống. Một ngày, họ ngã xuống, gửi xương thịt mình vào đất. Họ trở thành thương phế binh. Chúng tôi, những học trò chăm chỉ ở ghé nhà trường, thuộc lòng những vần thơ của người xưa...

“Có rượu Trưng Sơn cho lũ tớ,

Tỉnh ra hỏi đã thái bình chưa.”

Danh không uống, chỉ mong có “rượu Trung Sơn” để uống cho say ngàn vạn ngày. Vâng, chúng tôi như “lão say” Nguyễn Khuyên, sống lặng thầm mong chóng qua giấc ngủ bốn mươi năm, hay còn phải qua bao nhiêu năm nữa...

Bây giờ thì cũng có rượu, nhưng là một chút rượu nhẹ được dọn ra trong bữa cơm. Những người mang thức ăn tới mời các thương phế binh là những bạn rất trẻ. Chắc chắn họ là những tình nguyện viên. Họ không chỉ đơn giản là làm việc bác ái, mà hẳn còn do tấm lòng tri ân. Họ đến từ nhiều môi trường trong xã hội, từ mọi tôn giáo, theo lời của vị linh mục.

Trước khi ra về, mỗi người được tặng một phần quà. Vị linh mục cho biết đó là tấm lòng của những người trong nước và ở hải ngoại đóng góp. Danh nhận phần quà của mình từ một tình nguyện viên. Người phụ nữ này trạc tuổi Danh. Khi chị mỉm cười, cúi đầu và nói “cám ơn anh”, Danh bàng hoàng, tâm trí chạy vùn vụt về những ngày tháng cũ, như một cuộn phim. Những ngày vui vẻ hồn nhiên “mài đũa quần trên ghế nhà trường”, nghịch phá nô đùa, chọc ghẹo bạn bè. Những buổi chiều thơ thẩn nơi khuôn viên Nhà Thờ, mơ mộng nhìn theo một tà áo dài trắng. Những ngày trong quân trường, bạn bè là những chàng trai cùng từ già mái trường như mình. Những ngày lặn lội trong chiến trận, cái sống gần ngay bên cái chết. Những ngày trong quân y viện, nỗi đau đớn khôn cùng, mất mát một phần thân thể. Những năm tháng lam lũ chốn quê nghèo... Nhưng mình vẫn sống, vẫn chống chịu.

Danh bỗng bật khóc. Nước mắt anh dào dạt rơi. Ô hay, khi mất cái chân, anh đã cắn răng chịu đựng, nào có nhỏ một giọt nước mắt! Thế mà giờ đây anh lại khóc. Anh khóc trước nghĩa tình “tri ân.” Anh biết mình, và các bạn mình, không cô đơn. Những tấm lòng “tri ân” đó sẽ giúp anh và các bạn anh đứng vững “trên những đôi chân đã mất” của mình.

Trên những cành cây trong sân Nhà Thờ, anh thấy vô số

chòi non. Mùa xuân sẽ đến!

(*) *Thơ Nguyễn Khuyến*

Cuối năm 2017

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

THƠ NGỌC BÚT

GÒ DẦU HẠ

có ai nhắc đến Gò Dầu Hạ
một bài thơ cũ đã rất xa^(*)
trời ơi, phố nhỏ, tôi, bè bạn
tuổi thơ, trường lớp, bướm và hoa

đêm ngủ chiêm bao, nghe pháo kích
bật dậy mấy giây chạy xuống hầm
sớm mai có xác người trước cửa
mắt mở trừng đón gió lạnh căm

áo dài trắng buồn hiu đến lớp
vòng vèo qua con phố bụi mù
xe nhà binh và lính và súng ống
ven đường ai trông theo ngẩn ngơ

một mùa thi một mùa chạy giặc
cà phê thức trắng con miền du
thầy đi lính bạn bè đi lính
đợi chờ ai sương khói ngày sau

tôi đi, đi mãi quên lời hẹn
bốn mươi lăm năm chẳng không về
phố của bướm, hoa, máu, và nước mắt
một đời không tỉnh nổi giấc mê...

NGỌC BÚT

(Saigon, 21.12.2017)

(*) bài thơ *Viết Trên Đường Chuyển Quân* của Nguyễn Văn Ngọc (blog Trần Hoài Thu, 19.12.2017)

Nguyễn văn

Nguyễn văn Ngọc

Viết trên đường chuyển quân

Tháng chạp về Tây Ninh tăng phái
đại đội chuyển quân bằng công-voa
chào nhé Tân Uyên, rừng bỏ lại
bạt ngàn tre, dài những trận mưa.

qua Gò Dầu Hạ trời hừng sáng
so vai nghe lạnh gió đông về
xe dừng, lính đổ tìm hàng quán
ta cũng thêm sao, ly cà phê.

phố nhỏ điều hiu buồn như thể
cô hàng, đôi mắt ướt, xa xăm
cũng tóc xõa vai cho ta nhớ
người yêu xưa giờ đã mù tăm.

đốt thuốc, khói bay đầy quán sớm
mấy thằng em cười nói râm ran
đời lính trận, tử sinh, nguy khốn
niềm vui là đôi phút nghỉ chân.

xe tiếp tục đường lên tây bắc
tháng chạp, mùa đang lúa chín đồng
tháng chạp, làm viện quân đuổi giặc
Giáng sinh này lại ở trên rừng.

NGUYỄN KHẮC NGŨ

TIẾNG CA MIỀN BIỂN

(tiếp theo và hết)

LTS: Tiếng Ca Miền Biển là tài liệu về ca dao miền biển đặc biệt là tỉnh Bình Thuận do giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ sưu tầm và phổ biến trên Văn Hóa Nguyệt san qua 5 kỳ báo phát hành trong năm 1964.

TQBT số trước khởi đăng phần đầu dưới tựa Tiếng hát ân tình gồm những tiểu mục sau:

- Khi mới gặp nhau
- Lúc yêu nhau
- Việc cưới xin

Kỳ này đăng tiếp:

- Tình duyên dang dở
- Gia đình
- Ca dao dạy khôn
- Ca dao châm biếm
- Hát đối
- Hát trẻ con

(TQBT)

TIẾNG HÁT ÂN TÌNH (tiếp)

IV. TÌNH DUYÊN DANG DỖ

Có những người nhà ở gần nhau, cứ tưởng lửa gần rơm lâu ngày cũng bén:

Gần nhà, xa ngõ, chịu khó đi quanh,

*Bông khế lộn với bông chanh,
duyên ai nấy gặp, đổ dành làm chi...*

Nhưng bất thành linh một ngày nào đó, em đi lấy chồng xa,
người con trai chỉ biết còn than than, thở thở:

Bớ em hai ơi !

Chồng gần sao em không lấy ?

Em lấy chồng xa !

Mâm cơm bát nước mẹ già ai dâng ?

Yêu nhau đâu để lấy được nhau:

Tưởng rằng kèo cột ở đời

Hay đâu kèo ngả cột rời đôi phương

Hai đứa mình vôi vãi vì thương

Ví như trâm cát trong rương đã rời.

Ai ngờ khóa gãy, chìa rơi,

Rương kia hở nắp, để bay hơi trâm.

Họ chỉ còn biết than thở, tiếc thương như:

Tiếc công anh vun bón cây mè,

Ra bông, có nụ cho con chim què đậu lên.

Hay chỉ biết đổ tại trời:

Tiếc công anh lên xuống, xuống lên,

Đường mòn, cỏ rụi, không nên tại trời.

Họ trách cha mẹ người con gái và dọa trả thù:

Thiên minh minh, địa cũng minh minh,

Ai có con không gả cho mình,

Mai sau lửa cháy, kêu mình đốt thêm

Trái bao lên thác, xuống ghềnh,

Thác ghềnh còn đó, ai đành phụ ai?

Hoặc người con gái trách chú Sở Khanh:

Đem em mà bỏ xuống ghềnh,

Kéo neo mà chạy sao đành, chú lái ơi?

Hoặc người con trai trách nàng bạc nghĩa:

Nước sông em không uống, em uống nước bầu,

Em chê đây, lấy đó ‘có giàu’ gì hơn ai?

Thượng mã băng sông, hạ mã băng bầu,

Em tìm khôn khó dựng, chứ ham giàu thiếu chi?

Họ đòi nhau tặng vật, hoặc người con trai lên tiếng đòi:

*Thấy bông cúc vàng, bỏ ngang cúc tím,
Em có chồng rồi, trả yếm cho anh!*

Và cô gái chanh chua không trả:

*Cúc tím trở lộn cúc xanh,
Yếm em em mặc, đâu có yếm chi anh mà anh đòi!*

Hoặc tự ý trả lại:

*Anh thương em, anh sắm cho em cây kiềng hai khóa,
Em thương anh, em tặng anh cây lược đôi môi.
Bây giờ anh có vợ rồi,
Kiềng hai khóa em trả, lược đôi môi anh đưa đây!*

V. GIA ĐÌNH

Ca dao là tiếng nói thành thật nhất, không giấu cả những cái gì thầm kín ở trong nhà:

*Đêm nằm, gối gấm không êm,
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.*

....

*Chim quỳên ăn trái nhãn lông,
Cá kia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

Cảnh gia đình hạnh phúc được mô tả rất nhiều trong ca dao, hoặc một tiểu gia đình chồng đọc sách, vợ quay tơ; một gia đình học trò:

*Sáng trăng trái chiếu hai hàng,
Trên anh đọc sách, dưới nàng quay tơ.*

Hoặc một gia đình ngư phủ nghèo nàn:

*Người ta giàu, ăn cơm liền, cá gắp,
Đôi đĩa mình nghèo, ăn cơm bấp lộn khoai lang.
Ai xui chi ta lại gắp nàng,
Như Vân Tiên thuở trước gắp nàng Nguyệt Nga.*

Vợ chồng lúc nào cũng lấy thuận hòa làm chuẩn đích:

*Ngó lên rừng, thấy cặp cu đang đá,
Ngó xuống biển, thấy cặp cá đang đua.
Em về lập miếu thờ vua,
Lập lãng thờ mẹ, lập chùa thờ cha.
Chữ Trung, chữ Hiên, chữ Hòa,*

Em đó anh, trong ba chữ ấy, chữ Hòa thờ ai?
 Người đó lại tự trả lời:
Chữ Trung em để thờ vua,
Hiếu thờ cha mẹ, chữ Hòa thờ anh.
 Vợ chồng như đũa có đôi, nên chẳng ai muốn rời nhau:
Lên non, em cũng lên theo,
Xuống thuyền, em cũng ngồi leo mạn thuyền.
 Họ cùng chia sẻ với nhau những vui buồn:
Nước trong thấy đá, cá lội thấy hàng,
Khổ em em chịu, khổ chàng em thương.
 Đôi khi người vợ có điều gì không phải thì người chồng
 phải khuyên can, họ thường đem chuyện xưa, tích cũ ra để
 làm gương:
Em đừng thấy bận quần dài áo rộng, em kêu là người
quân tử,
Em đừng thấy bận quần rách, áo rưới em bảo là kẻ
tiểu nhân.
Bớ em ơi!
Em không nhớ chuyện Thạch Sanh đóng khóa, gậy
đòn,
Vua ban áo mào... ai hơn được chàng?
Em chớ có đòi học thói Phi Loan,
Ham thăng Tử Trục bỏ chàng Vân Tiên.
Em đừng theo thói Điều Thuyền,
Sớm mai Đổng Trác chiều liền Lữ Gia⁽²⁾.
Em ở làm sao như Kiều Nguyệt Nga,
Giữ niềm chung thủy, sang qua kết duyên.
 Vợ chồng tình sâu, nghĩa nặng không phải chỉ trăm năm
 bền vững mà thôi, họ còn mong mang cả xuống tuyền đài:
Vợ với chồng, tình thâm, nghĩa trọng,
Sống thì gửi bạc, chết lại gửi xương,
Một mai thác xuống Diêm-vương,
Em cũng tầm theo lấy cốt, lập từ đường thờ chung.
 Trong gia đình, ngoài tình vợ chồng, còn bổn phận đối với
 mẹ cha. Dù giàu hay nghèo, dù dâu hay con để vẫn phải
 một lòng hiếu đễ:

*Cầm cần, câu cá ngược xuôi,
Nấu canh rau má để nuôi mẹ già.
Mẹ già hai đũa nuôi chung,
Đũa nuôi cơm cháo, đũa hùn thuốc thang.*

Lúc nào con cái cũng phải hầu hạ mẹ cha trước khi vui thú với nhau.

*Rượu lưu ly chân quỳ tay rót,
Cha mẹ uống rồi, nôi gót theo anh.*

Đôi với cha mẹ, đôi với chồng đã vậy, người con gái còn phải tôn trọng cả họ nhà chồng:

*Rượu không ngon, mấy thuở rượu nồng,
Bè mô em cũng trọng, phía bên chồng em trọng hơn.*

Để giữ cho sui gia hai bên khấn khít, người con gái cần phải làm sao cho có quà trao đi, đổi lại:

*Ai về nhắn với họ hàng,
Mít ngon gửi xuống, cá chuồn đưa lên.*

Ở xã hội Đông phương chữ Hiếu còn kể cả việc có con nói đôi tông đường và người con gái hiếm muộn không tránh được nỗi khổ đau:

*Có con nói dòng tiên tổ,
Không có con cực khổ với chàng.*

Khi yêu nhau, người ta không muốn ai chia sẻ tình yêu:

*Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.
Vôi nào là vôi chẳng nồng,
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.*

Tuy lúc nào người ta cũng khuyên các bà không nên ghen tuông;

*Có chồng dặn chồng đừng sợ⁽³⁾,
Có vợ khuyên vợ đừng ghen*

Nhưng tính của người đàn bà vốn dễ ghen lại có thể còn ghen đến độ khủng khiếp hơn nhiều:

*Cá lội trong thùng, cá vùng cá vẫy,
Chuột mắc bẫy, bới ống tre khô.
Em nghe anh có vợ nơi mô,
Núi sơn lâm em (cũng) phá nát thành hồ anh coi.*

Đôi khi người ta cũng gặp các bà mẹ chồng cay nghiệt kiểm soát cả việc phòng the của con cái:

*Chuột kêu chút chút trong rương,
Anh đi cho khéo, đừng giurong mẹ hay.*

Hay một nàng dâu chanh chua đanh đá, thường mai mỉa cả mẹ chồng – nàng cho rằng họ tham tiền:

*Tiếng rằng cha mẹ anh hiền,
Cấn cơm không bẻ, cấn tiền bẻ hai.*

Hoặc chế nhạo cả chồng như:

*Anh tới nhà em, anh xắn tay áo,
Anh cuốn bức sáo, anh dọn bàn thờ,
Mắt anh ngó nghiêng cha mẹ vợ,
Tay anh rờ đĩa xôi...*

hoặc:

*Gái khôn lấy phải thằng chồng dại,
Như bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu.*

hoặc:

*Thuyền rồng chở lá mù u,
Người khôn mà lấy người ngu bực mình.*

Có những cô gái duyên dáng, không may lấy phải tằm chồng không xứng thiên hạ cũng không tiếc lời chế giễu:

Củ tre dễ nấu chồng xấu dễ sai.

hoặc tiếc thay cho nàng:

*Tiệc cây lọng vàng che nải chuối xanh,
Tiệc người lịch sự lấy anh khật khừ.*

Có những chàng trai trẻ đẹp, lại cưới ngay một mụn nạ dòng cũng khiến thiên hạ chê bai:

*Trai tơ chẳng lấy gái tơ,
Đi đâu lật đật lại quơ nạ dòng.*

Họ cũng yêu ớt chồng đôi lại:

*Cau già, dao sắc vẫn non,
Nạ dòng trang điểm lại tròn như xưa.*

Nhưng cũng chỉ làm người ta hạ thêm những lời không đẹp:

*Làm trai lấy gái nạ dòng,
Cơm chan nước lạnh, mận nồng gì đâu?*

Thời xưa làm trai năm thê bảy thiếp là thường:

*Nam nhi chi chí,
Xử lý tại gia.
Ai ai cũng có vợ nhà,
Vợ nhà mặc vợ, xử hòa thì thôi.*

Song người dân quê cho rằng đó chỉ là đặc quyền của kẻ giàu sang, họ moi móc:

*Ai bì anh có tiền bỏ,
Bỏ ra anh cưới mười cô một lần.
Cô Hai buôn bán táo tợn,
Cô Ba đòi nợ chỗ gần chỗ xa.
Cô Tư dọn dẹp trong nhà,
Cô Năm sắc thuốc, cô Sáu rửa mùng,
Cô Bảy thông thả nằm chung với chồng.
Một trăm chìa khóa để cô Tám cầm,
Tổn hao bao nhiêu cô Chín chịu,
Nợ nần để đó... đã có cô Mười lo.*

Hay:

*Anh đi chợ Sài gòn,
Anh mua xấp vải.
Anh về anh trái,
Cô Hai cắt,
Cô Ba may,
Đường đình cô Tư dệt,
Cổ tay cô Năm viền,
Cô Sáu đóng đồ (???)
Cô Bảy tra khuy,
May rồi anh bạn ra đi,
Cô Tám núu, cô Chín trì,
Cô Mười ơi để vậy... còn gì áo anh.*

Đáng lý ra, nếu đã vợ nọ, con kia thì phải thương yêu cho đều:

*Trông trâu thì phải khai mương,
Làm trai hai vợ phải thương cho đều.*

Nhưng người vợ cả, thường lớn tuổi hơn vẫn chịu thiệt thòi:

*Cuộc lẻ đôi, cuộc còn than khóc,
Huống chi nghĩa vợ chồng đành phân tóc rẽ tơ.*

*Bao năm anh cứ làm ngơ,
Anh mê vợ bé, thờ ơ vợ hiền.*

Dù người chồng bội bạc, người vợ cả vẫn phải quán xuyến việc nhà:

*Gió đưa bụi chuối sau hè,
Anh mê vợ bé, bỏ bê con thơ.
Con thơ tay ấm, tay bông,
Tay dắt mẹ chồng, đầu đội thúng bông.*

Tuy thế họ vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt:

*Phu thê là trọng,
Nhân nghĩa tình thâm.
Đêm năm ván ngựa khóc thâm,
Chồng Nam vợ Bắc nước mắt hai hàng tuôn rơi.*

Họ vẫn mong một ngày kia người chồng tỉnh ngộ trở về:

*Thương mà khóc, khóc sao cho đặng,
Nhớ mà trông, trông chẳng đặng chàng.
Đêm năm góc thị mơ màng,
Thị thom mặc thị, nghĩa chàng thiếp chẳng quên.*

Đời người đàn bà lúc nào cũng phải lo công, lo việc nhà chồng và cũng phải lo cho thân phận của mình:

*Một mình lo bảy lo ba,
Lo cau trở muộn, lo già hết duyên.*

Họ sợ nhất cảnh đổ vỡ trong gia đình:

*Cây kim châm áo lụa dây,
Cho nên nhân nghĩa càng ngày càng xa.*

đề đến nỗi:

*Ngày nào ăn một mâm, năm một chiếu,
Anh nói câu trung hiếu, nói chữ ái ân.
Ngày hôm nay, anh ham chữ phú, anh phụ chữ bản,
Chà chân, xát cằm, tui phần duyên em.*

Họ sợ cảnh cướp chồng, nhất là kẻ cướp đó lại là con cháu trong nhà thì tránh sao được lời dè bêu:

*Ếch kêu dưới vũng Tàu Ô,
Dượng mà lấy cháu bỏ cô sao đành.*

Họ mai mỉa kẻ cướp chồng:

Hồi nào kêu dượng ngọt thanh,

Bây giờ kêu dựng bằng anh ngọt lừ.
Họ than, họ thở, họ trách người mai mối, trách kẻ bạc tình
và cũng trách mình không chịu xét kỹ trước khi nhận lời:
*Ngọn đèn đèn ngọn tía tô cùng tía,
Ngọn lang dâm, ngọn mía cũng dâm.
Tốt mai, tốt mối nên làm,
Phải chi em hay vậy, vàng cầm em cũng buông.*

(2) Lữ Bố trong truyện *Tam Quốc*.

(3) Sợ vợ.

CA DAO DẠY KHÔN

Trong những số trước chúng tôi đã trình bày phần ca dao thuộc về loại “hát ân tình” để diễn tả một phần nào đời sống tình cảm của người dân miền biển.

Kỳ này, chúng tôi muốn giới thiệu với độc giả vài loại ca dao khác như ca dao dạy khôn, ca dao châm biếm, ca dao giới thiệu cảnh vật từng vùng, v.v...

1. Ca dao quả thực là một kho tàng để dạy khôn người đời về đủ mọi phương diện.

Có thể ca dao là một bài dạy khôn về khí tượng, nhất là đối với các dân chài, khí tượng lại cần thiết vì sẽ liên quan đến đời sống của họ trong những buổi ra khơi. Người dân chài không cần những máy móc tối tân để xem khí tượng, họ chỉ cần rút những kinh nghiệm từ đời này sang đời khác và thể hiện qua ca dao:

Thí dụ:

*Ráng hòn Bà⁽¹⁾, ở nhà mà ngủ,
Ráng Tà Cú⁽²⁾, chị em ta rủ mà đi.*

Trước khi ra khơi người dân chài nhìn ráng trời, nếu ráng ở Núi Bà thì sắp có giông tố, biển sẽ động nên không thể ra biển được. Trái lại, nếu ráng ở núi Tà Cú thì biển lặng, gió yên, đàn bà con gái cũng có thể ra biển được dễ dàng.

Hoặc:

*Làm trai phải biết đủ nghề,
Hòng khi có lỡ thì về mót khoai.
Mót được củ chạc, củ chài,
Củ giắt lưng khó, củ nhai vào mồm.*

Ca dao là một cuốn lịch của người dân địa phương, nó giúp người dân nhớ ngày tết lễ, nhớ mùa làm ăn:

*Tháng ba ra biển đào sò,
Tháng tư ra biển đi mò chang-chang.*

hay:

*Người Chăm⁽³⁾ ăn tết tháng Dần,
Người Tản⁽⁴⁾ ăn tết tháng Hợi.*

Ca dao còn dạy người ta ăn ở cho khôn ngoan, khéo léo, như ăn nói cho dịu dàng:

*Chim khôn kêu tiếng rang rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

Như thận trọng khi đi đường:

*Ra đi cha mẹ dặn dò,
Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ đi.*

hoặc khuyên người ta nên mau mắn:

*Chim khôn chưa bắn đã bay,
Người khôn chưa nói, dang tay đỡ lời.*

Hay cũng khuyên người ta nên sớm lập gia đình:

*Cha già con mọn chơi vơi,
Gần đất, xa trời, con chịu mồ côi.*

Ca dao cũng chỉ bảo cho người ta những hiểu biết nhỏ nhặt trong việc nội trợ:

*Cá bóng kho tiêu,
Cá thiều kho mặn.*

hoặc:

*Móng dài trời lụt,
Móng cụt trời mưa.*

hay:

*Ráng mỡ gà thì nắng,
Ráng mỡ rắn thì mưa.*

Ca dao có thể là túi khôn truyền cho ta những hiểu biết về nghề nghiệp:

*Trời nắng tốt dưa,
Trời mưa tốt lúa.*

Người dân tỉnh Bình Thuận ngoài nghề đánh cá còn sống nghề cấy lúa và trồng dưa. Nghề cấy lúa ở vùng này rất bất bênh . Vùng này sông ngòi ngắn và cạn không đủ nước dùng trong việc dẫn thủy nhập điền, ruộng chỉ cấy được nhờ nước mưa nên gần như là chỉ có năm mưa nhiều mới có nước cấy còn những năm mưa ít thì đành để ruộng hoang mà thôi.

Nghề trồng dưa ở Bình Thuận cũng phát đạt lắm, dưa ở Bình Thuận trồng lấy hạt – đa số hạt dưa sản xuất ở Việt Nam dùng trong Tết là do tỉnh Bình Thuận sản xuất. Những ruộng dưa này nằm dài từ Bình Tuy ra đến Cà Ná (Ninh Thuận). Nếu trời mưa nhiều màu mỡ sẽ trôi đi hết, dưa trở thành mất mùa. Ca dao còn giúp người ta tiên tri qua những điềm xấu xảy ra như:

*Đầu năm đỏ nháy xuống đồng,
Suốt trong năm ấy chớ hòng mà sang.*

hay:

*Tối nay cú rít cổng nhà,
Sáng mai không phải là bà cũng ông.
Nếu không chết đuối dưới sông,
Cũng là mắc dịch, lạnh đồng nằm rên.*

Ca dao khuyên người nông dân phải chăm chỉ làm ăn như:

*Mặt trời tang tảng rạng đông,
Chàng ơi trở dậy ra đồng kéo trâu.
Phận hèn bao quản nắng mưa,
Cày sâu, bừa kỹ được mùa có phen.*

.....

*Ngó lên hòn núi Tà Dôn,
Ngó về hòn Một, Dao ngôn, Bàu Tàn.
Ngó lên hòn núi Bằng quàng, Xã Thô,
Ngó ra Tà Cú, ao hồ,
Núi Ách, Núi Rễ không bằng Núi Giăng.
Ra đi một đôi phăng phăng,
Núi Đền, Núi Lở không bằng Núi Tiên.*

hay giúp người ngư dân nhớ tên các miền duyên hải mà
thuyền họ thường qua:

*Sấp lưng từ giã Núi Ông,
Như chim xô lồng như cá buông khơi.
Im trời ta sẽ lần vào,
Trong vịnh Cà Ná ngoài thời Lao Cau.
Nói lèo rán bánh mau mau,
Gành Nha, Vực Lở tới nơi Vũng bùn.
Nam lò Đâu Chợ chín ghê,
Ba Neo neo xuống tứ bề sóng cao.
La Gàn có mũi thấp cao,
Nhắm chừng Trại Lưới buông vào,
Mũi Duồng, Hỏa Diệm xinh đà quá xinh.
Phan Rí nơi đó có kinh,
Đá Hang, Ba Động thấy hình xa xa.
La Gi, Mũi Nhỏ kia kia,
Hòn Bường, Hòn Đú sang kia Hòn Nghè,
Ngó vô Suối Nước đẹp ghê,
Ghé tìm nước củi, tựa kê Hòn Rôm*

Hoặc trình bày những sản phẩm đặc biệt trong vùng như:

*Tiếng đồn Đại Năm nhiều xoài,
Xuân Phong nhiều cốm, Phú Tài mạch nha.*

Hay:

*Bầu Sen có mít thật to,
Bầu Me có trái lồ ô thật giòn.*

-
- (5) *Tên một ngọn núi ở Tây Bắc Phan Thiết*
(6) *Tên một ngọn núi ở Tây Nam Phan Thiết*
[Tập XIII, quyển 5&6 (tháng 5&6, 1964)]
(7) *Người Chăm.*
(8) *Người Việt.*
-

CA DAO CHÂM BIÊM

1. Ca dao còn mang màu sắc châm biếm:

Hoặc chế giễu một ngư ông hay rượu:

Chiều chiều ông Lữ⁽⁶⁾ đi câu,

Cá Ve cá Chén, cá Bàu⁽⁷⁾ theo sau.

Hoặc chế nhạo bọn lính Pháp chuyên bắt gà, heo của đồng bào:

Cắc bup, cắc bup xèo!

Ba thằng giặc Pháp bắt heo bắt gà.

Cắc bup, cắc bup, xòa!

Ba thằng giặc Pháp bắt gà bắt heo.

Hoặc giễu cợt bọn cán bộ Việt Cộng:

Vai mang sắc-cốt kè kè,

Tưởng là tài liệu, ai dè cá khô.

Hay cười bọn du kích Việt Cộng bắt tiêu thổ kháng chiến rồi bỏ chạy khi Tây đến rồi lại đuổi theo lúc Tây đi, để rồi bắt đồng bào khao quân bảo là đuổi được giặc:

Tây lên tới xóm Thượng Cà,

Bắt người rồi lại đốt nhà giết heo.

Tây về xách súng chạy theo,

Đồng bào lại phải giết heo giết gà.

Người ta cũng chế nhạo các trọc phú đất Phan Thiết, chỉ biết làm giàu bằng mồm mà không để ý đến học hành: “*Văn*

chương không bằng xương cá mèi". Xương cá mèi là một loại bả mắ người ta dùng để làm phân. Người ta cũng thích đùa những người hay đòi hỏi những điều quá đáng:

Đã liều lựa ế bán cho,

Còn chê khổ hẹp, đòi đo thước dài.

Cũng ưa gheo những người hay cãi:

Tình ngay mà vấp lý gian,

Mèo không ăn vụng, trèo giàn làm chi.

hay chòng những người làm xấu rồi đổ cho người khác:

Con mèo đập bể nồi rang,

Con chó chạy lại, phải mang lấy đòn.

(8) *Lữ Vọng*

(9) *Tên 3 loại cá nhưng cũng trùng tên với chai ly và bầu, 3 vật cần thiết của người nhậu nhẹt.*

Hát trẻ con.

Ban đêm, dưới ánh trăng các trẻ con các xóm, các chài kéo nhau đến tụ tập ở ngoài bãi biển hay sân đình, chùa để vui đùa. Chúng thường chia nhau từng toán, ít thì năm bảy đứa, nhiều thì đến mười hai, mười ba đứa, cùng nắm tay mà hát:

Tùng phình, tùng phang

Khoai lang có củ

Thu đủ có trái

Con gái có duyên

Đống tiền có lỗ

Bánh tổ thơm ngon

Bánh đòn thì béo

*Cây kéo thợ may
Cây cày làm ruộng
Cây thổng đắp bờ
Cái lò thả cá
Cái ná bắn chim
Cây kim may áo
Con sáo giữ nhà
Con gà đi họ*

Có chỗ trẻ con lại kéo dài bài hát này như sau:

*Thằng Là đi học
Thằng Trọc đi tu
Con cu nó gù
Mẹ Dù đi chợ
Mẹ vợ ở nhà
Tùng phình, tùng phang!*

Có khi chúng nắm tay nhau cùng hướng về mặt trăng mà hát:

*Thằng Cuội đi đâu
Bỏ trâu ăn lúa
Bà Chúa bắt được
Bà Lược đi thưa
Bà Dừa nói láo
Đi kiện đi cáo
Tùng tình, tùng tang!*

Hoặc chia thành hai bè, mỗi bên hát một câu:

*Chụp chùm chum
Em lẩy chóng
Chị ở giá
Em ăn cá
Chị mút xương
Em nằm giường
Chị nằm đất
Em ăn mật
Chị ném gai
Em ăn chè
Chị liếm bát*

*Em coi hát
Chị vỗ tay
Em ăn mày
Chị xách bị
Em làm đi
Chị xô tiền*

Có khi về buổi sáng, lúc nắng vừa lên, chúng cũng vừa đùa với ánh nắng vừa hát:

*Nắng lên! Ông nắng!
Cho trắng cục than
Cho tan cục gạch
Cho sạch bụi tre
Cho le⁽¹⁾ chết đói
Thầy bó hết tiền
Cây riềng không củ
Đu đủ hết trái
Con gái vô duyên
Đồng tiền không lỗ
Đám giỗ ít người
Mọi người chết nắng!*

Câu hát trẻ con có khi còn là những câu nói ngược:

*Ngồi buồn nói ngược mà chơi,
Cu-liêm nó liệng tới trời không hay.
Con chó dắt ra đi cày,
Con trâu rượt sữa một bầy con voi.
Một lũ con nút đi coi,
Trưa trưa xách đuốc đi soi ếch bà.
Con nút dắt những ông già,
Chân đi lấm dẫm vầy mà té sao.
Câu cá lấy đá làm phao,
Lưới thưa nó giải ào ào lên cây.
Con vịt đá độ ở đây,
Gà trống gà mái thì lại lội sông,
Dười đồng vừa ngỗng vừa ngan,
Trên rừng cá đánh rách tan lưới mành.
Bứt dây đánh bầy manh manh,*

*Se sợi chỉ mảnh mà trói con nai.
Bướm kia đã cứng lạt dai,
Xương gà trống nọ chưa nhai đã mềm.
Con tượng áp trứng ngoài thềm,
Gà mái hiền lành rước kiệu huyện nha.
Trời mưa thì mới ăn gà,
Một lũ bà già đi kiện nhà vua.
Con tép nó kẹp con cua,
Một bầy cá mại ùa ùa theo ăn.
Chồn đèn cắn cổ chó săn,
Con chuột lép lép muốn ăn con mèo.
Chó chạy thì chồn đuổi theo,
Chuột gặm đầu mèo, muỗi đập cánh dơi.
Trưa trưa hóng mát khơi khơi,
Trứng gà tha quạ lên ngôi cội cây.*

Chơi đùa là một thói quen không thể thiếu của trẻ con. Trong trò chơi “cút bắt”, những trẻ con dự chơi đứng thành vòng tròn, rồi một đứa đọc một bài về ngán, mỗi chữ lại chỉ vào một đứa. Chữ cuối cùng của bài hát rơi vào đứa nào thì đứa ấy phải đi tìm các đứa kia.

*Đúc hòn, đúc hột
Cơm sót cơm nhão
Cá thảo lòng đơn
Cá sơn cá liệt
Cá chiết cá chình
Chình ình muối hột
Hột mát hột còn
Một đứa cầm hòn
Còn thì cứ chạy.*

Một trò chơi rất thịnh hành ở miền quê Bình Thuận là trò “Sai Sàng hay Sai Vung”. Trẻ con dự trò chơi này càng đông càng vui, một đứa ngồi giữa, trước mặt có một bát nước, mấy nén nhang, cùng một cái vung (nếu là Sai Vung) hay cái sàng (nếu là Sai Sàng). Những đứa trẻ còn lại, vây quanh cùng đọc một bài Sai Vung hoặc Sai Sàng.

Sai Vung

Sai vung ơi hồi Sai vung,
Ba hồn chín vía, nàng vung mày về.
Nào ai đi chợ xa quê,
Xin cho nàng về nàng nhập vô vung.
Vung đất cho chí vung đồng,
Cơm cha áo mẹ xoay vung cho tròn.
Một mẹ sinh đặng ba con,
Lung eo, vú thắt, dạ còn như xưa.
Giả ơn ba vạn cây dừa,
Ăn no tắm mát chẳng chừa nàng vung.
Vung ơi vung hồi là vung,
Mày thương mày nhớ mày vùng mày lên.



tranh Đinh Trường Chinh

Sai Sàng

Sai sàng này hồi Sai sàng,

Sàng lên sàng hát dịu dàng ta nghe.
Chơi thời chơi đánh chơi đu,
Không lên ta bắt cầm tù, cầm lang.
Ba quan chuộc lấy sàng về,
Kéo sàng ở mướn com khô muối trường.
Mấy lời sàng nói thâm thương,
Com khô, muối trường, sàng chịu đã lâu.
Anh hùng rảo khắp năm châu,
Tới đây tám lạng bảy đấu sàng lên.
Tiếng chàng là con Ngọc Hoàng,
Trầu ăn nước uống thì sàng phải lên!

Một lát sau, người ngồi mê đi, người ta gọi là vung (hay sàng) lên. Người ngồi ngoài muốn hỏi gì thì hỏi, miễn là phải đặt thành câu ca dao có vần. Sau đó “đồng” sẽ ứng khẩu trả lời cũng bằng ca dao. Đây là một trò chơi vừa có tích chất “đồng bóng” mà lại vừa có tính cách văn chương. Trò chơi này thường rất vui và đôi khi cả kẻ ngồi ngoài lẫn người ngồi đồng đã ứng khẩu đọc được những câu ca rất thú vị.

Hát đối

Trong khi ở miền Bắc có hát trống quân thì ở miền biển Nam Trung phần cũng có một lối hát tương tự gọi là hát đối. Trong lúc làm việc, khi vá lưới hoặc chèo thuyền, trai gái thường chia làm hai phe lên tiếng hát đối đáp với nhau:

*Tiếng ai vắng vắng trong ni,
Để người bạn cũ có khi tưởng nhầm.
Dừng chân đứng lại hỏi thăm,
Ông chi chi... đi bẻ lá mỏng năm không về?*

Phe người con gái vẫn thường lên tiếng trước để làm khó các bậc mày râu. Những người này phải vội nghĩ câu trả lời:

Lưu thần, Nguyễn triều hai chàng,

*Ra đi góp lá gặt nàng tiên nơn.
Si mê vì bởi tiếng đờn,
Lúc đi sáu tháng, về hơn nửa đời.*

Có khi bên gái lại ra những câu đối ngoắt ngoéo bắt bên trai
đối lại:

*Con cá đối nằm trong cối đá,
Con mèo đuôi cụt nằm mút đuôi kèo.
Em ra cho anh câu đối ngoắt ngoèo
Anh mà đối đặng... giàu nghèo em cũng ưng.*

Và bên trai trả lời:

*Con chim mỏ kiếng đậu trên miếng cỏ,
Con chim vàng lông đập giữa vòng lang.
Câu đối em ra dù có ngoắt ngoéo,
Đối thì đối đặng... sợ nghèo em không ưng!*

Phe bên gái vẫn cố tìm các câu khó trả lời để hỏi như:

*Tiếng anh học giỏi trong trường,
Tới đây em hỏi... cỏ (trong) vườn mấy cây?*

Bên trai khôn khéo trả lời:

*Em về xem lại lư hương
Chân nhang mấy cọng, cỏ vườn mấy cây...*

Hoặc gái hỏi:

*Trên thượng cầm, con chi không vú?
Dưới hạ thú, đâu thú không đầu?*

Trai đáp:

*Trên thượng cầm, chim nào có vú,
Dưới hạ thú, cua nọ không đầu.*

Có khi những câu hỏi của bên gái còn chú trọng đến sự hiểu
biết về điển tích, về lịch sử:

*Ai phò Đường quốc?
Ai ở đất Minh châu
Ai cày ruộng Thuần, ai câu Thạch bàn.
Ai mà giết vợ làm quan,
Chôn con ấu tử đặng vàng trời cho.
Ai mà đọc sách liền pho,
Trai nam nơn đối đặng, gái lo kết duyên.*

Bên trai trả lời:

*Đổng Kim Lân phò Đường, Tổng quốc
Ông Võ Trụ giúp đất Minh châu
Ông Nghiêu cày ruộng Thuấn, Bá công câu Thạch
bàn.*

*Tiết Ngãi giết vợ làm quan,
Chôn con ấu tử dâng vàng trời cho.
Trạng nguyên đọc sách liền pho,
Trai đà đôi đặng gái lo kết duyên.*

Có khi câu hỏi là một câu chơi chữ:

*Em đổ anh, trăm thứ thang, thang gì không quạt?
Trăm thứ bạc, bạc gì không mua.
Anh mà đôi đặng... em bốn mùa theo không.*

Để được trả lời:

*Trăm thứ thang, thang trèo không quạt,
Trăm thứ bạc, bạc ác không mua.*

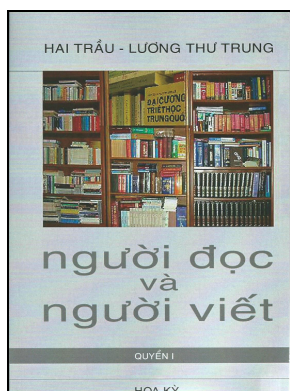
Ngoài lối hát trên, miền Nam Trung phần còn có một lối hát rất đặc biệt gọi là hát bài chòi – người địa phương gọi là hô bài chòi. Hình thức của hát bài chòi tuy vẫn là trai gái đối đáp nhưng nội dung các bài hát, nhịp điệu các lối hát thì khác hẳn. Nếu có dịp chúng tôi sẽ trình bày lối hát đặc biệt này để độc giả thưởng lãm.

GIỚI THIỆU SÁCH

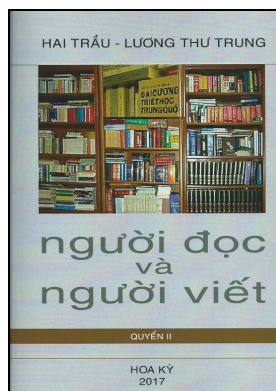
(Phạm văn Nhân phụ trách)

Mục này được mở ra mục đích là giới thiệu những tác phẩm mới do tác giả có nhã ý tặng tạp chí TQBT. Chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu trong thời gian sớm nhất sau khi nhận được.

Kỳ này chúng tôi có nhận 2 tập sách của Hai Trần Lương Thư Trung gửi đến vào cuối năm 2017. Xin thành thật cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu đến bạn đọc TQBT. (PVN)



**Người Đọc và Người Viết
(Quyển 1)**



**Người Đọc và Người viết
(Quyển 2)**

NGƯỜI ĐỌC VÀ NGƯỜI VIẾT Của Tác Giả **Hai Trần Lương Thư Trung**. Gồm hai quyển I và II. Quyển I dày 504 trang. Quyển II dày 528 trang. Sách do Họa Sĩ Bảo Huân trình bày bìa và chăm

sóc. Không ghi giá bán. Sách xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2017.

Qua tâm sự của tác giả trong lời Nói Đầu mà tác giả đã bộc bạch, ta thấy tác giả đã viết gần 20 năm với những tác giả và tác phẩm mà ông đã đọc được. Xin trích: "... lần này tôi gom lại tất cả các cảm tưởng về các trang văn thơ mà tôi đã đọc trong vòng hai mươi năm qua cũng như thêm nhiều cuộc trao đổi mới với các tác giả khác trong vài ba năm trở lại đây để in thành cuốn "Người Đọc và Người Viết" này gồm hai quyển I và II nhằm lưu giữ những kỷ niệm sau hai mươi năm giải trí tinh thần qua các trang thơ văn của các tác giả".. (hết trích).

Đúng vậy. Với hai quyển sách mà Hai Trâu Lương Thư Trung đã bỏ ra gần hai mươi năm không phải là cuốn nhận định văn học qua các tác phẩm của những tác giả; mà là những lá thư, những bài viết ngắn về một tác phẩm của tác giả mà Hai Trâu Lương Thư Trung tâm đắc. Với văn phong giản dị, dễ đọc, gây cho người đọc cái nhìn thân thiện giữa tác giả và tác phẩm...

Xin giới thiệu với độc giả TQBT. Cần sách liên lạc với tác giả qua địa chỉ email:

haitrau7@yahoo.com

SÁCH MỚI DO THƯ ÁN QUÁN XUẤT BẢN
Tháng 1-2018



1. Thu Hoang Đường là thi phẩm mới nhất của nhà thơ Lê Văn Trung, Thư Án Quán xuất bản tháng 1-2018. Dàn trang: Phạm văn Nhân. In ấn kỹ thuật trình bày bì: Trần Hoài Thư. Tựa: Tô Thắm Huy. Bạt: Phạm văn Nhân. Sách dày 179 trang với 92 bài thơ.

Đặc biệt bì được phủ bằng nhũ và được ép nổi .

Sau đây là nội dung điện thư của tác giả sau khi nhận thùng sách:

“ Đẹp quá. Rất xúc động. Nhìn nó mà ngẩn ngơ. Ngẩn ngơ.
Tôi vội chạy đi tìm NM để khoe. NM trầm trồ, chặc lưỡi hoài.”

Sách không bán. Chỉ được tặng theo yêu cầu.

2. Những tập chí văn học miền Nam của Trần Hoài Thư. Sách dày 210 trang. Suu tập và nhận định các tập chí văn học miền Nam : Bách Khoa ● Giữ Thơm Quê

Mẹ • Hiện Đại • Khởi Hành • Mai • Nghệ Thuật •
Sáng Tạo • Tình Thương • Trình Bày • Thói Tập •
Văn hóa nguyệt san • Văn • Văn Nghệ • Văn Học •
Vấn Đề • Ý Thức.

Bìa ép vân nổi.

Đây là phụ ấn bản của tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Chỉ
dành tặng khi có yêu cầu.



THƠ TRÍCH

(TỪ THU HOANG ĐƯỜNG CỦA LÊ VĂN
TRUNG)

KHÚC KINH THƠ

Trăm năm hẹn với con đường cũ
Dù lênh đênh xiêu lạc mười phương
Nỗi nhớ chập chùng trăm nỗi nhớ
Nhớ tóc chiều ai, nhớ bến sông

Ta sẽ về cho dấu dờ dang
Chưa tròn chưa vẹn với trăm năm
Ta về tìm bóng chim vườn cũ
Rụng xuống buồn rơi giọt lệ bầm

Ta về chép lại bài thơ cũ
Dán nỗi buồn lên mỗi bước chân

Để nghe chùng lắng hồn kiêu bạt
Để nhớ nhung và để lãng quên

Ta về để thấy màu trăng cũ
Còn sáng bên thềm của thế gian
Ta sẽ chìm trong hồn trăng vỡ
Giọt lệ tình phai nổi bể bàng

Ta về như một tên hàn sĩ
Thẹn với công danh thẹn với người
Dẫu đã chết chìm cùng dâu bể
Hà có vì đâu mà hổ ngươi?

Mà sao thương quá con đường cũ
Thương bóng em bên bóng mẹ già
Ta chờ nổi đời ta vạn dặm
Ai chờ giùm em những xót xa

Mà sao thương quá con đường cũ
Thương áo vàng phai nổi đời chờ
Ai nhuộm mù sương vào đôi mắt
Ai ru lời ru chùng câu thơ

Em ơi muôn nẻo đường cô quạnh
Có đóa hoa nào nở xót xa
Ta sẽ vì hoa mà ngồi lại
Nhang trầm ta tụng khúc kinh thơ.

CHO DẤU MƯỠI NĂM HAY TRĂM NĂM

Giả sử mười năm ta trở lại
Áo xưa còn trắng cuối sân trường
Hay màu áo đã vàng hoa cúc
Hay môi tường vi đã tỏa hương

Giả sử mười năm ta trở lại
Trăng xưa vành vạnh một khuôn rằm
Đường mơ vang bước hồng chim sáo
Không biết tình xưa đã chớm xuân?

Giả sử mười năm ta trở lại
Tóc người chưa rẽ lệch đường ngôi
Đóa quỳnh hàm tiếu đêm thơm ngọc
Chưa nở vì hoa thương nhớ ai

Giả sử ta về, không hẹn trước
Đường rêu vườn cũ nhớ ta chẳng
Và mắt tình xưa nhòa lệ ướt
Và áo tình xưa có thắm vàng

Giả sử không về, dù trăm năm
Em ơi đừng khuyết vội đêm rằm
Ta nghe tình ái bùng cơn mộng
Thiên cổ vì thơ mà ngát hương.

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU

TIN BUỒN

Bạn văn chúng tôi
Nhà thơ/nhà phê bình văn học

TRẦN VĂN NAM

Một cây bút quen thuộc của tạp chí
Thư Quán Bản Thảo

đã qua đời vào ngày 10 tháng 1 năm 2017
tại Walnut City (California), hưởng thọ 79 tuổi

TQBT và thân hữu xin chia buồn cùng gia đình nhà thơ.
Nguyện cầu linh hồn người quá cố sớm yên nghỉ nơi cõi
vĩnh hằng

Thư của một thân hữu (Saigon):

1. Trong TQBT SỐ 77, trong bài "Lại Đùa Với Vịn Vào Lục Bát" của nhà văn Nguyễn Âu Hồng, ở trang 25, nhà văn có nhắc đến hai từ "chàng mạng" và nói là có người giải thích đó là "đôi khuyên tai". NB xin có chút ý kiến như sau:

- Thuở nhỏ sống ở quê ngoại, một vùng quê thuộc tỉnh Tây Ninh, NB hay nghe người dân quê ở đây, cả đàn ông

lần đàn bà, dùng và gọi cái khăn / khúc vải dài (dài bằng hoặc hơn cái khăn rằn của mấy bà du kích VC hay thấy trên TV) là cái "chàng" (có lẽ do đọc trại từ chữ "choàng"). Còn "mạng" thì NB không nghe, nhưng có lẽ nó cũng là từ chỉ cái khăn giống như mấy cô bà Hồi giáo dùng, gọi là "mạng che mặt".

- còn đây là định nghĩa hần hoi trong từ điển:

chàng mạng: tấm hàng mỏng và thưa, phụ nữ một số nước ngày xưa dùng làm đồ trang sức để trùm đầu, che mặt.

(Hoàng Phê & các tác giả khác (1994), Từ Điển Tiếng Việt, Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, viện Ngôn Ngữ Học. (trang 128)

Thơ từ VN:

Bài thơ *Giáng Sinh Trắng Cội Tim Già* của Trần Hoài Thu khiến tôi chạnh lòng nghĩ về mình. Để muốn chia sẻ cùng anh THT, tôi xin phép được mượn 1 câu của bài thơ này để viết 1 bài thơ khác:

từ anh gây chóng bạn đường^()*
ngựa sắt thân thiết nằm buồn góc kho
từ anh chỉ biết nắng mưa
qua vuông cửa nhỏ mịt mờ nước mây
từ em cơn stroke ra tay
mười ba Noel chẵn, thì thôi, số phận:
hai người cộng lại hai chân
và hai tay để gánh gồng đời nhau
Ngọc Bút
(06.12.2017)

(*) copy thơ Trần Hoài Thu.

Nguyên văn:

Giáng sinh trắng, cội tim già

*Từ em gậy chống bạn đường
Xe lăn thân hữu, chiếu giường tình nhân
Từ em bắt toại bán thân
Tôi theo em, nghĩa vợ chồng tào khê
Sáng nay tuyết phủ tứ bề
Thì ra trận tuyết đầu mùa đêm qua
Giáng sinh trắng, cội tim già
Tôi xin em nhận món quà Giáng sinh*